

**VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI**

ĐẶNG THÚY QUỲNH

**ĐẤU TRANH PHÒNG, CHỐNG TỘI CƯỚP GIẬT TÀI
SẢN Ở NƯỚC TA HIỆN NAY**

Chuyên ngành: Tội phạm học và Điều tra tội phạm

Mã số: 62.38.70.01

LUẬN ÁN TIẾN SĨ LUẬT HỌC

Người hướng dẫn khoa học:

PGS.TS. Phạm Văn Tỉnh

Hà Nội, 2013

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan luận án này là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, kết quả nghiên cứu đề cập trong luận án là trung thực, có nguồn gốc trích dẫn rõ ràng và chính xác!

TÁC GIẢ LUẬN ÁN

ĐẶNG THÚY QUỲNH

DANH MỤC VIẾT TẮT

- 1 BLHS : Bộ luật hình sự
- 2 BLTTHS : Bộ luật Tố tụng hình sự
- 3 GS : Giáo sư
- 4 HSPT : Hình sự phúc thẩm
- 5 HSST : Hình sự sơ thẩm
- 6 Nxb : Nhà xuất bản
- 7 PGS : Phó giáo sư
- 8 TANDTC : Tòa án nhân dân tối cao
- 9 THPT : Trung học phổ thông
- 10 TPHCM : Thành phố Hồ Chí Minh
- 11 TS : Tiến sĩ
- 12 Tr : Trang
- 13 UBND : Ủy ban nhân dân
- 14 VKSNDTC : Viện kiểm sát nhân dân tối cao
- 15 XHCN : Xã hội chủ nghĩa

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU.....	1
1. Tính cấp thiết của đề tài	1
2. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu.....	3
2.1. Phương pháp luận nghiên cứu.....	3
2.2. Phương pháp nghiên cứu.....	5
3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu của luận án.....	6
3.2.1. Nghiên cứu tài liệu	6
3.2.2. Nghiên cứu thực tế	6
3.3. Phạm vi nghiên cứu.....	7
3.4. Đối tượng nghiên cứu.....	7
4. Những điểm mới của luận án	8
4.1. Điểm mới về phương pháp.....	8
4.2. Điểm mới về quan điểm tiếp cận	8
4.3. Điểm mới mang tính tổng thể của luận án.....	9
5. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của luận án	10
5.1. Về mặt khoa học.....	10
5.2. Về mặt thực tiễn	10
6. Bố cục của luận án	10
CHƯƠNG 1.....	13
TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU	13
1.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu trong nước.....	13

1.2. Tình hình nghiên cứu trên thế giới.....	26
1.3. Đánh giá tổng quan tình hình nghiên cứu	28
KẾT LUẬN CHƯƠNG 1.....	31
CHƯƠNG 2.....	32
TÌNH HÌNH TỘI CƯỚP GIẬT TÀI SẢN Ở NƯỚC TA	32
TRONG THỜI GIAN QUA.....	32
2.1. Đánh giá về phần ản của tình hình tội cướp giật tài sản	32
2.1.1. Đánh giá về loại tội phạm ản của tình hình tội cướp giật tài sản.....	32
2.1.2. Đánh giá về một số thông số ản của tội cướp giật tài sản.....	35
2.2. Phần hiện của tình hình tội cướp giật tài sản	40
2.2.1. Mức độ và diễn biến của tình hình tội cướp giật tài sản	41
2.2.2. Cơ cấu của tình hình tội cướp giật tài sản.....	49
2.2.3. Đánh giá tính chất của tình hình tội cướp giật tài sản.....	77
KẾT LUẬN CHƯƠNG 2.....	82
CHƯƠNG 3.....	84
NGUYÊN NHÂN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA TÌNH HÌNH	84
TỘI CƯỚP GIẬT TÀI SẢN	84
3.1. Các yếu tố tiêu cực thuộc môi trường sống.	85
3.1.1. Các yếu tố tiêu cực thuộc môi trường gia đình.....	86
3.1.3. Các yếu tố tiêu cực thuộc môi trường xã hội với nhà nước là chủ thể quản lý	92
3.2. Những yếu tố tiêu cực thuộc chủ thể hành vi phạm tội	120
3.2.1. Những yếu tố thuộc ý thức cá nhân	123

3.2.2. Những yếu tố thuộc lối sống cá nhân.....	124
HỆ THỐNG CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA TỘI CƯỚP GIẬT TÀI SẢN Ở NƯỚC TA	132
4.1. Dự báo tình hình tội cướp giật trong những năm tới.	132
4.1.1. Cơ sở dự báo	132
4.1.2. Nội dung dự báo.....	132
4.2. Các biện pháp phòng ngừa tội cướp giật tài sản.	134
4.2.1. Các biện pháp loại trừ tội cướp giật tài sản	135
4.2.2. Các biện pháp ngăn chặn tội cướp giật tài sản.....	159
KẾT LUẬN CHƯƠNG 4.....	165
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	172

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Một trong những tư tưởng lớn của Đảng Cộng sản Việt Nam được thể hiện ở “Chương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội” (bổ sung, phát triển năm 2011) và trong “Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011- 2020” là tư tưởng xây dựng xã hội ta trở thành một xã hội: “*Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bng, văn minh;...*”[20-tr70,76,99,100]. Tuy khái niệm “văn minh” chưa được cụ thể hóa trong các văn kiện của Đảng, song điều chắc chắn không thể đảo ngược là hành vi cướp giạt tài sản vốn đã không phù hợp với xã hội dân chủ, công bằng bình thường, càng không thể phù hợp và không thể tồn tại trong một xã hội dân chủ, công bằng, văn minh mà Đảng ta, nhân dân ta muốn xây dựng.

Vì thế, đấu tranh phòng, chống tội cướp giạt tài sản ở nước ta hiện nay là một đòi hỏi cấp bách, có ý nghĩa cương lĩnh và chiến lược.

Mặt khác, thực tế đời sống xã hội ở nước ta những năm qua, dù ở thời kỳ “bao cấp” hay thời kỳ kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đều phải đối mặt với những hành vi phản văn minh như cướp giạt tài sản, tuy mức độ ở hai thời kỳ là rất khác nhau.

Qua một số công trình nghiên cứu tội phạm học cho thấy, trong cơ số hành vi phạm tội hàng năm ở nước ta, tức là trong danh sách những tội danh có đời sống thực tế xét theo từng năm, thì tội cướp giạt tài sản hiện hữu ở mọi giai đoạn phát triển của xã hội ta. Thế nhưng, nếu chỉ xét những tội danh có mức độ phạm tội cao hơn cả, được ấn định từ 4 con số trở lên, thì ở thời kỳ “bao cấp”, tội cướp giạt tài sản chưa xuất hiện trong nhóm này. Sang thời kỳ kinh tế thị trường, tính từ năm 1989 trở đi, tội cướp giạt tài sản luôn luôn hiện hữu trong nhóm “những tội danh có mức độ phạm tội cao hơn cả” ở Việt

Nam. Lấy 3 năm là một giai đoạn để xem xét, thì trong giai đoạn 2001 – 2003, trung bình một năm, tòa án các cấp đã phải xét xử sơ thẩm hình sự 2.646 bị cáo phạm tội cướp giết tài sản. Các giai đoạn tiếp theo, con số này có biến động như sau:

- Giai đoạn 2004 – 2006 là 3.485 bị cáo;
- Giai đoạn 2007 – 2009 là 5.346 bị cáo;
- Giai đoạn 2010 – 2012 là 4.600 bị cáo.

Như vậy, nhìn tổng thể, đây là loại tội phạm vừa có mức tăng lớn và luôn luôn chiếm tỉ trọng không nhỏ trong tình hình tội phạm ở nước ta, trên dưới 4% từ khi nước ta chuyển sang nền kinh tế thị trường. Tổng số tội phạm cướp giết tài sản trong 12 năm từ năm 2001-2012 lên tới 49.783 bị cáo. Đây chỉ là những con số đã được phát hiện và được đưa ra xét xử sơ thẩm, nhưng trong thực tế còn có rất nhiều vụ không được phát hiện, vì nhiều lý do khác nhau, tức là phần ẩn của tình hình tội cướp giết tài sản luôn luôn hiện hữu.

Tội cướp giết tài sản không chỉ xâm phạm sở hữu của người khác, mà còn gây ra những tổn thất nhiều mặt cho xã hội. Những phí tổn hữu hình và vô hình của xã hội khó có thể tính được một cách chính xác. Chất lượng cuộc sống giảm, sự đi lại, làm việc, nghỉ ngơi, giải trí của người dân sẽ phải thận trọng, cảnh giác, nghĩa là hạn chế hơn. Ngoài những tác hại tức thời, hiện hữu nó còn để lại những hậu quả xã hội sâu sắc về nhiều mặt. Vì thế, ngay trong ý thức lập pháp hình sự ở nước ta, tội cướp giết tài sản không thể là loại tội ít nghiêm trọng, mà chỉ có thể là loại tội nghiêm trọng, rất nghiêm trọng, hoặc đặc biệt nghiêm trọng.

Với mức độ phạm tội trên thực tế như vậy của tội cướp giết tài sản cho phép khẳng định rằng, việc nghiên cứu loại tội phạm này dưới góc độ tội

phạm học không chỉ là cấp thiết, mà còn đủ cơ sở thực tế để được tiến hành nghiên cứu.

Mặt khác, việc thực hiện đề tài luận án đang nói ở đây còn có một động lực mới, đã và đang hiện hữu ở nước ta. Đó là sự phát triển của lý luận tội phạm học Việt Nam những năm qua, đặc biệt khi xu hướng nghiên cứu liên ngành tội phạm học và khoa học về quyền con người được xúc tiến mạnh mẽ. Những kết quả nghiên cứu này đã mở ra nhiều khả năng mới để nhận thức thiết thực hơn, bản chất hơn về những vấn đề cơ bản của tội phạm học mà luận án có thể sử dụng làm cơ sở lý luận.

Tóm lại, việc nghiên cứu đề tài “Đấu tranh phòng, chống tội cướp giật tài sản ở nước ta hiện nay” là rất cấp thiết để góp phần cùng với các công trình nghiên cứu tương tự khác, tạo thành một chỉnh thể, đồng bộ những hành động cụ thể và thiết thực trong quá trình thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước và chiến lược phát triển kinh tế - xã hội do Đảng ta đề ra vì mục tiêu xây dựng xã hội; Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh....

2. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

2.1. Phương pháp luận nghiên cứu

Những năm gần đây ở nước ta, trong các cơ sở đào tạo luật, kể cả Đại học và Sau đại học, loại đề tài “Đấu tranh phòng, chống...” một tội phạm cụ thể nào đó đã được thực hiện không ít. Hơn nữa, trên phạm vi lập pháp, nhiều “Luật phòng, chống ... cũng đã được ban hành. Vì thế đã xuất hiện yêu cầu làm rõ cơ sở lý luận hay cơ sở lý thuyết về phòng, chống tội phạm. Đây rõ ràng là yêu cầu làm rõ vấn đề phương pháp luận nghiên cứu đề tài loại đã nêu. Về vấn đề này, nghiên cứu sinh thấy cần phải thể hiện quan điểm rõ ràng như sau:

Nói “Đấu tranh phòng, chống tội...” là nói theo nhu cầu của thực tế đời sống xã hội. Nhu cầu này có từ khi xuất hiện tội phạm trong xã hội loài người

và cho đến nay, loài người đã tạo dựng được một hệ thống các khoa học làm vũ khí lý luận cho cuộc đấu tranh với tình hình tội phạm (tài liệu nước ngoài nói “ Đấu tranh với tình hình tội phạm”, còn tiếng Việt nói “ Đấu tranh phòng, chống tội phạm” nào đó. Nội dung của hai cách nói là đồng nhất). Hệ thống này bao gồm các khoa học pháp lý hình sự như khoa học luật hình sự; khoa học luật tố tụng hình sự; khoa học điều tra tội phạm; tội phạm học ...

Trong lĩnh vực đào tạo Sau đại học ở nước ta, hệ thống các khoa học pháp lý hình sự được thừa nhận và được phân làm hai chuyên ngành với hai mã số khác nhau để tiến hành nghiên cứu các đề tài luận văn và luận án.

Đề tài “*Đấu tranh phòng, chống tội cướp giết tài sản ở nước ta hiện nay*” mà nghiên cứu sinh được phép thực hiện thuộc chuyên ngành *Tội phạm học và Điều tra tội phạm*, theo quy định trước đây và *Tội phạm học và Phòng ngừa tội phạm* theo quy định mới. Điều đó có nghĩa rằng, phạm vi nghiên cứu hay cơ sở lý thuyết (lý luận) của đề tài phải là tội phạm học. Và đương nhiên phải là Tội phạm học Việt nam, đồng nghĩa với Tội phạm học mác-xít. Nói như vậy để khẳng định rằng, cơ sở lý luận (hay cơ sở lý thuyết) của đề tài này không thể vừa là tội phạm học, vừa là khoa học điều tra tội phạm. Khẳng định cơ sở lý thuyết của đề tài này là tội phạm học. Điều đó hoàn toàn không có nghĩa rằng, đề tài này loại trừ những thành quả của các khoa học pháp lý hình sự khác, mà ngược lại, nó thu hút tất cả, kể cả những thành quả của các khoa học không thuộc lĩnh vực pháp lý hình sự như Hiến pháp học, Nhân quyền học v.v.... Nó thu hút tất cả vì mục đích phòng ngừa tội phạm, chứ không phải vì mục đích phát hiện và điều tra tội phạm như của khoa học điều tra tội phạm, hoặc vì mục đích quy phạm hóa hành vi như của khoa học luật hình sự v.v....

Tội phạm học Việt nam nói chung và các đề tài nghiên cứu trong lĩnh vực này nói riêng có một cơ sở phương pháp luận vững chắc và nhất quán. Đó

là chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và hệ thống các quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về tội phạm và đấu tranh phòng, chống tội phạm. Riêng đối với đề tài Luận án đang được đề cập ở đây, vấn đề phương pháp luận cũng thật rõ ràng. Đó là sự vận dụng những thành tựu, những tư tưởng của tội phạm học Việt nam vào việc giải quyết những vấn đề cụ thể do đề tài đặt ra. Nói cách khác, những vấn đề như tình hình tội cướp giật tài sản với cấu tạo phần ẩn – phần hiện của nó; nguyên nhân và điều kiện của tội cướp giật tài sản; phòng ngừa tội cướp giật tài sản; mối quan hệ giữa tình hình tội phạm và hành vi phạm tội v.v.... đều phải được làm rõ nhờ khuôn mẫu chung mà tội phạm học Việt nam đã khái quát hóa được trên cơ sở của chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

Ngoài ra còn phải nói thêm rằng, trong những năm vừa qua, thành tựu nghiên cứu liên ngành, đa ngành trong khoa học xã hội do Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt nam khởi xướng, đã tạo ra một khả năng mới cho phát triển tội phạm học, đặc biệt là kết quả nghiên cứu liên ngành Nhân quyền học với Tội phạm học. Những thành tựu này cũng được Luận án sử dụng làm cơ sở phương pháp luận để giải quyết một số vấn đề thích ứng do đề tài đặt ra.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Ngoài phép biện chứng của chủ nghĩa duy vật được sử dụng là phương pháp chủ đạo, luận án này còn sử dụng các phương pháp nghiên cứu đặc trưng tội phạm học. Cụ thể, đó là phương pháp như quy nạp, diễn dịch; mô tả; so sánh; phân tích; tổng hợp; thống kê; lịch sử; hệ thống; nghiên cứu hồ sơ và điều tra xã hội học. Để thực hiện có hiệu quả mục đích nghiên cứu, luận án kết hợp chặt chẽ giữa các phương pháp trong suốt quá trình nghiên cứu của toàn bộ nội dung luận án. Tùy thuộc vào khách thể và đối tượng nghiên cứu của từng chương, mục trong luận án, tác giả vận dụng, chú trọng các phương pháp khác nhau cho phù hợp.

3. Mục đích, nhiệm vụ, phạm vi và đối tượng nghiên cứu.

3.1. Mục đích nghiên cứu.

Mục đích nghiên cứu của luận án này cũng giống như mục đích của tội phạm học. Đó là thiết lập một cách có cơ sở khoa học một hệ thống các biện pháp phòng ngừa tội cướp giật tài sản ở nước ta phù hợp với đặc thù Việt Nam.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu của luận án

Để đạt được mục đích đã nêu trên, các nhiệm vụ nghiên cứu của luận án được xác định cụ thể như sau:

3.2.1. Nghiên cứu tài liệu

- Tìm, thu thập và nghiên cứu những tài liệu trong nước về pháp luật hình sự, về quyền con người và về tội phạm học, đặc biệt là về những vấn đề liên quan đến đề tài luận án;

- Tìm, thu thập và nghiên cứu những tài liệu ngoài nước về pháp luật hình sự, về quyền con người và về tội phạm học, đặc biệt là về những vấn đề liên quan đến đề tài luận án;

3.2.2. Nghiên cứu thực tế

- Tìm, thu thập, xử lý, phân tích, so sánh những số liệu thống kê thường xuyên của một số cơ quan tư pháp, đặc biệt là số liệu thống kê của Tòa án nhân dân Tối cao và các số liệu từ kết quả các phiếu điều tra xã hội học về tình hình tội cướp giật tài sản.

- Thu thập các bản án xét xử sơ thẩm hình sự về tội cướp giật tài sản, xử lý, phân tích, so sánh theo các tiêu chí tội phạm học cần thiết;

- Tìm hiểu những biện pháp phòng ngừa tội phạm nói chung và phòng ngừa tội cướp giật tài sản nói riêng ở một số địa bàn cụ thể.

3.2.3. Tổng hợp kết quả nghiên cứu thành luận án

- Mô tả và đánh giá tình hình tội cướp giật tài sản ở nước ta hiện nay, có so sánh các giai đoạn khác nhau trên cơ sở hướng dẫn của lý luận tội phạm học Việt nam; So sánh đánh giá tình hình tội cướp giật tài sản ở các tỉnh, thành phố trên toàn quốc.

- Tìm hiểu, phân tích và xác định các nguyên nhân và điều kiện phạm tội cướp giật tài sản ở Việt nam trên cơ sở lý luận về cơ chế hành vi phạm tội mà tội phạm học Việt nam đã mô hình hóa thành công thức S-X-R;

- Đánh giá thực trạng các biện pháp phòng ngừa tội cướp giật tài sản đã và đang được áp dụng ở nước ta;

- Thiết kế hệ thống các biện pháp phòng ngừa tội cướp giật tài sản trên cơ sở kết quả các bước nghiên cứu đã thực hiện và dựa trên lý luận tội phạm học về phòng ngừa tội phạm với hai nội dung chính là ngăn chặn và loại trừ tội phạm.

3.3. Phạm vi nghiên cứu

- Về mặt nội dung, đề tài luận án được giới hạn trong phạm vi tội phạm học;

- Về thời gian, Luận án tiến hành thu thập và nghiên cứu số liệu thống kê trong mười hai năm, từ năm 2001 đến năm 2012 và nghiên cứu 220 bản án hình sự sơ thẩm về tội cướp giật tài sản trong giới hạn những năm gần đây; Phân tích 2.000 phiếu khảo sát, điều tra xã hội học năm 2010 theo phương pháp nghiên cứu của tội phạm học Việt nam.

- Về mặt không gian, đề tài Luận án được thực hiện trên phạm vi toàn quốc.

3.4. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của một khoa học như tội phạm học chẳng hạn, cũng như đối tượng nghiên cứu của một đề tài Luận án tiến sĩ, về bản chất là

đồng nhất. Vì thế, khi nói đối tượng nghiên cứu mà không đặt nó trong mối liên hệ không thể tách rời với khách thể nghiên cứu, thì thực sự là vô định. Để tránh tình trạng vô định ấy, luận án này chỉ ra rằng, đối tượng nghiên cứu của đề tài luận án ở đây được nói đến trong mối liên hệ biện chứng với khách thể nghiên cứu của đề tài. Khi khách thể nghiên cứu của đề tài được xác định là tình hình tội cướp giật tài sản ở nước ta, thì đối tượng nghiên cứu chỉ có thể tìm trong đó và nó không thể là gì khác ngoài quy luật của sự phạm tội cướp giật tài sản trong những giai đoạn, thời kỳ nhất định ở đất nước ta. Quy luật này được biểu hiện ở những phạm trù, khái niệm thay thế như bản chất, nguyên nhân, điều kiện, mối liên hệ hoặc cơ cấu của tình hình tội phạm.

4. Những điểm mới của luận án

4.1. Điểm mới về phương pháp

- Luận án có áp dụng phương pháp xác định hệ đặc điểm chuyên biệt để đánh giá mức độ phạm tội cướp giật tài sản đối với 63 đơn vị hành chính ở nước ta. Đặc tả mức độ phạm tội theo các cấp độ khác nhau, để nhận thấy những đặc điểm tương đồng về kinh tế - xã hội, quản lý nhà nước ở các địa phương, đã tác động vào người phạm tội gây ra tình hình tội phạm cướp giật tài sản như hiện nay.

- Luận án kết hợp nhuần nhuyễn, đan xen giữa lý luận và thực tiễn trong quá trình luận giải tình hình tội phạm, nguyên nhân điều kiện, nhân thân người phạm tội và các giải pháp phòng ngừa tội cướp giật tài sản.

4.2. Điểm mới về quan điểm tiếp cận

Về vấn đề nguyên nhân của tội cướp giật tài sản, về phòng ngừa tình hình tội cướp giật tài sản, luận án triển khai áp dụng quan điểm tiếp cận mới, có bản chất mác-xít như sau:

- Nghiên cứu nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm chính là việc nghiên cứu quy luật của sự phạm tội; Nguyên nhân và điều kiện của tình

hình tội phạm là đối tượng nghiên cứu của tội phạm học; Nguyên nhân của tình hình tội phạm là sự tác động qua lại giữa các yếu tố tiêu cực thuộc môi trường sống và các yếu tố tâm-sinh lý tiêu cực thuộc cá nhân con người trong những hoàn cảnh, tình huống nhất định đã dẫn tới việc thực hiện một hành vi nguy hiểm cho xã hội mà pháp luật hình sự quy định là tội phạm; Nghiên cứu nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm phải được thực hiện thông qua việc làm rõ các yếu tố làm phát sinh tình hình tội phạm ở môi trường sống và ở chính bản thân người phạm tội trong các tình huống khác nhau.

- Luận án tiếp cận các biện pháp phòng ngừa tội phạm dưới góc độ tội phạm học theo hai nội dung chính bao gồm: Biện pháp loại trừ tội phạm và biện pháp ngăn chặn tội phạm. Theo đó, biện pháp loại trừ tội phạm là các biện pháp mà Đảng và Nhà nước, các tổ chức, đoàn thể xã hội và mọi công dân tiến hành nhằm triệt tiêu các yếu tố làm phát sinh tội phạm trong xã hội, nhằm nâng cao mọi mặt của đời sống xã hội và loại trừ các yếu tố tiêu cực ảnh hưởng xấu đến sự hình thành nhân cách của từng cá nhân. Còn Biện pháp ngăn chặn tội phạm thì có các địa chỉ tác động rõ ràng, vốn đang tồn tại trong xã hội.

4.3. Điểm mới mang tính tổng thể của luận án

Thứ nhất: Luận án là công trình nghiên cứu có tính chuyên sâu về tội phạm học của tội cướp giết tài sản.

Thứ hai: Luận án được thực hiện theo tinh thần Nghị quyết XI của Đảng Cộng sản Việt Nam về chủ trương kiên trì và phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, áp dụng để giải quyết ba vấn đề lớn được đặt ra từ tình hình tội cướp giết tài sản ở Việt Nam. Đó là:

- Áp dụng lý luận nhận thức Mác-xít để nhận diện và đánh giá thực trạng của tình hình tội cướp giết tài sản ở Việt Nam trong hơn 20 năm qua;

- Vận dụng lý luận Mác-xít về nguyên nhân, điều kiện, tức là về quan hệ nhân-quả, để chỉ ra những yếu tố làm phát sinh tình hình tội cướp giật tài sản ở Việt nam một cách triệt để, đồng bộ và hệ thống;

Kết hợp kết quả nghiên cứu thực tiễn ở Việt Nam và lý luận tội phạm học Mác- xít về nguyên nhân và điều kiện của tội phạm, luận án đã kiến giải được hệ thống các biện pháp phòng ngừa tội cướp giật tài sản một cách đầy đủ và biện chứng.

5. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của luận án

5.1. Về mặt khoa học

Luận án có thể được sử dụng làm tài liệu phục vụ giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực khoa học pháp lý hình sự.

5.2. Về mặt thực tiễn

Luận án được sử dụng như một cơ sở thực tế cho các cơ quan lập pháp xem xét để chỉnh sửa những quy định về tội cướp giật tài sản, cho cơ quan tiến hành tố tụng, các tổ chức xã hội, các cấp có thẩm quyền những biện pháp ngăn chặn và loại trừ tội cướp giật tài sản và cho mọi công dân những giải pháp đấu tranh phòng, chống tội cướp giật tài sản.

6. Bố cục của luận án

Ngoài phần mở đầu và danh mục tài liệu tham khảo, Luận án được kết cấu gồm 4 chương. Cụ thể như sau:

CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU

1.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu trong nước.

1.2. Tổng quan tình hình nghiên cứu ngoài nước.

1.3. Đánh giá tổng quan tình hình nghiên cứu.

Kết luận

CHƯƠNG 2. TÌNH HÌNH TỘI CƯỚP GIẬT TÀI SẢN Ở NƯỚC TA

THỜI GIAN QUA

2.1. Đánh giá về phần ản của tình hình tội cướp giạt tài sản.

2.2. Phần hiện của tình hình tội cướp giạt tài sản.

2.2.1. Mức độ và diễn biến của tình hình tội cướp giạt tài sản ở nước ta hiện nay.

2.2.2. Cơ cấu của tình hình tội cướp giạt tài sản.

2.2.2.1. Cơ cấu theo đơn vị hành chính – lãnh thổ.

2.2.2.2. Cơ cấu theo thủ đoạn gây án.

2.2.2.3. Cơ cấu theo hình phạt.

2.2.2.4. Cơ cấu theo đặc điểm nhân thân người phạm tội.

2.2.2.5. Cơ cấu theo giới tính.

2.2.2.6. Cơ cấu theo độ tuổi.

2.2.2.7. Cơ cấu theo dân tộc ít người.

2.2.2.8. Cơ cấu theo người nước ngoài.

2.2.2.9. Cơ cấu theo nhân thân người bị hại.

2.2.3. Đánh giá tính chất của tình hình tội cướp giạt tài sản.

Kết luận

CHƯƠNG 3. NGUYÊN NHÂN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA TÌNH HÌNH TỘI CƯỚP GIẠT TÀI SẢN Ở NƯỚC TA

3.1. Các yếu tố tiêu cực thuộc môi trường sống.

3.1.1. Các yếu tố tiêu cực thuộc môi trường gia đình.

3.1.2. Các yếu tố tiêu cực thuộc môi trường nhà trường

3.1.3. Các yếu tố tiêu cực thuộc môi trường xã hội với nhà nước là chủ thể quản lý.

3.1.3.1. Những yếu tố chủ quan đối với chủ thể quản lý.

3.1.3.2. Những yếu tố khách quan đối với chủ thể quản lý.

3.2. Những yếu tố tiêu cực thuộc chủ thể hành vi phạm tội.

3.2.1. Những yếu tố thuộc ý thức cá nhân.

3.2.2. Những yếu tố thuộc lối sống cá nhân.

3.3. Những yếu tố tình huống

Kết luận

CHƯƠNG 4. HỆ THỐNG CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA TỘI CƯỚP GIẬT TÀI SẢN Ở NƯỚC TA

4.1. Dự báo tình hình tội cướp giật tài sản.

4.1.1. Cơ sở dự báo.

4.1.2. Nội dung dự báo.

4.2. Các biện pháp phòng ngừa tội cướp giật tài sản.

4.2.1. Các biện pháp loại trừ tội cướp giật tài sản.

4.2.1.1. Các biện pháp kinh tế.

4.2.1.2. Các biện pháp xã hội.

4.2.1.3. Các biện pháp văn hóa.

4.2.1.4. Các biện pháp giáo dục.

4.2.1.5. Các biện pháp quản lý.

4.2.1.6. Các biện pháp pháp lý.

4.2.1.7. Các biện pháp tổ chức.

4.2.2. Các biện pháp ngăn chặn tội cướp giật tài sản.

4.2.2.1. Các biện pháp ngăn chặn không cho tội phạm xảy ra.

4.2.2.2. Các biện pháp ngăn chặn không cho tội phạm thực hiện đến cùng.

4.2.2.3. Các biện pháp ngăn chặn không cho tái phạm.

Kết luận chương 4 và kết luận chung.

CHƯƠNG 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU

1.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu trong nước

Phòng, chống tội phạm được nhiều nhà khoa học, Bộ Công an, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Toà án nhân dân tối cao, Bộ tư pháp và nhiều tổ chức xã hội quan tâm nghiên cứu. Các công trình nghiên cứu ở nhiều góc độ khác nhau, tuy nhiên chưa có công trình nghiên cứu nào sâu sắc và đầy đủ trên phương diện tội phạm học về “*đấu tranh phòng, chống tội cướp giật tài sản*” để tìm ra các giải pháp phòng, chống hữu hiệu, khắc phục, hạn chế, đẩy lùi và triệt tiêu loại tội phạm này.

Hiện nay, tình trạng cướp giật tài sản xảy ra rất nhiều, trên hầu hết các tỉnh thành phố trong cả nước, gây ra sự lo lắng cho mọi người dân. Các cơ quan có thẩm quyền và những người có chức năng đấu tranh trực tiếp chống loại hình tội phạm này biết rất rõ ràng. Song, chưa có biện pháp đấu tranh phòng, chống tội cướp giật tài sản một cách chủ động, triệt để.

Tội cướp giật tài sản được quy định tại điều 136 - Bộ Luật Hình sự Việt Nam, thuộc nhóm các tội xâm phạm quyền sở hữu, loại tội phạm này được các nhà khoa học xếp vào loại tội mang tính truyền thống, tội danh này có từ khi xuất hiện Nhà nước. Vào buổi sơ khai của Nhà nước loại tội phạm này thường xảy ra khi xã hội có nhiều người đói kém do mất mùa, hạn hán, thiên tai địch họa. Hiện tượng “kẻ ăn không hết người lần không ra” hay như chúng ta hiểu là sự chênh lệch giàu nghèo đã làm phát sinh tội phạm cướp giật từ rất sớm.

Trong nhiều năm qua, ở nước ta tồn tại tình trạng tội phạm ngày càng gia tăng, đặc biệt tội cướp giật tài sản như một vấn nạn. Mặc dù, Chính phủ rất quan tâm đến công tác phòng, chống tội phạm trong giai đoạn hội nhập và

phát triển đất nước. Từ những năm 1998 đã có nhiều văn bản pháp luật thể hiện chủ trương quyết tâm đấu tranh với tội phạm như: Nghị quyết số 09/NQ - CP ngày 31/07/1998 của Chính phủ về “Tăng cường công tác phòng chống tội phạm trong tình hình mới”, “Nghị quyết số 138 /QĐ - TTG ngày 31/07/1998 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình quốc gia phòng chống tội phạm và các đề án cụ thể”, Chỉ thị 48/CT-TW ngày 22/10/2010 của Bộ Chính trị về “Tăng cường sự chỉ đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới”. Những năm gần đây các Luật phòng, chống ma túy; Luật phòng, chống mua bán người; Luật phòng, chống tham nhũng; Luật phòng, chống rửa tiền... lần lượt ra đời thể hiện sự quyết tâm phòng chống tội phạm của Nhà nước, theo đó khái niệm về phòng, chống tội phạm cũng đã được định hình.

Về phương diện lý luận tội phạm học, ở nước ta hiện nay có nhiều sách, giáo trình, công trình nghiên cứu sâu sắc, góp phần hình thành nên một môn khoa học có ý nghĩa lớn lao trong nhận thức, lý luận và thực tiễn cho công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm. Chuyên ngành tội phạm học đã được các nhà khoa học trong nước tiếp thu những thành tựu nghiên cứu khoa học và các học thuyết nổi tiếng của nhiều nhà khoa học trên thế giới. Đồng thời, các nhà tội phạm học trong nước thông qua thực tiễn nghiên cứu tình hình tội phạm ở nước ta qua các giai đoạn, các thời kỳ đã đưa ra được nhiều công trình nghiên cứu có giá trị để làm cơ sở lý luận cho công tác nghiên cứu dưới góc độ tội phạm học. Luận án “*Đấu tranh phòng, chống tội cướp giật tài sản ở nước ta hiện nay*” được nghiên cứu trên nền tảng lý luận về tội phạm học.

Cơ sở lý luận căn bản về tội phạm học được các nhà khoa học Viện Nhà nước và Pháp Luật, Đại học luật Hà Nội, Khoa luật - Đại học luật Quốc gia, Học Viện Cảnh sát nhân dân truyền tải trong nhiều giáo trình và sách chuyên sâu về tội phạm học Mặc dù, các nhà khoa học còn có một số quan điểm

khác nhau về cách sử dụng thuật ngữ trong tội phạm học, nhưng về cơ bản đã thống nhất nhiệm vụ của tội phạm học là một ngành khoa học nghiên cứu về bản chất của hiện tượng xã hội tiêu cực, nghiên cứu về quy luật làm phát sinh, tồn tại và phát triển của hiện tượng tiêu cực, nhằm tìm ra nguyên nhân và điều kiện của nó, để đưa ra các kiến nghị, những giải pháp mang tính tổng thể, có hệ thống và chủ động, tích cực, hiệu quả trong đấu tranh phòng, chống tội phạm. Ngoài ra, còn nhiều bài viết trên tạp chí, các đề tài thạc sĩ, tiến sĩ, sách chuyên khảo, chuyên án của lực lượng công an đã đề cập và tiếp cận ở các góc độ khác nhau, với những phạm vi khác nhau rất có giá trị trong công tác đấu tranh phòng chống tội cướp giết tài sản.

Tổng quan tình hình nghiên cứu được xem xét ở các góc độ khác nhau, bao gồm nhóm công trình nghiên cứu xây dựng lý thuyết cơ bản về tội phạm học, nhóm công trình lý thuyết chuyên sâu và những công trình nghiên cứu một loại tình hình tội phạm cụ thể, có tính ứng dụng phục vụ cho công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm.

Có thể nêu ra một số công trình nghiên cứu điển hình, đã đóng góp hoàn thiện hệ thống lý luận tội phạm học như: *“Tội phạm hiện đại và phòng ngừa tội phạm”* tác giả Nguyễn Xuân Yêm; Luận án tiến sĩ *“Hoạt động phòng ngừa tội phạm của lực lượng Cảnh sát nhân dân”* của Vũ Xuân Trường – Học viện Cảnh sát nhân dân; Đề tài cấp Bộ - Bộ công an *“Tội phạm ẩn ở Việt Nam. Thực trạng, nguyên nhân và giải pháp”* tác giả Phạm Tuấn Bình; *“Vấn đề nạn nhân học trong tội phạm học. Kỷ yếu đề tài khoa học cấp Bộ: Những vấn đề lý luận và phương pháp nghiên cứu tội phạm học ở Việt Nam hiện nay.”* tác giả GS- TS Võ Khánh Vinh; Sách *“Một số vấn đề lý luận về tình hình tội phạm ở Việt Nam”* PGS -TS Phạm Văn Tĩnh; Giáo trình Tội phạm học của GS - TS Võ Khánh Vinh, tái bản năm 2011; Giáo trình dùng cho hệ cao học luật *“Đặc điểm tội phạm học tội phạm kinh tế và các biện pháp phòng*

ngừa” của GS - TS Hồ Trọng Ngũ và các giáo trình tội phạm học của trường Đại học Luật Hà Nội; Giáo trình tội phạm học của khoa luật - trường Đại học Quốc Gia.

Các công trình nghiên cứu đã đóng góp cho nền lý luận tội phạm học Việt Nam khái niệm, định nghĩa, phương pháp nghiên cứu và mục đích của tội phạm học. Các công trình đó mang ý nghĩa là nền tảng, làm căn cứ lý luận về tội phạm học, mở ra cho chuyên ngành tội phạm học ngày càng phát triển.

Giáo trình Tội phạm học của GS - TS Võ Khánh Vinh, tái bản năm 2011, cuốn giáo trình này là cẩm nang về lý luận tội phạm học. Theo đó, khái niệm về tội phạm học được nêu ra rất rõ ràng “ Tội phạm học là ngành khoa học pháp lý - xã hội nghiên cứu nguồn gốc, bản chất, các hình thức biểu hiện và các loại tình hình tội phạm, các quy luật xuất hiện, tồn tại và thay đổi của tình hình tội phạm; các nguyên nhân, điều kiện và cơ chế tác động của các nguyên nhân và điều kiện đó đến tình hình tội phạm; nhân thân người phạm tội; các biện pháp phòng ngừa và khắc phục tình hình tội phạm xảy ra trong xã hội và những vấn đề khác có liên quan đến công tác đấu tranh phòng, chống tình hình tội phạm”.

Giáo trình chỉ rõ đối tượng và phương pháp nghiên cứu của tội phạm học. Từ đó có thể hiểu “đối tượng đặc trưng của tội phạm học là qui luật về tình hình tội phạm dưới tất cả các biểu hiện của nó; các qui luật về tính quyết định luận và nhân quả; các qui luật thể hiện việc tình hình tội phạm chịu sự tác động của các quá trình và hiện tượng xã hội khác nhau”. Cũng xuất phát từ khái niệm về tội phạm học này, có thể hiểu tội phạm học nghiên cứu các vấn đề xã hội như: tình hình tội phạm, nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm, nhân thân người phạm tội, phòng ngừa tình hình tội phạm, dự báo tình hình tội phạm.

Có nhiều khái niệm khác nhau về tội phạm học của các nhà khoa học Việt Nam hiện nay. Tuy nhiên, luận án “*Đấu tranh phòng, chống tội cướp giết tài sản ở nước ta hiện nay*” tiếp cận và sử dụng khái niệm và quan điểm trên đây làm cơ sở để nghiên cứu.

- Sách “*Một số vấn đề lý luận về tình hình tội phạm ở Việt Nam*” của PGS - TS Phạm Văn Tĩnh xuất bản năm 2007. Đây là cuốn sách có nội dung cung cấp kiến thức cơ bản cho công tác nghiên cứu về tình hình tội phạm ở nước ta, đồng thời phát triển lý luận về tình hình tội phạm ở mức cụ thể hơn, đáp ứng yêu cầu về nghiên cứu tội phạm học. Cuốn sách chỉ rõ những khái niệm cơ bản và đặc điểm của tình hình tội phạm, giúp cho các nhà nghiên cứu nhận diện các đặc điểm của tình hình tội phạm một cách có hệ thống và đầy đủ trong từng đơn vị thời gian nhất định. Hơn thế nữa, cuốn sách là cơ sở cho việc hoàn thiện pháp luật hình sự, đặc biệt là về tội phạm.

Tác giả đi sâu phân tích khái niệm tình hình tội phạm một cách biện chứng trên cơ sở phương pháp luận của Chủ nghĩa Mác –Lênin và đã chỉ ra khách thể nghiên cứu của tội phạm học là tình hình tội phạm. Theo đó, tác giả đưa ra khái niệm “tình hình tội phạm là một hiện tượng xã hội tiêu cực mang tính lịch sử cụ thể và pháp lý hình sự, có tính giai cấp và được biểu hiện thông qua tổng thể các tội phạm cùng các chủ thể thực hiện các tội phạm đó trong một đơn vị hành chính lãnh thổ nhất định và trong một thời gian cụ thể nhất định.”

Ngoài ra, cuốn sách còn đưa ra khái niệm của bốn đặc điểm tình hình tội phạm, đó là mức độ của tình hình tội phạm, cơ cấu của tình hình tội phạm, tính chất của tình hình tội phạm, động thái của tình hình tội phạm và khái niệm tội phạm ẩn. Những đặc điểm tội phạm học này còn được xem xét từ khía cạnh định tính và định lượng thông qua các số liệu thống kê tư pháp. Sự luận giải này trên cơ sở cho rằng tội phạm và tình hình tội phạm thể hiện mối

quan hệ giữa cái riêng và cái chung, do vậy tiếp cận bản chất của tình hình tội phạm với tư cách là cái được phản ánh thông qua các đặc điểm định tính, định lượng của nó và cần phải xuất phát từ hành vi cụ thể của con người, trong mối quan hệ giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội. Xác định được tính quyết định luận của tồn tại xã hội đối với hành vi con người sẽ là cơ sở để có những biện pháp đấu tranh phòng và chống tội phạm có hiệu quả. Tác giả xác định phần “hiện” và phần “ẩn” của tình hình tội phạm là mặt hiện tượng, là sự phản ánh của mặt bản chất bên trong của tình hình đó. Tác giả phân tích rất sâu bản chất của tình hình tội phạm, tình hình tội phạm ở Việt Nam qua các giai đoạn.

Nội dung cuốn sách hàm chứa nhiều khái niệm và phương pháp tiếp cận mới làm phong phú cho lý luận tội phạm học và không những hỗ trợ cho cơ quan tư pháp hình sự có phương pháp đánh giá tình hình tội phạm, mà còn cung cấp cho những nhà nghiên cứu về tội phạm học phương pháp nghiên cứu và những khái niệm như: cơ sở tội danh; cơ sở hành vi; tình hình các hành vi nguy hiểm cho xã hội ở mức độ tội phạm trong thực tế; cấp độ nguy hiểm; phương pháp xác định hệ đặc điểm chuyên biệt. Đó là những vấn đề giúp ích cho hoạt động nghiên cứu về tội phạm học, đồng thời giúp cho cả hoạt động thực tiễn đạt hiệu quả cao.

Nhìn chung đây là một trong những cuốn sách mang tính toàn diện, cung cấp những kiến thức về tội phạm học, đồng thời cũng chỉ ra phương pháp nghiên cứu, trang bị cho nghiên cứu sinh hệ thống các khái niệm và phương hướng nghiên cứu tình hình tội cướp giật tài sản.

Bên cạnh những công trình nghiên cứu về lý luận tội phạm học có nhiều công trình nghiên cứu khoa học với mục đích tìm ra các biện pháp đấu tranh phòng, chống một loại tội phạm quy định trong BLHS như: Luận án tiến sỹ về đề tài “*Đấu tranh phòng, chống tội cướp tài sản trên địa bàn thành phố Hà Nội*”(2001) tác giả Đỗ Kim Tuyền; “*Đấu tranh với tình hình chống người thi*

hành công vụ ở nước ta hiện nay”(2010) Chủ biên- PGS-TS Phạm Văn Tỉnh; Luận văn thạc sĩ “*Tội cướp giết tài sản trên địa bàn thành phố Hà nội: Một số khía cạnh pháp lý và tội phạm học*” (2006) tác giả Nguyễn Đức Quân; “*Tội phạm có tổ chức - Lịch sử và vấn đề hôm nay*”(2006) tác giả Giáo sư, tiến sĩ Hồ Trọng Ngũ; Sách chuyên khảo “*Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động điều tra tội phạm cướp giết tài sản của lực lượng cảnh sát điều tra về trật tự xã hội công an thành phố Hà Nội*”(2011) tác giả thạc sĩ Phạm Quốc Dũng; Luận văn thạc sĩ “*Đấu tranh phòng, chống tội cướp giết tài sản trên đại bàn Đă Nẵng theo chức năng của lực lượng cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội công an cấp huyện*”(2010) tác giả Lê Văn Sinh; Luận án Thạc sĩ “*Nghiên cứu đặc điểm hình sự phục vụ công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm cướp giết tài sản tại tỉnh Khánh Hòa*”(2008) tác giả Đào Công Chức; “*Đấu tranh phòng chống tội cướp giết tài sản của người nước ngoài trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh*”(2002) tác giả Trần Thành Hưng; “*Phòng ngừa tội phạm cướp giết tài sản của lực lượng cảnh sát về trật tự xã hội Công an quận Cầu Giấy Hà Nội*”(2010) Khóa luận tốt nghiệp Học Viện Cảnh sát nhân dân của Hồ Trọng Hoàng; “*Công tác đấu tranh các vụ án cướp giết tài sản của Cơ quan Cảnh sát điều tra công an Thanh Hóa*”(2009) Khóa luận tốt nghiệp Học Viện Cảnh sát nhân dân của Nguyễn Văn Hiền.

Đi sâu phân tích một số công trình khoa học trên để thấy các vấn đề nghiên cứu được tiếp cận dưới các góc độ khác nhau, đồng thời thấy được giá trị lý luận và thực tiễn của các công trình đó đã đóng góp đáng kể những giải pháp đấu tranh phòng, chống tội phạm hữu hiệu qua từng thời kỳ, từng giai đoạn.

Trước tiên là Luận án tiến sĩ “*Đấu tranh phòng, chống tội cướp tài sản trên địa bàn Hà Nội*” năm 2001 của Thiếu tướng Đỗ Kim Tuyền. Đây là một luận án có giá trị về mặt thực tiễn rất cao, luận án đi sâu nghiên cứu Tình hình

tội cướp tài sản, các đặc điểm nhân thân người phạm tội cướp tài sản, nguyên nhân và điều kiện phạm tội cướp tài sản, đưa ra các biện pháp đấu tranh phòng, chống tội cướp giật tài sản trên địa bàn Hà Nội, trong khoảng thời gian những năm cuối thế kỷ 20 và là những năm đầu của thời kỳ đổi mới ở nước ta. Luận án được viết khi lý luận về tội phạm học ở nước ta còn trong thời kỳ “bình minh”. Song, luận án vẫn thể hiện được những đóng góp hết sức có ý nghĩa trong lý luận cũng như ứng dụng. Tác giả hoạt động trong ngành công an, do đó trong luận án, tác giả đưa ra các biện pháp “Nâng cao hiệu quả công tác điều tra các vụ cướp tài sản” rất chặt chẽ, khoa học và mang tính thực tiễn cao, luận án chú trọng công tác chống tội cướp tài sản là chủ yếu.

Luận án “*Đấu tranh phòng, chống tội cướp tài sản trên địa bàn Hà Nội*” dành riêng chương 2 để nghiên cứu về nhân thân người phạm tội cướp tài sản trên địa bàn thành phố Hà Nội. Ý nghĩa của việc nghiên cứu nhân thân người phạm tội cướp tài sản được lập luận rất thuyết phục. Theo đó, tác giả cho rằng, thông qua việc nghiên cứu nhân thân người phạm tội cướp tài sản để đánh giá được ý thức, đặc điểm con người, diễn biến quá trình đi vào con đường phạm tội cướp tài sản. Từ đó tìm ra nhân tố tác động vào con người để họ đi đến quyết định thực hiện hành vi phạm tội. Trên quan điểm con người không những tác động vào môi trường sống mà ngược lại con người cũng bị môi trường sống tác động trở lại. Thông qua mối quan hệ giữa con người với xã hội để nghiên cứu nhân thân người phạm tội.

Các đặc điểm đặc trưng của người phạm tội cướp tài sản ở Hà Nội, đặc điểm về giới tính, độ tuổi, trình độ học vấn, hoàn cảnh gia đình, địa vị xã hội và nghề nghiệp, nơi cư trú, về đạo đức- tâm lý, động cơ mục đích thực hiện tội phạm, tái phạm, tái phạm nguy hiểm, đồng phạm. Tất cả những đặc điểm đó được phân tích, nghiên cứu rất chi tiết.

Tác giả phân tích sâu sắc các đặc điểm của tình hình tội phạm dưới góc độ tội phạm học với những biểu hiện bên ngoài của nó, đó là đánh giá thực trạng, cơ cấu, động thái của tình hình tội cướp tài sản, đặc trưng của tội cướp tài sản, vấn đề tội phạm ẩn của tình hình cướp tài sản trên địa bàn thành phố Hà Nội trong khoảng thời gian 10 năm từ năm 1990 đến năm 2000.

Đặc biệt, tác giả phân tích một cách có hệ thống và làm sáng tỏ những đặc điểm về nhân khẩu – xã hội, đặc điểm đạo đức – tâm ý, đặc điểm pháp lý - hình sự trong nhân thân người phạm tội cướp tài sản. Lý giải nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội cướp tài sản, của việc thực thi nhiệm vụ của cơ quan công an trong phòng ngừa và điều tra tội phạm cướp tài sản trong thời gian đó.

Các yếu tố này được nhìn nhận dưới góc độ tội phạm học chứ không phải là xem xét ở góc độ của các ngành khoa học khác, tác giả luận giải trên cơ sở thông qua các số liệu thống kê tư pháp để giải quyết các vấn đề cần nghiên cứu với mục đích cuối cùng là đưa ra những biện pháp đấu tranh phòng, chống tội phạm hợp lý, có hiệu quả.

Ngoài ra, tác giả còn đưa ra một số những giải pháp mang tính toàn diện, có chiều sâu vào các biện pháp nghiệp vụ của ngành công an trong công tác đấu tranh phòng, chống tội cướp tài sản, góp phần hoàn thiện các biện pháp đấu tranh phòng, chống tội phạm nói chung.

Nhìn chung luận án “*Đấu tranh phòng, chống tội cướp tài sản trên địa bàn Hà Nội*” nghiên cứu dưới góc độ tội phạm học rất thành công. Không những có ý nghĩa về mặt ứng dụng mà còn đóng góp lớn về mặt lý luận.

Đối với Luận văn thạc sĩ “*Tội cướp giật tài sản trên địa bàn thành phố Hà Nội: Một số khía cạnh pháp lý và tội phạm học*” của thẩm phán Nguyễn Đức Quân. Trong luận văn này, phân tích về pháp lý hình sự đối với tội cướp giật tài sản là chủ yếu. Lịch sử hình thành và phát triển của các quy phạm

pháp luật hình sự Việt Nam về tội cướp giật tài sản được tác giả đưa ra những nhận xét về sự phát triển của pháp luật Việt Nam từ năm 1945 đến nay. Luận văn đã đánh giá trong mỗi thời kỳ khác nhau, pháp luật bị chi phối bởi nhiều yếu tố khách quan và chủ quan khác nhau, các yếu tố về hoàn cảnh kinh tế - xã hội, sự nhận thức của Đảng và Nhà nước về vai trò của pháp luật qua mỗi giai đoạn.

Luận văn đã thống kê được các quy phạm pháp luật hình sự Việt Nam qua từng thời kỳ ở nước ta. Căn cứ vào sự pháp điển hóa Luật hình sự có tính thay đổi lớn về quan niệm, về chủ trương chính sách của Đảng, nhà nước ta trong vấn đề chủ thể sở hữu tài sản. Lấy Bộ luật hình sự năm 1999 làm mốc thời gian, phân chia thành các giai đoạn chính trong sự phát triển Luật hình sự. Luận văn phân tích những quy định về tội cướp giật tài sản trong giai đoạn trước năm 1999 so với giai đoạn sau năm 1999 và phản ánh được sự khác biệt rất lớn về pháp luật của hai giai đoạn. Với tư tưởng chỉ đạo giai đoạn trước năm đổi mới chú trọng bảo vệ tài sản của Nhà nước hơn tài sản riêng của các cá nhân. Tôn chỉ mục đích là bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa, góp phần tăng cường tiềm lực kinh tế và quốc phòng, bảo vệ nền văn hóa dân tộc, nâng cao đời sống của nhân dân, bảo đảm giành thắng lợi hoàn toàn cho sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và cho cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Do đó, tội cướp giật tài sản được quy định thành hai tội khác nhau, có chế tài khác nhau, đó là tội cướp giật tài sản xã hội chủ nghĩa và tội cướp giật tài sản riêng của công dân. Sau năm 1999 chính sách hình sự và pháp luật hình sự thay đổi, theo nguyên tắc bình đẳng về bảo vệ các tài sản thuộc mọi thành phần, không phân biệt tài sản chung hay tài sản riêng nếu bị xâm hại đều được pháp luật hình sự bảo vệ. Hai tội cướp giật tài sản đó được gộp lại thành một tội cướp giật tài sản.

Nhìn chung, luận văn nêu ra khái niệm và các dấu hiệu pháp lý của tội cướp giật tài sản, trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội cướp giật tài sản. Nghiên cứu tội cướp giật tài sản dưới góc độ tội phạm học chỉ ở mức rất khái quát. Luận văn chưa đưa ra cơ sở lý luận về tội phạm học, tuy nhiên luận văn nghiên cứu tình hình tội cướp giật tài sản tại thành phố Hà Nội từ năm 2001- 2005, luận văn so sánh tình hình tội phạm chung với tình hình tội cướp giật tài sản trên địa bàn thành phố Hà Nội để thấy được mối tương quan giữa chúng, từ đó đi tìm những nguyên nhân và điều kiện của tội cướp giật tài sản ở thành phố Hà Nội, thực trạng đấu tranh phòng, chống tội cướp giật tài sản ở Hà Nội. Ngoài ra luận văn cũng đã đưa ra được tình hình điều tra, khám phá, khởi tố, truy tố, xét xử hàng năm về tội cướp giật tài sản để thấy được thực trạng diễn biến của loại tội phạm này trong những năm 2001 - 2005 ở thành phố Hà Nội. Luận văn cũng đã đưa ra cơ cấu, tính chất, mức độ tội phạm cướp giật tài sản, tội phạm ảm những ở mức độ rất hạn chế.

Đối với các biện pháp đấu tranh phòng, chống tội cướp giật tài sản ở luận văn này đã đưa ra các biện pháp chung và các biện pháp cụ thể. Các biện pháp chung gồm: các biện pháp kinh tế - xã hội, biện pháp về chính sách, pháp luật, biện pháp tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước trên một số lĩnh vực về an ninh trật tự. Các biện pháp cụ thể gồm biện pháp tăng cường các biện pháp phòng ngừa tội cướp giật tài sản như là nâng cao vai trò của nhân dân trong phòng ngừa, nâng cao hiệu quả các biện pháp phòng ngừa nghiệp vụ, các biện pháp nâng cao hiệu quả công tác điều tra, truy tố, xét xử tội cướp giật tài sản.

Luận văn nghiên cứu tương đối có hệ thống và toàn diện cùng một lúc dưới hai góc độ pháp luật hình sự và tội phạm học về tội cướp giật tài sản, đồng thời đã đưa ra được một số giải pháp đấu tranh phòng chống tội cướp giật tài sản trên địa bàn thành phố Hà Nội. Ngoài ra luận văn cũng đóng góp

hoàn thiện nội dung của tội cướp giật tài sản quy định tại Điều 136 Bộ Luật Hình sự.

Gần đây nhất, cuốn sách chuyên khảo “*Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động điều tra tội phạm cướp giật tài sản của lực lượng cảnh sát điều tra về trật tự xã hội công an thành phố Hà Nội*” sách lưu hành nội bộ của Học viện cảnh sát nhân dân, xuất bản vào năm 2011, tác giả thạc sĩ Phạm Quốc Dũng. Cuốn sách này được ra đời căn cứ vào tính cấp thiết, thực trạng tội phạm cướp giật tài sản ở thành phố Hà Nội có số lượng rất cao. Theo đó, cuốn sách có nêu ra “ Theo số liệu thống kê của Công an thành phố Hà Nội từ 2006 - 2010 xảy ra 3.133 vụ cướp giật tài sản, chiếm tỉ lệ 11,19% trong tổng số vụ phạm pháp hình sự trên toàn thành phố Hà Nội. Trong đó, có 17 vụ gây thương tích nặng hoặc gây chết người, 118 vụ người bị hại là người nước ngoài, 90 vụ tài sản bị chiếm đoạt từ 50 triệu trở lên (có những vụ tài sản bị cướp giật tới 500 triệu đồng xảy ra tại địa bàn quận Thanh Xuân hoặc vụ cướp giật 250 triệu đồng và 12.000 USD xảy ra tại địa bàn quận Đống Đa). Tuy nhiên đây mới chỉ là những vụ do người bị hại trình báo hoặc do cơ quan công an trực tiếp phát hiện và điều tra, bên cạnh đó số vụ cướp giật tài sản mà người bị hại không trình báo vì nhiều lí do khác nhau vẫn còn chiếm tỷ lệ cao”[22- tr3].

Chương 1 của cuốn sách đưa ra những kiến thức cơ bản về tội phạm cướp giật tài sản, như là khái niệm, đặc điểm pháp lý, đặc điểm hình sự về tội phạm cướp giật tài sản. Chỉ ra nhận thức cơ bản khái niệm, nhiệm vụ và cơ sở pháp lý về hoạt động đấu tranh tội phạm cướp giật tài sản. Cuốn sách còn đề cập tới hoạt động đấu tranh phòng, chống tội cướp giật tài sản của lực lượng cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội, đồng thời chỉ ra sự phân công, phân cấp và quan hệ phối hợp giữa lực lượng lực lượng cảnh sát điều tra tội

phạm về trật tự xã hội với các lực lượng nghiệp vụ khác trong giai đoạn điều tra tội phạm cướp giật tài sản.

Chương 2 cuốn sách phân tích thực trạng hoạt động điều tra tội phạm cướp giật tài sản của lực lượng cảnh sát điều tra về trật tự xã hội thành phố Hà Nội từ năm 2006 - 2010 từ đó làm cơ sở đưa ra một số giải pháp nâng cao hoạt động điều tra tội phạm cướp giật tài sản cho thời gian tới.

Trong cuốn sách này chủ yếu đề cập đến pháp lý hình sự và hoạt động điều tra tội phạm, các giải pháp nâng cao hoạt động điều tra loại tội phạm cướp giật tài sản trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Trong thời gian qua, thực tế tình hình cướp giật tài sản xảy ra liên tục ở khắp các tỉnh, thành phố trên toàn quốc, do đó công tác phòng chống tội cướp giật tài sản đã được ngành công an quan tâm. Tại Học viện Cảnh sát nhân dân từ năm 2006 - 2010 có hơn 40 luận văn tốt nghiệp, luận văn thạc sĩ về đề tài về đấu tranh phòng, chống tội cướp giật tài sản ở các địa phương khác nhau trên toàn quốc. Trong đó, các tác giả sử dụng những số liệu, tình hình thực tế về tội cướp giật tài sản của mỗi địa phương để nghiên cứu. Hầu hết các đề tài này đều đi sâu nghiên cứu dưới góc độ Điều tra tội phạm và các biện pháp nâng cao hiệu quả công tác điều tra tội phạm. Qua các đề tài về Đấu tranh phòng, chống tội cướp giật tài sản của Học viện cảnh sát nhân dân cho thấy công tác đấu tranh phòng, chống tội cướp giật tài sản chủ yếu áp dụng các biện pháp truy xét những hành vi tội phạm đã xảy ra rồi. Như vậy, không những chúng ta luôn luôn phải truy bắt những tên tội phạm mà chúng ta cần phải tìm ra các biện pháp loại trừ không cho tội phạm cướp giật xuất hiện. Có như vậy, tình hình tội phạm cướp giật tài sản như hiện nay sẽ được giải quyết một cách triệt để. Điều đó có nghĩa là lực lượng công an đã nghiên cứu dưới góc độ điều tra tội phạm rất chuyên nghiệp, thì luận án này đòi hỏi phải đi sâu nghiên cứu dưới góc độ tội phạm học, để kết hợp cùng với các chuyên ngành

khác hoàn thiện công tác đấu tranh phòng, chống tội cướp giết tài sản ở nước ta trong giai đoạn tới.

1.2. Tình hình nghiên cứu trên thế giới

Tội cướp giết tài sản là loại tội xuất hiện từ rất lâu, ở tất cả các nước trên thế giới, vì vậy luật hình sự của các nước đều có điều luật để điều chỉnh loại tội phạm này. Và nó là một trong các loại tội cụ thể mà tội phạm học nghiên cứu. Tội phạm học được các nhà khoa học trên thế giới nghiên cứu từ rất lâu, các công trình nghiên cứu đã góp phần vào đấu tranh phòng, chống tội phạm, bảo vệ trật tự an toàn xã hội. Mặc dù, còn rất nhiều các quan điểm về tội phạm học khác nhau, tuy nhiên ở các nước có nền tội phạm học phát triển thì ở đó trật tự an ninh xã hội được đảm bảo.

Nhà tội phạm học người Mỹ Edwin H. Sutherland có quan điểm cho rằng “*tội phạm học là lĩnh vực kiến thức về vấn đề xã hội của tội phạm*” và tội phạm học chỉ được xem là ngành hoặc lĩnh vực nghiên cứu về tội phạm cụ thể, là nghiên cứu tội phạm và hành vi phạm tội như là hiện tượng xã hội. Cũng trong thế kỷ này có một định nghĩa khác “*tội phạm học là sự nghiên cứu về nguyên nhân của tội phạm*” [19 tr8]. Các nhà tội phạm học thời kỳ đó khi nghiên cứu không có chung phương pháp luận, do đó dẫn đến nhiều quan điểm, nhiều trường phái, tự do. Tuy nhiên, sang thế kỷ 21, các nhà tội phạm học đã đưa ra được nhiều quan điểm chung về tội phạm học và các công trình nghiên cứu về tội phạm học đã toàn diện và sâu sắc hơn về đối tượng, đặc tính khoa học.

- Nhà tội phạm học người Mỹ - Fank Schmalleger và nhà Tội phạm học người Đức Hans-Dieter Schwind cho rằng tội phạm học là khoa học có tính liên ngành vì nghiên cứu về tội phạm phải hiểu biết các vấn đề của khoa học khác, để tổng hợp các vấn đề liên quan đến tội phạm tồn tại trong xã hội đương đại và tìm ra các quy luật để có các giải pháp xử lý các vấn đề do tội

phạm gây ra. Ông đưa ra định nghĩa “*Tội phạm học là khoa học mà bao quanh là chuyên môn liên ngành nghiên cứu về tội phạm và hành vi phạm tội, bao gồm cả những biểu hiện của nó, nguyên nhân, các khía cạnh pháp lý và sự kiểm soát*” [19 tr10].

- Ngoài ra, quan niệm về tội phạm học hiện đại cũng có thể được tìm thấy trong tác phẩm xuất bản gần đây nhất (năm 2008) của giáo sư nổi tiếng người Đức Hans Gooppinger. Theo ông, tội phạm học là ngành khoa học thực nghiệm độc lập nghiên cứu các sự việc thuộc các lĩnh vực của con người và xã hội mà chúng liên quan đến sự hình thành tội phạm, việc phạm tội, hậu quả của tội phạm và việc ngăn chặn tội phạm cũng như việc xử lý những người phạm tội.[19tr11].

- Tội phạm học trên thế giới vẫn đang tồn tại trường phái nhân chủng học mà Lombrose là người khởi xướng từ thế kỷ 19. Mới đây nhất, Nhà nghiên cứu tội phạm học nổi tiếng người Anh Adrian Raine xuất bản cuốn sách “Phân tích nguồn cơn bạo lực” (The Anatomy of Violence – 2013). Theo đó, Giáo sư Adrian Raine cho biết: “Có tới 50% những hành vi tội phạm chống đối xã hội đã được ngầm mặc định do sự sắp xếp của bộ gen. Vì vậy, một nửa vấn đề mà chúng ta đang phải đối mặt nằm ở bộ gen sinh học, tuy vậy có rất ít nhà tội phạm học muốn chạm tới vấn đề này, nó rất gây tranh cãi dù đó là một sự thực hiển nhiên mà bất cứ ai làm trong nghề đều không thể phủ nhận.” Giáo sư Adrian Raine cho rằng hiện nay chúng ta đang giữ một thái độ khá bảo thủ, “không muốn nhìn thẳng vào thực tế của việc nghiên cứu tâm sinh lý tội phạm”.

Nếu theo quan điểm này thì khi chúng ta có thể đoán trước một cá nhân nào đó có nhiều khả năng phạm tội, ta có nên hành động sớm để ngăn chặn mọi khả năng người đó thực hiện hành vi tội ác?

Tuy nhiên, hiện nay ở nước ta, việc tiếp cận lịch sử tội phạm học và cả sự phát triển tiếp tục của tội phạm học phải được thực hiện trên quan điểm nào, tức là trên nền tảng của hệ tư tưởng nào? Câu trả lời đã được định hình tại điều 4 Hiến pháp hiện hành của Nhà nước ta .

Các - Mác viết: *“Bản chất con người không phải là cái gì đó trừu tượng sẵn có của từng cá nhân riêng biệt, trong tính hiện thực của nó, bản chất của con người thực tế là tổng hoà tất cả các mối quan hệ xã hội”* Trong quá trình sống và phát triển con người chịu sự tác động của môi trường xã hội, nhân cách con người là kết quả của sự tác động đó.

Theo đó, con người không phải sinh ra đã mang sẵn định mệnh trở thành tội phạm. Họ chỉ trở thành tội phạm dưới những tác động xấu của môi trường như nghèo đói, bất công, bạo lực, thiếu thốn tình cảm hay bị rủ rê, lôi kéo... Chính những yếu tố bất lợi này đã kích thích tính ác trong con người.

1.3. Đánh giá tổng quan tình hình nghiên cứu

Trong những năm qua, tội phạm nói chung và tội cướp giết tài sản diễn biến hết sức phức tạp và có xu hướng gia tăng nhanh. Nhiều nhà khoa học đã có những công trình nghiên cứu sâu ở những góc độ và phạm vi khác nhau phát huy tác dụng và đóng góp tích cực về mặt lý luận tội phạm học và góp phần quan trọng trong thực tiễn đấu tranh phòng, chống tội phạm và tình hình tội cướp giết tài sản hiện nay.

Tuy nhiên, các công trình trước đó được nghiên cứu ở những góc độ khác nhau với mục đích, phạm vi, nhiệm vụ khác nhau. Có những công trình đó ý nghĩa cung cấp lý thuyết cơ bản, đại cương về tội phạm học và cung cấp hệ thống tri thức cần thiết về tội phạm và phòng ngừa tội phạm. Trang bị cho người học, người nghiên cứu hệ thống tri thức về tình hình tội phạm, nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm, nhân thân người phạm tội, phương pháp nghiên cứu, dự báo tình hình tội phạm và kế hoạch hóa hoạt động

phòng, chống tình hình tội phạm. Có những công trình nghiên cứu chuyên sâu về các nội dung của tội phạm học mang tính lý thuyết và có nhiều công trình nghiên cứu về một loại tình hình tội phạm cụ thể. Trong đó, có một số công trình nghiên cứu dưới góc độ tội phạm học có nhiều vấn đề liên quan đến đề tài luận án “Đấu tranh phòng, chống tội cướp giật tài sản ở nước ta hiện nay”.

Tội cướp giật tài sản là loại tội phạm mang tính truyền thống. Ở mọi quốc gia, từ thời xa xưa đã có nhiều biện pháp chống lại loại tội phạm này, bên cạnh đó những nước có nền tội phạm học phát triển thì vấn đề phòng ngừa tội phạm cũng như tội phạm cướp giật tài sản được nghiên cứu rất sâu sắc và từ kết quả nghiên cứu đó đã có nhiều chính sách để phòng ngừa tội phạm.

Vấn đề lý luận tội phạm học những năm gần đây được nhiều nhà khoa học quan tâm. Các nhà tội phạm học nước ngoài cũng như các nhà tội phạm học trong nước còn có nhiều quan điểm khác nhau về khái niệm, thuật ngữ của tội phạm học. Ngành tội phạm học ở nước ta được tiếp thu và kế thừa những thành quả tri thức tội phạm học của các nước trên thế giới. Các nhà tội phạm học trong nước được đào tạo ở những quốc gia khác nhau, vì vậy cũng ảnh hưởng các quan điểm khác nhau về lý luận tội phạm học. Luận án này sử dụng quan điểm của các nhà khoa học tại Viện Nhà nước và pháp luật làm cơ sở lý luận và nghiên cứu.

Thực tế, có nhiều chuyên án, nhiều đề tài liên quan đến đấu tranh phòng chống tội cướp giật tài sản nhưng chưa có đề tài nào mang tính chuyên sâu và toàn diện, đầy đủ dưới góc độ tội phạm học. Hầu hết, các đề tài nghiên cứu của lực lượng công an nghiên cứu để đấu tranh chống tội cướp giật tài sản dưới góc độ Điều tra tội phạm, đưa ra các biện pháp ngăn chặn thuộc lĩnh vực hoạt động truy xét.

Đấu tranh với tội cướp giật tài sản hiện nay chưa được quan tâm đúng mức. Hàng năm Bộ công an, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao tổng kết đánh giá về tình hình tội phạm thì vấn đề tội phạm mới luôn được cho là những loại tội phạm nguy hiểm, còn đối với tội cướp giật tài sản vẫn chỉ được coi là những tội phạm không gây chết người, không nghiêm trọng. Nhưng thực tế, loại tội phạm này đang lộng hành trên khắp mọi miền của tổ quốc, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân, hạn chế chất lượng cuộc sống và hạn chế sự phát triển mọi mặt của đời sống nhân dân.

Hiện nay tình hình cướp giật tài sản đang có diễn biến hết sức phức tạp, nhưng chưa có đề tài nghiên cứu về đấu tranh phòng chống tội cướp giật tài sản dưới góc độ tội phạm học ở cấp độ chuyên sâu, điều đó một lần nữa khẳng định yêu cầu bức thiết phải nghiên cứu nhằm đưa ra các biện pháp đấu tranh phòng, chống tội cướp giật tài sản một cách chủ động có tính chiến lược để tội phạm cướp giật tài sản không trở thành đại nạn.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Phân tích một số công trình nghiên cứu của các nhà khoa học đã nghiên cứu ở những thời gian trước, những công trình nghiên cứu có tính tương đồng về tính chất hành vi, về sự tác động của môi trường sống gây ra tình hình tội phạm cướp giật tài sản. Qua đó, thấy được những giá trị của các công trình đó, thấy được các công trình được tiếp cận ở góc độ Luật hình sự, Điều tra tội phạm và các giải pháp nâng cao hiệu quả của công tác điều tra là chủ yếu. Điều đó, hướng tác giả nghiên cứu luận án “Đấu tranh phòng, chống tội cướp giật tài sản” theo một cách tiếp cận khác, đó là tiếp cận dưới góc độ tội phạm học.

Công tác phòng, chống tội cướp giật tài sản hiện nay đang là bài toán cần phải đi tìm lời giải đáp. Có thể các ngành các cấp chưa quan tâm đúng mức về loại tội phạm này, do đó cần phải có những biện pháp mang tính chủ động loại trừ. Qua nghiên cứu cho thấy thực tế công tác chống tội cướp giật tài sản hiện nay chủ yếu do lực lượng công an trực tiếp điều tra và phát hiện. Đây đó, vài nơi cũng có sự tham gia của quần chúng nhân dân. Song, lực lượng Công an cũng chưa hoàn thành tốt nhiệm vụ này. Các luận văn, các chuyên án chủ yếu nghiên cứu dưới góc độ hoạt động điều tra, chưa mang tính chủ động đấu tranh phòng ngừa tội phạm. Thực tế, vẫn tồn tại số vụ án không phát hiện và không được xử lý theo pháp luật còn chiếm tỷ lệ cao. Nhìn chung, số vụ cướp giật tài sản đang ở mức độ cao, chiếm một tỷ trọng lớn trong tổng số tội phạm trên toàn quốc.

Bằng những phương pháp khoa học và nghiên cứu đấu tranh phòng, chống tội cướp giật tài sản dưới góc độ tội phạm học, tác giả mong muốn đóng góp vào công cuộc phòng chống tội phạm nói chung và phòng chống tội cướp giật nói riêng đạt kết quả cao đem lại sự bình yên cho nhân dân .

CHƯƠNG 2

TÌNH HÌNH TỘI CƯỚP GIẬT TÀI SẢN Ở NƯỚC TA TRONG THỜI GIAN QUA

2.1. Đánh giá về phần ẩn của tình hình tội cướp giật tài sản

2.1.1. Đánh giá về loại tội phạm ẩn của tình hình tội cướp giật tài sản

Dựa vào nguyên lý của nhận thức luận chủ nghĩa Mác – Lê nin, căn cứ theo lý luận chung về tình hình tội phạm ở Việt Nam và qua thực tiễn đấu tranh phòng chống tội phạm ở nước ta, cho thấy chắc chắn còn có một phần ẩn của tình hình tội phạm cướp giật tài sản.

Số liệu của các cơ quan chức năng như cơ quan điều tra, truy tố, xét xử đưa vào thống kê hình sự tội phạm cướp giật tài sản chỉ là một phần trong số tội phạm thực sự đã xảy ra, những con số này còn được gọi là Phần hiện của tình hình tội phạm. Như vậy, còn một phần tội phạm đã thực hiện nhưng vì nhiều lý do khác nhau đã không bị phát hiện, xử lý hoặc chưa được đưa vào thống kê hình sự đó chính là Phần ẩn của tình hình tội phạm: “Phần ẩn của tình hình tội phạm là tổng thể các hành vi phạm tội (cùng các chủ thể các hành vi đó) đã xảy ra trong thực tế, song không được phát hiện, không bị xử lý theo quy định của pháp luật hình sự hoặc không có trong thống kê tội phạm”[62- tr 74]

Có hai loại tội phạm ẩn, tội phạm ẩn khách quan và tội phạm ẩn chủ quan. Có thể hiểu tội phạm ẩn khách quan là những tội phạm đã xảy ra trong thực tế, song các cơ quan có thẩm quyền khởi tố vụ án hình sự không có thông tin về chúng. Tội phạm ẩn chủ quan được khái quát là toàn bộ các tội phạm đã xảy ra mà thông tin về chúng đã được các chủ thể trực tiếp đấu tranh

chống tội phạm nắm được, song vì những lý do khác nhau, các tội phạm đó trong một thời gian nhất định hoặc vĩnh viễn không bị xử lý hoặc xử lý không đúng quy định của pháp luật.[62- tr333]

Với tính chất hành vi của tội cướp giật tài sản là lợi dụng sơ hở của người bị hại để cướp giật chiếm đoạt tài sản, sau đó nhanh chóng tẩu thoát để che giấu hành vi phạm tội của mình, do đó khi thực hiện hành vi cướp giật bọn chúng thường sử dụng nhiều thủ đoạn, tinh vi xảo quyệt và liêu lĩnh nhằm nhanh chóng tránh được sự phát hiện của người khác và của cơ quan chức năng. Trong khi đó, nền kinh tế ở nước ta những năm gần đây đang trên đà phát triển, xe máy đã trở thành phương tiện thông dụng và dễ dàng có thể có được trong đời sống của nhân dân, vì vậy bọn tội phạm cũng dễ dàng có được một chiếc xe máy để làm phương tiện cướp giật tài sản. Để dễ dàng trốn thoát khỏi sự truy bắt của mọi người, bọn cướp giật tài sản thường sử dụng phương tiện thực hiện tội phạm bằng xe máy, cùng với thủ đoạn tháo biển số xe hoặc lắp biển số xe máy giả để người bị hại hoặc những người biết sự việc không thể có thông tin về kẻ cướp giật, đồng thời bọn chúng thường nhằm vào các đối tượng là phụ nữ để cướp giật vì phụ nữ ít có khả năng đuổi bắt. Sau khi cướp giật được tài sản bọn chúng tăng tốc độ xe máy để tẩu thoát. Bằng những thủ đoạn và sự chuẩn bị cho việc trốn thoát sau khi thực hiện tội phạm cướp giật tài sản như vậy, cho nên có rất nhiều vụ cướp giật không bị phát hiện, không bị xử lý trước pháp luật, phần tội phạm đã thực hiện đó chính là Phần ẩn của tình hình tội phạm cướp giật tài sản. Nguyên nhân dẫn đến tình hình tội phạm ẩn của tội cướp giật tài sản mô tả như trên được xếp vào loại tội phạm ẩn khách quan, có lý do ẩn từ phía chủ thể của hành vi.

Trong thực tế, rất nhiều vụ cướp giật tài sản người bị hại không trình báo công an. Họ không trình báo công an không phải sợ bị trả thù, không sợ bị liên lụy, không sợ ảnh hưởng uy tín cá nhân như những tội do quan hệ bất

chính, cũng không phải người bị hại muốn giấu hành vi cướp giết của tội phạm, trong nhiều trường hợp có nhiều người bị hại còn muốn cho nhiều biết, họ đã phổ biến cho những người thân của họ về việc họ bị cướp giết như thế nào, ở khu vực nào, trong tình trạng ra sao, để cho những người thân, những người sống xung quanh có những thông tin về hiện tượng cướp giết, từ đó có biện pháp tự đề phòng. Loại tình hình tội phạm ẩn của tội cướp giết có lý do xuất phát từ phía người bị hại không tố giác tội phạm với các cơ quan pháp luật gọi là tội phạm ẩn tự nhiên hay còn gọi là tội phạm ẩn khách quan.

Ngoài ra, còn có một loại tội phạm ẩn nữa là tội phạm ẩn chủ quan, loại tội phạm ẩn này rất khó xác định. Nếu như các phương pháp xác định tội phạm ẩn cũng chỉ cho một con số tương đối thì đối với loại tội phạm ẩn chủ quan lại càng khó tiệm tiến đến điểm chính xác, vì nhiều nguyên nhân xuất phát ngay từ những người có trách nhiệm phải thực hiện việc đấu tranh phòng chống tội phạm. Một ví dụ: gần đây tại tỉnh Bình Dương chúng ta vẫn thường nghe, đọc trên các phương tiện thông tin đại chúng về nhóm “hiệp sỹ” bắt được rất nhiều tên tội phạm cướp giết tài sản, họ đã phản ánh tại cuộc gặp mặt với báo chí trong bệnh xá công an tỉnh Bình Dương, “hiệp sỹ” Nguyễn Tăng Tiến cay đắng thốt lên rằng anh bị cản trở rất nhiều trong việc bắt cướp, bởi có sự liên quan giữa tội phạm với công an viên địa phương, chính quyền địa phương dường như luôn cản trở, “thậm chí có người gọi tôi lên ra lệnh cho tôi chỉ được bắt cướp ở đường này, đường kia chứ không được bắt ở nơi này nơi nọ. Có đợt bắt cướp kêu, gọi điện hoài nhưng công an phường không tới hỗ trợ. “Người ta” ghét tôi vì tôi hay bắt, phá những nhóm cướp giết có “quan hệ” với công an viên địa phương.” [40]

Sự tố cáo công an có quan hệ với những nhóm cướp giết của anh Nguyễn Tăng Tiến là một bằng chứng cụ thể của nguyên nhân tồn tại loại tội phạm ẩn chủ quan, mặc dù đây chỉ là một ví dụ cụ thể ở một tỉnh, nhưng hiện

tượng này không chỉ xảy ra ở tỉnh Bình Dương mà nó có thể xảy ra ở nhiều nơi trên đất nước Việt Nam cũng như trên toàn thế giới.

Tình trạng tội phạm không bị phát hiện cũng gây những tác hại sâu sắc. Nhiều kẻ cướp giết tài sản đang cố gắng tạo vỏ bọc lương thiện nhưng cái “án không tuyên” đeo đẳng suốt đời nếu không bị phát hiện, “đâm lao phải theo lao”, họ tiếp tục phạm tội và lây nhiễm tội ác sang người khác, kể cả gia đình mình. Ngoài ra, do không bị phát hiện nên bọn chúng không phải chịu bất kỳ một tác động nào của xã hội và pháp luật, tự bản thân chúng không thấy sợ vì những hành vi phạm tội do chúng gây ra, điều đó đã tạo môi trường tâm lý để bọn chúng nuôi dưỡng ý đồ thực hiện hành vi phạm tội tiếp theo.

2.1.2. Đánh giá về một số thông số ẩn của tội cướp giết tài sản

Độ ẩn, lý do ẩn, thời gian ẩn và vùng ẩn là các tiêu chí chung của phạm trù tình hình tội phạm ẩn nói chung và của tình hình ẩn của tội phạm cướp giết tài sản nói riêng.

“Việc xác định độ ẩn của từng loại tội phạm hoặc từng nhóm tội phạm cần phải dựa vào mức độ bộc lộ của sự phạm tội và các quan hệ của nó với các chủ thể khác có liên quan như người bị hại, nhân chứng vv...”[25-tr37].

Theo nghiên cứu của viện nghiên cứu Nhà nước và pháp luật, các nhà khoa học đã đưa ra mức độ ẩn của tình hình tội phạm có bốn cấp độ. Theo đó, độ ẩn của tình hình tội phạm cướp giết tài sản được xếp loại ở cấp độ II, tức là thuộc nhóm những tội phạm bị ẩn khuất thứ 2, nó được xếp loại mức độ ẩn thứ II vì lý do từ phía bị hại không tố giác tội phạm với cơ quan chức năng để bảo vệ quyền lợi của mình đã bị xâm hại. Thực tế, người bị hại trong các vụ án cướp giết tài sản không trình báo với cơ quan chức năng, vì lý do không tin tưởng vào công an sẽ tìm thấy lại tài sản cho họ và khi đi trình báo, công an tiếp nhận thông tin có thái độ hững hờ, cho rằng hành vi phạm tội cướp giết không chết người và nhiều lúc, nhiều nơi công an còn gây cho họ cảm giác

như chính họ phạm tội, cho nên người bị hại cũng không muốn mất thời gian đi trình báo công an. Một lý do nữa người bị hại không trình báo công an vì tài sản của họ bị cướp giật không lớn, theo phân tích 220 bản án hình sự sơ thẩm về tội cướp giật tài sản từ năm 2005 - 2010 cho thấy các tài sản bị chiếm đoạt có giá trị không lớn, ví dụ như điện thoại, túi xách của những người đi bộ, đi xe máy, đi xe đạp, khoảng 90% các vụ cướp giật tài sản có trị giá từ 200.000 đồng đến 3.000.000 đồng. Hiện tượng người bị hại không tố giác tội phạm với các cơ quan pháp luật rất phổ biến.

Việc xác định tỷ lệ ẩn của tình hình tội phạm có thể khẳng định là chỉ mang tính tương đối, tuy nhiên những thông số đó cũng cho chúng ta hình dung được bức tranh của tình hình tội phạm ẩn trong một thời gian, không gian xác định. Từ những năm đầu thập kỷ 60 của thế kỷ 20 các nhà tội phạm học ở những nước có bề dày đấu tranh phòng, chống tội phạm và các nhà nghiên cứu về tội phạm học ở nước ta những năm gần đây đã rút ra được một số phương pháp xác định tỉ lệ ẩn của tội phạm. Phương pháp điều tra xã hội học bằng phiếu thăm dò người bị hại, bằng phiếu thăm dò bị can, phương pháp phân tích tổng hợp và phương pháp thực nghiệm.

Theo điều tra xã hội học bằng phiếu thăm dò bị can phạm tội trên địa bàn quận Hoàn Kiếm, huyện Từ Liêm, quận Đống Đa trong khoảng thời gian từ năm 2007 đến năm 2010, có 200 phiếu hợp lệ, trong đó các bị can trả lời có 2.247 lần phạm tội cướp giật tài sản trong đó có 1.063 lần không bị phát hiện và không bị xử lý và 1.184 lần bị phát hiện và bị đưa ra xét xử. Như vậy có thể tính tỷ lệ ẩn của tình hình tội phạm cướp giật là khoảng 1:1, tức là cứ có một vụ được phát hiện xử lý còn một vụ không được phát hiện.

Ngoài ra, xác định tỉ lệ ẩn của tội cướp giật tài sản bằng phương pháp phân tích 220 bản án, cho thấy có 314 bị cáo đã khai họ thực hiện hành vi cướp giật tài sản tổng cộng khoảng 2500 vụ nhưng chỉ bị đưa ra xét xử

khoảng gần 1200 vụ, còn lại khoảng 1300 vụ không bị đưa ra xét xử, mặc dù họ khai rõ địa điểm, thời gian thực hiện phạm tội nhưng Cơ quan điều tra không tìm thấy người bị hại và người bị hại cũng không đến trình báo tại cơ quan Công an, do đó phải đình chỉ khởi tố vụ án, đình chỉ khởi tố bị can.

Tội cướp giật tài sản được cho rằng có mức độ ẩn ở cấp độ thứ 2, vì căn cứ vào khả năng bộc lộ hành vi của chính loại tội phạm này, xem xét dưới góc độ tính chất của hành vi “nhanh chóng tẩu thoát” nhằm không để lại dấu vết, không bị phát hiện và hầu hết các vụ cướp giật tài sản bị phát hiện sau khi bọn chúng đã thực hiện hành vi tội phạm nhiều lần. Nhưng xét về số lượng tội phạm cướp giật tài sản không bị phát hiện theo tỷ lệ nghiên cứu thì tội cướp giật tài sản là một trong số có mức độ ẩn nhiều nhất.

Điều đáng quan tâm về tình hình tội phạm ẩn của tội cướp giật tài sản là trước khi bị bắt hay bị phát hiện bọn chúng đã thực hiện rất nhiều vụ cướp giật nhưng không bị cơ quan chức năng phát hiện, chính vì thế phần ẩn của tình hình tội cướp giật tài sẽ rất lớn. Ví dụ: Theo bản án Hình sự sơ thẩm số 154/2008/HSST ngày 25/08/2008 do Tòa án nhân dân huyện Từ Liêm xét xử vụ Nguyễn Trung Kiên phạm tội cướp giật tài sản, cho thấy trước khi bị bắt Kiên đã thực hiện 16 vụ cướp giật tài sản chót lọt và khi xét xử cũng chỉ bị xử 01 vụ, còn 15 vụ khác không tìm được người bị hại và cũng không bị đưa ra xét xử, điều đó đồng nghĩa với việc là người có hành vi cướp giật không phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của họ. Hoặc ví dụ như theo bản án Hình sự sơ thẩm số 122/2008/HSST ngày 14/04/2008 do Tòa án nhân dân quận Đống Đa xét xử vụ Phan Tiến Tùng là người chưa thành niên phạm tội cướp giật tài sản, trước khi bị bắt Tùng đã thực hiện 14 vụ cướp giật tài sản nhưng cũng chỉ bị đưa ra xét xử 01 vụ, mặc dù 14 vụ khác hành vi phạm tội của Tùng không khác nhau, vẫn phương thức phạm tội cũ và thủ đoạn phạm tội giống nhau. Hoặc ví dụ VKSND Hà Nội xác định, Bùi Mạnh Chiến,

Nguyễn Văn Trung (cùng ở quận Hai Bà Trưng) liên tục gây ra hàng loạt vụ cướp giật tài sản ở khu vực trung tâm Hà Nội. Trưa 12/8/2009, cảnh sát tuần tra tại ngã ba Phan Đình Phùng - Phùng Hưng, phát hiện Chiến và Trung có biểu hiện nghi vấn nên kiểm tra hành chính. Nhiều sợi dây chuyền vàng bị đứt được tìm thấy trong người hai thanh niên này. Quá trình điều tra vụ án, cơ quan công an chỉ xác định được 6 bị hại trong tổng số khoảng 30 vụ mà chúng khai nhận. [94] Qua đó cho thấy hành vi phạm tội cướp giật tài sản chưa được phát hiện kịp thời và chưa được xử lý theo pháp luật còn ở mức độ rất cao.

Bộ luật hình sự Việt Nam có tất cả 274 loại tội phạm, trong đó tội phạm cướp giật tài sản đã chiếm khoảng 4% tổng số tội phạm, đây là một tỷ lệ lớn và tương ứng với tỷ lệ này còn tồn tại những con số về tội phạm ẩn rất lớn. Nếu theo kết quả tính tỷ lệ tội phạm ẩn của tội cướp giật tài sản có tỷ lệ 1:1, như vậy tội phạm ẩn của tội cướp giật tài sản cũng vào khoảng 4% tổng số tội phạm phải xét xử. Tổng số tội phạm cướp giật tài sản từ năm 2001 đến năm 2012 là 40.747 bị cáo nếu tỷ lệ tội phạm ẩn của tội cướp giật tài sản là 1:1 thì có thể số tội phạm cướp giật tài sản ẩn cũng có một con số tương đương là 40.747 .

Các nhà khoa học cho rằng, tội phạm ẩn của tội cướp giật tài sản ở mức độ ẩn thấp hơn so với một số tội phạm khác như tội hiếp dâm, tội tham ô, tội cố ý làm trái, lạm dụng chức vụ quyền hạn... đó là xem xét dưới góc độ tính chất hành vi của các loại tội phạm để kết luận và đưa ra các cấp độ về mức độ ẩn của tội phạm. Xét về mức độ ẩn của tội cướp giật tài sản trên phương diện lý luận tính chất hành vi, nó chỉ ở mức độ II, tức là thuộc nhóm những tội phạm bị ẩn khuất thứ 2, nhưng xét về số lượng thực tế, có thể khẳng định loại tội cướp giật tài sản sẽ là một trong những tội đứng đầu về số lượng tội phạm ẩn.

Tội cướp giật tài sản có tỷ lệ các vụ phạm tội chưa được điều tra, xử lý còn khá cao. Cơ quan điều tra chỉ điều tra xử lý được 35% số vụ phạm tội xảy ra, còn tới 65% số vụ chưa được điều tra xử lý, cơ quan điều tra đã thống kê và tiến hành điều tra nhưng không làm rõ được người bị hại, mặc dù các bị can, bị cáo khai họ đã phạm tội cướp giật nhiều lần, thậm trí có những bị can bị khai họ đã thực hiện 16 lần ở những địa điểm và thời gian rõ ràng, nhưng do cơ quan điều tra không chứng minh được hành vi phạm tội của họ, trong khi đó pháp luật hình sự Việt Nam quy định nghĩa vụ chứng minh hành vi phạm tội của tội phạm là của cơ quan điều tra. Do đó, nhiều vụ tội phạm không bị đưa ra truy tố trước pháp luật và vụ án đã đình chỉ điều tra. Như vậy vẫn còn một tỷ lệ tội phạm nhất định không phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm pháp do chính họ gây ra. “Công tác điều tra khám phá các vụ án cướp giật tài sản tuy đạt được những biện pháp nhất định, song tỷ lệ những vụ án bị rơi vào bế tắc vẫn còn nhiều(45,01%)” [59- tr4]

Tội phạm cướp giật tài sản trong nhiều trường đã là bước đệm cho những lần sau phạm tội nguy hiểm và tàn bạo hơn về mức độ, tính chất. Do không bị xử lý kịp thời, xử lý nghiêm khắc, thời gian ảm lâu nên đã tạo điều kiện cho tội phạm cướp giật tài sản lôi kéo thêm nhiều kẻ khác cùng phạm tội, hình thành các băng nhóm hoạt động ngày càng nguy hiểm, liều lĩnh, táo bạo và coi thường pháp luật.

Số tội phạm cướp giật tài sản năm sau tăng hơn năm trước, nếu làm một phép toán so sánh đơn giản sẽ cho một kết luận là tội phạm ảm của tội cướp giật tài sản cũng gia tăng tương đương. Khi tội phạm cướp giật tài sản vẫn còn ảm khuất, vẫn còn “rình rập nằm trong bóng tối” thì mối hiểm nguy càng khó lường. Chúng ta phải nhận diện được tình hình ảm của tội cướp giật tài sản vì tội phạm ảm là một vấn đề trong nội dung của tình hình tội phạm, tồn

tại tội phạm ản sẽ là một trong những lý do hạn chế các biện pháp hữu hiệu để đấu tranh phòng chống tội phạm.

Vấn đề tội phạm ản lâu nay chưa được quan tâm nếu không nói là các cơ quan chức năng còn né tránh. Vì nhiều nguyên nhân: có thể do khoa học về tội phạm ản ở nước ta hiện nay chưa đạt ở mức chuyên sâu, còn nhiều quan điểm trái chiều, chưa thống nhất, điều kiện nghiên cứu còn khó khăn và ít nhà khoa học tâm huyết với nó. Đây là một sự thiếu hụt nghiêm trọng công cụ đấu tranh phòng chống tội phạm.

2.2. Phần hiện của tình hình tội cướp giật tài sản

Phần hiện là một phạm trù của tội phạm học, là một phần cơ bản trong cấu trúc khái quát của tình hình tội phạm. “Phần hiện của tình hình tội phạm là toàn bộ những hành vi phạm tội và chủ thể của các hành vi đó đã bị xử lý theo quy định của pháp luật hình sự ở từng đơn vị hành chính – lãnh thổ hay trên phạm vi toàn quốc, trong những khoảng thời gian nhất định và được ghi nhận trong thống kê hình sự”. [62-tr 55] Như vậy, phần hiện là một trong các hình thức biểu hiện của tình hình tội phạm, phản ánh bản chất bên trong của tình hình đó, qua phần hiện chúng ta nhận diện được những đặc điểm của tình hình tội phạm.

Trên cơ sở lý luận đó, những đặc điểm của tội phạm cướp giật tài sản được xem xét từ khía cạnh định tính và định lượng thông qua các số liệu của cơ quan tư pháp (ở đây chủ yếu là các số liệu của Tòa án nhân dân tối cao) làm cơ sở chứng minh bản chất của tình hình tội phạm cướp giật tài sản. Xuất phát từ những hành vi cướp giật tài sản cụ thể, để tiếp cận bản chất của tình hình tội phạm cướp giật tài sản với tư cách là cái được phản ánh thông qua các đặc điểm định tính và định lượng của nó. Kết quả đó cho thấy trong mối quan hệ giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội, từ đó làm căn cứ giải thích hiện

tượng xã hội tiêu cực đang ngày càng gia tăng để có những giải pháp đấu tranh phòng, chống tội cướp giật tài sản hợp lý, có hiệu quả, không rơi vào tình trạng duy ý trí, hình thức.

2.2.1. Mức độ và diễn biến của tình hình tội cướp giật tài sản .

Mức độ (Thực trạng) của tình hình tội phạm là số lượng các tội phạm đã được thực hiện và những người thực hiện các tội phạm đó ở một địa hình nhất định và trong khoảng thời gian nhất định.[90-tr 61]. Như vậy, mức độ của tình hình cướp giật tài sản ở nước ta trong khoảng thời gian từ 2001- 2012 được biểu hiện qua số lượng tội phạm cướp giật tài sản diễn ra trên toàn quốc những năm qua. Mức độ của tình hình tội phạm cướp giật tài sản được xác định bằng tổng cộng số lượng của số tội phạm đã bị tòa án xét xử và tuyên là có tội cướp giật tài sản và số lượng các vụ án bị đình chỉ điều tra, truy tố vì không chứng minh được sự tham gia của các bị can về hành vi cướp giật tài sản đã thực hiện, các số liệu về số lượng tội cướp giật tài sản không phát hiện được, hệ số của tình hình tội phạm, mức độ của tình hình tái phạm. Mức độ của tình hình tội phạm thay đổi và vận động theo thời gian, nó diễn tả động thái của tình hình tội phạm cướp giật tài sản.

Trong 10 năm thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001 - 2010, đất nước ta đã vượt qua nhiều khó khăn, thách thức, đặc biệt là những tác động tiêu cực của hai cuộc khủng hoảng tài chính - kinh tế khu vực và toàn cầu, đạt được những thành tựu to lớn, đất nước đã thoát khỏi tình trạng kém phát triển, bước vào nhóm nước đang phát triển có thu nhập trung bình. Nhiều mục tiêu chủ yếu của Chiến lược 2001 - 2010 đã được thực hiện, kinh tế tăng trưởng nhanh, đạt tốc độ bình quân 7,2%/năm. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa tiếp tục được hoàn thiện, các lĩnh vực văn hóa, xã hội đạt thành tựu quan trọng trên nhiều mặt. Đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được

cải thiện rõ rệt, dân chủ trong xã hội tiếp tục được mở rộng. Đạt được những thành tựu nêu trên là nhờ phát huy được sức mạnh toàn dân tộc, sự nỗ lực phấn đấu vượt bậc, năng động sáng tạo của toàn dân, toàn quân và của cả hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng, sự quản lý điều hành có hiệu quả của Nhà nước.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đã đạt được còn nhiều vấn đề bất cập. Tình hình tội phạm tăng nhanh và tính chất ngày càng nguy hiểm, tội cướp giật tài sản phức tạp và mức độ rất nghiêm trọng. Theo các số liệu thống kê thường xuyên của Toà án nhân dân tối cao từ năm 2001 - 2012 để làm chất liệu nghiên cứu tình hình tội cướp giật tài sản, cho thấy thực trạng của tình hình tội cướp giật tài sản về số lượng các vụ và số người thực hiện cướp giật tài sản trên toàn quốc ở từng giai đoạn có những biểu hiện khác nhau.

Phân tích số liệu các vụ án đã xét xử sơ thẩm trên toàn quốc về tội cướp giật tài sản của Tòa án nhân dân tối cao trong khoảng thời gian từ năm 2001-2012 sẽ cho chúng ta nhận thức tương đối đầy đủ về một hiện tượng xã hội tiêu cực. Từ số liệu biểu hiện mức độ của tình hình tội cướp giật tài sản đó, phần nào đã giúp cho chúng ta thấy được bức tranh về tình hình tội cướp giật tài sản xảy ra trong thực tế của đời sống xã hội.

Từ năm 2001- 2012, trên toàn quốc đưa ra xét xử hình sự sơ thẩm đối với tất cả các loại tội là 710.192 vụ tương ứng với 1.167.910 bị cáo, trong đó tội cướp giật tài sản là 28.850 với 49.783 bị cáo, bình quân mỗi năm đưa ra xét xử sơ thẩm tội cướp giật tài sản vào khoảng 2.404 vụ án tương ứng với 4.148 bị cáo.

Năm 2001 số vụ cướp giật tài sản là 1.924, số bị cáo là 3.059; Năm 2002 số vụ cướp giật tài sản là 1.416 với số bị cáo là 5.216; Năm 2003 số vụ cướp giật tài sản là 1.872 với số bị cáo là 3091; Năm 2004 số vụ cướp giật tài sản là 1.886 với số bị cáo là 3.284; Năm 2005 số vụ cướp giật tài sản là 2008 với số

bị cáo là 3.397; Năm 2006 số vụ cướp giật tài sản là 2.257 với số bị cáo là 3793; Năm 2007 số vụ cướp giật tài sản là 2875 với số bị cáo là 3.321; Năm 2008 số vụ cướp giật tài sản là 2.961 với số bị cáo là 5.182; Năm 2009 số vụ cướp giật tài sản là 3.275 với số bị cáo là 5.641, năm 2010 có số vụ là 2.869, số bị cáo là 4.763; năm 2011 có số vụ là 2.845, số bị cáo là 4.698; Năm 2012 có số vụ là 2.662, số bị cáo là 4.338. Đặc biệt năm 2009 con số này đã lên tới số vụ 3.275, bị cáo là 5.641. Như vậy, so với năm 2001 đến năm 2012 số vụ cướp giật tài sản tăng 1.351, số bị cáo tăng 2.582. Xét tương quan giữa tình hình các loại tội phạm hình sự với tình hình tội cướp giật tài sản thì tình hình tội cướp giật tài sản có số bị cáo và số vụ ở mức độ khá cao.

Năm 2001 - 2012 là giai đoạn tình hình tội phạm nói chung ở nước ta có nhiều biến đổi, nhiều loại tội phạm mới, tính chất và thủ đoạn của tội phạm ngày càng tinh vi và tội phạm cướp giật tài sản không chỉ nghiêm trọng về sự gia tăng rất nhanh về số lượng mà tính chất, thủ đoạn của tình hình tội phạm cướp giật tài sản cũng ngày càng nguy hiểm hơn nhiều. Bọn tội phạm cướp giật lợi dụng những hoàn cảnh của xã hội để thực hiện hành vi tội phạm. Như việc giao thông tắc nghẽn hoặc tại các ngã tư đường, người lưu thông trên đường phải dừng xe để chờ tín hiệu đèn giao thông, bọn chúng giật tài sản, rồi nhanh chóng lách khỏi dòng người chạy vào các ngõ ngách nhỏ tẩu thoát. Bọn tội phạm thường đến các cây rút tiền tự động rình những người thực hiện xong giao dịch về tiền, ra khỏi máy rút tiền, bọn chúng cướp giật tiền rồi nhảy lên xe đồng bọn chờ sẵn ở ngoài đường phóng đi trốn thoát. Hoặc bọn chúng rình trước cửa các ngân hàng chờ sẵn để cướp giật tiền của những người vừa giao dịch ở ngân hàng ra. Bọn chúng trở nhau bằng xe máy, đi lòng trên các tuyến đường khi thấy có người mang tài sản sơ hở, bọn chúng ép sát gần người bị hại, tạo điều kiện cho đồng bọn ngồi sau thực hiện hành vi cướp giật. Để tránh bị truy đuổi, các đối tượng thường bố trí cho đồng bọn chạy trước,

một số đối tượng chạy sau cản đường tạo điều kiện cho tội phạm trốn thoát khỏi sự truy bắt. Nạn nhân của các vụ cướp giật chủ yếu là phụ nữ đi xe máy tay ga, có đeo trang sức hoặc mang túi xách, điện thoại di động, máy tính xách tay....

Trong thời kỳ đổi mới, phát triển nhiều các khu kinh tế, khu công nghiệp được hình thành ở nhiều tỉnh, kéo theo sự thu hút nguồn nhân lực, nguồn lao động từ nông thôn và các nơi đổ dồn về tạo nên sự thay đổi phân bố dân cư. Trên từng khu vực, từng địa bàn cơ cấu dân cư phức tạp là một yếu tố có ảnh hưởng lớn tới tình hình tội phạm cướp giật tài sản. Ví dụ: Tỉnh Bình Dương phát triển công nghiệp rất nhanh, thu hút hàng trăm ngàn lao động từ khắp các tỉnh trong Nam đến các tỉnh phía Bắc. Tỉnh này có số tội phạm cướp giật tài sản nhiều thứ 3 so với số lượng tội phạm cướp giật tài sản của toàn quốc.

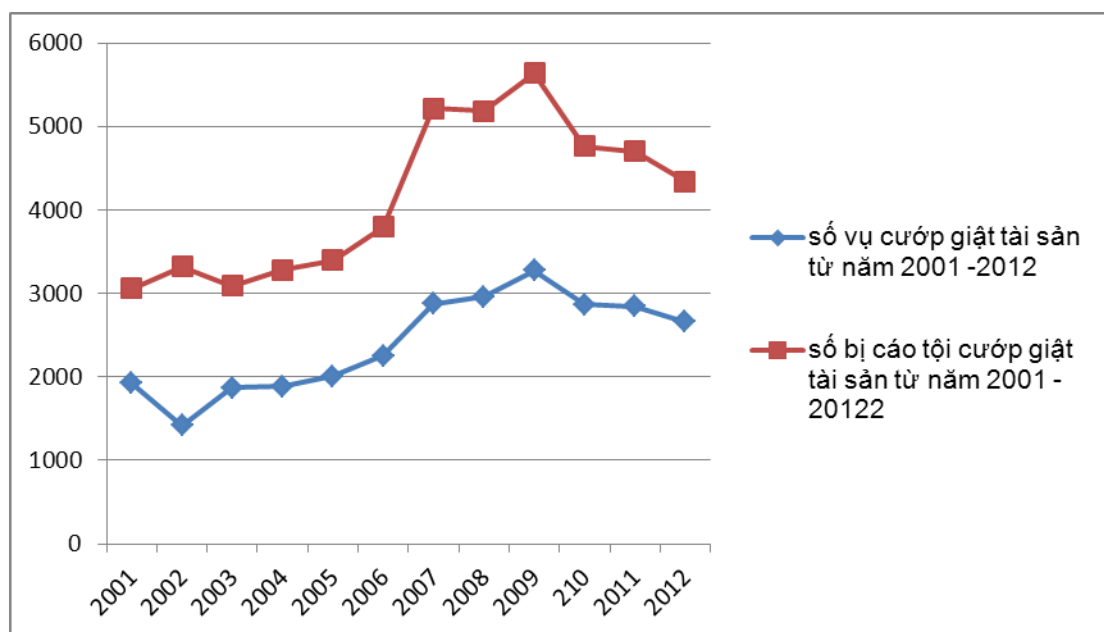
Trước đây tình hình tội cướp giật tài sản chỉ xảy ra ở những thành phố lớn, ở những nơi vắng vẻ, thường vào buổi tối. Thời gian gần đây, bọn tội phạm này thực hiện thời gian bất kỳ trong ngày và ở cả những chỗ đông người, tính chất hành vi ngày càng táo bạo, chúng rủ nhau tạo thành những băng nhóm, xông vào nhà hàng ăn uống sang trọng để cướp giật tài sản của khách hàng, bọn chúng có sự tính toán chủ động tìm những người có tài sản giá trị lớn để cướp giật. Chúng rình sẵn tại các cửa hiệu vàng bạc, ví dụ như ngày 25 tháng 6 năm 2011 anh Đỗ Tấn Dũng và vợ là Thúy là chủ hiệu vàng tại thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên bị hai tên cướp 100 lượng vàng và tẩu thoát. Hiện tượng này gây hoang mang trong quần chúng nhân dân, làm mất trật tự trị an trong cộng đồng dân cư. Chính vì vậy cần phải nghiên cứu tìm ra những biện pháp chủ động để đấu tranh với tình hình loại tội phạm này.

Từ năm 2001 đến năm 2012 số tội phạm cướp giật tài sản tăng rất nhanh, giai đoạn năm 2001 đến 2006 mức độ tội cướp giật tăng đều đặn, nhưng mức độ tăng không lớn. So với năm 2001, năm 2007 tội cướp giật tài sản có số vụ

tăng 149% và số bị cáo tăng 171%; Năm 2008 tội cướp giật tài sản có số vụ tăng 154% và số bị cáo tăng 169%; Năm 2009 tội cướp giật tài sản có số vụ tăng 170% và số bị cáo tăng 184%; Năm 2010 tội cướp giật tài sản có số vụ tăng 149% và số bị cáo tăng 156%. Năm 2011 tội cướp giật tài sản có số vụ tăng 148% và số bị cáo tăng 154%. Năm 2012 tội cướp giật tài sản có số vụ tăng 142% và số bị cáo tăng 142%. Đặc biệt tới năm 2009 số vụ và số bị cáo của tội cướp giật tài sản tăng đột biến.

Tội cướp giật tài sản xâm hại tới quyền sở hữu tài sản của người khác, trong một số trường hợp tội cướp giật tài sản còn xâm hại tới cả tính mạng, sức khỏe của người khác. Nó không những gây thiệt hại về vật chất đối với người bị hại mà còn gây tổn hại tới thể chất tinh thần của người bị hại, gây mất trật tự trị an xã hội.

Biểu đồ 2.1. Số vụ cướp giật và số bị cáo cướp giật tài sản năm 2001- 2012

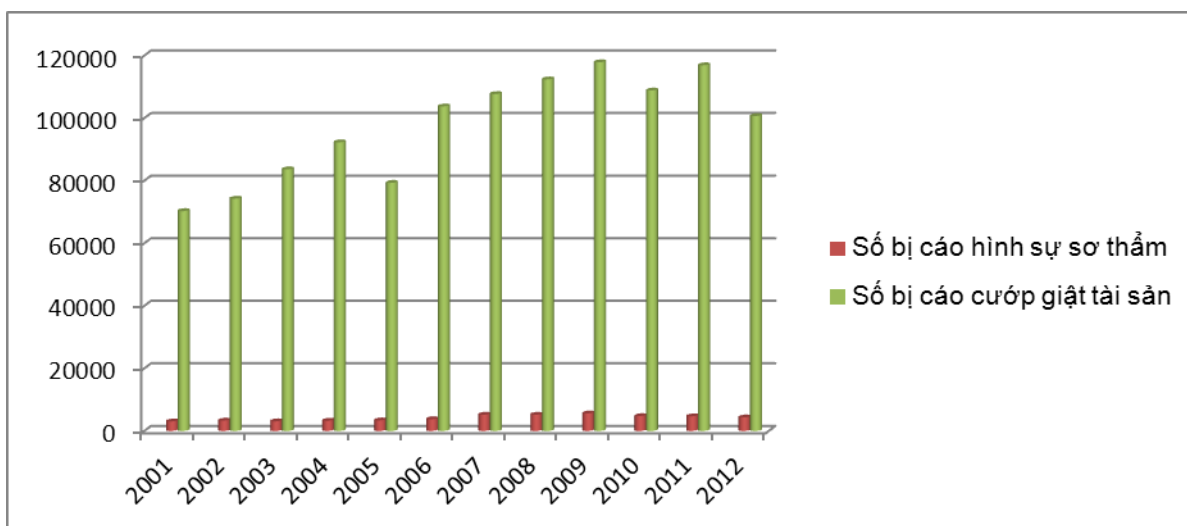


Tình hình tội cướp giật tài sản ở nước ta hiện nay có những diễn biến hết sức phức tạp, mặc dù đã có rất nhiều các biện pháp kiểm soát, kiểm chế loại tội này nhưng chưa mang lại hiệu quả. “Một nhân viên bảo vệ Công ty tại

quận Tân Bình cho biết, chính anh đã chứng kiến chỉ trong khoảng 40 phút có đến 4 vụ cướp giật như dây chuyền, laptop, điện thoại.”[9]. Công an TPHCM cho biết: 3 tháng đầu năm 2012, trên toàn địa bàn TP.HCM đã xảy ra 263 vụ cướp, trong đó công phá được 227 vụ, bắt 324 đối tượng, trung bình một ngày xảy ra gần 30 vụ cướp giật tài sản. Bọn tội phạm cướp giật tài không chỉ nhằm vào người Việt mà còn nhằm vào du khách người nước ngoài, gây ra hình ảnh xấu trong con mắt người nước ngoài đối với đất nước và con người Việt Nam.

Từ con số thống kê và thực tế diễn biến trong cuộc sống cho thấy tình hình cướp giật tài sản gây nhức nhối trong toàn xã hội. Cần phải đưa ra những biện pháp hữu hiệu để cho tội phạm không xảy ra, không gây ra các hậu quả nguy hiểm cho xã hội, tiến tới triệt tiêu loại tội phạm nguy hiểm này. Kết quả này đã chỉ ra cho chúng ta thấy cần phải đấu tranh phòng, chống tội cướp giật tài sản rất quyết tâm, quyết liệt mạnh mẽ của toàn Đảng, toàn dân.

Biểu đồ 2.2. So sánh mức độ trong tổng thể THTP từ năm 2001 - 2012



Trong 3 năm, năm 2007, năm 2008, 2009 số vụ, số bị cáo tăng mạnh, từ năm 2010 đến 2012 số vụ, số bị cáo có dấu hiệu giảm dần. Hiện tượng giảm số lượng tội cướp giật tài sản ở năm 2010 có thể lý giải được, vì năm 2010 là

năm chẵn nước ta có tổ chức nhiều sự kiện kỷ niệm lớn như: Lễ kỷ niệm 80 năm ngày thành lập Đảng Cộng Sản Việt nam, Thành phố Hồ Chí Minh cùng với cả nước tổ chức kỷ niệm 35 năm giải phóng Sài Gòn và đất nước thống nhất, ở Hà Nội kỷ niệm 1000 năm Thăng Long. Để bảo đảm an ninh trật tự an toàn xã hội trong các ngày diễn ra lễ hội, các ngành các cấp đã ra quân mạnh mẽ, quyết liệt truy quét tội phạm, công tác phòng ngừa được quan tâm sát sao.

Lãnh đạo Bộ Công an đạo mở nhiều đợt cao điểm tấn công trấn áp tội phạm, đảm bảo trật tự an toàn xã hội trước, trong và sau sự kiện kỷ niệm lớn. Đảng uỷ, Công an các đơn vị, địa phương chủ động tham mưu cho cấp uỷ, chính quyền địa phương, phối hợp các ban, ngành, đoàn thể tổ chức đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phát động phong trào toàn dân tham gia bảo vệ an ninh tổ quốc, tố giác tội phạm, xác định rõ tuyến, địa bàn trọng điểm, tập trung lực lượng củng cố hồ sơ, xác định các băng nhóm tội phạm, kịp thời đấu tranh ngăn chặn, bắt và xử lý đúng người đúng tội. Điều đó khẳng định nếu có sự quyết tâm và có biện pháp hợp lý, thường xuyên trấn áp tội phạm thì chúng ta có thể ngăn ngừa tội phạm rất kết quả và vấn đề đặt ra là việc phòng ngừa tội phạm nói chung và tội cướp giật tài sản nói riêng chính là phải thực hiện một cách chủ động, bền vững.

Từ Bảng 2.2 và Biểu đồ 2.2 chúng ta dễ dàng so sánh diễn biến tình hình các loại tội phạm hình sự sơ thẩm với tình hình tội cướp giật tài sản trên toàn quốc. Năm 2001 tổng số vụ án hình sự sơ thẩm phải xét xử là 48.365 vụ, với số bị cáo là 79.290, đến năm 2009 tổng số vụ án hình sự sơ thẩm phải xét xử đã là 66.919 vụ tăng 138%, với số bị cáo là 117.867 tăng 168%.

Với những con số này chúng ta thấy tình hình phát triển các loại tội phạm quá cao. Đặc biệt, đem so sánh tình hình tội phạm chung với một loại tình hình tội cướp giật tài sản, sẽ thấy mức độ gia tăng tội phạm cướp giật tài sản rất trầm trọng. So với năm 2001, năm 2009 số vụ cướp giật tài sản tăng

170% và số bị cáo tăng 184%, điều đó cho thấy sự gia tăng tội phạm chung có sự gia tăng tội phạm cướp giật tài sản. Nếu chúng ta có biện pháp làm giảm mạnh mẽ tội cướp giật tài sản thì sẽ thực hiện được nhiệm vụ làm giảm tình hình tội phạm nói chung.

Ở Bảng 2.3 cho thấy từ năm 2001 - 2006 trung bình mỗi năm số vụ và số bị cáo phạm tội cướp giật tài sản chiếm 3 % - 4% số vụ và số bị cáo phạm các loại tội hình sự. Tuy nhiên, trong các năm 2007, 2008, 2009 số vụ và số bị cáo phạm tội cướp giật tài sản chiếm 5% số vụ tội phạm chung. Có thể kết luận nguyên nhân gây nên số tội phạm chung vượt lên đến 6 con số ở năm 2012 do có sự tăng mạnh của tội cướp giật tài sản.

Qua bảng so sánh diễn biến tình hình các loại tội phạm hình sự với tình hình tội cướp giật tài sản trên toàn quốc từ năm 2001 - 2012 đã mô tả, phản ánh được mức độ diễn biến phức tạp của tình hình tội cướp giật tài sản ở nước ta trong những năm gần đây. Những chỉ số về mức độ, động thái của tình hình tội cướp giật tài sản thể hiện một phần những nét đặc trưng có tính quy luật và các mối quan hệ qua lại có tính biện chứng, sự tác động qua lại giữa tình hình tội cướp giật tài sản với tình hình tội phạm nói chung trên toàn quốc, đó là một trong những cơ sở khoa học để thực hiện nghiên cứu xây dựng kế hoạch đấu tranh phòng, chống tội cướp giật tài sản.

Tình hình tội cướp giật tài sản không ngừng tăng về số lượng. Song, loại tội phạm này không có trong danh mục các loại tội phạm xâm phạm trật tự xã hội được quan tâm nhiều. Trong các báo cáo hàng năm của Ban chỉ đạo 138/CP gửi Thủ tướng Chính phủ, tình hình cướp giật tài sản cũng không được đưa vào nghiên cứu chuyên sâu như các tội Chống người thi công vụ, tội mua bán người, tội phạm về công nghệ thông tin và một số tội khác mặc dù số lượng các tội này nhỏ hơn số lượng tội cướp giật tài sản rất nhiều.

Sở dĩ, đưa loại tội phạm chống người thi hành công vụ so sánh với tội cướp giết tài sản, vì loại tội phạm chống người thi hành công vụ được Bộ công an báo cáo là một trong những loại tội phạm nổi bật và rất được quan tâm. Thế nhưng, năm 2001 số lượng tội chống người thi hành công vụ chỉ bằng 24% số vụ tội cướp giết tài sản, 23% số bị cáo tội cướp giết tài sản, đến năm 2007 số lượng tội chống người thi hành công vụ chỉ bằng 24% số vụ tội cướp giết tài sản. Đối với tội chống người thi hành công vụ, số tội phạm ẩn rất nhỏ, được đánh giá là có mức độ ẩn khuất ít nhất. Như vậy, các con số thống kê về tội chống người thi hành công vụ là con số rất sát với thực tế xảy ra. Hiện nay, công tác đấu tranh phòng chống tội phạm của các cơ quan chức năng rất quan tâm tới tội chống người thi hành công vụ, mặc dù số lượng tội phạm cướp giết tài sản đã bị phát hiện xử lý theo pháp luật nhiều gấp bốn lần so với tội chống người thi hành công vụ, nhưng chưa được quan tâm đúng mức. Phải chăng các cơ quan chức năng, các nhà khoa học, các nhà quản lý Nhà nước cho rằng tình hình tội phạm cướp giết tài sản không gây chết người, chưa đến mức độ cần được quan tâm. Nếu đúng như vậy thì đó là một cách tư duy chưa đầy đủ, thiếu tầm nhìn và chưa sâu sát. Điều này, ảnh hưởng rất lớn đến quá trình đấu tranh phòng chống tội phạm một cách bền vững và lớn hơn nữa là ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững về mọi mặt của đất nước.

2.2.2. Cơ cấu của tình hình tội cướp giết tài sản

Để biết về kết cấu bên trong của các con số tạo nên tình hình tội phạm cần thông qua cơ cấu của tình hình tội phạm. Cơ cấu của tình hình tội phạm là tỷ trọng và mối tương quan của các loại tội phạm khác nhau trong một khoảng thời gian nhất định và ở một địa bàn nhất định. Nghiên cứu cơ cấu của tình hình tội cướp giết tài sản là xem xét, phân tích một số chỉ số cụ thể của tội cướp giết tài sản trong tổng số các loại tội phạm và tổng số tội phạm cướp giết tài sản, từ trong mối quan hệ đó rút ra sự tương tác giữa chúng để có cơ sở

định hướng tập trung vào các giải pháp đấu tranh phòng, chống tội cướp giật tài sản.

Thông thường chúng ta nhận thức tính chất nguy hiểm của tội phạm thông qua hậu quả của hành vi phạm tội hoặc các thủ đoạn gây án. Tuy nhiên, về lý luận tội phạm học thì tính chất của tình hình tội phạm chính là kết quả của sự đánh giá đối với mức độ, cơ cấu và động thái của tình hình tội phạm[62- tr19]. Tính chất của tình hình tội phạm thể hiện ở số lượng của các tội phạm nguy hiểm nhất cho xã hội trong cơ cấu của tình hình tội phạm cũng như ở các đặc điểm nhân thân của những người phạm tội. Tính chất của tình hình phạm tội được làm sáng tỏ thông qua cơ cấu của nó.[90- tr65]

Tính chất của tình hình tội cướp giật tài sản phản ánh mức độ nguy hiểm, mức độ nghiêm trọng khác nhau của tình hình tội cướp giật tài sản ở từng thời gian, không gian khác nhau, thông qua tương quan và tỷ lệ giữa các thành phần tạo nên cơ cấu của tình hình tội cướp giật tài sản.

Trong lý luận tội phạm học thì cơ cấu và tính chất của tình hình tội phạm là đặc điểm định tính của tình hình tội phạm. Công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm cần phải tập trung vào những cơ cấu của tình hình tội phạm có biểu hiện rõ những yếu tố chủ yếu gây ra tình hình tội phạm nguy hiểm. Điều đó rất có ý nghĩa đối với việc tổ chức phòng ngừa và việc phân hóa thực tiễn áp dụng các biện pháp pháp luật hình sự.

2.2.2.1. Cơ cấu theo đơn vị hành chính – lãnh thổ

Tình hình tội phạm nói chung luôn chịu ảnh hưởng của tình hình kinh tế - xã hội trên địa bàn nhất định, trong khoảng thời gian nhất định và tình hình tội cướp giật tài sản cũng không nằm ngoài quy luật đó. Đối với loại tội này sự tác động của môi trường kinh tế - xã hội của từng địa phương có những đặc trưng riêng dẫn đến mức độ, động thái của tình hình tội phạm cướp giật tài sản ở mỗi một địa phương có những mức độ khác nhau.

Phân tích số liệu thống kê của TANDTC (Bảng 2.5) về tội cướp giật tài sản của 64 đơn vị hành chính – lãnh thổ từ 2008 – 2012 để chúng ta có thể hình dung một cách khái quát về tình hình tội cướp giật tài sản ở các địa phương trên toàn quốc .

Số tội phạm cướp giật tài sản đã xét xử sơ thẩm hình sự trên cả nước trong 5 năm từ năm 2008 đến năm 2012, có 14.408 vụ với tổng số bị cáo là 24.406. Có thể khái quát chia số vụ án, số bị cáo tội cướp giật tài sản ở 64 tỉnh, thành phố và khu vực quân sự từ năm 2008 đến năm 2012 thành 7 cấp độ về mức độ tội phạm.

Theo đó, thành phố Hồ Chí Minh có số tội phạm cướp giật tài sản cao nhất so với số tội phạm cướp giật tài sản trên cả nước, xếp ở cấp độ 1. Nổi bật lên với con số hàng ngàn vụ án, hàng ngàn bị cáo. Trong 5 năm từ năm 2008 đến 2012 số tội phạm cướp giật tài sản ở Thành phố Hồ Chí Minh so với số tội phạm trên toàn quốc chiếm 44,3% với 6.392 vụ án, 38,5% với 9.418 bị cáo. Thành phố Hồ Chí Minh luôn đi đầu trong phát triển kinh tế, thu hút lực lượng lao động ở các tỉnh đổ về, xuất hiện tình trạng di dân ồ ạt, từ nông thôn ra thành phố sinh sống làm ăn đã gây cho Thành phố Hồ Chí Minh quá tải về mật độ dân số, hệ lụy của tình hình xã hội này là phát sinh nhiều tiêu cực, tệ nạn và tội phạm trong đó có tội cướp giật tài sản. Theo báo cáo của Công an thành phố Hồ Chí Minh, trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh trung bình 01 tháng có đến hàng trăm vụ trộm cắp, cướp, cướp giật tài sản với quy mô lớn nhỏ khác nhau. Thủ đoạn của bọn chúng ngày càng táo tợn, tinh vi. Đã có không ít trường hợp người dân vừa bị mất tài sản, vừa mang thêm thương tật. Cướp giật tài sản chiếm tỷ trọng cao, vì hành vi cướp giật tài sản dễ thực hiện, dễ trốn thoát, vì thế không bị xử lý theo pháp luật. Đồng thời, tài sản do phạm tội mà có cũng dễ dàng tiêu thụ ở những cửa hiệu cầm đồ hoặc cho những đường dây chuyên tiêu thụ của gian.

Tiếp theo thành phố Hồ Chí Minh, thủ đô Hà Nội có số tội phạm cướp giật tài sản xếp ở cấp độ 2, số tội phạm cướp giật tài sản nhiều thứ hai trên toàn quốc, có 991 vụ có 1.590 bị cáo, chiếm 7% tổng số vụ và số bị cáo phạm tội cướp giật tài sản trên toàn quốc. Tuy số tội phạm chỉ bằng 1/6 số tội phạm xảy ra ở thành phố Hồ Chí Minh, nhưng xét về số lượng thì số tội phạm cướp giật ở thành phố Hà Nội cũng rất lớn, nó đã gây nên sự lo sợ bất an, bất ổn trong nhân dân Thủ Đô. Hà Nội là trung tâm văn hóa – chính trị, là bộ mặt của cả nước, nhưng tội phạm cướp giật tài sản xảy ra rất nhiều gây mất trật tự an ninh Thủ đô. Thông thường, bọn tội phạm thường trở nhau bằng xe máy, đi lòng vòng qua các tuyến phố tìm kiếm những phụ nữ đi xe ga, có đeo trang sức hoặc đeo túi. Khi phát hiện ra “mồi” là tên lái xe áp sát vào người bị hại để tên ngồi sau thực hiện hành vi cướp giật. Nghiêm trọng hơn, bọn tội phạm cướp giật lập thành những băng, nhóm chuyên đi cướp giật của những người có nhiều tiền, những khách nước ngoài.

Thành phố Cần Thơ có số tội phạm xếp ở cấp độ thứ 3, số vụ là 418 có số bị cáo là 749, chiếm 3% tổng số vụ và số bị cáo phạm tội cướp giật tài sản trên toàn quốc. Tỉnh Bình Dương với số vụ án là 455 nhưng số bị cáo là 842 nhiều hơn thành phố Cần Thơ. Hai tỉnh này cùng với tỉnh Đồng Nai có số tội phạm cướp giật tài sản tương đương nhau, với số bị cáo từ 600 đến 500 và số vụ án từ 300 vụ trở lên. Đây là những thành phố có sự phát triển kinh tế nhanh, nhiều khu công nghiệp, cũng là nơi thu hút lực lượng lao động từ nhiều nơi khác đến. Đồng thời, khi các thành phố này xây dựng các khu công đã lấy đất nông nghiệp của nông dân, từ đó người dân lâm vào cảnh thiếu đất sản xuất, không có nghề nghiệp phù hợp trong khu công nghiệp, họ trở thành người thất nghiệp và với một khoản tiền bồi thường đất đai như “bất được” họ chi tiêu không có kế hoạch, một số thanh niên mới lớn không có việc làm, không nghề nghiệp, quen với lối sống ăn chơi, họ đã bước vào con đường tệ

nạn và trở nên sa đọa, ở những thành phố này trung bình mỗi ngày có một vụ cướp giật tài sản xảy ra.

Các tỉnh ở nhóm cấp độ thứ tư có số vụ trong khoảng từ 100 đến 200 tương ứng với số bị cáo từ 200 đến 400. Bao gồm có 11 tỉnh đó là: Kiên Giang có số vụ 208 với số bị cáo 483; Tiền Giang có số vụ 190 với số bị cáo 457; Khánh Hòa có số vụ 269 với số bị cáo 556; Đồng Tháp có số vụ 232 với 471 bị cáo; Bà Rịa – Vũng Tàu có số vụ 253 với số bị cáo 421; Đà Nẵng số vụ 189 với số bị cáo 368; Hải Phòng số vụ 219 với số bị cáo 362, An Giang có số vụ 186 với số bị cáo là 336; Bình Thuận có số vụ án 167 với 365 bị cáo; Nghệ An có 227 vụ với 412 bị cáo; Bình Phước có 163 vụ với 302 bị cáo. Ngoài sự phát triển về các khu công nghiệp, hầu hết các tỉnh này đều có tiềm năng về du lịch. Do đó, các dịch vụ phát triển, kéo theo nhu cầu về nhân lực nhiều. Mật độ dân số tăng. Đây cũng là một trong những yếu tố gây ra tình hình tội phạm cướp giật tài sản

Đánh giá các tỉnh ở cấp độ thứ năm, có số vụ từ 200 vụ đến 100 vụ gồm 17 tỉnh đứng đầu nhóm này là tỉnh Quảng Ninh có 126 vụ với 244 bị cáo; tiếp theo là Tây Ninh có 122 vụ với 283 bị cáo; Đắk Lắk có 129 vụ với 278 bị cáo; Cà Mau có 133 vụ với 241 bị cáo; Bến Tre có 127 vụ với 271 bị cáo; Bình Định có 102 vụ với 256 bị cáo; Thanh Hóa có 180 vụ với 289 bị cáo; Quảng Nam có 137 vụ với 309 bị cáo; Vĩnh Long có 115 vụ với 238 bị cáo; Lâm Đồng có 85 vụ với 166 bị cáo; Sóc Trăng có 114 vụ với 209 bị cáo; Quảng Bình có 78 vụ với 180 bị cáo; Hải Dương có 102 vụ với 188 bị cáo; Quảng Ngãi có 96 vụ với 215 bị cáo; Gia Lai có 111 vụ với 233 bị cáo ; Phú Yên có 82 vụ với 176 vụ; Long An có 115 vụ với 221 bị cáo.

Xếp ở cấp độ thứ 6 gồm có 26 tỉnh có số vụ dừng ở hàng chục tức là hai con số từ 99 bị cáo đến 10 bị cáo bao gồm các tỉnh Thái Bình, Thừa Thiên Huế, Thái Nguyên, Bạc Liêu, Bắc Ninh, Bắc Giang, Trà Vinh, Phú Thọ,

Hung Yên, Nam Định, Hà Tĩnh, Hậu Giang, Ninh Bình, Sơn La, Vĩnh Phúc, Ninh Thuận, Tuyên Quang, Lạng Sơn, Lào Cai, Yên Bái, Hà Nam, Kon Tum, Quảng Trị, Hòa Bình, Điện Biên, Điện Biên, Cao Bằng, Quân sự KV. Các tỉnh có tình hình cướp giật tài sản ít nhất gồm 4 tỉnh đó là Đắc Nông, Hà Giang, Bắc Cạn, Lai Châu đây là các tỉnh miền núi nghèo nhất nước ta.

Điều đáng lo ngại và băn khoăn nhất là tình hình tội cướp giật ở thành phố Hồ Chí Minh. Trên cơ sở thực tế và các số liệu cho thấy trong lòng xã hội thành phố Hồ Chí Minh tệ nạn cướp giật tài sản đang diễn ra rất nghiêm trọng. Theo điều tra xã hội học bằng phương pháp lấy phiếu thăm dò có 200 phiếu hợp lệ của người dân quận Tân Bình và có 200 phiếu hợp lệ của người dân ở quận I, trong khoảng thời gian từ 1/10/2011 - 10/10/2011 ở thành phố Hồ Chí Minh về việc đánh giá về tình hình tội cướp giật tài sản, 96% phiếu thăm dò hợp lệ của người dân trả lời, cho rằng nạn cướp giật xảy ra hàng ngày, nhưng các cơ quan có trách nhiệm không có biện pháp ngăn chặn hữu hiệu và cho rằng sau ngày ân xá, đặc xá 2/9/2011 ngày quốc khánh đã thả ra rất nhiều tội phạm, vì thế họ phải rất cảnh giác khi ra đường, kẻ cướp giật ngay tại cửa nhà họ, tội phạm lợi dụng sơ hở xông vào trong nhà hoặc vào trong cửa hàng giật tài sản. Người dân ra đường không dám đeo đồ trang sức, không dám xách túi, không dùng điện thoại di động ngoài đường. Dường như hành vi cướp giật phổ biến như một lẽ đương nhiên mà họ phải biết tự bảo vệ lấy tài sản của mình. Ngoài ra, theo điều tra cho thấy số tội phạm cướp giật tài sản hầu hết là dân nghiện “xì ke” hay còn gọi là nghiện ma túy. Hơn nữa, có một số người dân nhận định rằng: tình trạng cướp giật phổ biến đến mức, có những kẻ cướp giật chỉ vì thấy “phong trào cướp giật” đang rầm rộ và dễ dàng chiếm đoạt tài sản của người khác mà không bị phát hiện, không bị xử lý nên cũng rất “tích cực tham gia” thực hiện hành vi tội phạm loại này.

Nhìn chung tất cả các thành phố, đô thị có tốc độ phát triển kinh tế nhanh, các khu công nghiệp hình thành nhiều, thu hút dân cư ở các nơi khác đến tạo ra sự quá tải về mật độ dân số, như Thành phố Hồ Chí Minh, Thủ đô Hà Nội, Bình Dương, Đồng Nai, Cần Thơ, Thành Phố Đà Nẵng, Thành phố Nha Trang, Quảng Ninh, Hải Phòng... là những nơi có nhiều tội phạm cướp giật tài sản. Điều đó đặt ra cho chúng ta lý giải về những nguyên nhân gây ra hiện tượng này. Nguyên nhân xuất phát từ hoạt động quản lý Nhà nước quản, lý nhân khẩu hay xuất phát từ giáo dục ý thức đạo đức, giáo dục pháp luật, hệ thống pháp luật hay hệ thống quản lý giám sát chưa phù hợp hoặc chưa được quan tâm đúng mức.

2.2.2.2. Cơ cấu theo thủ đoạn gây án

Phương thức, thủ đoạn phạm tội là cách thức thực hiện hành vi phạm tội, trong đó bao gồm cả cách thức sử dụng công cụ, phương tiện. Hành vi phạm tội được thể hiện qua các giai đoạn chuẩn bị tội phạm, thực hiện tội phạm và sau khi thực hiện tội phạm. Các hành vi bị chi phối bởi các yếu tố khách quan và chủ quan, tùy từng trường hợp những hoạt động này được thực hiện từng phần hoặc thực hiện toàn bộ. Phương tiện phạm tội là những vật dụng được chủ thể phạm tội sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội. Công cụ phạm tội là một dạng cụ thể của phương tiện, như vậy có thể hiểu phương tiện phạm tội bao hàm cả công cụ phạm tội. Thông qua phương tiện phạm tội có thể nhận biết được những biểu hiện diễn ra hoặc những biểu hiện bên ngoài của hiện tượng phạm tội, mức độ nguy hiểm cho xã hội, hậu quả nguy hiểm cho xã hội.

Đối với tội cướp giật tài sản, công cụ sử dụng thực hiện phạm tội chủ yếu là phương tiện xe máy. Đây là đặc điểm đặc trưng nổi bật của tội cướp giật tài sản. Với tính chất hành vi của tội cướp giật tài sản là sau khi thực hiện hành vi giật tài sản, bọn chúng nhanh chóng trốn khỏi sự truy bắt. Do đó, bọn

chúng chuẩn bị xe máy làm phương tiện, công cụ phạm tội. Hơn thế nữa, bọn chúng thường tháo biển kiểm soát, che biển kiểm soát hoặc lắp biển kiểm soát giả để dễ dàng trốn thoát sau khi thực hiện hành vi phạm tội. Đặc điểm đặc trưng này là nguồn căn cứ để có những biện pháp phòng ngừa và ngăn chặn tình hình cướp giật tài sản một cách hữu hiệu.

Trước đây, tội phạm cướp giật thường dùng thủ đoạn gây án bằng cách, 2 tên chở nhau trên một xe máy, dạo quanh các tuyến đường để tìm người có tài sản sơ hở, khi thấy thuận lợi thì ra tay cướp. Nhưng thời gian gần đây bọn chúng hoạt động chủ động hơn, chuyên nghiệp và tinh vi hơn, có tổ chức, có sự chuẩn bị, theo dõi nạn nhân và sử dụng nhiều chiêu trò khiến cho nạn nhân hoàn toàn bất ngờ và bất lực. Tại khu vực vùng ven thành phố Hồ Chí Minh xuất hiện một số băng nhóm tội phạm sử dụng xe máy phân khối lớn đi tìm kiếm người có tài sản. Khi phát hiện nạn nhân có đeo túi xách, bọn chúng cản đầu xe của nạn nhân, để dàn cảnh một vụ va chạm xe máy, tạo cho nạn nhân mất cảnh giác để đồng bọn từ phía sau móc túi hoặc cướp giật túi xách của nạn nhân rồi tẩu thoát. Còn thủ đoạn táo bạo hơn, đó là các đối tượng bám theo những người vừa rút tiền tại các ngân hàng, cây rút tiền tự động sau đó âm thầm bám theo, đến địa điểm thuận lợi thì tăng tốc áp sát nạn nhân để cướp giật tài sản. Nếu bị truy đuổi, đồng bọn phía sau với vai trò cản trở, gây khó khăn cho người truy bắt. Có trường hợp đối tượng làm nhiệm vụ cản trở giả vờ hỏi han nạn nhân, nhằm kéo dài thời gian và làm mất tập trung của nạn nhân trong việc truy hô người đi đường hỗ trợ. Mới đây nhất trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh xuất hiện một băng nhóm cướp giật tài sản bằng thủ đoạn giả làm người quen cũ và hỏi đường rồi lợi dụng sơ hở và lòng tốt của người chủ tài sản, bọn chúng nhanh chóng cướp giật và trốn thoát. Bên cạnh thủ đoạn trên, bọn cướp giật còn dùng nhiều mưu mô khác rất xảo quyệt. ...

Những phương thức và thủ đoạn của tội cướp giật này đã và đang được bọn tội phạm cướp giật tài sản sử dụng rất phổ biến.

Việc xác định phương thức, thủ đoạn phạm tội có ý nghĩa đối với việc định khung hoặc các tình tiết tăng nặng để thẩm phán đưa ra các quyết định hình phạt đối với các loại tội phạm nói chung. Đặc biệt, xác định phương thức, thủ đoạn phạm tội là cơ sở để tìm ra các giải pháp đấu tranh phòng, chống tội cướp giật tài sản hiện nay.

2.2.2.3. Cơ cấu theo hình phạt

BLHS 1999 tại Điều 27 quy định: “Mục đích của hình phạt - Hình phạt không chỉ nhằm trừng trị người phạm tội mà còn giáo dục họ trở thành người có ích cho xã hội, có ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống xã hội chủ nghĩa, ngăn ngừa họ phạm tội mới. Hình phạt còn nhằm giáo dục người khác tôn trọng pháp luật, đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm”

Tuy nhiên, hiện nay hình phạt đã chưa phát huy tác dụng tốt, nếu xem xét dưới góc độ tiêu cực trong công tác giáo dục tại các trại giam là chưa tốt và phạt tù chỉ có tác dụng cách ly tội phạm ra khỏi đời sống xã hội để trong thời gian cách ly này họ không có điều kiện phạm tội. Vai trò giáo dục, cải tạo họ trở thành người có ích cho xã hội chiếm một tỷ lệ không lớn. Điều 26 BLHS 1999 quy định: “Khái niệm hình phạt - Hình phạt là biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc nhất của Nhà nước nhằm tước bỏ hoặc hạn chế quyền, lợi ích của người phạm tội...”

Có nhiều ý kiến của cơ quan điều tra cho rằng tâm lý tội phạm là quanh co chối tội, xóa dấu vết nhằm thoát khỏi sự truy cứu hình sự của Nhà nước, các điều tra viên phải rất khó khăn đấu tranh với những thủ đoạn của tội phạm để tìm ra thủ phạm hoặc để bắt quả tang một vụ cướp giật tài sản cơ quan công an đã phải lập nhiều đội chuyên án và dùng nhiều biện pháp nghiệp vụ trong thời gian dài, tuy nhiên sau khi bọn chúng bị đưa ra xét xử, tòa án đã đưa ra những bản án

tuyên phạt nhẹ quá, với mức án vài tháng tù chưa đủ sức dăn đe, giáo dục. Năm 2001 có 3.059 bị cáo đưa ra xét xử hình sự có 272 bị cáo được hưởng án treo, chiếm 9%, đến năm 2002 tỷ lệ cho án treo giảm nhiều chỉ còn 3%, kết quả này do có sự chấn chỉnh trong công tác xét xử của ngành tòa. Tổng kết năm 2001 số bị cáo được hưởng án treo nhiều, gây nên một sự tác dụng không tốt đối với tình hình tội phạm cướp giật tài sản. Số án treo về tội cướp giật tài sản liên tục tăng dần theo các năm, năm 2012 con số án treo chiếm 9% số bị cáo đưa ra xét xử về tội cướp giật tài sản. Trong khi đó, người được hưởng án treo chưa được các cơ quan có thẩm quyền quản lý, giám sát, do đó một số lượng không nhỏ người được hưởng án treo đã quay trở lại phạm tội cướp giật tài sản, đã góp phần vào số tái phạm về tội cướp giật tài sản rất nhiều và tăng nhanh qua các năm.

Số bị cáo đã bị xét xử về tội cướp giật tài sản có mức phạt tù đến ba năm so với tổng số bị cáo đã bị xét xử về tội cướp giật tài sản: năm 2005 chiếm 34%, năm 2006 chiếm 47%, năm 2007 chiếm 40%, năm 2008 chiếm 42% năm 2009 chiếm 49%, năm 2010 chiếm 49%, năm 2011 chiếm 43%, năm 2012 chiếm 53%. BLHS 1999 - Điều 8 - Khoản 3 quy định: “Tội phạm ít nghiêm trọng là tội phạm gây nguy hại không lớn cho xã hội mà mức cao nhất của khung hình phạt là đến ba năm tù; tội phạm nghiêm trọng là tội phạm gây nguy hại lớn cho xã hội mà mức cao nhất là đến bảy năm tù.” Căn cứ vào số liệu trên sẽ thấy trung bình một năm hơn 44% tội phạm cướp giật tài sản được đánh giá là phạm tội ít nghiêm trọng.

Hàng năm có hàng ngàn vụ cướp giật tài sản bị phát hiện đưa ra xét xử, nhưng 44% những người có hành vi cướp giật tài sản đó chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự về tội ít nghiêm trọng. Điều đó đồng nghĩa với một số lượng khá lớn bị cáo chỉ bị phạt vài tháng tù là họ đã được thả ra, trong khoảng thời gian ngắn cải tạo trong tù chưa đủ cho có họ cảm nhận hoặc tiếp thu giáo dục đạo đức trong trại giam để trở thành người có ích cho xã hội. Rất nhiều người sau khi thụ

án vài tháng trở về địa phương, họ đã quay trở lại phạm tội cướp giật. Đây là một trong những nguyên nhân gây tình hình tội phạm cướp giật tài sản lộng hành ở khắp mọi nơi, nhất là ở thành phố Hồ Chí Minh. Từ kết quả xét xử của tòa án có thể các cơ quan chức năng đánh giá cho rằng hành vi cướp giật tài sản là ít nghiêm trọng, không gây chết người, vì vậy đã không có những nghiên cứu chuyên sâu về tình hình tội phạm cướp giật tài sản ở nước ta hiện nay, để từ đó đưa ra các giải pháp cho công tác đấu tranh phòng chống tội phạm loại này một cách hữu hiệu.

2.2.2.4. Cơ cấu theo đặc điểm nhân thân người phạm tội.

a) Đặc điểm trình độ văn hóa

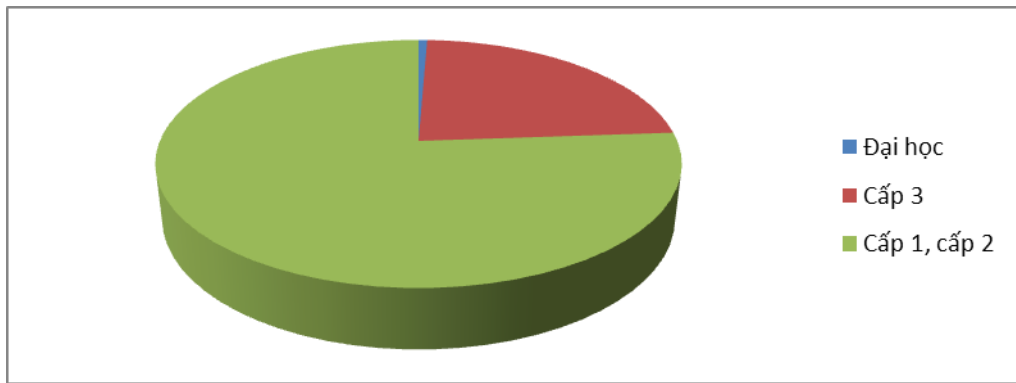
Để con người có thể nhận thức được thế giới xung quanh cần phải trải qua quá trình học tập, tu dưỡng, rèn luyện đạo đức và kiến thức. Mức độ nhận thức cao hay thấp, nhiều hay ít thể hiện qua trình độ văn hóa của từng người, nó ảnh hưởng tới sự phát triển lý trí và hình thành nhân cách, cùng cách ứng xử của con người trong các mối quan hệ xã hội. Học tập rèn luyện để có kiến thức, có kiến thức thì có nhận thức, nhận thức cao hay văn hóa cao sẽ có những đánh giá về những giá trị chuẩn mực trong xã hội đúng đắn và có các quy tắc ứng xử phù hợp với các yêu cầu của xã hội. Từ đó, có phản ứng tích cực trong những hoàn cảnh, những tình huống xảy ra. Và ngược lại nếu trình độ văn hóa thấp sẽ có những nhận thức lệch chuẩn và đi đến kết quả thường là những xử sự sai trái với yêu cầu của xã hội.

Phân tích các bản án để xác định trình độ văn hóa của người phạm tội cướp giật tài sản, kết quả cho thấy trong 314 bị cáo chỉ có 2 bị cáo đang học đại học chiếm 0,6%, có 73 bị cáo học hết cấp 3 chiếm 23,6%, còn lại 76,2% là trình độ văn hóa cấp 1, cấp 2.

Tội cướp giật tài sản là loại tội phạm đơn giản mang tính truyền thống, tội này có từ khi xuất hiện khái niệm tội phạm, từ xa xưa nó thường xảy ra vào

những năm mất mùa, lũ lụt, hạn hán con người bị đói kém và họ bị đẩy vào bước đường cùng. Tuy nhiên, song hành với sự phát triển của xã hội, tình hình tội phạm cướp giết không chỉ còn bị ảnh hưởng của thiên nhiên nữa, nó chịu sự ảnh hưởng của sự tác động của môi trường sống. Môi trường xã hội, nhà trường và gia đình có tính quyết định sự hình thành nhân cách con người.

Biểu đồ 2.5 Trình độ học vấn của người phạm tội cướp giết tài sản



Con số 76,2% người có trình độ cấp 1, cấp 2, điều đó có nghĩa là những người này đã bỏ học ở lứa tuổi còn nhỏ, chưa đủ tuổi lao động, hành trang vào đời là những kiến thức thiếu hụt, khó tìm được việc làm, kèm theo với những nhu cầu của bản thân luôn đòi hỏi và những tác động xấu trong xã hội đã lôi kéo họ vào con đường phạm tội. Những người có trình độ văn hóa thấp đã không được quan tâm, chăm sóc, giáo dục từ khi còn nhỏ ở những môi trường lành mạnh và trình độ văn hóa thấp do đó khả năng nhận thức về pháp luật và các vấn đề xã hội cũng bị hạn chế, vì thế họ dễ bị các hiện tượng tiêu cực bên ngoài tác động. Điều đó đã giải thích hiện tượng 76,2% số tội phạm cướp giết tài sản là người có trình độ thấp. Có thể nói đặc điểm người phạm tội có trình độ văn hóa thấp là một trong những đặc điểm đặc trưng của loại tội phạm cướp giết tài sản.

Bằng phương pháp điều tra xã hội học, qua 200 phiếu hỏi những người phạm tội cướp giết tài sản trình độ văn hóa cấp 1, cấp 2, có 186 người không quan tâm tới sách, báo và một số phương tiện truyền thông khác như: nghe đài, nghe loa truyền thanh của địa phương, chiếm 93%. Còn 14 người ít quan tâm

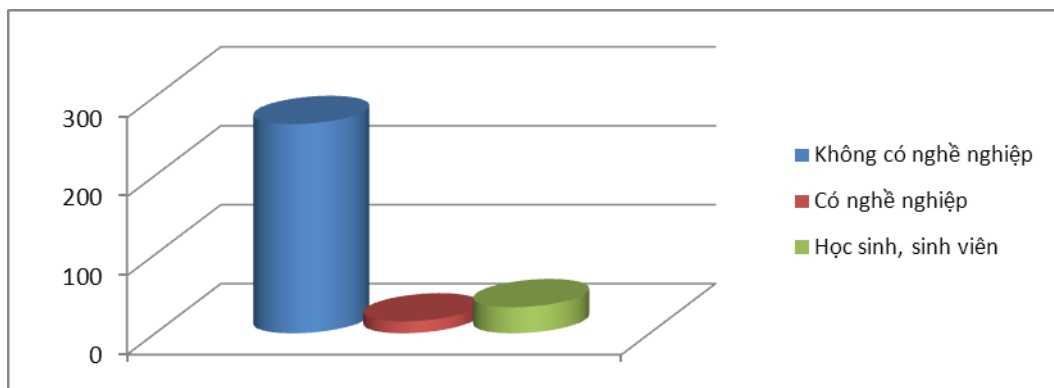
đến sách báo, nếu đọc thì chủ yếu là đọc các loại sách, báo có nội dung không lành mạnh. Một số ít, thỉnh thoảng xem truyền hình, nhưng là xem bóng đá. Những sách, báo có nội dung tuyên truyền, giáo dục đạo đức, pháp luật đã không có tác động đến họ. Vì thế, những người phạm tội cướp giết thường có nhận thức về các quan hệ xã hội và pháp luật rất kém, ảnh hưởng tới cách xử sự của họ trong cuộc sống.

Hiện tượng 23,4% người có trình độ văn hóa cấp 3 và 0,6% đại học phạm tội cướp giết tài sản, có một phần nguyên nhân xuất phát từ môi trường giáo dục. Phẩm chất đạo đức của một số bộ phận giáo viên xuống cấp, chất lượng giáo dục chưa tốt. Trong khi đó giáo dục là nền tảng cho sự phát triển của xã hội.

b) Đặc điểm nghề nghiệp

Nghề nghiệp phản ánh địa vị trong xã hội của mỗi cá nhân và thể hiện mối quan hệ xã hội của con người trong cộng đồng. Tính cách của con người được định hình thông qua nghề nghiệp và nghề nghiệp cũng tác động trở lại, ảnh hưởng tới hình thành nhân cách của mỗi con người.

Biểu đồ 2.6 Nghề nghiệp của người phạm tội cướp giết tài sản



Nhân thân của tội phạm cướp giết tài sản thường là những người có trình độ văn hóa thấp, không có công ăn việc làm, nghiện hút hoặc có tiền án, tiền sự, tái phạm, tái phạm nguy hiểm. Điều kiện thực hiện hành vi cướp giết tài sản khác với một số tội, như tội phạm tham nhũng, các tội phạm về chức vụ... Để

thực hiện phạm tội ở nhóm tội phạm tham nhũng hoặc các tội phạm khác về chức vụ thì chủ thể của nó phải là những người có địa vị xã hội, có vị trí công tác hoặc có trình độ, có vai trò cá nhân nhất định trong cộng đồng, nhưng đối với chủ thể của tội cướp giật tài sản không nhất thiết phải có vị trí công tác hoặc phải có điều kiện về nghề nghiệp hay trình độ văn hóa, trình độ nghiệp vụ. Trong 220 bản án xét xử sơ thẩm về tội cướp giật tài sản có 314 bị cáo, trong đó có 265 bị cáo không có nghề nghiệp, không có việc làm chiếm 84%, chỉ có 15 bị cáo có nghề nghiệp và có công việc chiếm 5%, có 33 bị cáo đang là học sinh, sinh viên chiếm 11%. Như vậy, tình hình tội phạm cướp giật tài sản không có nghề nghiệp chiếm tỷ lệ lớn.

Trong cơ chế thị trường yêu cầu mọi người phải có trình độ văn hóa đáp ứng với tiến trình hội nhập, vì vậy không có trình độ học vấn thì rất khó xin việc làm hoặc nếu có việc làm thì cũng không ổn định. Kết quả của sự thất nghiệp là không có thu nhập, trong khi đó cuộc sống thì vẫn còn tiếp diễn, nếu một con người đi theo hướng tích cực, họ sẽ làm những việc cực nhọc, vất vả nhưng lương thiện thì họ vẫn cố gắng làm. Ngược lại, có một bộ phận thanh niên ở độ tuổi lao động nhưng có lối sống buông thả, lười lao động, nhu cầu cá nhân cao hơn thu nhập, muốn có tiền nhanh chóng mà không phải lao động do đó họ đã đi vào con đường phạm tội.

Đặc biệt, trong tình hình tội phạm cướp giật tài sản thời gian qua có sự tham gia của những người là Đảng viên, cán bộ công chức, cán bộ cấp ủy từ cấp huyện trở lên. Tuy chỉ là một số rất nhỏ nhưng nó cũng cho chúng ta hiểu được hành vi cướp giật dễ dàng thực hiện. Do đó, những người là Đảng viên hay công chức, là những người đã được rèn luyện đạo đức tốt cũng bị lòng tham đưa đẩy, không làm chủ được bản thân đã sa ngã vào con đường phạm tội. Có trường hợp đặc biệt như bị cáo Phạm Ngọc Thành là học viên Trường cảnh sát nhân dân (Bản án 196) đã bị một đối tượng ở Quảng Ninh rủ đi cướp

giật tài sản. Phải chăng, hành vi cướp giật tài sản rất dễ dàng thực hiện nhưng không bị phát hiện, nên ngay cả những người có điều kiện sống tốt cũng nảy sinh ý định thực hiện loại tội phạm này. Điều này cần phải được giải quyết dưới nhiều góc độ khác nhau của tình hình xã hội, tâm lý tội phạm và xã hội học, pháp lý.....

Nhìn chung, những người phạm tội cướp giật tài sản không có việc làm hoặc có thu nhập thấp nhưng nhu cầu cá nhân cao, người không có bản lĩnh dễ bị rủ rê lôi kéo vào con đường phạm tội là đặc điểm nổi bật. Nhìn nhận được vấn đề này một cách thấu đáo có thể nói là đã tìm được một hướng đi, một hướng giải quyết nguyên nhân nạn cướp giật tài sản ở nước ta.

c) Đặc điểm tái phạm, tái phạm nguy hiểm.

Tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm có một đặc điểm chung là người đã từng là tội phạm sau đó lại tiếp tục phạm tội chưa được xóa án tích. Có quan điểm cho rằng những người có hành vi phạm tội trở lại có bản chất bẩm sinh phạm tội, con người đó sinh ra đã là người phạm tội. Song, cũng có nhiều quan điểm cho rằng, môi trường sống là yếu tố chủ yếu đưa người đã phạm tội quay trở lại với con đường tội phạm cũ. Vì vậy, trách nhiệm của xã hội đối với họ phải mức cao hơn. Đối với những trường hợp tái phạm, hầu hết họ có nhân thân trước đó không phải là người tốt như những người thuộc diện phạm tội lần đầu.

Các nhà tội phạm học đã từng báo động về tình trạng tội phạm của những người khi đã có tiền án, thậm chí chỉ là tiền sự, trong điều kiện ở nước ta hiện nay, khả năng cải tạo và tái hòa nhập tương đối thấp. Điều này dẫn đến hậu quả tỉ lệ tái phạm ngày càng cao và càng nghiêm trọng hơn, xã hội tăng thêm nhiều tội phạm, tỷ lệ những người tái phạm tiếp tục dần sâu vào phạm tội cao hơn tỷ lệ hoàn lương.

Nguyên tắc xử lý đối với người phạm tội trong trường hợp tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm phải nghiêm trị, ở một số tội quy định đó là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điều 48 BLHS, ở một số tội khác và tội cướp giật tài sản quy định là tình tiết định khung tăng nặng.

Trên quan điểm trừng trị những kẻ có hành vi chống đối xã hội, không khoan nhượng với những kẻ đã được cải tạo giáo dục nhưng không hoàn lương, sau đó vẫn tiếp tục phạm tội. Đối với những người này cần phải có thời gian giáo dục dài hơn và mức độ kỷ luật phải cao hơn nữa, để khi hết thời hạn tù họ có thể trở về sống hòa nhập được trong cộng đồng.

Theo thống kê của Tòa án nhân dân tối cao cho thấy năm 2001 trong 3059 bị cáo phạm tội cướp giật tài sản có 301 bị cáo tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm chiếm 10%. Xem xét cho tới năm 2012 tỷ lệ này tăng giảm thất thường, như năm 2003 có 3091 bị cáo phạm tội cướp giật tài sản chỉ có 76 bị cáo tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm chiếm 2%, nhưng năm 2006 tỷ lệ này tăng lên 9% và đến năm 2012 còn 5%. Con số tái phạm này chưa phản ánh đúng thực tế, số thống kê của TANDTC chỉ thống kê tái phạm nguy hiểm vì trong tình tiết định khung tăng nặng của tội cướp giật tài sản chỉ có tái phạm nguy hiểm mà không có tái phạm. Do đó, con số thực về tái phạm và tái phạm nguy hiểm chiếm một tỷ lệ rất lớn, hệ lụy của sự quay trở lại phạm tội cướp giật tài sản là sự rủ rø, lôi kéo những người không có bản lĩnh vững vàng hoặc những người đang trong hoàn cảnh éo le, cơ nhỡ rất dễ xa chân vào con đường phạm tội.

Bộ luật hình sự 1999 tại điều 49 quy định tái phạm, tái phạm nguy hiểm như sau:

1. Tái phạm là trường hợp đã bị kết án, chưa được xoá án tích mà lại phạm tội do cố ý hoặc phạm tội rất nghiêm trọng, tội đặc biệt nghiêm trọng do vô ý.

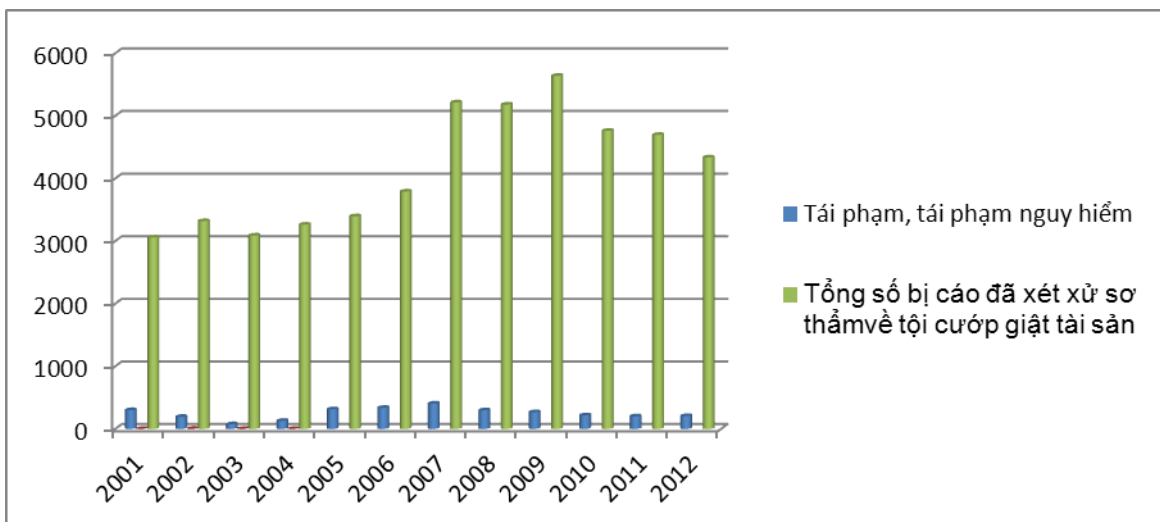
2. Những trường hợp sau đây được coi là tái phạm nguy hiểm:

a) Đã bị kết án về tội rất nghiêm trọng, tội đặc biệt nghiêm trọng do cố ý, chưa được xoá án tích mà lại phạm tội rất nghiêm trọng, tội đặc biệt nghiêm trọng do cố ý;

b) Đã tái phạm, chưa được xoá án tích mà lại phạm tội do cố ý.

Các số liệu của Tòa án nhân dân tối cao thống kê những trường hợp tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm ở trên chỉ gồm những người phạm tội trở lại nhưng chưa được xoá án tích. Nếu thống kê những kẻ đã từng phạm tội sau đó lại phạm tội sẽ có một số lượng lớn hơn rất nhiều. Những kẻ tái phạm này đã được giáo dục cải tạo trong các trại giam một thời gian, nhưng kết quả giáo dục trong trại giam đã không có kết quả tốt, có rất nhiều kẻ phạm tội sau khi mãn hạn tù vừa được tha về đã phạm tội trở lại ngay và lần phạm tội sau bọn chúng tỏ ra có nhiều mảnh khốc và mưa mô, thủ đoạn, nguy hiểm hơn nhiều.

Biểu đồ 2.7. So sánh số Tái phạm, tái phạm nguy hiểm tội cướp giết tài sản với tổng số bị cáo đã xét xử sơ thẩm tội cướp giết tài sản từ năm 2001 -2012



Liên quan đến tình hình tái phạm đó là tính chuyên nghiệp của tình hình tội phạm cướp giết tài sản. Với nguyên tắc nghiêm trị những kẻ lưu

manh, côn đồ, ngoan cố chống đối, tái phạm... Ngày 28/12/1989, Quốc hội thông qua Luật sửa đổi, bổ sung thêm chế định “phạm tội có tính chất chuyên nghiệp” là một tình tiết định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội cướp giết tài sản. Tuy nhiên, ở thời điểm đó chưa có hướng dẫn cụ thể như thế nào là “có tính chất chuyên nghiệp” cho tới hội nghị tổng kết công tác ngành Tòa án năm 1991 có hướng dẫn: Ngoài bọn lưu manh chuyên nghiệp ra, người thực hiện một hay nhiều tội cùng loại thuộc cùng nhóm khách thể những tội phạm lặp đi lặp lại nhiều lần hoặc phạm rất nhiều tội, không kể là loại tội gì lấy đó làm nguồn thu nhập chính hoặc nghề sống chính thì đều bị coi là “có tính chất chuyên nghiệp”. Để khái niệm này được cụ thể hóa, ngày 12/05/2006 Hội đồng thẩm phán TANDTC đã ra Nghị quyết số 01/ HĐTP hướng dẫn về khái niệm “có tính chất chuyên nghiệp” theo đó chỉ áp dụng tình tiết này khi người phạm tội phải có đủ hai điều kiện, một là: Cố ý phạm tội từ năm lần trở lên về cùng một tội không phân biệt đã bị truy cứu trách nhiệm hình sự hay chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu chưa hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc chưa được xoá án tích; Hai là: người phạm tội đều lấy các lần phạm tội làm nghề sinh sống và lấy kết quả của việc phạm tội làm nguồn sống chính.

Thực tế xét xử các vụ án cướp giết tài sản, có rất nhiều người thực hiện cướp giết tài sản hơn 5 lần, thậm chí đến 30 lần, nhưng để chứng minh hành vi cướp giết tài sản đó là nguồn sống chính thì rất khó chứng minh. Do đó, trong quá trình xét xử rất ít trường hợp tòa án áp dụng điều khoản này và thường chỉ áp dụng tái phạm nguy hiểm, phạm tội nhiều lần. Vì vậy, trong thống kê của ngành tòa án hàng năm đã không thống kê số liệu về số tội phạm cướp giết tài sản có tính chất chuyên nghiệp.

Hành vi tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm của tội phạm nói chung và tội cướp giết tài sản nói riêng thường có sự chống đối xã hội một cách ngoan

cổ, không có sự ăn năn hối cải, đa số những lần phạm tội sau nguy hiểm, nghiêm trọng hơn lần trước và bọn chúng trở thành những kẻ phạm tội chuyên nghiệp nhưng không phải chịu hình phạt về tính chất chuyên nghiệp, gây nên một hiệu ứng coi thường pháp luật. Một số đối tượng có tiền án, tiền sự còn coi những lần bị phạt tù như là “ thành tích” và có thái độ rất tự hào. Đây là một thực tế, một sự thật đau lòng cần phải xem xét về hệ thống cải tạo trong các trại giam và vấn đề xét xử của ngành tòa án của nước ta hiện nay.

Pháp luật quy định, những người sau khi mãn hạn tù trở về địa phương đều phải chịu sự quản lý, giám sát của chính quyền và công an địa phương cho tới khi được xóa án tích. Tuy nhiên, thực tế công tác quản lý người thụ án trở về chưa được quan tâm. Hầu hết ở các địa phương công tác quản lý người có tiền án, tiền sự còn rất hạn chế. Dẫn đến, tình trạng tỷ lệ tái phạm cao, nhất là những đối tượng nghiện ma túy. Giải quyết vấn đề tái phạm chính là một trong những nhiệm vụ của đấu tranh phong, chống tội phạm nói chung và trong đó có tội cướp giật tài sản.

d) Đặc điểm nghiện ma túy

Theo nhận định của lãnh đạo Cục Phòng chống Tệ nạn Xã hội, Bộ LĐ-TB&XH hiện cả nước có 171.400 người nghiện, tăng 12.900 người (7,7%). Báo cáo chưa đầy đủ của các tỉnh, thành phố, trong 6 tháng đầu năm 2012 cho kết quả: số người được cai nghiện là 16.000, còn khoảng 155.400 người nghiện không được cai nghiện.

Theo số liệu thống kê của TANDTC số tội phạm cướp giật tài sản nghiện ma túy chỉ chiếm 2% so với tổng số tội phạm cướp giật tài sản đã xét xử. Con số này phản ánh chưa đúng thực tế, theo phân tích 220 bản án xét xử về tội cướp giật tài sản ở một số tòa án tại các quận huyện, trong 314 bị cáo đã xét xử có 36 bị cáo nghiện ma túy xấp xỉ 12%. Theo phân tích này thì số tội phạm

cướp giạt tài sản nghiện ma túy gấp 6 lần so với tổng kết của Tòa án nhân dân tối cao.

Đặc điểm người phạm tội cướp giạt tài sản nghiện ma túy là một trong những đặc điểm mang tính đặc trưng. Có thể nói, khi nhắc đến một vụ cướp giạt tài sản là người dân đã hình dung và kết luận “lại mấy thằng nghiện”. Kết luận này không phải không có căn cứ. Bằng phương pháp điều tra qua phiếu thăm dò, có 200 phiếu điều tra về nhân thân người nghiện ma túy, kết quả thu được 96 phiếu trả lời là người nghiện ma túy thường phạm tội cướp giạt tài sản chiếm là 48%, còn lại là phạm các tội khác và một số rất nhỏ là do gia đình chu cấp.

Công tác kiểm soát sau cai nghiện lỏng lẻo, tại TP HCM số người tái hòa nhập cộng đồng tăng lên 15.500 người, trong đó có trên 3.700 người không qua đầy đủ giai đoạn quản lý sau cai nghiện. Nguyên nhân này gây ra tình trạng không ít người tái nghiện và dẫn tới các hành vi vi phạm pháp luật, đặc biệt là cướp giạt tài sản. Trên địa bàn TPHCM số nghiện ma túy thực hiện phạm tội cướp giạt tài sản chiếm 33,4% số tội phạm cướp giạt tài sản. Cướp giạt ở TP HCM không còn là vấn nạn mà trở thành đại nạn, là nỗi lo của toàn xã hội, tình trạng này đang có chiều hướng tăng nhanh lan sang các tỉnh lân cận.

Điều đó đòi hỏi Nhà nước, các cấp các ngành chức năng cần phải có biện pháp giải quyết tận gốc tệ nạn này. Thực hiện tốt công tác này đồng thời cũng là góp phần vào công cuộc phòng, chống tội phạm nói chung và tội cướp giạt tài sản nói riêng.

2.2.2.5. Cơ cấu theo giới tính

Các nhà khoa học xã hội và khoa học tự nhiên nghiên cứu các vấn đề liên quan tới giới tính, ở những góc độ khoa học khác nhau. Kết quả về tỷ lệ người phạm tội là nam giới luôn lớn hơn tội phạm là nữ giới, vấn đề này thể

hiện ở tất cả các nước trên thế giới không riêng ở Việt nam. Nó phù hợp và phản ánh mặt khách quan trong cấu trúc tâm sinh lý của con người, biểu hiện ở sự khác nhau giữa giới tính nam và giới tính nữ về khả năng thực hiện các hoạt động nói chung và hành vi phạm tội nói riêng.

Nam giới có đặc điểm tâm sinh lý là dễ bị ảnh hưởng của môi trường và điều kiện sống, dễ phát sinh tâm lý tiêu cực, dễ bị tiêm nhiễm những thói hư tật xấu, có tính liều lĩnh. Do vậy, hành vi cướp giật tài sản phù hợp với những tội phạm giới tính nam, từ năm 2001 đến 2012 có tổng số 49763 bị cáo phạm tội cướp giật tài sản thì có 48095 là nam chiếm 97%.

Tuy nhiên, những năm gần đây số nữ là tội phạm cướp giật tài sản ngày càng nhiều, điều đó cho thấy sự xuống cấp nghiêm trọng về phẩm chất, phẩm giá của phụ nữ Á Đông vốn là “công, dung, ngôn, hạnh” đã, đang mất dần. Phân tích 220 bản án cho thấy tội phạm cướp giật tài sản là nữ thường là những đối tượng đã có tiền án tiền sự, nghiện hút ma túy hoặc bị rủ rê lôi kéo, hoặc là người liều lĩnh lao động, ý thức đạo đức kém. Hành vi cướp giật của tội phạm nữ cũng rất táo bạo, liều lĩnh không kém tội phạm là nam giới. Như vụ Lê Thu Hà bị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đưa ra xét xử về tội cướp giật tài sản có nhân thân rất xấu, Hà 20 tuổi bỏ nhà đi sống với Tạ Đình Cường như vợ chồng tại các nhà nghỉ, cả hai người này không có nghề nghiệp, để có tiền tiêu sài bộn chúng đã đi cướp giật tài sản rất nhiều lần, mỗi lần đi cướp giật Cường chở Hà bằng xe máy, Hà ngồi sau trực tiếp thực hiện hành vi giật dây chuyên, túi xách, điện thoại của người đi đường vào ban ngày, ngay trước mắt của nhiều người. Mặc dù Hà đang ở độ tuổi có sức khỏe tốt để lao động làm ra sản phẩm nuôi sống bản thân và hơn nữa là có ích cho xã hội. Nhưng với ý thức sống lệch lạc, thiếu giáo dục Hà đã lao vào con đường tội phạm khi tuổi đời còn rất trẻ. Lê Thu Hà là tội phạm nữ về tội cướp giật tài sản, chỉ là một trường hợp nêu ra cho thấy hành vi của nữ tội phạm rất liều lĩnh.

Hầu hết các vụ án cướp giật tài sản có tội phạm nữ thường có đồng phạm, tức là tội phạm nữ khi thực hiện hành vi cướp giật có ít nhất là hai người trở lên, bọn chúng cấu kết với một người là nam, rất ít vụ án có hai nữ cùng nhau thực hiện phạm tội cướp giật tài sản. Khác với một số tội phạm khác như tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, tội chứa mại dâm, tội môi giới mại dâm, đối với tội cướp giật tài sản có tỷ lệ nữ ít, vì tính chất hành vi của tội này phải liều lĩnh, phải có sức lực đề kịp thời nhanh chóng tẩu thoát.

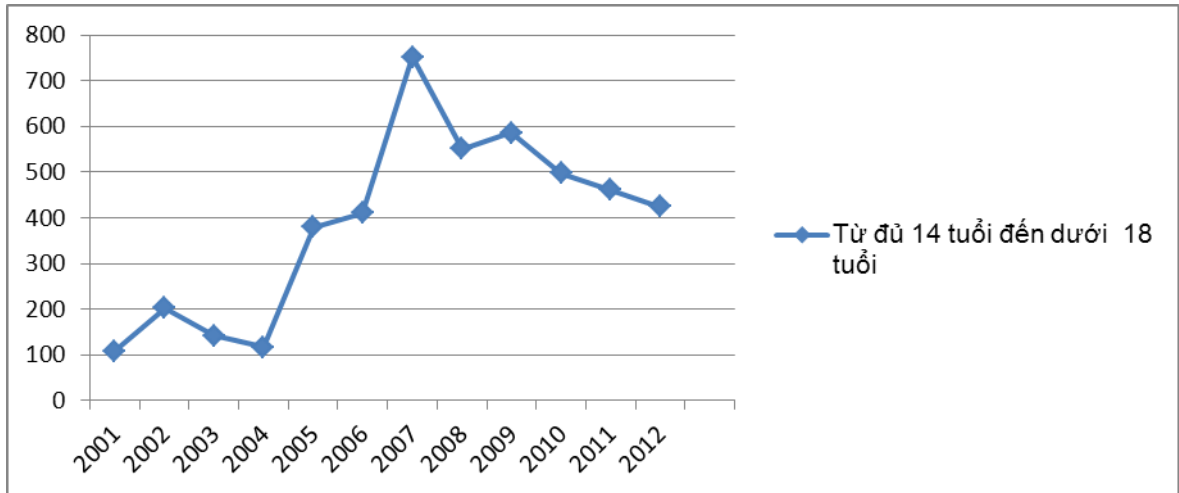
Thực tế xét xử từ năm 2001 đến 2012 số tội phạm nữ cướp giật tài sản có số lượng thất thường, năm 2001 đến 2004 số tội phạm nữ tăng liên tục, năm 2001 có 66 bị cáo nữ cướp giật tài sản, song đến năm 2004 tăng bất thường, con số vượt lên đến 77 bị cáo, sau đó năm 2005 chỉ có 42 bị cáo là nữ. Hiện tượng này rất cần phải xem xét lý do gây ra hiện tượng tăng đột biến trong năm 2004 và hiện tượng trong năm 2005 số tội phạm nữ giảm mạnh, điều đó chứng tỏ năm 2005 công tác đấu tranh phòng chống tội cướp giật tài sản đã có biện pháp phù hợp.

Nhìn chung, hầu hết tội phạm là nam giới luôn chiếm tỷ lệ lớn hơn nhiều so với tội phạm là nữ và đối với tội cướp giật tài sản là một trong những loại tội có tỷ lệ tội phạm là nam giới cao.

2.2.2.6. Cơ cấu theo độ tuổi

Khi nghiên cứu về nhân thân người phạm tội Cơ cấu về độ tuổi là một trong những đặc điểm có ý nghĩa rất quan trọng. Tâm sinh lý của con người biến đổi theo từng giai đoạn phát triển về thể chất, tinh thần. Ở lứa tuổi người chưa thành niên, độ tuổi từ 18 đến 30 tuổi, từ 30 tuổi đến 45 tuổi và từ 45 tuổi trở lên có nhận thức về pháp luật, cũng như nhận thức về mọi mặt của đời sống xã hội sẽ khác nhau. Mỗi độ tuổi có ảnh hưởng đến quá trình thay đổi của nhân thân con người, đây là một trong những nguyên nhân ảnh hưởng tới hành vi, tính chất, mức độ phạm tội của tội phạm

Biểu đồ 2.3. Diễn biến tình hình tội cướp giật tài sản ở độ tuổi từ 14 đến dưới 18 của năm 2001 -2012



Dựa vào sự phát triển tâm sinh lý con người và nền tảng văn hóa của dân tộc, nền giáo dục của nước ta, pháp luật Việt Nam quy định người dưới 18 tuổi là người chưa thành niên, BLHS 1999 - chương X “Những quy định người chưa thành niên phạm tội” quy định nội dung cụ thể đối với người chưa thành niên phạm tội, BLTTHS 2003 chương XXXII “Thủ tục tố tụng đối với người chưa thành niên” quy định những thủ tục đặc biệt trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đối với người chưa thành niên.

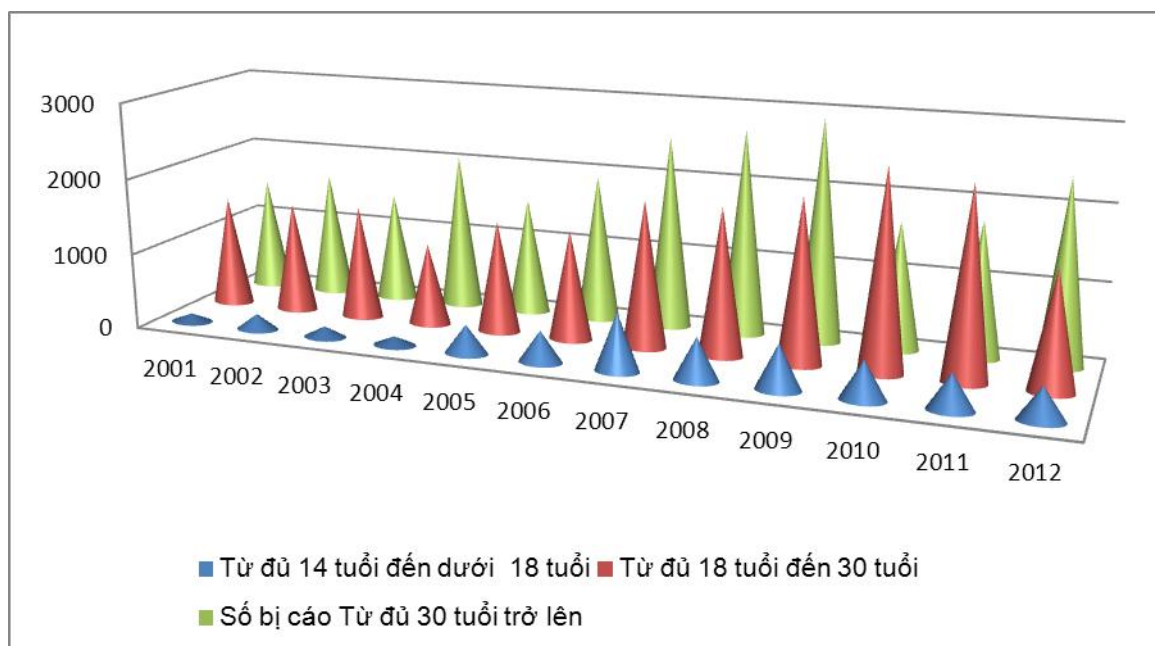
Trên cơ sở luận điểm con người mới sinh ra chưa có khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình, con người cần phải có sự rèn luyện. Vì vậy, đối với người chưa thành niên thời gian học tập và giáo dục đạo đức còn ít, dẫn tới kết quả nhận thức không đầy đủ, cần phải có một quá trình rèn luyện và phát triển nhiều hơn nữa. Chính vì vậy, Đảng và Nhà nước ta đã có nhiều chính sách ưu việt dành riêng cho người chưa thành niên phạm tội.

Trong những năm gần đây, tình hình cướp giật tài sản do người chưa thành niên thực hiện diễn ra ngày càng phức tạp cả về số lượng và về tính chất

mức độ nguy hiểm cho xã hội. Với động cơ mục đích đơn giản, người chưa thành niên chưa hiểu hết mức độ nguy hiểm của hành vi do họ gây ra cho xã hội, họ chỉ nghĩ đơn giản hành vi cướp giật của họ đã xâm hại tới tài sản của người bị hại và chỉ làm ảnh hưởng tới tài sản của người bị hại mà thôi. Cách suy nghĩ này là kết quả của sự thiếu hiểu biết về pháp luật và thiếu giáo dục đạo đức.

Dưới sự tác động cơ chế thị trường, sự phát triển công nghệ thông tin phim ảnh bạo lực, đồi trụy tràn ngập, các tệ nạn xã hội có xu hướng tăng, tác động lên đời sống xã hội và ảnh hưởng mạnh tới tình hình tội phạm là người chưa thành niên. Trong tổng số bị cáo tội cướp giật tài sản đã xét xử sơ thẩm từ năm 2001 - 2012 trung bình hàng năm số bị cáo từ đủ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi chiếm 9%.

Biểu đồ 2.4. So số tội phạm cướp giật tài sản độ tuổi từ 14 đến dưới 18, tuổi từ đủ 18 đến 30 và từ 30 tuổi trở lên năm 2001- 2012



Cùng với sự gia tăng tội phạm nói chung thì tình hình tội phạm cướp giật

tài sản là người chưa thành niên tăng rất nhanh. Năm 2001 số bị cáo từ đủ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi so với tổng số bị cáo đã xét xử sơ thẩm chỉ chiếm 4% nhưng đến năm 2007 số bị cáo từ đủ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi so với năm 2001 là 14%.

Hiện tượng tăng mạnh này đã được các cấp có thẩm quyền và các nhà khoa học về xã hội học, luật học quan tâm liên tục và có nhiều biện pháp phòng ngừa. Do đó, phần nào tội phạm là người chưa thành niên so với năm 2001 cũng đã được giảm bớt trong những năm 2008, 2009, 2010, 2011, 2012 và dừng lại ở 10%.

Đa số trong các vụ cướp giật tài sản do người chưa thành niên thực hiện luôn có đồng phạm, họ không thực hiện một mình, họ thực hiện theo nhóm và có người thành niên rủ rê lôi kéo. Phân tích 220 bản án hình sự sơ thẩm xét xử về tội cướp giật tài sản ở một số quận, huyện có 314 bị cáo, trong đó có 77 bị cáo ở tuổi chưa thành niên chiếm 25%. Trong số này có 42 bản án xét xử có người chưa thành niên, thì 35 bản án có đồng phạm là người đã thành niên chiếm 83%, người chưa thành niên phạm tội cướp giật tài sản chủ yếu do bị người đã thành niên rủ rê lôi kéo, 12 bản án có đồng phạm cùng là người chưa thành niên chiếm 29% so với tổng số bản án đưa ra phân tích. Bản thân người chưa thành niên ít khi thực hiện hành vi cướp giật một mình, chỉ có 7 bản án có người chưa thành niên thực hiện hành vi cướp giật không có đồng phạm chiếm 17%. Điểm nổi trội trong đặc điểm tình hình tội phạm cướp giật tài sản do người chưa thành niên thực hiện luôn có đồng phạm đi kèm, do đó nhất thiết cần quan tâm triệt để đến hiện tượng này.

Tội phạm ở độ tuổi từ đủ 18 tuổi đến 30 tuổi chiếm tỷ lệ trung bình là 42%. Pháp luật Việt Nam quy định người đủ 18 tuổi trở lên là người đã thành niên, tuy nhiên giai đoạn độ tuổi này mới bước vào đời chưa có kinh nghiệm sống, có nhiều người chưa định hướng nghề nghiệp cho mình, nhu cầu cá nhân

ngày càng cao, trong khi môi trường xã hội phức tạp, dễ dẫn thân vào con đường phạm tội, đi cướp giật tài sản để có một khoản tiền đủ chi tiêu là lựa chọn của nhiều kẻ tội phạm. Nhiều thanh niên khi bị rủ rê chỉ định đi cướp giật một lần, nhưng sau khi cướp giật được một lần, họ không thấy bị phát hiện, không bị xử lý, vì vậy sau đó đã thực hiện nhiều lần tiếp theo. Hơn nữa, ở độ tuổi này với tâm lý thích mạo hiểm, liều lĩnh ... các hành vi thường khó kiểm soát và rất mạnh động, táo bạo dẫn đến những quyết định sai lệch.

Từ năm 2001 - 2012 số tội phạm cướp giật tài sản ở độ tuổi từ 18 đến 30 có tổng số 20.973 chiếm 42% so với tổng số bị cáo tội cướp giật tài sản, tỷ lệ này không có nhiều thay đổi qua các năm. Năm 2001 có 1.459 bị cáo chiếm 48%, đặc biệt vào năm 2010 con số này tăng lên đến 2.594 bị cáo chiếm đến 54%. Theo các số liệu thống kê về tội phạm, hầu hết vào năm 2010 số tội phạm giảm, nhưng loại tội phạm cướp giật tài sản ở lứa tuổi này tăng, điều đó cần phải nghiên cứu kỹ để tìm ra nguyên nhân tăng tỷ lệ tội phạm này.

Nhóm người phạm tội cướp giật tài sản ở độ tuổi từ 30 trở lên có tỷ lệ 49% so với tổng số bị cáo đã xét xử sơ thẩm về tội cướp giật tài sản. Con số này nói lên một thực trạng đáng buồn và lo lắng. Ở tuổi này, đối với con người về tâm sinh lý và về thể chất, về nhận thức xã hội, về pháp luật đã phát triển đầy đủ. Thế nhưng một thực tế đau lòng, số tội phạm cướp giật tuổi này đến năm 2012 chiếm 49%, với tổng số bị cáo từ năm 2001 - 2012 lên tới 24.162.

2.2.2.7. Cơ cấu theo dân tộc ít người.

Cơ cấu dân tộc ít người của tình hình cướp giật tài sản là một loại trong cơ cấu nhân chủng học của tình hình tội phạm cướp giật tài sản. Từ năm 2001 trên toàn quốc chỉ có 24 người dân tộc ít người phạm tội cướp giật, nhưng từ đó cho tới nay hiện tượng người dân tộc phạm tội cướp giật xảy ra với số lượng ngày một tăng. Đến năm 2012, tổng số bị cáo phạm tội cướp giật tài

sản là người dân tộc ít người lên đến 583 bị cáo. Qua nghiên cứu cho thấy những người dân tộc phạm tội cướp giết này thường là những người đã bỏ bản làng, xuống đồng bằng mưu sinh, trong quá trình sống xa nhà các phong tục tập quán bị bỏ dần, các thói hư, tật xấu bị tiêm nhiễm, nhu cầu cá nhân và ham muốn cá nhân tăng lên. Chi phí cuộc sống ở nơi đô thị đắt đỏ đã vượt quá mức khả năng, năng lực bản thân, từ hoàn cảnh đó đưa đẩy nhiều người dân tộc ít người con đường phạm tội, trộm cắp, cướp giết.

Mặc dù, số lượng người dân tộc ít người phạm tội cướp giết không nhiều so với tổng số tội phạm cướp giết tài sản, tuy nhiên đây là một hiện tượng cũng đáng phải quan tâm xem xét. Vì trong nhiều trường hợp số lượng chưa lột tả được hết các biểu hiện của hiện tượng, mà bản chất của hiện tượng mới là vấn đề cần quan tâm. Hiện tượng người dân tộc ít người phạm tội cướp giết cho thấy hành vi cướp giết tài sản rất dễ thực hiện mà không bị phát hiện, xử lý, do đó ngay cả người dân tộc ít người cũng thực hiện hành vi cướp giết tài sản.

2.2.2.8. Cơ cấu theo người nước ngoài.

Với chủ trương mở rộng quan hệ quốc tế, khuyến khích đầu tư nước ngoài của Đảng và nhà nước ta trong thời kỳ đổi mới. Chính sách tạo điều kiện cho người nước ngoài đến Việt Nam để đầu tư và kinh doanh, do đó việc nhập cảnh vào nước ta đã dễ dàng, thuận lợi hơn nhiều so với thời kỳ trước đổi mới. Lợi dụng chính sách này, một số đối tượng tội phạm nước ngoài ồ ạt xâm nhập vào lãnh thổ Việt Nam với ý đồ xấu. Công tác quản lý nhà nước về việc nhập cảnh nhiều năm qua đã không bắt kịp với những diễn biến xấu xuất hiện.

Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tạo điều kiện thuận lợi đối với việc nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh cho người nước ngoài; bảo hộ tính mạng, tài sản, quyền và lợi ích hợp pháp khác của người nước ngoài cư

trú tại Việt Nam trên cơ sở pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc tham gia. Nhiều người nước ngoài và tội phạm quốc tế đã nhập cảnh vào nước ta núp dưới danh nghĩa các doanh nhân hoạt động kinh doanh hoặc khách du lịch vào nước ta. Trong thực tế rất nhiều đối tượng đã không thực hiện đúng mục đích nhập cảnh mà hoạt động tội phạm, như tội về công nghệ cao, lừa đảo chiếm đoạt tài sản, cướp giết tài sản. Sau một thời gian nhập cảnh vào Việt Nam bọn tội phạm nắm vững tình hình xã hội và thông thuộc các địa điểm bọn chúng thực hiện các hành vi cướp giết tài sản. Hiện tượng này đã cảnh báo cho chúng ta một sự thật về sự quản lý những người nhập cảnh còn chưa tốt. Điều đó cần phải đặt ra cho chúng ta phải có biện pháp kiểm soát chặt chẽ khi cho người nước ngoài nhập cảnh vào Việt Nam.

Đặc biệt hơn nữa, những năm gần đây, cụ thể từ năm 2005 một hiện tượng tội phạm cướp giết tài sản là người nước ngoài xảy ra táo tợn, đa số mang người quốc tịch tại các nước thuộc châu Phi và một số nước châu Á. Một số người nước ngoài này nhập cảnh vào Việt nam có ý đồ xấu, ví dụ như họ chủ định vào nước ta thực hiện hành vi để lừa đảo, thực hiện các tội phạm về công nghệ thông tin và phạm tội cướp giết tài sản. Năm 2005 chỉ có 8 bị cáo là người nước ngoài bị đưa ra xét xử về tội cướp giết tài sản nhưng đến năm 2008 đã tăng lên 31 bị cáo, 2009 có 24 bị cáo đến năm 2010 chỉ có 2 bị cáo, năm 2011 có 15 bị cáo, năm 2012 có 7 bị cáo.

Hiện tượng người nước ngoài ngênh ngang, náo loạn, coi thường pháp luật trên lãnh thổ Việt Nam không bị xử lý, ngăn chặn kịp thời, đã gây ra số lượng tội phạm là người nước ngoài tăng dần qua các năm. Đây là một vấn đề không chỉ mang tính an ninh trật tự xã hội trong nước mà còn ảnh hưởng tới hình ảnh, uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế. Hiện tượng này còn phản ánh cho chúng ta thấy rõ công tác phòng chống tình hình tội phạm cướp giết ở

nước ta chưa được quan tâm, hành vi cướp giật dễ dàng thực hiện không bị xử lý nên người nước ngoài cũng dám thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam.

2.2.2.9. Cơ cấu theo nhân thân người bị hại

Người bị hại hay còn gọi là nạn nhân của tội phạm. Nạn nhân của tội phạm là cá nhân, tổ chức đã chịu thiệt hại về tinh thần, sức khỏe, tinh thần, tài sản hoặc các quyền và lợi ích hợp pháp do hành vi phạm tội gây ra. Đối với tội cướp giật tài sản thì nạn nhân chỉ có thể là cá nhân, bị hành vi phạm tội tác động trực tiếp gây thiệt hại về tài sản cho người bị hại.

Nghiên cứu 220 bản án, có 236 người bị hại trong đó 199 người là nữ chiếm 84,3%, 35 người là nam giới chiếm 14,8%, 2 trẻ em chiếm 0,9%. Như vậy, số nạn nhân là nữ chiếm tỷ lệ rất cao. Tài sản nam giới bị cướp giật hầu hết là điện thoại và họ bị cướp giật trong trạng thái cầm điện thoại khi đang nghe trên đường. Cá biệt nạn nhân là trẻ em chiếm 0,9%, những em bé này bị giật dây chuyền hay lắc vàng trong khi cha mẹ sao nhãng trông nom con cái.

Tội phạm thường nhằm những phụ nữ đi xe máy tay ga đeo túi ở vai, đeo trang sức hoặc một số phụ nữ đi xe đạp để ở túi ở giỏ xe. Vì phụ nữ ít có khả năng đuổi bắt tội phạm, do đó khả năng tội phạm dễ dàng trốn thoát. Đây chính là lý do nhiều phụ nữ là nạn nhân của tội phạm cướp giật tài sản.

Rút ra từ những nhận xét trên để chúng ta có những biện pháp phòng ngừa tội cướp giật tài sản chung và phòng ngừa riêng.

2.2.3. Đánh giá tính chất của tình hình tội cướp giật tài sản

Tính chất của tình hình tội phạm phản ánh mức độ nguy hiểm, mức độ nghiêm trọng khác nhau của tình hình tội phạm ở từng thời gian và không gian khác nhau thông qua tương quan và tỷ lệ giữa các thành phần tạo nên cơ cấu của tình hình tội phạm.[62- tr19]

Từ kết quả nghiên cứu về mức độ, cơ cấu và động thái của tình hình tội phạm cướp giật tài sản, có thể đánh giá tính chất của tình hình tội cướp giật tài sản trong thời gian qua một cách rõ ràng.

Trước tiên, tính chất của tình hình tội cướp giật tài sản được thể hiện qua số lượng tội phạm. Trong khoảng thời gian từ 2001- 2012 số bị cáo và số vụ án về tội cướp giật rất lớn, trên toàn quốc đưa ra xét xử hình sự sơ thẩm đối với tội cướp giật tài sản là 28.850 tương ứng với 49.783 bị cáo, bình quân mỗi năm đưa ra xét xử sơ thẩm tội cướp giật tài sản vào khoản 2.404 vụ án tương ứng với 4.148 bị cáo. Xét tương quan giữa tình hình các loại tội phạm hình sự với tình hình tội cướp giật tài sản thì tình hình tội cướp giật tài sản có số bị cáo và số vụ ở mức độ khá cao, chiếm 4% - 5%. Tính chất nguy hiểm của tình hình cướp giật tài sản còn biểu hiện qua diễn biến của nó. Số tội phạm cướp giật tài sản năm 2012 nhiều hơn 1.351 vụ và số bị cáo nhiều hơn 2.582 so với năm 2001. Đây là những số liệu về số tội cướp giật tài sản đã phát hiện và xử lý, những số liệu này chưa phản ánh đúng về tình hình tội cướp giật tài sản xảy ra trong thực tế. Nếu căn cứ theo kết quả nghiên cứu tỷ lệ ẩn của loại tội phạm này là 1:1 thì số lượng các vụ cướp giật tài sản có thể lớn gấp đôi. Qua số lượng, diễn biến của tội phạm cướp giật, một phần nào đã chứng minh tính chất nguy hiểm cho xã hội của loại tội phạm này. Với số lượng và diễn biến của tình hình cướp giật tài sản này chỉ ra cho chúng ta thấy một số lượng người sống trong xã hội có những hành vi đi ngược với những chuẩn mực xã hội, không tuân thủ pháp luật, coi thường pháp luật, gây ra tình trạng mất trật tự trị an trong xã hội rất nghiêm trọng, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Kết quả này, đặt ra một câu hỏi: nguyên nhân nào dẫn đến tình trạng này? Chúng ta đã có những biện pháp gì? Và phải có biện pháp gì? để giải quyết hiện tượng cướp giật tài sản đang hoành hành trong xã hội.

Tính chất nguy hiểm cho xã hội của tình hình cướp giật tài sản còn được biểu hiện qua các phương thức thủ đoạn phạm tội. Trước đây, tội phạm cướp giật đa số là bột phát, do hoàn cảnh tức thời, mức độ ít nghiêm trọng. Nhưng thời gian gần đây, tội phạm cướp giật tài sản có nhiều mưu mô, thủ đoạn nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác bằng nhiều chiêu thức tấn công người bị hại rất bất ngờ hoặc tạo ra sự bất ngờ cho người khác để chiếm đoạt tài sản. Tội phạm cướp giật tài sản còn có sự chuẩn bị trước và rất quyết tâm thực hiện tội phạm đến cùng. Như đứng chờ ở trước các ngân hàng, hiệu vàng, cửa hàng cầm đồ, ở những nơi vắng vẻ, đêm tối để tìm kiếm những người có tài sản giá trị lớn. Hoặc bọn chúng chuẩn bị phương tiện để thực hiện phạm tội là xe máy đã tháo biển số, lắp biển số giả hoặc che biển số để nhằm mục đích trốn thoát khỏi sự truy bắt sau khi thực hiện hành vi cướp giật. Hiện tượng chuẩn bị phạm tội cướp giật còn được thể hiện ở việc bọn chúng tạo thành băng nhóm đi theo từng tốp để che chắn, hỗ trợ cho đồng bọn thực hiện hành vi cướp giật và trốn thoát khỏi sự truy bắt. Bọn chúng lựa chọn cướp giật tài sản của phụ nữ, vì phụ nữ ít có khả năng chống trả, đuổi bắt, như vậy bọn chúng sẽ dễ dàng thoát thân. Có thể nói chưa khi nào tội phạm cướp giật tài sản lại nghĩ ra nhiều thủ đoạn như thời gian qua.

Bọn tội phạm cướp giật tài sản tồn tại ở những thành phố có sự phát triển kinh tế nhanh, vì đây là mảnh “đất màu mỡ” để bọn chúng hoạt động tội phạm. Tại đây, người nhập cư đông, quản lý nhân khẩu không theo kịp với sự gia tăng về nhân khẩu, các cơ sở kinh doanh dịch vụ phát triển quá nhanh, trong khi đó cấp cơ sở chưa có biên pháp quản lý chặt chẽ, vì vậy bọn tội phạm lợi dụng ả náu để phạm tội. Sau khi phạm tội cướp giật bọn chúng thay đổi chỗ ở để trốn tránh điều tra của công an và bọn chúng lại chuyển đến nơi ở mới để thực hiện hành vi cướp giật. Trung bình một năm hơn 44% tội phạm cướp giật tài sản được đánh giá là phạm tội ít nghiêm trọng, số tội phạm

này sau khi thu án vài tháng tù đã quay trở lại phạm tội chiếm tỷ lệ lớn. Đa số tính chất, mức độ của hành vi phạm tội trở lại đối với xã hội cao hơn, nguy hiểm hơn so với hành vi phạm tội lần đầu. Nó thể hiện ở thái độ coi thường pháp luật của người phạm tội, họ tìm nhiều biện pháp đối phó với cơ quan thi hành pháp luật. Phần lớn người tái phạm nghĩ ra nhiều mưu mô, thủ đoạn, tinh vi, xảo quyệt để thực hiện hành vi đến cùng, có những kẻ thực hiện hành vi rất nguy hiểm một cách quyết liệt, thể hiện ý thức phạm tội nằm sâu trong tiềm thức con người họ, lúc đó được bộc lộ ra nguyên hình như một kẻ sinh ra để phạm tội. Rất nhiều các đối tượng thực hiện những hành vi cướp giật là nghiện ma túy, mới đi cai nghiện về, hoặc mới ra tù, thậm chí có đối tượng đã nhiễm HIV. Nhiều người sau cai nghiện hòa nhập cộng đồng nhưng sức khỏe kém, không có trình độ tay nghề, không kiếm được việc làm quay trở lại với ma túy. Vấn đề trở nên nghiêm trọng hơn vì họ đã không còn niềm tin vào cuộc sống, tâm lý bất cần và suy nghĩ “không còn gì để mất”. Nghiện ma túy là một tệ nạn xã hội rất nguy hại đến nhiều quan hệ xã hội trong cuộc sống, nó góp một phần không nhỏ vào sự gia tăng số tội phạm cướp giật tài sản.

Nhân thân người phạm tội cướp giật tài sản có đặc điểm đặc trưng là trình độ văn hóa thấp, tỷ lệ thất nghiệp cao. Trình độ văn hóa thấp dẫn đến ý thức, tri thức thiếu hụt, là nguyên nhân dẫn đến sự hiểu biết về pháp luật cũng như các vấn đề xã hội lệch chuẩn. Thất nghiệp sẽ không có thu nhập để đáp ứng các nhu cầu của bản thân. Hai yếu tố đó kết hợp với nhau thúc đẩy, tạo ra các hành vi phạm tội cướp giật tài sản. Do nhận thức kém nên những người phạm tội cướp giật tài sản rất liều lĩnh, táo bạo.

Tính chất hành vi của tội cướp giật tài sản là trực tiếp xâm phạm tới tài sản của người khác một cách trắng trợn, không che dấu hành vi phạm tội. Do đó, người phạm tội cướp giật tài sản chủ yếu là nam giới chiếm 97%, trong số đó 91% là người thành niên, là tuổi lao động, Những người ở lứa tuổi này nếu

phát triển bình thường đã trở thành những người cha, người mẹ và là tấm gương cho con cháu noi theo. Nhưng trái lại, xã hội phải gánh chịu một hậu quả về tội phạm có thể ở cấp số nhân chứ không chỉ dừng lại ở cấp số cộng, nếu chúng ta không có những biện pháp kịp thời ngăn chặn tệ nạn cướp giật tài sản ở lứa tuổi này.

Kết quả phân tích các số liệu cho thấy người chưa thành niên phạm tội cướp giật tài sản chiếm 9% trong tổng số tội phạm cướp giật tài sản. Hành vi cướp giật tài sản của người chưa thành niên gây tâm lý lo lắng cho cha mẹ học sinh, cho dân chúng, làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự an ninh toàn xã hội không chỉ trong hiện tại mà còn cả trong tương lai. Một điều đáng quan tâm người chưa thành niên là thế hệ chủ nhân tương lai của đất nước. Vì vậy, cần có chính sách đào tạo giáo dục người chưa thành niên phù hợp, hiệu quả, chất lượng cao sẽ góp phần ổn định trật tự an ninh toàn xã hội.

Tóm lại, tình hình tội cướp giật tài sản trong thời gian qua có tính chất ngày càng nguy hiểm cho xã hội, nguy hiểm về số lượng tội phạm lớn, nguy hiểm cả về diễn biến ngày càng gia tăng, số tội phạm cướp giật tài sản năm sau lớn hơn năm trước. Chúng sử dụng nhiều thủ đoạn nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác tới cùng. Số người quay trở lại phạm tội cướp giật tài sản đang ở mức cao. Những người nghiện ma túy với tâm lý không có gì để mất đã liều mạng đi cướp giật để thỏa mãn cơn nghiện. Đặc biệt số người phạm tội cướp giật tài sản có trình độ văn hóa thấp, không có nghề nghiệp, tái phạm gây ra mối nguy hiểm tiềm ẩn cho xã hội.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Hiện nay, tội phạm cướp giật tài sản hiện diện, rình rập trên khắp các tỉnh, thành phố trong cả nước. Hàng năm, tòa án xét xử sơ thẩm khoảng 2.500 vụ án về tội cướp giật tài sản, tương đương với số vụ án đó là số người trở thành nạn nhân của bọn tội phạm. Hiện tượng tội phạm cướp giật trở thành nỗi lo lắng, hoang mang trong quần chúng nhân dân.

Thông qua phần hiện và phần ẩn của tình hình tội cướp giật tài sản, thấy được thực trạng tội cướp giật tài sản đang có xu hướng tăng cao, diễn biến ngày càng phức tạp với nhiều chiêu thức, thủ đoạn nguy hiểm. Bọn cướp giật tài sản rất chủ động tìm kiếm người có tài sản và lợi dụng tình hình kinh tế, xã hội để thực hiện tội phạm. Ở những thành phố lớn, như thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, những thành phố có sự phát triển kinh tế nhanh như Bình Dương, Cần Thơ có nhiều loại hình kinh doanh mới, các khu công nghiệp thu hút lực lượng sản xuất từ các nơi tới, gây ra mật độ dân số quá tải kéo theo sự quản lý nhà nước về nhân khẩu, về văn hóa, các cơ sở kinh doanh chưa phù hợp, tạo môi trường nuôi dưỡng tội phạm cướp giật tài sản.

Bọn tội phạm cướp giật tài sản phần lớn có nhân thân xấu, nghiện ma túy, tiền án tiền sự, ăn chơi lêu lổng, lười lao động, thích hưởng thụ, Không có nghề nghiệp, trình độ văn hóa thấp và tình trạng người chưa thành niên phạm tội cướp giật ngày càng tăng.

Bọn chúng thường sử dụng phương tiện gây án là xe máy, chúng trở nhau đi thành từng nhóm, khi phát hiện ra người có tài sản sơ hở là tên lái xe máy áp sát vào người bị hại để tên ngồi sau thực hiện hành vi cướp giật tài sản, sau đó có hai tên trở nhau trên xe máy khác sẽ làm nhiệm vụ cản trở để cho đồng bọn tẩu thoát. Tài sản bọn cướp giật chiếm đoạt là những tài sản gọn nhẹ, có giá trị, dễ tiêu thụ như vàng bạc, tiền, điện thoại, trang sức có giá trị.

Bọn chúng thường nhắm vào phụ nữ để thực hiện hành vi cướp giật. Bọn chúng dùng thủ đoạn chủ động tìm người có tài sản lớn đi ra từ các Ngân hàng, cây rút tiền tự động, cửa hàng vàng bạc, các cửa hàng đồ hiệu đắt tiền... để lợi dụng lúc người bị hại sơ hở là chiếm đoạt sau đó nhanh chóng tẩu thoát. Tình trạng này cần có biện pháp chủ động ngăn ngừa và cần quyết tâm phòng chống tội cướp giật tài sản cao của mọi tầng lớp trong xã hội.

Nước ta phải đối đầu nhiều khó khăn, thách thức hơn trong giai đoạn phát triển kinh tế những năm tới và sẽ tiếp tục chịu ảnh hưởng tình hình khủng hoảng kinh tế kép trên toàn cầu và nợ công đang lan rộng khắp châu Âu. Chúng ta cần có biện pháp kinh tế, văn hóa, giáo dục, tuyên truyền phổ biến pháp luật sâu rộng, thiết thực tới từng người dân để đối phó với nạn thất nghiệp sẽ tăng lên, tệ nạn xã hội sẽ phát triển và hệ lụy của nó là tình hình tội phạm gia tăng trong đó có tội cướp giật tài sản.

Phần hiện và phần ẩn của tình hình tội cướp giật tài sản mô tả tại chương 2 cho chúng ta thấy tồn tại trong xã hội một hiện tượng tiêu cực, đồng thời nó bộc lộ ý thức xã hội của người phạm tội cướp giật tài sản. Đó là những cơ sở để có những biện pháp đấu tranh phòng, chống tội phạm hữu hiệu trong những năm tới.

CHƯƠNG 3

NGUYÊN NHÂN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA TÌNH HÌNH TỘI CƯỚP GIẠT TÀI SẢN

Nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm là vấn đề cơ bản và là một nội dung nghiên cứu của tội phạm học. Nghiên cứu nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm chính là nghiên cứu quy luật của sự phạm tội với tính cách là hiện tượng và tội phạm với tính cách là hành vi.

Trên quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, áp dụng cặp phạm trù Nhân - Quả vào lĩnh vực nghiên cứu tội phạm học, khái niệm nguyên nhân và điều kiện được giải thích như sau:

Nguyên nhân: đó là phạm trù chỉ sự tác động qua lại giữa các mặt trong một sự vật, một hiện tượng hoặc giữa các sự vật, các hiện tượng với nhau gây ra sự biến đổi nhất định gọi là kết quả. Về bản chất, nguyên nhân không phải là hiện tượng hay sự vật nào đó, mà nguyên nhân chỉ có thể là sự tác động qua lại. Không có sự tác động qua lại thì không có nguyên nhân. Và để nguyên nhân sinh ra kết quả nhất định nào đó, thì quá trình tương tác phải diễn ra trong điều kiện nhất định.

Điều kiện tuy không sản sinh ra kết quả, song tạo thuận lợi, hỗ trợ, thúc đẩy sự tương tác sinh ra kết quả. Về bản chất, điều kiện là những sự kiện, hiện tượng, tình huống, hoàn cảnh nhất định.

Kết quả: trong mối quan hệ nhân - quả, thì quả ở đây, trong tội phạm học chỉ có thể là tình hình tội phạm hoặc hành vi phạm tội. Còn nhân thì không thể là một hiện tượng hay một yếu tố nào, mà nhân chỉ có thể là sự tác động qua lại của nhiều hiện tượng, nhiều yếu tố. Và sự tác động qua lại này không phải là sự tác động trực tiếp mà là sự tác động gián tiếp, tức là phải thông qua đầu óc con

người. Như vậy, nguyên nhân của tình hình tội phạm phải là sự tác động qua lại giữa các yếu tố tiêu cực thuộc môi trường sống và các yếu tố tâm-sinh lý tiêu cực thuộc cá nhân con người trong những hoàn cảnh, tình huống nhất định dẫn tới việc thực hiện một hành vi nguy hiểm cho xã hội mà pháp luật hình sự quy định là tội phạm.

Nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm là hai phạm trù khác nhau, giữ vai trò khác nhau trong việc sinh ra kết quả là tình hình tội phạm. Trong lĩnh vực xã hội nói chung và tội phạm học nói riêng, sự phân biệt đâu là nguyên nhân, đâu là điều kiện, chỉ mang tính tương đối. Hơn nữa, thực tế đấu tranh và phòng ngừa tội phạm lại luôn đòi hỏi phải loại trừ cả hai, tức là phải loại trừ cả những gì thuộc về nguyên nhân và loại trừ cả những gì thuộc về điều kiện phát sinh tình hình tội phạm. Chính vì tính phức tạp của sự tác động qua lại, tính muôn hình muôn vẻ của sự tác động, cũng như sự đòi hỏi của thực tế đấu tranh và phòng ngừa tội phạm ở nước ta mà việc nghiên cứu nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm là làm rõ được các hiện tượng, các yếu tố tham gia vào sự tác động qua lại này. Và chúng được gọi chung là các yếu tố làm phát sinh tình hình tội phạm.[64 - tr81]

Như vậy, nghiên cứu nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội cướp giết tài sản ở nước ta hiện nay, là tìm ra hệ thống các yếu tố làm phát sinh tình hình tội cướp giết tài sản, bằng cách tìm kiếm các yếu tố tiêu cực thuộc môi trường sống, những yếu tố tiêu cực thuộc chủ thể hành vi phạm tội cướp giết tài sản và những yếu tố tình huống.

3.1. Các yếu tố tiêu cực thuộc môi trường sống.

Môi trường sống giữ vai trò qui định đối với việc hình thành nhân cách, lối ứng xử của con người và là tạo điều kiện nảy sinh và tồn tại cho các loại hành vi của con người. Môi trường sống, luôn luôn là bộ phận khách quan

trong cơ chế hành vi của con người và trong cấu trúc tổng thể của nó chứa đựng những yếu tố cụ thể. Sự tác động của chúng lên nhau tạo ra cho môi trường sống của con người luôn luôn biến đổi, đồng thời nó tác động mạnh mẽ và trực tiếp đến tình hình tội phạm. Môi trường tác động đến người phạm tội cướp giết tài sản gồm ba môi trường sống chính, đó là môi trường gia đình, môi trường nhà trường và môi trường xã hội.

3.1.1. Các yếu tố tiêu cực thuộc môi trường gia đình.

Gia đình có vai trò quan trọng hàng đầu trong sự phát triển, hình thành nhân cách và các đặc điểm tâm lý cá nhân, đặc biệt đối với trẻ em và nhóm đối tượng ở độ tuổi vị thành niên. Những người phải chứng kiến cảnh bạo hành trong gia đình từ khi còn nhỏ thì khi lớn lên người ấy dễ mang tính bạo lực và sẽ dẫn đến có những hành vi lệch chuẩn. Trong những gia đình không có lối sống lành mạnh là cái nôi của tội phạm.

Sự phát triển nhân cách con người không thể thiếu sự giáo dục của cha mẹ. Phương pháp giáo dục của một số cha mẹ là yếu tố gây ảnh hưởng lớn đến tính cách, quan niệm đạo đức của con cái. Cha mẹ, người thân buông lỏng quản lý giáo dục, không quan tâm đúng mức đến việc học tập, phát triển về tâm sinh lý và những biến động của con em mình cũng là nguyên nhân và điều kiện dẫn đến phạm tội cướp giết tài sản. Đứng trước nhiều tệ nạn cán đố nếu được cha mẹ định hướng, chỉ bảo thì con cái sẽ nhận thức đúng và đủ bản lĩnh để tránh xa nó. Trong những lúc như thế, rất cần có sự quan tâm sát sao, sự kiểm tra uốn nắn, hướng dẫn kịp thời của cha mẹ người thân. Việc không quan tâm tới con cái có thể nói, như là đẩy con em mình vào con đường tội lỗi một cách vô tình mà không hay biết. Rất nhiều trường hợp khi con em phạm tội và bị công an bắt, lúc đó cha mẹ mới biết con mình hư hỏng. Nhiều trường hợp khi con bị truy tố, bố mẹ chạy chọt, lo lót để con được vô tội hoặc giảm

nhẹ tội. Những việc làm này vô tình đã như tiếp tay, khuyến khích cho con cái coi thường pháp luật.

Một nguyên nhân nữa là trường hợp bố mẹ không thống nhất về mục đích và phương pháp giáo dục hoặc sai lầm trong phương pháp giáo dục con. Có những gia đình bố mắng dạy, mẹ lại bênh vực hoặc ngược lại, dân gian có câu “trống đánh xuôi kèn thổi ngược” ý muốn nói là sự dạy bảo con cái không thống nhất, việc bảo vệ cho con ngay trước mặt chúng gây mất tác dụng của việc dạy bảo giáo dục con cái của cha mẹ và dẫn tới tình trạng con không nhận ra lỗi của mình, không nghe lời cha mẹ, có thái độ phản kháng hoặc trông chờ vào sự giúp đỡ của cha hoặc mẹ. Lâu dần sẽ thành thói quen xấu khó sửa. Nhiều người trở nên xác xược, ngỗ ngược, không biết sợ, tiến tới mức độ cao hơn đó là phạm tội.

Sự nuông chiều con cũng là nguyên nhân và điều kiện tiềm ẩn đưa tới phạm tội cướp giết tài sản. Sau nhiều năm vận động kế hoạch hoá gia đình, kết quả các gia đình hầu như chỉ có một đến hai con. Ai cũng nghĩ tới việc đẻ ít con, để cho con sung sướng hơn. Tư tưởng này đã tạo nên một cách nuôi dạy con không đúng mức, sự nuông chiều trở nên thái quá, hình thành một nhân cách sống ích kỷ, ít biết quan tâm tới người khác, ngay cả đối với cha mẹ mình, muốn gì được nấy, không biết tới sự nhường nhịn, nhu cầu hưởng thụ cao, càng lớn nhu cầu càng cao. Nếu khả năng của cha mẹ không đáp ứng kịp, cộng với nhiều yếu tố tiêu cực khác bên ngoài xã hội tác động, hậu quả cuối cùng là phạm tội.

Ngược lại với sự nuông chiều là sự quá khắt khe, hiện tượng này cũng là nguyên nhân và điều kiện dẫn tới phạm tội cướp giết tài sản. Mọi sự thái quá đều không tốt. Có nhiều bậc cha mẹ do thiếu hiểu biết hoặc do không kiểm chế được trước những khuyết điểm của con, đã thường xuyên dùng hình phạt con một cách tàn nhẫn, độc ác dẫn đến con bị khủng hoảng tâm lý. Thực tế,

vẫn còn không ít bậc cha mẹ quan niệm “yêu cho roi cho vọt” nên mỗi khi con mắc khuyết điểm là thượng cẳng chân hạ cẳng tay, đánh con để hả giận hoặc có khi dùng lời lẽ thô tục, cay nghiệt, trì triết cay độc. Phương pháp giáo dục này là nguyên nhân rất nguy hại dẫn tới làm cho con người trở nên tự ti, thiếu chủ động hoặc bị ức chế, cứng đầu, lì lợm, tâm lý muốn nổi loạn, chống đối, phản kháng rất quyết liệt. Mức độ ngày một tăng, nó tích tụ trong con người họ và hình thành một nhân cách độc ác, tục tĩu, thô bạo. Nhà sư phạm nổi tiếng Macrenco đã nhận xét “ *từ những đứa trẻ bị đánh đập và cảm đoán sẽ sinh ra những đứa con bạc nhược, vô tích sự hay độc đoán, suốt đời trả thù cho tuổi thơ bị dồn nén của mình*”. Như vậy, sự khắt khe quá mức hoặc sự giáo dục bằng cách tàn nhẫn độc ác cũng là mầm mống cho nguyên nhân và điều kiện của tội cướp giết tài sản.

Một số bậc cha mẹ chưa nắm bắt kịp thời và chưa hiểu hết những đặc điểm tâm sinh lý của con cái. Tâm lý con người luôn vận động và phát triển, mỗi lứa tuổi của con người là một giai đoạn phát triển tâm lý đặc biệt về thể chất và đặc trưng bởi nhiều biến đổi. Gần đây tình trạng người chưa thành niên phạm tội cướp giết tài sản đang có chiều hướng gia tăng. Tâm lý của tuổi này là thích bắt chước, dễ bị các phần tử xấu lợi dụng lôi kéo vào các vụ phạm tội mà các em lại nghĩ đó là tài giỏi, anh hùng nếu cha mẹ nắm bắt kịp thời những biểu hiện sai lệch đó để kịp thời uốn nắn, tránh được các hành vi phạm tội. Các em thường có xu hướng “lý tưởng hoá” cha mẹ và có thái độ đòi hỏi cao và khắt khe đối với cha mẹ, nếu bị thất vọng bởi các hình mẫu lý tưởng đó, các em thường có tâm trạng khủng hoảng, chán nản, bỏ nhà đi lang thang và sẽ vi phạm pháp luật.

Hoàn cảnh gia đình là một yếu tố gây ra tội phạm cướp giết tài sản. Hầu hết những gia đình có hoàn cảnh éo le, bố mẹ ly hôn, đông con, kinh tế khó khăn, cha mẹ mãi làm ăn không quan tâm, định hướng, quản lý con cái, thiếu

sự kèm cặp giáo dục của gia đình, cho nên nhiều người có thói quen sống tự do, sống buông thả, tự do giao du, tự do làm những gì chúng thích, dễ tiếp thu những mặt trái của xã hội là nguyên nhân dẫn đến phạm tội. Ảnh hưởng từ phẩm chất xấu của một số cha mẹ, số người phạm tội cướp giật tài sản có cha mẹ và những thành viên trong gia đình có tiền án, tiền sự, có những thói hư tật xấu như cờ bạc, rượu chè, nghiện hút, ăn chơi xa đọa chiếm tỷ lệ rất cao.

Gia đình là một tế bào của xã hội, mối liên hệ giữa các thành viên trong gia đình lỏng lẻo, hoàn cảnh gia đình éo le, bầu không khí nặng nề, quan hệ đạo đức truyền thống trong gia đình không thuận lợi, dẫn đến tâm sinh lý những người trong gia đình, đặc biệt là trẻ em bị ảnh hưởng trực tiếp đến nhân cách và lối sống bị lệch lạc rất dễ đi vào con đường phạm tội.

3.1.2. Các yếu tố tiêu cực thuộc môi trường nhà trường

Giáo dục là nền tảng cho một xã hội văn minh, tiên tiến, nền giáo dục chưa chuẩn mực kéo theo nhiều hệ lụy tiêu cực cho cả quốc gia. Ở nước ta, vấn đề giáo dục những năm gần đây đã chỉ ra rất nhiều bất cập ở mọi cấp bậc học. Từ phương pháp giáo dục cho đến nội dung giảng dạy, tư cách của giáo viên chưa tốt là các yếu tố gây ra tình hình tội phạm hiện nay.

Nhà trường là một môi trường giáo dục rất cần thiết đối với sự phát triển của con người, tại đây các em không những chỉ học những kiến thức cơ bản mà còn được giáo dục đạo đức, lý tưởng, nhân cách. Tuy nhiên, nếu các giáo viên không phải là những hình mẫu, tấm gương thì công tác giáo dục sẽ bị phản tác dụng và nó còn nghiêm trọng hơn nữa, khi trong tâm trí của chúng hằn sâu về hình ảnh những người thầy không đáng kính, dẫn đến vấn đề “tôn sư trọng đạo” bị thiếu hụt. Một môi trường thuần khiết trở nên khó tin tưởng, giáo viên không trung thực. Phẩm chất xấu của một số giáo viên làm ảnh hưởng không nhỏ tới các phản ứng, các hành vi của học sinh, sinh viên. Từ đó cho thấy những vấn đề tiêu cực tồn tại trong ngành giáo dục là cũng là

một yếu tố làm phát sinh tình hình tội phạm nói chung và tội cướp giật nói riêng.

Gia đình là nơi hình thành, phát triển ý thức thì nhà trường là nơi góp phần quan trọng trong việc giáo dục và rèn luyện con người. Những phương pháp giảng dạy đúng đắn, kết hợp với việc giáo dục, phát triển thói quen tập thể, cộng đồng cho học sinh là có tác dụng tốt lâu dài trong công cuộc trồng người. Song, trong thực tế còn có nhiều thiếu sót về công tác giáo dục ở nhà trường.

Công tác giáo dục hiện nay còn có nhiều biểu hiện yếu kém, bệnh thành tích là một hiện tượng phổ biến trong ngành giáo dục. Mục đích tôn chỉ của việc giáo dục chưa thực hiện tốt, số giáo viên chỉ dạy kiến thức chiếm số lượng lớn, giáo viên ít quan tâm thực hiện nhiệm vụ giáo dục đạo đức, tạo ra kết quả trong thế hệ trẻ nhiều người bị thiếu hụt trong nhân cách. Học sinh chưa được giáo dục về pháp luật thấu đáo, đồng thời chưa được rèn luyện những thói quen sống “mình vì mọi người, mọi người vì mình” và phải biết yêu lao động, biết trân trọng giá trị đạo đức, tránh xa các thói hư tật xấu. Khi học sinh phạm khuyết điểm các giáo viên thường áp dụng nhiều biện pháp hành chính.

Giáo dục pháp luật nhằm nâng cao nhận thức pháp luật cho học sinh chưa phù hợp còn hời hợt, chưa sát với yêu cầu thực tế, tồn tại nhiều hạn chế và ở nhiều nơi chính các giáo viên cũng hiểu pháp luật một cách lơ mơ, quan niệm về đạo đức xã hội lệch lạc. Do vậy, các em chưa có ý thức về việc chấp hành pháp luật, từ đó phát sinh tư tưởng coi thường pháp luật, dẫn tới vi phạm pháp luật. Qua khảo sát thực tế ở nhiều trường phổ thông trung học cơ sở ở Hà Nội, khi được hỏi về độ tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự các em nắm khá vững hầu hết các em đều trả lời được là từ 14 tuổi đến 16 tuổi phải chịu trách nhiệm về những tội rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng.

Nhưng khi hỏi như thế nào là tội rất nghiêm trọng các em không biết. Ở một số trường có học sinh phạm tội cướp giết và có học sinh là nạn nhân của tội cướp giết, nhưng nhà trường không kịp thời phổ biến pháp luật cho học sinh.

Nhà trường chưa có biện pháp kỷ luật phù hợp đối với những hành vi sai trái. Thường đối phó, bỏ qua những hành động xấu của học sinh, tình hình kỷ luật còn chưa đúng mức, chưa công bằng, chưa hợp lý. Nhiều giáo viên có những biện pháp kỷ luật thái quá, quá mức cần thiết, gây ức chế cho học sinh. Kết quả là học sinh coi thường giáo viên, coi thường nhà trường, học hành chểnh mảng, tâm lý phản kháng, chống đối, bỏ học không cần sự giáo dục của nhà trường. Nhà sư phạm nổi tiếng người Nga Macarencô đã viết: *“việc áp dụng trừng phạt một cách đúng đắn, thích hợp là cực kỳ quan trọng. Một nhà giáo dục tốt có thể tìm được nhiều chuyện nhờ hệ thống hình phạt, nhưng một sự áp đặt vụng về, không phân biệt đúng sai, một sự áp dụng máy móc sẽ rất nguy hiểm ”* [44-tr 6]

Trong công tác giáo dục, sự liên hệ và phối hợp giữa gia đình, nhà trường và các tổ chức xã hội chưa chặt chẽ, làm chưa tốt và thiếu sót rất nhiều. Nếu có sự kết hợp chặt chẽ giáo dục giữa gia đình và nhà trường sẽ tạo ra một sự thống nhất khép kín trong việc quản lý giáo dục học sinh, kịp thời hạn chế được rất nhiều những tác động xấu của môi trường bên ngoài đến học sinh, nắm bắt được những diễn biến tư tưởng của các em, để kịp thời phối hợp xử lý uốn nắn.

Cuộc sống của giáo viên hiện nay ở mức thấp, tình trạng “ăn như sư ở như phạm” ý nói mức sống của giáo viên còn quá chật vật,. Vì vậy, nhiều giáo viên phải làm thêm ngoài giờ nhiều nghề và mở các lớp dạy thêm, có nhiều giáo viên còn lợi dụng việc dạy thêm để kiếm sống. Sau những giờ làm thêm vất vả, mệt mỏi đã làm giảm bớt lòng nhiệt tình yêu nghề, yêu trò của người thầy. Chất lượng giảng dạy kém, dạy qua loa, thiếu nhiệt tình có lúc

còn cáu gắt, nổi nóng vô cớ. Trong tổ chức kiểm tra thi cử một số giáo viên thiếu nghiêm túc, làm ngơ trước những hành vi quay cóp, nhìn bài, trao đổi bài của học sinh, sinh viên. Nhiều trường hợp giáo viên còn giúp học sinh, sinh viên để gian lận trong thi cử dẫn đến học sinh, sinh viên không còn tôn trọng thầy cô, thần tượng bị sụp đổ, chúng hình thành các thói hư, lười biếng, chúng chán học rủ nhau tụ tập, bỏ học đi chơi lêu lổng, chơi game online tại các hàng Internet nhiều giờ có khi cả ngày, không có tiền trả nhà hàng chúng rủ nhau đi cướp giật tài sản.

Bên cạnh những yếu tố về phẩm chất xấu của một số giáo viên và những yếu tố phương pháp giáo dục không phù hợp ảnh hưởng tới nhân cách của sinh viên, đặc biệt là học sinh, thì nội dung giáo dục không phù hợp trong nhà trường cũng là một nguyên nhân và điều kiện dẫn tới phạm tội cướp giật tài sản.

Thực tế, các nguyên nhân và điều kiện xuất phát từ nhà trường như là phương pháp giáo dục bất cập, đạo đức giáo viên xuống cấp, chương trình học tập nặng nề, tổ chức hoạt động tập thể, ngoại khoá, ngoài trời còn rất nhiều yếu kém, phổ biến giáo dục pháp luật chưa mang lại kết quả tốt đã làm phát sinh, tồn tại và phát triển tình hình tội phạm cướp giật tài sản hiện nay.

3.1.3. Các yếu tố tiêu cực thuộc môi trường xã hội với nhà nước là chủ thể quản lý

3.1.3.1. Những yếu tố chủ quan đối với chủ thể quản lý

Những yếu tố chủ quan làm phát sinh tình hình tội phạm là những yếu tố do bản thân Nhà nước trong quá trình thực hiện chức năng quản lý xã hội của mình đã làm cho chúng xuất hiện trong xã hội, mặc dù Nhà nước không mong muốn.[64- tr82]

a) Trong mục đích và cơ chế quản lý

a₁) Những yếu tố xuất phát từ môi trường kinh tế

Trong quá trình phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, nền kinh tế ở nước ta đạt tăng trưởng nhanh, đời sống của nhân dân được nâng cao. Tuy nhiên, trong sự phát triển đó còn nhiều vướng mắc ở các khâu quản lý nhà nước, tạo kẽ hở cho tội phạm lợi dụng hoạt động,

Những thành phố, những địa phương có sự phát triển kinh tế ào ạt, các khu công nghiệp mở rộng đồng nghĩa với nông dân bị thu hồi đất kéo theo nhiều hậu quả không tốt cho xã hội, đặc biệt tội cướp giết tài sản nảy sinh nhiều. Theo báo cáo năm 2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn "mỗi năm có bình quân khoảng 73.000 héc ta đất nông nghiệp bị thu hồi để làm khu công nghiệp, khu đô thị, sân golf... Trong năm năm qua, đời sống của 627.495 hộ dân với khoảng 950.000 lao động đã bị tác động do bị thu hồi đất nông nghiệp, kéo theo khoảng 2,5 triệu người cũng bị ảnh hưởng ít nhiều. Số hộ nông dân bị mất đất ngày càng tăng, trong khi các ngành nghề phi nông nghiệp chưa phát triển để giải quyết số lao động dôi ra, đã tạo nhiều nguy cơ xấu trong tương lai". Những người dân bị thu hồi đất để xây dựng các khu công nghiệp không có đất để sản xuất nông nghiệp, không có nghề và chưa được học nghề phù hợp với yêu cầu của các công ty tại các khu công nghiệp dẫn đến thất nghiệp và có nguy cơ phạm tội cao.

Trong cơ chế kinh tế thị trường xuất hiện nhiều ngành nghề dịch vụ như nghề cầm đồ, cửa hàng kinh doanh vàng bạc, nhiều ngân hàng, các cây rút tiền tự động, các công ty chứng khoán là những điểm nhắm tới của tội phạm cướp giết tài sản. Ví dụ vụ: Anh Phan Vĩnh Bảo (37 tuổi, ở quận 1) tự lái ô tô 7 chỗ, đến Ngân hàng Eximbank, quận 1, TP HCM rút gần 1,5 tỷ đồng. Giao dịch xong, anh Bảo cho tiền vào giỏ xách rồi mang ra xe ô tô để trên ghế bên cạnh và cho xe chạy đến Công ty chứng khoán Phương Đông gần đó. Khi ô tô anh Bảo vừa dừng lại, bất ngờ có một người đàn ông chạy xe máy tông thẳng đầu xe ô tô của anh Bảo. Thấy vậy, anh Bảo mở cửa bước xuống, ngay lập tức

một người thanh niên khác từ sau xông đến mở cửa, cướp giật giỏ tiền trong xe rồi nhảy lên xe đồng bọn bỏ chạy.

Cửa hàng cầm đồ vừa là nơi tiêu thụ tài sản do tội phạm mà có và vừa là đối tượng bọn tội phạm rình dập nhắm tới để thực hiện hành vi cướp giật tài sản. Sự hình thành nhiều cửa hàng cầm đồ đã tạo điều kiện cho tội phạm tiêu thụ tài sản do phạm tội mà có một cách rẽ dàng. Các nguyên nhân và điều kiện này là nguồn cho tội phạm phát triển.

Trong giai đoạn phát triển công nghệ thông tin mạnh mẽ như hiện nay, những quán trò chơi điện tử phát triển nhiều. Các quán dịch vụ Internet là tụ điểm của những nhóm tội phạm, bọn chúng bàn bạc rủ nhau đi cướp giật và cũng từ quán trò chơi điện người phạm tội nợ nần từ tiền chơi điện tử nên bọn chúng rủ nhau đi cướp giật để trả nợ. Hiện tượng các đối tượng quen biết nhau qua mạng Internet, sau đó hình thành băng nhóm hoạt động phạm tội hết sức nguy hiểm. Chúng có đặc điểm là không quen biết nhau, mà chỉ căn cứ vào các nickname có ấn tượng rất mạnh để liên lạc. Để hạn chế những băng nhóm tội phạm này, công an các tỉnh, thành phố đã lập nhiều chuyên án phá nhiều băng nhóm, đặc biệt trong đó có nhóm cướp giật nguy hiểm do hai đối tượng còn rất trẻ cầm đầu. Đó là nhóm của Nguyễn Tùng Giang sinh năm 1988 và Nguyễn Văn Dũng sinh năm 1986. Qua các lần “chát” trao đổi với nhau qua mạng internet, bọn chúng đã tụ tập thành một nhóm và bàn nhau đi cướp giật tài sản, chỉ trong khoảng 10 ngày bọn chúng đã thực hiện 5 vụ cướp giật tài sản trên địa bàn quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Sở dĩ nạn cướp giật ngày càng hoành hành là do tình hình kinh tế đang rất khó khăn, nhiều cơ quan, xí nghiệp, công ty bị phá sản nên tỷ lệ người thất nghiệp gia tăng và trong xã hội ta vẫn đang tồn tại sự bất bình đẳng, sự chênh lệch giàu nghèo có khoảng cách lớn, sự xuống cấp về đạo đức, lối sống. Hiện tượng số dân có cuộc sống khó khăn, thu nhập thấp, phải bươn trải lo ăn từng

bữa còn nhiều. Ngược lại, một số có thu nhập cao bất hợp pháp do làm ăn kinh tế gian dối, buôn lậu, buôn hàng cấm, tham nhũng, nhận hối lộ ...ăn chơi xa hoa. Sự giàu có bất chính trong xã hội gây ra sự suy yếu nền kinh tế, giá trị xã hội bị đảo lộn. Ở một mức độ nhất định, nó tạo ra những quan niệm sai lệch, lệch chuẩn trong cách kiếm tiền của một số bộ phận trong dân chúng, thể hiện mâu thuẫn về lợi ích kinh tế, mâu thuẫn xã hội rõ ràng. Điều này giải thích cho một tiền đề cơ bản có ý nghĩa sâu xa dẫn tới phát sinh tội phạm cướp giật tài sản. C.Mác đã cho rằng: “ắt phải có một cái thối rữa trong nội tạng của một xã hội khi mà trong đó tài sản thì tăng lên nhưng đói nghèo thì không giảm và tội phạm sẽ phát triển nhanh hơn dân số”[85- tr515].

Như vậy, tình hình tội cướp giật tài sản có nguồn gốc sâu xa xuất phát từ những mặt trái của nền kinh tế, vì vậy để giải quyết cơ bản tình hình tội phạm cướp giật tài sản phải có những biện pháp về kinh tế phù hợp, khắc phục những hạn chế về quản lý nhà nước trong giai đoạn phát triển kinh tế thị trường ở nước ta.

a₂) Những yếu tố xuất phát từ môi trường xã hội

Xã hội đã có nhiều biến động tiêu cực do tác động mặt trái của nền kinh tế thị trường, những yếu tố tiêu cực đó có chiều hướng lấn át những giá trị đạo đức truyền thống tốt đẹp của dân tộc ta.

Những số liệu thống kê của TANDTC đã phản ánh lứa tuổi thanh niên từ 18 - 30 là lứa tuổi phạm tội cướp giật tài sản nhiều nhất, chiếm 42% tổng số tội phạm cướp giật tài sản. Tồn tại tình trạng này có một phần nguyên nhân xuất phát từ các vấn đề kinh tế - xã hội, như là nạn thiếu việc làm và thất nghiệp. Theo thống kê của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, tỷ lệ thanh niên trong độ tuổi lao động thiếu việc làm tăng từ 3% (năm 2008) lên 5,6% (năm 2009) và 4,1% (năm 2010), trong đó khu vực thành thị là 2%; khu vực nông thôn là 4,9%. Tình trạng thất nghiệp cũng có xu hướng tăng mạnh, tập trung

chủ yếu ở nhóm thanh niên đô thị. Tỷ lệ thanh niên thất nghiệp năm 2008 chiếm 4,2%; năm 2009 4,1% và năm 2010 tăng lên 5,2%, trong đó ở khu vực đô thị là 7,8%, cao gần gấp hai lần nông thôn (4,3%). Số tội phạm cướp giật tài sản có trình độ thấp kém, không nghề nghiệp chiếm tỉ lệ 84%.

Người phạm tội cướp giật tài sản không có nghề nghiệp chiếm tỷ lệ rất cao. Không có nghề nghiệp ổn định và thất nghiệp dẫn tới không có thu nhập, trong khi cuộc sống vẫn cần phải chi tiêu các nhu cầu thiết yếu hàng ngày để tồn tại. Thất nghiệp sẽ dẫn đến không có điều kiện để thỏa mãn những nhu cầu của bản thân, theo đó cơ chế hành vi phạm tội xuất phát từ nhu cầu của bản thân. C.Mác đã chứng minh và khẳng định rằng: “Không ai có thể lại làm một cái gì đó mà không vì một nhu cầu nào đó của mình”[57-tr18] các nhu cầu của cá nhân là động lực thúc đẩy con người hành động, nếu con người biết hài hòa giữa nhu cầu và khả năng thỏa mãn nhu cầu của mình thì đó chính là cơ sở cho hành vi đúng pháp luật. Sự thiếu hài hòa hay còn gọi là sự xung đột, chắc chắn phải là khởi điểm của một loại hành vi vi phạm pháp luật và tội phạm.

Những người không có việc làm và người bị thất nghiệp mang theo những diễn biến tâm lý xã hội không tốt, họ bị suy sụp về thể lực và tinh thần, trong gia đình xảy ra nhiều mâu thuẫn, tâm trạng chán sống dẫn đến nhiều người tìm đến cái chết, còn một số người tìm đến các tệ nạn và phạm tội cướp giật tài sản.

Song song với sự gia tăng thất nghiệp là sự thay đổi về dân số, số lao động tăng đột biến ở các khu công nghiệp. Sự di dân hoàn toàn tự phát, không có sự hỗ trợ của Nhà nước, do đó, khi đến thành phố, họ không được bố trí chỗ ở, sống vạ vật ở các khu ổ chuột, xóm liều nên dễ bị lợi dụng vào các mục đích xấu xa và dễ bị lôi kéo vào con đường phạm tội. Sự di dân từ nông thôn ra thành phố tìm kiếm việc làm tăng nhanh, kéo theo tình trạng cơ quan công

an chưa kiểm soát nhân khẩu chặt chẽ. Việc quản lý nhân khẩu đối với những người nhập cư rất khó khăn vì họ không có chỗ ở cố định. Đặc biệt hiện tượng trẻ hóa tội phạm đang là nỗi lo của toàn xã hội, người chưa thành niên phạm tội cướp giết tài sản có số lượng tội phạm chiếm khoảng 10%. Họ rời xa gia đình, rời xa sự kiểm soát giáo dục của cha mẹ nên dễ bị rủ rê lôi kéo vào con đường phạm tội.

Tại các quán dịch vụ Internet việc tìm kiếm các văn hoá phẩm đồi trụy, khiêu dâm, bạo lực, không lành mạnh rất dễ dàng. Với tâm lý của thanh niên, người chưa thành niên là sự ham thích phim ảnh, âm nhạc, sách báo cùng với sự tò mò, thích khám phá, bất chước nên rất dễ ảnh hưởng đến các hành vi của họ. Vì ham chơi trò chơi điện tử dẫn đến học hành chểnh mảng, kết quả học tập yếu kém, chán học và cuối cùng là bỏ học. Đối với người chưa thành niên có đặc điểm dễ kết bạn, cho nên các đối tượng xấu thường nhắm tới rủ rê lôi kéo vào con đường tội phạm. Khi những người này đã tham gia vào trộm cắp, cướp giết một vài lần không bị phát hiện trở nên quen dần với cảm giác tội lỗi lúc đầu. Hầu hết, nếu phạm tội lần đầu họ chỉ bị phạt tù vài tháng hoặc được hưởng án treo, theo số liệu nghiên cứu trung bình một năm có 9% tội cướp giết tài sản cho hưởng án treo.

Trong thực tế, ở đâu có nhiều đối tượng hình sự hay nhiều người đã từng phạm tội thì ở đó tội phạm nói chung và tội cướp giết tài sản nói riêng tập chung nhiều. Sở dĩ như vậy là vì những người sau khi thụ án trở về không được cấp có thẩm quyền ở cơ sở quan tâm đúng mức, không bố trí công việc, trong trại giam họ học được nhiều mánh khóe, khi có điều kiện những thói xấu trong họ lại trỗi dậy, họ tìm cách để rủ rê, lôi kéo những người không có bản lĩnh, dễ bị kích động tham gia thực hiện tội phạm cướp giết tài sản.

Công tác tiến hành giám sát và hỗ trợ người sau khi thụ án trở về địa phương còn yếu kém. Việc tổ chức tái hoà nhập cho họ còn chưa được quan

tâm gây ra tỷ lệ tái phạm, tái phạm nguy hiểm cao. Vì vậy, mỗi năm số lượng tội phạm lại tăng, số cải tạo trở về cũng tăng, nguy cơ gây ra diễn biến tội phạm phức tạp và là “hạt giống” gieo mầm hiểm nguy cho xã hội.

Hiện tượng những người sau khi thụ án và sau khi cai nghiện trở về địa phương không có công ăn việc làm, bị kỳ thị, khó hòa nhập và không có thu nhập chưa được quan tâm giải quyết, giúp đỡ, quản lý ở cấp cơ sở. Đó là những lý do đã đẩy họ trở lại tái nghiện, tái phạm và phạm tội cướp giật tài sản và những yếu tố làm tăng số lượng tội phạm cướp giật tài sản ở nước ta hiện nay.

Những năm gần đây Công an bắt giữ được rất nhiều đối tượng buôn bán ma túy với lượng lớn. Các vụ tội phạm về ma túy này có tính chất và mức độ quy mô rất lớn, tương đương với tội phạm ma túy là tỷ lệ người nghiện hút ma túy cũng tăng theo và điều đáng chú ý là số lượng tội phạm cướp giật tài sản nghiện ma túy rất nhiều. Với mục đích có tiền thỏa mãn cơ nghiện, những người nghiện ma túy đã gây nhiều hậu quả nghiêm trọng, ma túy đã làm mất nhân cách của những con nghiện, đẩy họ tới con đường tội phạm rất nhanh chóng. Hầu hết, các vụ bắt quả tang cướp giật tài sản, những kẻ cướp giật luôn trong trạng thái phờ phạc, hốc hác do đói “thuốc”, ma túy đã cướp đi gần hết “phần hồn” và “phần xác”, họ không thể kiềm chế những hành vi phạm tội. Trong khi đó, lực lượng nhân sự phòng chống tệ nạn xã hội, quản lý người sau cai nghiện và phòng chống HIV/AIDS tại địa phương phần lớn vẫn là kiêm nhiệm, mặc dù đã có chủ trương bố trí cho mỗi phường, xã, thị trấn có 1 cán bộ chuyên trách nhưng rất khó thu hút đội ngũ cán bộ ổn định, an tâm với nhiệm vụ phức tạp này.

Tệ nạn mại dâm, cờ bạc cũng là nơi tiềm ẩn mầm mống của tội phạm. “Cờ bạc là bác thằng bần, cửa nhà bán hết tra chân vào cùm”, cờ bạc làm cho tan nhà nát cửa, gia đình mất đi hạnh phúc. Cờ bạc làm cho tài chính

ngày càng bị suy sụp ảnh hưởng đến cuộc sống, tương lai con cái, tạo gánh nặng cho xã hội, làm suy đồi đạo đức, mất đi nhân phẩm con người. Những kẻ cờ bạc khi bị thua thì gánh nặng nợ nần thúc ép phải có tiền để trả nợ, từ đó dẫn đến hành vi mất đạo đức, mất tình người, sinh ra mâu thuẫn, dẫn đến cãi vã, thù hằn, đâm chém lẫn nhau, cướp giết tài sản gây xáo trộn mất an ninh trật tự.

Nguyên nhân và điều kiện tội phạm cướp giết tài sản một phần do chưa có định hướng nghề nghiệp trong xã hội, những người phạm tội cướp giết tài sản có những sai lệch trong việc định hướng giá trị nghề nghiệp. Hiện nay có hai xu hướng định hướng nghề nghiệp, một xu hướng của những người sau khi tốt nghiệp phổ thông họ đua nhau thi vào các trường đại học, không cần xét khả năng hoàn cảnh của mình, không biết nhu cầu của xã hội và cũng không có tổ chức nào định hướng cho họ, thường không nghĩ tới việc học nghề. Còn xu hướng của những người bỏ học dở chừng, những người này thường không coi trọng việc học hành kể cả việc học nghề. Cả hai xu hướng này đã gây nên một sự thiếu hụt về lao động có tay nghề một cách trầm trọng. Việc không đỗ đại học đã làm cho nhiều em chán nản không tìm được con đường đi cho mình, lao động chân tay không muốn làm. Khi cơ hội học nghề qua đi không có nghề nghiệp để kiếm sống, những người này cũng dễ bị rủ rê lôi kéo vào con đường phạm tội. Còn những người bỏ học dở dang, trình độ văn hoá thấp nhận thức về các hành vi cũng kém dẫn đến các cách xử sự sai lệch, họ tìm nhiều mảnh lới để làm ăn, đây là nguồn đầu vào cho tội phạm. Số tội phạm cướp giết tài sản không có nghề nghiệp chiếm 84%, một con số rất lớn.

Chưa có biện pháp trực tiếp tạo nghề cho những người nông dân mất đất, còn buông lỏng trong việc dạy nghề cho các thành phần này. Phần lớn nông dân khi nhận tiền đền bù đã sử dụng không đúng với chủ trương chính

sách của Đảng và nhà nước, là phải đi học nghề để phục vụ cuộc sống sau khi không còn đất sản xuất. Những nông dân nhận được đền bù một khoản tiền như trời cho, họ ăn tiêu phung phí cho con cái tiền thoải mái, nhiều gia đình có con đi vào con đường nghiện hút. Khi gia đình không còn khả năng cung cấp cho hút trích ma túy nữa họ đã đi cướp giật tài sản để thỏa mãn cơn nghiện.

Ý thức học nghề của người dân chưa cao, ít nhiều họ vẫn ảnh hưởng của một hiện tượng thực tế trong xã hội là những người ít học nhưng nhiều mảnh lời làm ăn, sống bằng thu nhập bất chính thì lại giàu có. Do đó, họ không xác định được mục đích, động cơ rõ ràng trong việc lựa chọn, phấn đấu để có một nghề nghiệp ổn định.

Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật chưa tốt, chưa có hiệu quả, mặc dù pháp luật đã đưa vào giảng dạy trong nhà trường, pháp luật cũng được phổ biến trên các phương tiện thông tin đại chúng, nhưng mang tính hình thức. Trong dân chúng ý thức cảnh giác tự phòng ngừa còn nhiều hạn chế, thậm chí có nhiều người còn coi thường, thiếu cảnh giác, chưa tích cực trong tự phòng ngừa.

Công tác đấu tranh phòng chống tội cướp giật tài sản thực hiện chưa đồng bộ, chưa kiên quyết, chủ yếu là lực lượng công an có nhiều chuyên án về Điều tra và truy bắt tội phạm cướp giật. Mặc dù các biện pháp ngăn chặn tội cướp giật tài sản của công an đã đạt nhiều thành tích về số lượng bắt tội phạm. Tuy nhiên, các biện pháp này thực hiện khi tội phạm đã xảy ra, xã hội vẫn tồn tại tội phạm, trật tự xã hội vẫn hỗn loạn, vẫn gây hoang mang cho quần chúng nhân dân và còn nhiều hệ lụy khác khó lường. Phải khẳng định chắc chắn rằng các biện pháp này không thể thiếu trong công tác đấu tranh phòng, chống tội cướp giật tài sản. Song, bên cạnh các biện pháp ngăn chặn

đó vẫn cần phải có những biện pháp loại trừ tội phạm cướp giật tài sản để nó không được hình thành trong xã hội.

Những kẻ cướp giật bị bắt khi gầy ánh gần đây đều trong độ tuổi lao động, trong số đó, một số sinh trưởng ở nông thôn tới thành phố “hành nghề” cướp giật. Việc cướp giật trên đường phố liên tục gia tăng vì các đô thị là nơi di dân tìm tới nhập cư để kiếm sống chứ chưa phải để kiếm việc làm. Khi cộng đồng cư dân chưa chủ động phòng ngừa tội phạm, ý thức cộng đồng yếu kém của phần lớn nhân dân hiện nay đã khiến bọn tội phạm không sợ bị ngăn chặn và trừng phạt ngay lúc đang phạm tội, đây là nguyên nhân trực tiếp của hiện tượng cướp giật gia tăng hiện nay.

Tội cướp giật tài sản là một hiện tượng xã hội tiêu cực, nó xuất phát từ xã hội, chịu ảnh hưởng từ các quan hệ trong xã hội trong đó có tình hình kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa, giáo dục, pháp luật....

b) Trong mệnh lệnh quản lý với hình thức chính là pháp luật

Bộ luật Hình sự năm 1999, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2000 và đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 37/2009/QH12 của Quốc hội khóa XII, thông qua tại Kỳ họp thứ 5, ngày 19/6/2009. Bộ luật đã phát huy được tác dụng to lớn, là cơ sở pháp lý quan trọng cho hoạt động đấu tranh phòng chống tội phạm trong thời gian qua. Tuy nhiên, trong thực tiễn, cũng đã nảy sinh nhiều vướng mắc, khó khăn cả về nhận thức lẫn và áp dụng một số quy định của Bộ luật Hình sự, trong đó có Tội cướp giật tài sản được quy định tại Điều 136.

b₁) Những bất cập trong phần quy định của tội cướp giật tài sản

Bộ luật hình sự 1999 tại khoản 1, Điều 136 quy định tội “Cướp giật tài sản” như sau:

“1. Người nào cướp giật tài sản của người khác, thì bị phạt tù từ một năm đến năm năm.”

Quy định giản đơn trong tội Cướp giật tài sản như trên dẫn đến các cách hiểu khác nhau về nó trong khoa học Luật hình sự, chẳng hạn có quan điểm cho rằng “*Tội cướp giật tài sản*” là hành vi nhanh chóng chiếm đoạt tài sản một cách công khai”[18-tr378]. Theo một quan điểm khác “*tội cướp giật tài sản*” được hiểu là hành vi cướp giật tài sản của người khác”[86-tr213]. Từ cách xác định “Tội cướp giật tài sản” như trên, có thể thấy, phần quy định của “Tội cướp giật tài sản” thuộc loại quy định giản đơn, tức là chỉ nêu tên tội phạm mà không mô tả cụ thể các dấu hiệu của hành vi. Điều đó dẫn tới một thực trạng là các cơ quan tiến hành tố tụng trong khá nhiều trường hợp không thống nhất và thậm chí có không ít những sai lầm trong việc định tội danh, cũng như giải quyết một số vấn đề khác có liên quan như áp dụng nguyên tắc xử lý; xác định tuổi chịu trách nhiệm hình sự; xác định tái phạm, tái phạm nguy hiểm v.v... Trong thực tế xét xử, những người tiến hành tố tụng hay nhầm lẫn “tội cướp giật tài sản” với một số tội thuộc nhóm tội xâm phạm sở hữu, như “Tội cướp tài sản”, “Tội công nhiên chiếm đoạt tài sản”, “Tội cưỡng đoạt tài sản”. Áp dụng pháp luật của các cơ quan tiến hành tố tụng trong vụ án hình sự là làm nhiệm vụ chuyển hoá nội dung quy định về tội phạm của luật hình sự trong quá trình xét xử. Trong quá trình này, việc định tội là xem xét đồng nhất hay không đồng nhất giữa hành vi đã xảy ra trên thực tế với các dấu hiệu của một mô hình tội phạm cụ thể nào đó đã được quy định trong Bộ luật Hình sự. Bộ luật Hình sự là nguồn, là cơ sở pháp lý duy nhất để định tội. Như vậy, việc định tội là quá trình vật chất hoá pháp luật hình sự và chỉ có thể là vật chất hoá những quy định của Bộ luật Hình sự. Do đó, nội dung của các Điều trong BLHS và nội dung của “Tội cướp giật tài sản” cần phải rõ ràng.

Hệ lụy từ những nhận thức sai và khác nhau về tội cướp giật tài sản của trong quá trình áp dụng pháp luật đã làm giảm hiệu quả và giảm tác dụng của công tác đấu tranh phòng chống đối với loại tội này.

b₂) Những bất cập trong phần chế tài:

Thứ nhất: Những bất cập về phần chế tài của tội cướp giật tài sản.

“Điều 136. Tội cướp giật tài sản

1. Người nào cướp giật tài sản của người khác, thì bị phạt tù từ **một năm đến năm năm.**

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ **ba năm đến mười năm:..**

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ **bảy năm đến mười lăm năm:..**

4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ **mười hai năm đến hai mươi năm hoặc tù chung thân...”**

Theo nguyên tắc phạm tội càng nghiêm trọng thì chế tài càng nghiêm khắc, tuy nhiên so sánh trong phần chế tài của Tội cướp giật tài sản tại khoản 1 và khoản 2, khoản 2 và khoản 3, khoản 3 và khoản 4 chúng ta thấy sự bất hợp lý ở chỗ khoản 1 “... bị phạt tù từ **một năm đến năm năm.**” còn ở khoản 2 “...**ba năm đến mười năm:**”; khoản 2 “**bị phạt tù từ ba năm đến mười năm**” còn ở khoản 3 “**bị phạt tù từ bảy năm đến mười lăm năm**”; Trong thực tế áp dụng rất nhiều trường hợp người phạm tội có mức độ phạm tội ở khoản 2 sẽ phải chịu hình phạt là 3 năm tù, nhẹ hơn người phạm tội ở khoản 1 có thể sẽ phải chịu hình phạt là 5 năm tù, cũng tương tự ở các khoản 3, khoản 4 cũng sẽ mắc phải tình trạng bất cập này.

Cách quy định chế tài này đã gây ra sự thiếu thống nhất trong quá trình áp dụng pháp luật, nhiều lúc nhiều nơi còn tạo kẽ hở cho những người tiến hành tổ tụng sử dụng cho mục đích riêng. Hậu quả của sự bất cập tạo nên một

sự không công bằng và có thể pháp luật sẽ không được tôn trọng, không được nghiêm chỉnh thực hiện.

Thứ hai: Chế tài trong khung hình phạt có khoảng cách khá lớn.

Tại khoản 2 khung hình phạt “ *từ ba năm đến mười năm*” khoảng cách 7 năm hay tại khoản 3 là “ *từ bảy năm đến mười lăm năm*” khoảng cách là 8 năm; khoản 4. “ *bị phạt tù từ mười hai năm đến hai mươi năm hoặc tù chung thân*” cách nhau 8 năm và lớn hơn là chung thân. Đây là những khoảng cách rất lớn nếu chế tài quy định hợp lý theo tuần tự mức hình phạt tăng dần và liên tục, kế tiếp theo mức độ phạm tội tăng dần sẽ không có sự bất cập về quy định khoảng cách trong chế tài của một khung hình phạt.

b₃) Những bất cập trong dấu hiệu định khung tăng nặng của tội cướp giật tài sản

Một trong những phương thức mà nhà làm luật sử dụng để xác định hậu quả của tội phạm khi xây dựng Bộ luật Hình sự là quy định những hậu quả với những phạm trù mang tính định tính như: *gây hậu quả nghiêm trọng, hậu quả rất nghiêm trọng, hậu quả đặc biệt nghiêm trọng*. Mặc dù, những phạm trù này có những hạn chế nhất định, song nhà làm luật không thể không sử dụng để xác định hậu quả của tội phạm, vì có khá nhiều tội phạm gây ra những hậu quả, song những hậu quả đó rất khó xác định được mức độ thiệt hại. Hơn thế, có những quan hệ xã hội có tính chất đặc biệt quan trọng nếu để tội phạm gây ra hậu quả cho chúng, thì thiệt hại là rất nguy hiểm. Thiết nghĩ, hậu quả tăng nặng trong một số tội, trong đó có tội cướp giật tài sản được nhà làm luật quy định bằng những phạm trù mang tính định tính như trên còn là vì trong thực tế, loại tội này có thể gây ra những loại hậu quả rất khác nhau và vấn đề này lúc đó chưa được cơ quan chức năng giải thích một cách thống nhất và đầy đủ. Nhưng căn cứ vào lý luận và thực tiễn xét xử, thì tùy trường hợp mà hậu quả đó có thể được hiểu là những thiệt hại về tài sản, thiệt hại về

tính mạng, sức khỏe và các thiệt hại phi vật chất. Do đó, khắc phục những vấn đề này đã phải có nhiều văn bản pháp luật để hướng dẫn và thực tế các hướng dẫn cũng bất cập và còn nhiều mâu thuẫn với điều luật.

Bộ luật hình sự 1999 tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 136 tội Cướp giạt tài sản quy định:

“2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ ba năm đến mười năm:

h. Gây hậu quả nghiêm trọng.

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ bảy năm đến mười lăm năm:

*a) Gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe cho người khác mà tỷ lệ thương tật từ **31% đến 60%**;*

b) Chiếm đoạt tài sản có trị giá từ hai trăm triệu đồng đến dưới năm trăm triệu đồng;

c) Gây hậu quả rất nghiêm trọng.

4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ mười hai năm đến hai mươi năm hoặc tù chung thân:

*a) Gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe cho người khác mà tỷ lệ thương tật từ **61% trở lên hoặc làm chết người;***

b) Chiếm đoạt tài sản có trị giá từ năm trăm triệu đồng trở lên;

c) Gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng.”

Để các cơ quan tiến hành tố tụng áp dụng thống nhất Điều luật này, ngày 25 tháng 12 năm 2001, Toà án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát Nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Tư pháp đã có Thông tư liên tịch số 02/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BTP (gọi là Thông tư 02) hướng dẫn áp dụng một số quy định tại chương XIV Các tội xâm phạm sở hữu của Bộ luật hình sự năm 1999 cụ thể là:

“...3.4. Để xem xét trong trường hợp nào hành vi phạm tội gây hậu quả nghiêm trọng, trong trường hợp nào hành vi phạm tội gây hậu quả rất nghiêm trọng và trong trường hợp nào hành vi phạm tội gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng về nguyên tắc chung phải đánh giá một cách toàn diện, đầy đủ các hậu quả (thiệt hại về tài sản, thiệt hại về tính mạng, sức khỏe và các thiệt hại phi vật chất). Nếu gây thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, tài sản thì được xác định như sau:

a) Nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây là gây hậu quả nghiêm trọng:

a.1) **Làm chết một người;**

a.2) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của một đến hai người với tỷ lệ thương tật của mỗi người từ 61% trở lên;

a.3) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của ba đến bốn người với tỷ lệ thương tật của mỗi người từ 31% đến 60%;

a.4) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của nhiều người với tổng tỷ lệ thương tật của tất cả những người này từ 61% đến 100%, nếu không thuộc các trường hợp được hướng dẫn tại các điểm a.2 và a.3 trên đây;

a.5) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của nhiều người với tổng tỷ lệ thương tật từ 31 % đến 60% và còn gây thiệt hại về tài sản có giá trị từ 30 triệu đồng đến dưới 50 triệu đồng;

a.6) Gây thiệt hại về tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng.

b) Nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây là gây hậu quả rất nghiêm trọng:

b.1) Làm chết hai người;

b.2) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của ba đến bốn người với tỷ lệ thương tật của mỗi người từ 61 % trở lên;

b.3) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của năm đến bảy người với tỷ lệ thương tật của mỗi người từ 31% đến 60%;

b.4) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của nhiều người với tổng tỷ lệ thương tật của tất cả những người này từ 101% đến 200%, nếu không thuộc một trong các trường hợp được hướng dẫn tại các điểm b.2 và b.3 trên đây;

b.5) Gây thiệt hại về tài sản có giá trị từ 500 triệu đồng đến dưới một tỷ năm trăm triệu đồng;

b.6) Gây thiệt hại về tính mạng, sức khỏe và tài sản mà hậu quả thuộc hai đến ba điểm từ điểm a.1 đến điểm a.6 tiểu mục 3.4 này.

c) Nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây là gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng:

c.1) Làm chết ba người trở lên;

c.2) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của năm người trở lên với tỷ lệ thương tật của mỗi người từ 61% trở lên;

c.3) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của tám người trở lên với tỷ lệ thương tật của mỗi người từ 31 % đến 60% ;

c.4) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của nhiều người với tổng tỷ lệ thương tật của tất cả những người này từ 201% trở lên, nếu không thuộc một trong các trường hợp được hướng dẫn tại các điểm c.2 và c.3 trên đây;

c.5) Gây thiệt hại về tài sản có giá trị từ một tỷ năm trăm triệu đồng trở lên;

c.6) Gây thiệt hại về tính mạng, sức khỏe và tài sản mà hậu quả thuộc bốn điểm trở lên từ điểm a.1 đến điểm a.6 tiểu mục 3.4 này;

c.7) Gây thiệt hại về tính mạng, sức khỏe và tài sản mà hậu quả thuộc hai điểm trở lên từ điểm b.1 đến điểm b.6 tiểu mục 3.4 này.”

Trong tội Cướp giật tài sản các dấu hiệu như gây hậu quả nghiêm trọng, gây hậu quả rất nghiêm trọng, gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng, này có ý nghĩa định khung tăng nặng. Tuy nhiên, so với quy định của Bộ luật hình sự thì hình phạt theo hướng dẫn Thông tư số 02 trên đây lại có chiều hướng giảm nhẹ, theo chúng tôi không đảm bảo tính đồng nhất, tính công bằng trong quyết định hình phạt.

Cụ thể phân tích ở mục 3.4. điểm a) của Thông tư 02 hướng dẫn áp dụng khoản 2, điều 136 Bộ luật hình sự với khoản 4, điều 136 Bộ luật hình sự có thể thấy sự bất cập nằm ở phần chế tài, chẳng hạn, khoản 2 “gây hậu quả nghiêm trọng” là làm chết một người thì bị phạt tù đến mười năm, trong khi ở khoản 4, Điều 136 nếu làm chết người, thậm chí chỉ gây thương tật từ 61% trở lên thì mức hình phạt cao nhất là chung thân. Như vậy, nếu hành vi cướp giật tài sản hậu quả làm chết người, có thể bị áp dụng phạt tù chung thân, nhưng cũng có thể chỉ bị áp dụng phạt tù đến mười năm. Rõ ràng, chế tài cho cùng một hành vi gây hậu quả như nhau sẽ có hình phạt khác nhau. Điều đó dẫn tới sự mất công bằng trong việc quyết định hình phạt đối với người phạm tội. Thực tiễn xét xử tội “Cướp giật tài sản” hậu quả gây chết người cho thấy đã có Tòa án đã áp dụng điểm h, khoản 2, Điều 136 Bộ luật hình sự và theo mục 3.4, điểm a.1 thông tư 02 quyết định hình phạt chưa đến mười năm tù, nhưng cũng có toà lại áp dụng theo khoản 4, Điều 136 Bộ luật hình sự để và có quyết định hình phạt mười tám năm tù. So sánh mục 3.4 điểm a Thông tư 02 hướng dẫn Khoản 2, Điều 136 Bộ luật hình sự với Khoản 3, Khoản 4, Điều 136 Bộ luật hình sự còn cho thấy giữa Mục 3.4 điểm a Thông tư 02: *Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của một đến hai người với tỷ lệ thương tật của mỗi người từ 61% trở lên; thậm chí gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của ba đến bốn người với tỷ lệ thương tật của mỗi người từ 31% đến 60% mức hình phạt cao nhất là đến mười năm; so với Khoản 3 - Gây thương*

tích hoặc gây tổn hại sức khỏe cho người khác mà tỷ lệ thương tật từ 31% đến 60% bị phạt tù đến mười lăm năm;, khoản 4 – Điều 136 Bộ luật hình sự - *Gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe cho người khác mà tỷ lệ thương tật từ 61% bị phạt tù từ mười hai năm đến hai mươi năm hoặc tù chung thân;* Từ đó, ta có thể thấy được sự không đồng nhất trong việc quy định mức hình phạt tương ứng với những hậu quả pháp lý do hành vi cướp giật tài sản gây ra.

Hình phạt hướng tới bảo vệ công lý, công bằng xã hội và cuối cùng là loại trừ tội phạm ra khỏi đời sống xã hội. Nhưng hướng dẫn trong mục 3.4, điểm a.1 Thông tư 02 so với khoản 3, khoản 4 Điều 136 Bộ luật hình sự hiện hành nếu xem xét ở góc độ mức hình phạt thì không đảm bảo tính công bằng và kéo theo hệ quả là không thực hiện được mục đích mà Bộ luật hình sự hướng tới.

c) Trong quá trình thực hiện mệnh lệnh quản lý

c₁) Công tác quản lý cư trú

Nguyên nhân gây ra tình hình tội cướp giật tài sản do công tác quản lý cư trú còn hạn chế vì nhiều lý do khác nhau trong đó yếu tố di dân là một trong những vấn đề lớn được đặt ra hiện nay. Ở các thành phố có sự phát triển kinh tế thương mại nhộn nhịp, hối hả và sự hình thành các khu công nghiệp đã thu hút số lượng lớn lao động từ nông thôn đến. Đồng thời ở nông thôn, tình trạng thiếu đất canh tác, thiếu việc làm, thu nhập thấp...Khiến nông dân có tâm lý muốn đi tìm kiếm việc làm để có thêm thu nhập. Đây cũng là vấn đề lớn mà chúng ta đang phải đối mặt, nhất là các đô thị lớn như ở Thủ đô Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh. Dân số tăng nhanh, trong khi đó chiến lược phát triển đô thị không đi đôi với việc làm và các dịch vụ kèm theo, gây ra cho các thành phố trở nên chật chội, bức bối. Đặc biệt là Thành phố Hồ Chí Minh với số lượng dân cư với quy mô dân số 7,2 triệu dân, mật độ dân số trung bình của Thành phố Hồ Chí Minh hiện nay là $3.400 \text{ người}/\text{km}^2$ trong đó

mật độ dân số ở quận nội thành cao gần gấp năm lần so với huyện ngoại thành, tỷ lệ người nhập cư trên 20% (không tính một số đối tượng như sinh viên,...). Một tỷ trọng lớn người di cư ra thành thị là những người tự kinh doanh hoặc làm những công việc ngắn hạn hoặc tạm thời. Do đó, tình trạng cư trú cũng mang tính ngắn hạn hoặc tạm thời, gây khó khăn trong tác quản lý nhân khẩu.

Hiện tượng di dân có nguy cơ gây ra cho thành phố tình trạng mất trật tự công cộng, phần đông trong số họ phải làm đủ các loại công việc. Do cuộc sống tạm bợ qua ngày, do tính chất công việc, hàng ngày họ phải tiếp xúc với nhiều tầng lớp trong xã hội, họ dễ dàng tiếp thu cả cái tốt và cái xấu. Vì vậy, họ rất dễ mắc các tệ nạn xã hội, gây ảnh hưởng cho vấn đề an ninh trật tự và khó khăn cho các nhà quản lý. Ở Hà Nội, người ngoại tỉnh phạm tội cướp giật tài sản chiếm 20% tổng số bị cáo bị xét xử về tội cướp giật tài sản, tỷ lệ này ngày một tăng theo tỷ lệ tăng di dân, ngoài ra nhiều đối tượng hình sự, đối tượng truy nã của các tỉnh khác lợi dụng tình trạng thiếu kiểm soát này đã đến ẩn náu và hoạt động tội phạm.

Ở nước ta chưa có chính sách hỗ trợ để đảm bảo cho cuộc sống của người di dân, do đó họ phải tự tìm việc làm, tự tìm chỗ ở. Trong quá trình tìm kiếm mưu sinh rất khó khăn, họ thường không có chỗ ở ổn định, họ sống nay đây mai đó, không hiểu biết pháp luật họ cũng không khai báo tạm trú, kết quả là việc quản lý nhân khẩu của công an không thực hiện được. Ở những thành phố lớn có hàng ngàn nhà cho thuê, nhưng đa số không khai báo đăng ký, vì vậy rất khó khăn cho công tác quản lý. Công an hộ khẩu bận nhiều việc và nghiệp vụ còn yếu, vẫn còn nể nang, chưa sát sao, chưa cương quyết, thiếu trách nhiệm trong công tác tạm trú, tạm vắng. Mặc dù, đã có Luật cư trú và nhiều văn bản pháp luật quy định về vấn đề này, nhưng những hiện tượng này

vẫn còn tồn đọng chưa được giải quyết. “Chỉ trên cơ sở quản lý chặt chẽ số nhân khẩu này, mới có cơ sở vững chắc để phòng ngừa tội phạm” [29- tr103]

Quản lý nhân khẩu không chỉ khó khăn đối với những người nhập cư, mà ngay cả đối với những người có hộ khẩu thường trú, họ đăng ký một nơi nhưng lại ở một nơi. Khai báo tạm vắng tạm trú không được người dân tự giác thực hiện đang diễn ra rất phổ biến. Tình trạng thanh niên bỏ nhà đi thuê nhà để ở và hoạt động tội phạm đang như một làn sóng tiêu cực tác động vào xã hội. Ở cấp cơ sở phường xã không đôn đốc quản lý giám sát chặt chẽ, dẫn đến bọn tội phạm lợi dụng sự buông lỏng quản lý, thiếu trách nhiệm, sơ hở trong quản lý con người để bọn chúng hoạt động tội phạm. Công tác phòng ngừa tội phạm cướp giật tài sản trở nên khó khăn có nguyên nhân từ những yếu tố nêu trên.

c₂) Quản lý kinh doanh, đăng ký, chuyển nhượng, cho thuê xe máy.

Phương tiện bọn tội phạm sử dụng để thực hiện tội phạm cướp giật chủ yếu là xe máy, chiếm 90% các vụ án cướp giật tài sản, vì với tính năng của xe máy dễ sử dụng, sẵn có, khả năng tẩu thoát nhanh. Do đó, vấn đề công tác quản lý kinh doanh, đăng ký, chuyển nhượng, cho thuê xe máy nhất thiết phải được nghiên cứu đánh giá để có biện pháp quản lý chặt chẽ.

Thời gian gần đây người dân sử dụng xe máy trở nên rất phổ biến, không chỉ ở thành phố mà ở cả những vùng nông thôn, miền núi xa xôi, mỗi gia đình ít nhất cũng có một chiếc xe máy. Thực tế trong xã hội nước ta chứa đựng tiềm ẩn các nhân tố tạo điều kiện về phương tiện cho hoạt động cướp giật tài sản một cách dễ dàng. Bên cạnh tình hình số lượng xe máy lớn là các giao dịch về xe máy. Trong quy định của pháp luật, xe máy là một trong những loại tài sản khi có các giao dịch mua bán, chuyển nhượng bắt buộc phải đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền. Nhưng hầu hết các giao dịch chuyển nhượng xe máy đều không thực hiện các thủ tục sang tên đổi chủ theo quy định của pháp

luật. Đa số bọn tội phạm cướp giật tài sản sử dụng xe máy không phải của mình, chúng mượn của người quen hoặc thuê, hoặc mua bán trao tay không qua thủ tục sang tên đổi chủ theo quy định về đăng ký xe máy của pháp luật. Nhiều trường hợp bọn chúng bị truy đuổi đã bỏ lại xe, nhưng cũng không tìm được ra tội phạm. Bọn tội phạm đã lợi dụng dịch vụ cho thuê xe máy để thuê xe máy phục vụ vào mục đích cướp giật, nhưng khi cơ quan điều tra lần theo dấu vết của chủ xe thì chính những chủ xe cũng không biết người đang sử dụng xe mang tên mình là ai. Vì khi mua bán không thực hiện nhiệm vụ sang tên đổi chủ hoặc khi cho thuê xe không biết người thuê là ai vì đã không thực hiện nghiêm chỉnh những quy định của pháp luật về việc cho thuê tài sản loại này. Công tác quản lý, kiểm tra việc sử dụng xe máy, các giấy tờ đăng ký xe máy chưa có biện pháp hữu hiệu, chưa đồng bộ. Ở hầu hết các tỉnh thành phố hệ thống theo dõi, quản lý các thông tin về chủ xe máy và tình hình biến động về sự thay đổi chủ sở hữu xe máy, xe máy mất cắp chưa có thông tin theo dõi giám sát.

Từ những diễn biến của các yếu tố quản lý nhà nước trong công tác quản lý đăng ký, chuyển nhượng, cho thuê xe máy chưa tốt, còn buông lỏng đã là yếu tố gây ra tội phạm cướp giật phát triển mạnh hiện nay.

c₃) Công tác quản lý các cơ sở kinh doanh dịch vụ

Trong công tác quản lý Nhà nước đối với các cơ sở kinh doanh chưa theo kịp với sự phát triển kinh tế trong thời kỳ đổi mới đã tác động gián tiếp đến tội cướp giật tài sản.

Loại hình kinh doanh dịch vụ Internet phát triển rất nhanh, ngay cả ở những tỉnh miền núi thanh thiếu niên cũng sử dụng Internet rất thành thạo, chủ yếu là chơi game và sử dụng mạng xã hội để trao đổi với nhau. Các cơ sở này thường là nơi tội phạm cướp giật tài sản tụ tập, trú ngụ dưới nhiều hình thức. Tại đây, tội phạm liên hệ, kết nối rủ rê nhau đi cướp giật. Song, các tụ

điểm này cơ quan công an, cơ quan cấp cơ sở không quản lý sát sao, không giám sát các nội dung đòi truy, bạo lực, không kịp thời phát hiện hiện tượng nghi vấn để có biện pháp kịp thời ngăn chặn. Chưa có hình thức phạt hành chính thích đáng nếu có tệ nạn hoặc tội phạm xảy ra tại cơ sở kinh doanh đó. Các quy định về quản lý dịch vụ internet như nghị định 97/CP về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và nội dung thông tin trên Internet của Bộ thông tin truyền thông còn mang tính hình thức, không có các biện pháp giám sát chặt chẽ nên chưa có tác dụng.

Các vụ án về xâm phạm sở hữu, đa số tội phạm hầu hết tiêu thụ tài sản do phạm tội mà có tại các cơ sở cầm đồ. Nhiều vụ án, các điều tra viên tìm được đầu mối tội phạm cũng từ các cơ sở cầm đồ. Mặc dù, biết thực trạng đó nhưng vẫn không có biện pháp quản lý chặt chẽ các cơ sở cầm đồ, chưa có cơ chế thường xuyên giám sát, kiểm tra hoạt động của các cơ sở cầm đồ.

Tại những cơ sở kinh doanh khách sạn, nhà nghỉ cũng là nơi bọn tội phạm ẩn náu, nhưng chưa được kiểm tra, quản lý chặt chẽ. Chưa có biện pháp phạt khi phát hiện những người đến thuê phòng không có giấy tờ tùy thân.

Các cơ sở vàng bạc vừa là mục tiêu nhắm tới của bọn cướp giật tài sản cũng là nơi tội phạm tiêu thụ tài sản. Song các cơ quan quản lý nhà nước chưa giáo dục ý thức chủ động phòng chống tội phạm cho các chủ doanh nghiệp.

c₄) Công tác quản lý văn hóa

Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương V (khoá VIII) ra Nghị quyết về xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Văn hoá với vai trò là nền tảng tinh thần của xã hội, động lực thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển, gắn với sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước.

Mặt trái của nền kinh tế thị trường biểu hiện trên lĩnh vực văn hóa là lối sống thực dụng, ích kỷ trà đạp lên truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc “đói cho sạch, rách cho thơm”. Có thể nói đến những nguyên nhân thuộc về

văn hóa lối sống, chính lối sống hưởng thụ và lối sống thực dụng, thờ ơ, thiếu niềm tin của cộng đồng tạo niềm tin cho bọn cướp giật tài sản ngang nhiên thực hiện tội phạm, là nguyên nhân khiến vấn nạn cướp giật có cơ hội lộng hành.

Một nguyên nhân nữa của tình hình cướp giật tài sản là do ảnh hưởng của văn hoá phẩm mang màu sắc bạo lực, đồi trụy đang xuất hiện với mức độ đậm đặc trên các phương tiện truyền thông. Trước kia công tác quản lý văn hoá phẩm rất chặt chẽ, việc lưu trữ, phát hành ấn phẩm các loại và phim ảnh được kiểm duyệt rất kỹ càng. Nhưng với sự phát triển mạnh mẽ về công nghệ thông tin nên việc kiểm duyệt khó khăn hơn, các ấn phẩm sách báo, phim ảnh có nội dung xấu, kích động bạo lực, các phim có cảnh giết người cướp của diễn ra hàng ngày, tràn ngập thị trường. Kết quả điều tra xã hội học trong số những người phạm tội cướp giật tài sản cho thấy đa số họ rất thích chơi các trò chơi điện tử có tính bạo lực, thích xem các phim chưởng hoặc phim hành động. Các quán game được mở từ 6h sáng cho tới gần 24h, và lưu lượng người tới chơi nhiều nhất vẫn là những người thất nghiệp, thanh niên ham chơi và các em học sinh, thậm chí có em còn thường trực ngày đêm ngay tại quán. Và một điều đáng tiếc, trong khi sa đà vào các trò chơi, các tệ nạn ấy, một số đã không giữ được mình để rồi rơi vào con đường phạm pháp. Những thủ đoạn phạm tội trong phim đã được người phạm tội bắt chước vào các vụ án và cũng ly kỳ, mạo hiểm, liều lĩnh quyết liệt như phim. Rất nhiều vụ đối tượng thực hiện hành vi phạm tội cướp giật tài sản do nghiện game và nợ nần tiền chơi game nên đã tính đến thực hiện hành vi cướp giật tài sản.

Tình trạng quản lý văn hoá yếu kém xuất hiện từ nhiều năm trước, nhưng cho đến nay công tác quản lý văn hoá chưa có nhiều chuyển biến. Đây là một yếu tố ảnh hưởng đến tình hình tội cướp giật tài sản.

c₅) Những yếu kém của các cơ quan tiến hành tố tụng.

BLHS - Điều 4 - khoản 1 quy định: “*Các cơ quan Công an, Kiểm, sát, Tòa án, Tư pháp, Thanh tra và các cơ quan hữu quan khác có trách nhiệm thi hành đầy đủ chức năng, nhiệm vụ của mình, đồng thời hướng dẫn, giúp đỡ các cơ quan khác của Nhà nước, tổ chức, công dân đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm, giám sát và giáo dục người phạm tội tại cộng đồng*”. Thực tế, công tác điều tra, truy tố, xét xử tội cướp giật tài sản của cơ quan tiến hành tố tụng đã đạt nhiều kết quả tốt, đóng góp kiềm chế tội phạm nói chung và tội cướp giật tài sản nói riêng. Tuy nhiên, tình hình cướp giật tài sản đang rất phức tạp, một phần do hoạt động của các cơ quan thi hành pháp luật còn nhiều hạn chế, trong công tác điều tra, truy tố, xét xử bộc lộ nhiều yếu kém.

Hàng năm số vụ cướp giật tài sản chưa phát hiện chiếm tỷ lệ rất lớn. Các nghiên cứu trong phần tội phạm ẩn cho chúng ta nhận biết về số tội phạm cướp giật tài sản không bị xử lý theo pháp luật hiện nay đang là một trong những nguyên nhân gây ra tình trạng cướp giật tài sản lộng hành ở khắp mọi nơi.

Điều 3 - BLHS quy định Nguyên tắc xử lý : “ *1. Mọi hành vi phạm tội phải được phát hiện kịp thời, xử lý nhanh chóng, công minh theo đúng pháp luật*”. Tuy nhiên, đối với tội cướp giật tài sản có tính chất hành vi là lợi dụng sơ hở của người bị hại để cướp giật chiếm đoạt tài sản, sau đó dùng nhiều thủ đoạn, tinh vi xảo quyệt và liêu lĩnh nhằm để nhanh chóng tẩu thoát tránh được sự phát hiện của người khác và của cơ quan chức năng. Vì vậy, số lượng vụ cướp giật tài sản không phát hiện rất cao.

Theo nghiên cứu, tỷ lệ số vụ cướp giật tài sản không phát hiện được là 1:1, như vậy tức là cứ một vụ cướp giật tài sản phát hiện được thì còn một vụ chưa phát hiện được. Trung bình hàng năm đưa ra xét xử khoảng hơn 2000 vụ cướp giật tài sản thì tương đương với nó là có khoảng hơn 2000 nghìn vụ

cướp giạt tài sản không bị xử lý. Đây là một nguyên nhân có tính quyết định rất lớn đến hiện tượng cướp giạt tài sản ở nước ta hiện nay trở thành đại nạn.

Công an chưa thể chủ động kiểm tra các đối tượng nghi vấn có dấu hiệu cướp giạt vì không được phép. Do vậy, công tác phòng ngừa chưa đạt được kết quả như mong muốn. Tỷ lệ khám phá thành công các vụ cướp giạt xảy ra trung bình đạt 65%, tức là còn 35% vụ án chưa được phát hiện, như vậy tội phạm vẫn nhởn nhơ ngoài vòng pháp luật. Hiện tượng cướp giạt tài sản như hiện nay có trách nhiệm của ngành Công an. Có nhiều lí do để dẫn đến kết quả này. Một là, do số vụ án xảy ra quá nhiều, số điều tra viên lại ít nên nhiều vụ án chưa được điều tra kịp thời. Hai là, do trình độ, năng lực của điều tra viên còn kém. Ba là, một số cán bộ công an suy thoái đạo đức. Bốn là, khâu tiếp nhận và xử lý thông tin còn nhiều thiếu sót, bỏ lọt tin báo. Tiếp đó, là do hệ thống an ninh của chúng ta hiện nay còn lỏng lẻo. Trước đây, chúng ta có hệ thống canh sát sẵn bắt cướp hoạt động rất hữu hiệu, tuy nhiên hiện nay không còn áp dụng hệ thống này nữa.

Bên cạnh những thiếu sót trong quá trình hoạt động của Cơ quan điều tra thì viện kiểm sát với vai trò, chức năng là cơ quan giám sát các hoạt động tư pháp, liên quan trực tiếp trong điều tra, truy tố, xét xử cũng tồn tại nhiều hạn chế nhất định.

Viện kiểm sát phải giữ vai trò chủ chốt trong đấu tranh phòng, chống tội phạm. Tuy nhiên, lâu nay viện kiểm sát chưa quan tâm sát sao tới phòng ngừa tội phạm, chưa chú ý tới việc phối hợp chặt chẽ với cơ quan công an để điều tra các hành vi phạm tội. Còn nhiều vụ, kiểm sát viên chưa có ý thức trong việc phải tham gia ngay từ đầu để khám nghiệm hiện trường, thu thập chứng cứ. Đây là một yếu tố đưa đến kết quả chưa tốt của công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm cướp giạt tài sản.

Vai trò giám sát quá trình bắt giữ của viện kiểm sát còn hạn chế, thực hiện việc tha, tạm tha đối tượng thiếu căn cứ. Trong vai trò giữ quyền công tố trước toà, còn nhiều vụ truy tố chưa đúng người, chưa đúng tội, chưa đúng pháp luật, chưa đưa ra được các chứng cứ rõ ràng chính xác. Vì thế, trong nhiều trường hợp tại tòa, luật sư và nhân chứng đưa ra nhiều chứng cứ và luận cứ trái chiều, nhưng Viện kiểm sát không thể trả lời được và chỉ trả lời “ vẫn giữ nguyên quan điểm”, chưa giám sát chặt chẽ việc thi hành án phạt tù, như vậy sẽ ảnh hưởng trực tiếp trong đấu tranh phòng chống tội cướp giật tài sản.

Toà án với vai trò là cơ quan xét xử, đưa các hình phạt hoặc tuyên vô tội trong nhiều trường hợp còn hạn chế. Quá trình xét xử không chuẩn bị tốt, nghiên cứu hồ sơ chưa kỹ, thẩm vấn bị cáo chưa làm rõ được các hành vi có dấu hiệu phạm tội. Trình độ hội thẩm còn yếu kém về chuyên môn và cũng không nghiên cứu kỹ hồ sơ. Hậu quả là đánh giá về tính chất và mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội cướp giật tài sản trong nhiều vụ án chưa đúng mức. Do đó, kết quả hình phạt không chính xác, gây tâm lý coi thường pháp luật cho người phạm tội. Đặc biệt, hầu hết ở các phiên tòa xét xử về tội cướp giật tài sản có các quyết định hình phạt chưa phù hợp, còn quá nhẹ so với quy định của pháp luật.

Vai trò của toà án là “cầm cân, nảy mực”, công bằng xã hội, bảo vệ công lý và có trọng trách lớn lao trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm. Tuy nhiên, thực sự toà án chưa làm tốt được nhiệm vụ này, toà án chưa chú ý tới sự phối hợp với các cơ quan trong phòng ngừa tội phạm. Qua các lần Quốc hội họp ngành toà án cũng là nơi tồn tại nhiều vấn đề tiêu cực, gây bức xúc cho các đại biểu Quốc hội, những người thay mặt nhân dân nói lên những tiếng nói của nhân dân.

Trung bình hàng năm có hơn 50% tội phạm cướp giật tài sản được đánh giá là hành vi ít nghiêm trọng và khoảng 9% cho hưởng án treo, tức là người

phạm tội chịu mức án từ 3 năm trở xuống, mặc dù tại khoản 1 điều 136 quy định: Tội cướp giật tài sản 1. *Người nào cướp giật tài sản của người khác, thì bị phạt tù từ một năm đến năm năm.* Như vậy, trong trường hợp khi xét xử về tội cướp giật áp dụng khoản 1 thì hình phạt có thể là 5 năm tức là tội nghiêm trọng, nhưng thực tế có đến 98% tội phạm cướp giật tài sản sử dụng xe máy làm phương tiện cướp giật và sẽ bị xử theo khoản 2 - Điều 136: *Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ ba năm đến mười năm - d) Dùng thủ đoạn nguy hiểm.*

Vì pháp luật còn một số bất cập, cho nên trong rất nhiều trường tòa án áp dụng khoản 2- Điều 136 - BLHS tuyên phạt bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự nhẹ hơn khi tòa áp dụng khoản 1- Điều 136 - BLHS. Một số thẩm phán biến chất hoặc trình độ kém đã lợi dụng sự bất cập đang tồn tại này đã xét xử không công bằng, không đảm bảo tính nghiêm minh trong quá trình thực thi pháp luật.

d) Trong quá trình kiểm tra thực hiện mệnh lệnh quản lý

Trong quá trình quản lý nhà nước, nhiều cá nhân, cơ quan nhà nước thực hiện quyết định quản lý một cách độc lập và thực tế còn tồn tại nhiều hiện tượng tiêu cực trong áp dụng pháp luật nhưng chưa được kiểm tra, giám sát quá trình quản lý này.

Cấp cơ sở địa phương chưa có biện pháp giám sát chặt chẽ những người sau khi thụ án trở về, gây ra hiện tượng người cướp giật tài sản tái phạm rất phổ biến. Hiện tượng tái phạm có một phần từ lỗi trong quá trình Điều tra, truy tố, xét xử. Điều tra viên, kiểm sát viên, thẩm phán nhận hối lộ để bị can, bị cáo được giảm trách nhiệm hình sự không đúng quy định của pháp luật. Đây là hành vi nguy hiểm rất nghiêm trọng cho xã hội, hệ lụy của việc nhận hối lộ là sự coi thường người được nhân danh nhà nước thực thi pháp luật, coi thường pháp luật của tội phạm, của thân nhân người phạm tội, tỷ lệ tái phạm

gia tăng, kết cục là quá trình tố tụng không mang lại đúng ý nghĩa của nó. Số lượng Điều tra viên, kiểm sát viên, thẩm phán bị xử lý về hành vi này rất ít và rất khó.

Người phạm tội cướp giật tài sản thường trú ngụ, tiêu thụ tài sản và liên kết tại các cơ sở dịch vụ kinh doanh nhà nghỉ, cơ sở dịch vụ cầm đồ, dịch vụ internet hoặc các cơ sở kinh doanh khác, nhưng các cơ sở này cũng không phải chịu sự giám sát của cơ quan có thẩm quyền.

Luật cư trú quy định rất cụ thể về vấn đề tạm vắng, tạm trú, nhưng hầu như mọi người chưa có ý thức trong việc thực hiện luật này và cũng không có chế tài cho hành vi vi phạm pháp luật cư trú. Vì vậy, công tác quản lý cư trú của Công an trở nên khó khăn. Ở nhiều địa phương công tác này còn lỏng lẻo, vẫn còn tội phạm cướp giật tài sản trú ngụ, tồn tại qua nhiều năm nhưng không có cơ quan giám sát kiểm tra, đơn đốc hoạt động quản lý này để tội phạm cướp giật tài sản lợi dụng hoạt động phạm tội.

Ma túy đồng hành với tội phạm, người tái phạm tái phạm chiếm tỷ lệ rất cao. Một thực tế, cấp cơ sở chưa quản lý người sau cai nghiện. Hoạt động quản lý người sau cai nghiện trở về địa phương không được giám sát bằng bất kỳ hình thức nào cũng như không có cơ quan nào giám sát hoạt động quản lý này.

Sự thiếu sót trong giám sát các khâu của quá trình quản lý nhà nước trên đây là những yếu tố cụ thể tác động giám tiếp đến tình hình tội cướp giật tài sản. Còn nhiều khâu quản lý nhà nước ảnh hưởng tới tình hình tội cướp giật tài sản mà chưa được giám sát như trong quản lý về kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục...

3.1.3.2 Những yếu tố khách quan đối với chủ thể quản lý

Những yếu tố khách quan làm phát sinh tình hình tội phạm ở nước ta hiện nay là những yếu tố đang tồn tại trong xã hội ta, song không phụ thuộc

vào ý chí của Nhà nước và cũng không phải do Nhà nước gây ra.[64 - tr 82]

Thời gian qua nước ta chịu ảnh hưởng khủng hoảng kinh tế thế giới, nhiều doanh nghiệp phá sản và nhiều doanh nghiệp tạm dừng hoạt động hoặc nếu vẫn còn sản xuất thì cũng duy trì ở mức độ cầm chừng. Do đó, công nhân mất việc, nạn thất nghiệp gia tăng, họ sống lay lắt qua ngày. Cuộc sống thiếu thốn, nhiều người đã sa chân vào con đường phạm tội cướp giết tài sản. TPHCM có số tội phạm cướp giết tài sản đang hoành hành nhiều nhất hiện nay chiếm gần nửa ($\frac{1}{2}$) số tội phạm cướp giết tài sản trên toàn quốc. Trước đây dưới chế độ Mỹ - ngụy, nền kinh tế phụ thuộc hoàn toàn vào Mỹ. Nước Mỹ đã đổ hàng tỷ đô la vào Miền Nam Việt Nam, tạo ra một thế hệ thanh niên chỉ biết ăn chơi, nghiện hút ma túy, mà không lao động. Đồng hành với ma túy là tội phạm và tệ nạn cướp giết tồn tại rất nhiều, tàn dư đó vẫn còn hằn sâu trong lòng xã hội Thành phố này, nó sẽ trở dậy khi có điều kiện để trở lại thực hiện phạm tội.

Xã hội phát triển, việc lưu thông dễ dàng, các thói hư tật xấu cũng được phát tán theo. Nạn cướp giết tài sản là một trường hợp điển hình về tình trạng du nhập các tệ nạn này về các tỉnh vùng sâu, vùng xa thanh bình. Một thực tế ở những miền quê yên tĩnh, nay cũng tiếp nhận đủ các thói hư tật xấu nơi đô thị phồn hoa. Cướp giết tài sản, ma túy đã về tới thôn cùng ngõ xóm gây ra cho nông thôn ngày nay cũng trở nên bất an.

Những rủi ro trên đây, Nhà nước ta không mong muốn, nhưng cũng chưa thể kiểm soát được, song lại gây thảm họa cho con người và tạo ra một số tội phạm nảy sinh trong đó có tội cướp giết tài sản.

3.2. Những yếu tố tiêu cực thuộc chủ thể hành vi phạm tội

Để đánh giá được ý thức, đặc điểm diễn biến quá trình con người đi vào con đường phạm tội nói chung và của người phạm tội cướp giết tài sản nói riêng, việc nghiên cứu nhân thân của người phạm tội là việc làm có ý nghĩa

hết sức quan trọng, nó phục vụ cho công tác phòng chống tội cướp giật tài sản ở nước ta những năm tới.

Trên thế giới và ở nước ta đã có rất nhiều nhà tâm lý học, nhà luật học nghiên cứu về nhân thân người phạm tội, quá trình hình thành nhân cách của cá nhân người phạm tội và đã xây dựng thành hệ thống cơ sở lý luận về nhân cách người phạm tội, phục vụ cho việc nghiên cứu tội phạm học. Nhân thân con người là một phạm trù xã hội - lịch sử. Bản chất của con người thực tế là tổng hoà tất cả các mối quan hệ xã hội. Trong quá trình sống và phát triển con người chịu sự tác động của môi trường xã hội, nhân cách con người là kết quả của sự tác động đó.

Nhân thân người phạm tội là người có lỗi trong việc thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội bị pháp luật hình sự quy định là tội phạm, được hiểu là tổng thể tất cả các dấu hiệu, đặc điểm có ý nghĩa về mặt xã hội, trong sự kết hợp với các điều kiện và hoàn cảnh bên ngoài ảnh hưởng đến hành vi phạm tội của người đó”[90- tr119]. Nhân thân người phạm tội là hệ quả của quá trình lệch chuẩn trong phát triển nhân cách. Nhân thân người phạm tội là một trong những nội dung cơ bản của đối tượng nghiên cứu tội phạm học.

Con người sinh ra và lớn lên chịu sự tác động của môi trường sống, môi trường xã hội và ngược lại nó cũng gây ảnh hưởng tới xã hội thông qua các hành vi nhằm thỏa mãn các nhu cầu và lợi ích của con người, chủ thể của hành vi. Người phạm tội cướp giật tài sản là một dạng biến thái vì họ đã thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội, họ là chủ thể của tội phạm được quy định trong Bộ luật Hình sự. Kết quả các hành vi của người phạm tội cướp giật tài sản không chỉ xuất phát từ chính hành vi của họ mà còn chịu sự tác động của môi trường xã hội, chính xã hội cũng góp một phần vào hành vi đó và cũng phải gánh vác một phần trách nhiệm bởi những hành vi nguy hiểm, hành vi phạm tội đó. C. Mác viết: “ Sự phát triển của một cá nhân được quy định bởi

sự phát triển của tất cả những cá nhân khác”[14-tr 602]

Nghiên cứu nhân thân người phạm tội cướp giật tài sản là làm sáng tỏ đặc điểm đặc trưng cơ bản về nhân thân người phạm tội cướp giật tài sản như giới tính, độ tuổi, trình độ học vấn, hoàn cảnh gia đình, vai trò của cá nhân trong cộng đồng, như là địa vị xã hội, nghề nghiệp, phẩm chất cá nhân, thói quen, tâm lý cá nhân. Ngoài ra, còn phải nghiên cứu những đặc điểm đặc trưng khác về nhân thân người phạm tội của tình hình cướp giật tài sản, đó là các đặc điểm về động cơ phạm tội, về tái phạm, những đặc điểm về mức độ cấu kết trong hành động tội phạm. Từ những kết quả nghiên cứu về đặc điểm chung, cho đến những đặc trưng riêng của nhân thân người phạm tội cướp giật tài sản, rút ra các mối liên hệ và sự tác động qua lại của nó phát sinh từ các nguyên nhân có quy luật chung gây ra tình hình tội phạm cướp giật đang hoạt động dữ dội ở nước ta hiện nay.

Nghiên cứu nhân thân người phạm tội cướp giật tài sản để có căn cứ cho viện kiểm sát và tòa án cân nhắc, nhận định mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, khả năng giáo dục, cải tạo của từng người để tòa án áp dụng BLHS - Điều 46 - Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Điều 48 – các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, từ đó có quyết định hình phạt phù hợp. Ngoài ra, nó còn có ý nghĩa trong việc thực hiện đường lối xét xử và chỉ đạo công tác đấu tranh phòng, chống tội cướp giật tài sản đạt mục đích.

Phân tích đặc điểm nhân thân người phạm tội cướp giật tài sản có ý nghĩa hết sức quan trọng, chúng ta phải hiểu rõ những đặc điểm nhân thân người phạm tội tức là những đặc điểm của chủ thể hành vi tội phạm, những đặc điểm đặc trưng như đặc điểm về trình độ văn hóa, đặc điểm nghề nghiệp, đặc điểm về tái phạm, tái phạm nguy hiểm, đặc điểm về nghiện ma túy... từ đó chúng ta sẽ “đánh thắng” trong trận chiến “đấu tranh phòng chống tội phạm cướp giật tài sản” hiện nay và đưa ra các kiến nghị để cho Đảng và Nhà

nước ta có những quyết sách về vấn đề về con người, có thể nói đó là gốc rễ trong công tác đấu tranh phòng, chống tội cướp giật tài sản.

3.2.1. Những yếu tố thuộc ý thức cá nhân

Xem xét những yếu tố thuộc về cá nhân người phạm tội tức là cá nhân chủ thể hành vi phạm tội, câu hỏi đặt ra là tại sao cùng trong một môi trường sống có người phạm tội, có người lại không phạm tội? Để trả lời cho câu hỏi đó thì việc đi tìm hiểu một số vấn đề cơ bản về lý trí mà ở đây đề cập là nhận thức các kiến thức pháp luật - xã hội có sai lệch, những sai lệch ý chí - tình cảm, thái độ niềm tin pháp lý, về nhu cầu, sở thích, khuynh hướng giá trị và những sai lầm về cách thức thoả mãn nhu cầu của người phạm tội.

Yếu tố lý trí, ý trí của người phạm tội cướp giật tài sản có ý nghĩa trọng quyết định thực hiện hành vi phạm tội của họ. Những người này vì không có tri thức, sống buông thả, không có ý chí vươn lên, không có hoài bão và trong ý thức có những sai lệch về nhu cầu, sở thích, về cách thức thoả mãn nhu cầu. Họ giải quyết thoả mãn nhu cầu cá nhân thông qua hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác.

Thực tế, có tới 25% người chưa thành niên phạm tội cướp giật tài sản. Người chưa thành niên có nhận thức chưa đầy đủ về mọi mặt trong xã hội, trong đó có nhận thức về pháp luật. Khi con người thiếu tri thức thì kết quả nhận thức về pháp luật, nhận thức về các vấn đề xã hội của họ sẽ rất dễ lệch chuẩn. Các quan niệm, khái niệm được hiểu một cách méo mó, dẫn đến cách ứng xử cũng lệch lạc. Các giá trị đạo đức bị nhầm lẫn đưa đến hành vi phạm tội cướp giật tài sản được họ hiểu như một thành tích.

Tình trạng mất ổn định đời sống tinh thần, quan niệm sai về giá trị cuộc sống, sự biến dạng của lối sống, đi lệch chuẩn mực xã hội, nhận thức pháp luật chưa đầy đủ và không đúng đắn, nhu cầu cá nhân vượt quá điều kiện thực tế của mình, đặt lợi ích cá nhân lên trên lợi ích cộng đồng là nguyên nhân và

điều kiện căn bản thuộc về bản chất người phạm tội cướp giật tài sản.

3.2.2. Những yếu tố thuộc lối sống cá nhân

Sự xuống cấp về đạo đức và nhân cách, sống không có lý tưởng, “nhân sinh quan hưởng thụ”, lười lao động, lười học hành, ăn chơi đua đòi xa đọa, nghiện hút, đòi hỏi quyền nhiều hơn nghĩ tới phải có nghĩa vụ là những nguyên nhân và điều kiện có tính đặc thù của người phạm tội cướp giật tài sản.

Một hiện tượng rất phổ biến hiện nay số người phạm tội cướp giật tài sản là do nghiện ma túy, người thất nghiệp, trình độ văn hóa thấp, đặc biệt người chưa thành niên “nghiện” các trò chơi game trên Internet dẫn đến cần tiền. Do đó, họ tìm cách kiếm tiền bất minh là động cơ dẫn đến con đường phạm tội cướp giật tài sản.

Tội phạm cướp giật tài sản có trình độ cấp 1, cấp 2 chiếm 76,2%. Điều này lý giải rằng số người này có trình độ văn hóa thấp, kiến thức đại cương còn thiếu hụt và tất nhiên nhận thức về pháp luật có thể gọi là “mù pháp luật”. Những người phạm tội cướp giật có trình độ cấp 1, cấp 2, đồng nghĩa với việc họ đã rời bỏ nhà trường, bỏ học, thời gian để học tập thay thế sử dụng thời gian để chơi bời, lêu lổng, lang thang, xa vào các tệ nạn và cuối cùng là phạm tội cướp giật tài sản. Có 76,2% người phạm tội cướp giật tài sản trình độ văn hóa thấp, nghĩa là họ sẽ thiếu hụt tri thức, nhận thức lệch chuẩn, do đó họ có những mong muốn không theo đúng chuẩn mực nên dễ bị cám dỗ của môi trường sống hay nói cách khác là họ dễ bị ảnh hưởng bởi những mặt tiêu cực trong xã hội.

Trong quá trình hội nhập kinh tế, nước ta là một trong những nước trên thế giới có sự tăng trưởng nhanh, giá trị sản phẩm làm ra trong xã hội ngày càng nhiều, đời sống nhân dân được nâng cao rõ rệt. Sự giao thương hợp pháp giữa các nước đã đem lại sự giàu có cho đất nước, các doanh nhân đã tô đẹp

cho hình ảnh phồn thịnh của đất nước. Tuy nhiên, cũng có những người giàu lên do làm ăn phi pháp, trốn thuế, gian lận thương mại. Những người này đã là hình mẫu ước ao và mong muốn bắt chước của một số đối tượng thiếu tri thức, tri thức pháp luật lệch lạc trong đó có người phạm tội cướp giật tài sản.

Hiện nay, số lượng người nghiện và số vụ buôn lậu ma túy không những không giảm mà có xu hướng ngày càng tăng. Ma túy đã xâm nhập, thâm lậu vào nước ta làm băng hoại đạo đức và ý chí phấn đấu của một bộ phận thế hệ trẻ. Ma túy là bạn đồng hành của tội phạm, mối quan hệ giữa ma túy và tội phạm là mối quan hệ nhân quả. Đặc biệt, ma túy gắn liền với hành vi phạm tội cướp giật tài sản, là nguồn bổ sung tội phạm cướp giật tài sản. Số người phạm tội cướp giật tài sản do nghiện ma túy chiếm tỉ lệ lớn. Ma túy là một trong những nguyên nhân dẫn đến sự gia tăng nạn cướp giật táo tợn. Người nghiện ma túy không kiểm soát được hành vi, họ sẵn sàng phạm pháp để có ma túy thỏa mãn cơn thèm.

Những yếu tố tiêu cực của nhân thân người phạm tội cướp giật tài sản là một trong những nguyên nhân căn bản gây ra tình hình cướp giật tài sản hiện nay. Người phạm tội là chủ thể của hành vi phạm tội, do đó tình hình tội phạm tăng hay giảm phụ thuộc nhiều vào các yếu tố tiêu cực thuộc nhân thân người phạm tội cướp giật tài sản.

3.3. Những yếu tố tình huống

Đối với tội cướp giật tài sản người bị hại cũng đóng vai trò kích thích sự phạm tội. Những yếu tố tình huống chủ yếu đề cập đến các yếu tố lỗi của người bị hại.

Mặc dù, đã được cảnh báo, khuyến cáo nhiều về hiện tượng cướp giật tài sản trên đường, nhưng vẫn rất nhiều người là nạn nhân trong các vụ cướp giật tài sản thiếu ý thức trong bảo vệ tài sản của mình, mất cảnh giác, đôi lúc còn hờ hênh, là một trong những yếu tố thúc đẩy hành vi phạm tội. Trong nhiều

trường hợp, chính nạn nhân ảnh hưởng tới quyết định hành vi của tội phạm, củng cố thêm ý định phạm tội.

Xem xét trong cơ chế hành vi phạm tội thì trong trường hợp nạn nhân của tội cướp giết tài sản cũng có lỗi, đó là để tài sản sơ hở. Trong thực tế có rất nhiều trường hợp người bị hại do không có ý thức bảo vệ tài sản của mình gây kích thích lòng tham cho kẻ phạm tội. Nhiều bị cáo khai trước tòa rằng: vì thấy tài sản bày ra trước mắt họ, vì thế họ đã quyết định thực hiện hành vi cướp giết tài sản.

Rất nhiều trường hợp nạn nhân đóng vai trò làm gia tăng nguy cơ trở thành nạn nhân của tội phạm. Trong đó có các yếu tố thuộc về cá nhân con người và các yếu tố khách quan trong việc thúc đẩy nguy cơ trở thành nạn nhân của tội phạm. Các đặc điểm về tâm, sinh lý của con người là yếu tố thuộc về cá nhân con người có vai trò đáng kể trong việc tạo điều kiện tác động, thúc đẩy nguy cơ trở thành nạn nhân của tội phạm. Thông qua những cử chỉ, lời nói hoặc hành động đã kích thích hành vi của người phạm tội, mà vốn sẵn trong tâm sinh lý của họ có những phẩm chất lệch lạc. Trong những tình huống kích thích hay có tính chất thúc đẩy nguy cơ hình thành hành vi phạm tội thì đối với người có tâm sinh lý như của họ như được khuyến khích để họ có niềm tin thực hiện hành vi phạm tội mà đối với những người bình thường thì hành vi phạm tội đó đã không xảy ra. Yếu tố kích thích kẻ phạm tội cướp giết tài sản thường chỉ là do người có tài sản không bảo quản tài sản của mình, những tài sản có giá trị lớn nhưng để tài sản đó trong trạng thái như trưng bày, không quản lý hoặc quản lý không chặt chẽ đã kích thích lòng tham của kẻ phạm tội. Một số người thường khoe khoang, phô trương tài sản hoặc do thói quen, tập quán đeo nhiều vòng vàng, bông tai, dây chuyền, điều này dễ làm nảy sinh lòng tham của tội phạm. Một số nạn nhân sau khi rút tiền từ ngân hàng, từ máy ATM hoặc mua bán tài sản có giá trị lớn và vận chuyển tiền,

vàng bằng xe máy thiếu biện pháp bảo vệ. Sau khi bị cướp giật tài sản, nhiều nạn nhân không trình báo nên công an không có thông tin để điều tra, phá án.

Ngoài các yếu tố thuộc về cá nhân người bị hại, còn có một số các nhân tố khách quan đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy làm gia tăng nguy cơ trở thành nạn nhân của tội phạm như các yếu tố về thời gian, địa điểm, yếu tố nghề nghiệp. Nhiều trường hợp do nạn nhân mang những tài sản có giá trị đi trong đêm tối, ở những nơi vắng vẻ cho nên đã thúc đẩy lòng tham của những kẻ vốn dĩ đã có những phẩm chất xấu nảy sinh ý định phạm tội.

Một nghịch lý, tạo thêm nguyên nhân tình hình tội cướp giật lộ hành như hiện nay đó là do nạn nhân và kẻ cướp thỏa hiệp. Bọn cướp giật chuyên nghiệp có nhiều thủ đoạn gây án đồng thời cũng có nhiều thủ đoạn thoát án. Phòng Cảnh sát Hình sự TP HCM vừa triệt phá băng cướp giật chuyên nghiệp, có thâm niên và kinh nghiệm "thương thuyết" với nạn nhân để "hóa" các vụ cướp giật thành "sự cố" thường ngày. Ví dụ: vụ Lê Thoại Như, sinh 1977, ở phường 10, quận 8 cầm đầu một băng cướp giật chuyên nghiệp, chuyên sử dụng xe Suzuki Sport làm phương tiện gây án, không cần biển số giả, thường xuyên thay đổi phương thức hoạt động và có nhiều thủ phạm đối phó với công an, ngoan cố không khai báo mà chỉ tìm cách chạy tội... là đặc điểm của băng cướp Lê Thoại Như là mua chuộc nạn nhân, thống nhất khai báo gian dối, biến vụ án thành "sự cố", gây khó khăn cho công tác điều tra. Điển hình là vụ giật điện thoại di động, nạn nhân là Dũng *bò*, trước lời hứa sẽ được bồi dưỡng vài chục triệu đồng, đã bỏ qua, chỉ coi là tai nạn. Hậu quả, cơ quan công an không đủ cơ sở để xử lý. Hoặc vụ Nguyễn Đình Quân cùng bạn gái đứng gọi điện thoại bị Tuấn *ngầu* cùng đồng bọn đi qua giật lấy, Quân liền đuổi theo đập đổ bọn cướp. Cùng lúc, một cảnh sát hình sự Công quận 1 đi qua, phối hợp với cảnh sát giao thông đang làm nhiệm vụ gần đó xông ra bắt giữ được tên Tuấn. Trên đường dẫn giải Tuấn về Công an phường 6, quận

3, Tuấn gợi ý hỏi lộ anh cảnh sát hình sự, nhưng không được chấp nhận. Quay sang dụ dỗ nạn nhân, thế là Tuấn thoát, vì cơ quan công an chỉ nhận được lời khai: đây là việc hai bạn bè đùa giỡn, giật đồ nhau cho vui. Chính các nạn nhân vì lòng tham và thiếu ý thức đã tạo điều kiện cho bọn cướp giật hoành hành. Nhìn chung, nạn nhân của tội cướp giật tài sản chủ yếu là phụ nữ, đi xe máy một mình, đeo đồ trang sức, túi xách, đi ở những chỗ vắng vẻ, đêm tối hoặc là ở ngân hàng, tiệm vàng và các cửa hàng đồ hiệu đắt tiền. Trong một số trường hợp, chính sự mất cảnh giác của người nạn nhân đã kích thích sự phạm tội cho những người vốn dĩ đã có ý thức lệch chuẩn.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Nghiên cứu hệ thống các yếu tố làm phát sinh tình hình tội phạm cướp giật tài sản với mục đích cuối cùng là để tìm ra nguyên nhân và điều kiện dẫn đến tình hình tội cướp giật tài sản ở nước ta hiện nay.

Nguyên nhân tình hình tội phạm là kết quả của sự tác động qua lại giữa các yếu tố tiêu cực làm phát sinh tội phạm. Các yếu tố đó tồn tại trong môi trường xã hội rộng lớn và tồn tại ngay trong chủ thể tội phạm và một phần có yếu tố lỗi của nạn nhân. Có nhiều nguyên nhân làm gia tăng tình trạng cướp giật tài sản, trong đó có liên quan đến ba nhóm chủ thể: người phạm tội, người bị hại (nạn nhân) và cơ quan có chức năng phòng ngừa tội phạm.

Nguyên nhân và điều kiện dẫn đến tình hình tội cướp giật tài sản hiện nay đó là những mặt trái của nền kinh tế - xã hội, trình độ quản lý nhà nước chưa theo kịp sự phát triển kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế, ý thức và đạo đức của các cán bộ nhân danh nhà nước chưa có “tâm” và chưa đủ “tầm” để thực hiện công cuộc phòng chống tội phạm nói chung và phòng chống tội cướp giật tài sản nói riêng.

Trước đây, trong cơ chế bao cấp hoạt động của các cơ quan Nhà nước mang tính hành chính tập trung hóa cao, bộ máy quản lý trì trệ, quan liêu diễn ra trong thời gian dài, khi đất nước bước vào công cuộc đổi mới với nền kinh tế thị trường định hướng XHCN phát sinh nhiều vấn đề mới. Do đó, quản lý nhà nước đã tự bộc lộ ra nhiều thiếu sót và yếu kém, chưa theo kịp với quá trình hội nhập, tạo ra lỗ hổng pháp lý và bỏ sót quản lý. Đây là nguyên nhân dẫn đến tình hình tội phạm nói chung và tội phạm cướp giật tài sản nói riêng.

Trong thực tế quản lý nhà nước về văn hóa, kinh doanh, nhân khẩu còn thiếu sót, là yếu tố tác động đến tình hình tội cướp giật tài sản. Cướp giật tài sản hoành hành là do quản lý các cơ sở kinh doanh, dịch vụ chưa chặt chẽ,

chưa phù hợp. Quản lý nhân khẩu còn lỏng lẻo, nạn thất nghiệp gia tăng, quy trình dạy dỗ con cái của cha mẹ trong gia đình còn thiếu sót, môi trường giáo dục ở nhà trường còn nhiều bất cập, ngành công an cũng chưa làm hết trách nhiệm. Tệ nạn nghiện ma túy vẫn là mối nguy hiểm và là nguồn tội phạm. Ở những thành phố lớn, đông dân, địa bàn phức tạp, điển hình là TP.HCM cơ quan có chức năng phòng ngừa cướp giật tài sản (công an, dân phòng...) chưa đủ lực lượng, chưa đủ phương tiện, chưa đủ kinh phí để làm tốt công tác tuần tra, theo dõi đối tượng nghi vấn, nên tội phạm xảy ra dễ dàng mà không ngăn chặn kịp thời. Việc xét xử đối với những người phạm tội cướp giật tài sản chưa nghiêm, số người được hưởng án treo và có mức hình phạt dưới 3 năm chiếm tỷ lệ cao. Số người quay trở lại phạm tội cướp giật tài sản và số tái phạm, tái phạm nguy hiểm có số lượng rất lớn. Các cơ quan chức năng chưa đánh giá hết mức độ nguy hiểm của tình hình tội cướp giật tài sản. Tình trạng thanh thiếu niên lêu lổng, thiếu sự kiểm tra giám sát từ phía gia đình, nhà trường ngày càng nhiều.

Tồn tại tình trạng cướp giật như hiện nay, có phần do nguyên nhân tư duy phát triển kinh tế - xã hội và phương thức lãnh đạo chậm đổi mới, chưa đáp ứng kịp yêu cầu phát triển đất nước. Hệ thống pháp luật và quản lý nhà nước trên một số lĩnh vực còn bất cập, tổ chức bộ máy, đội ngũ cán bộ, công chức còn nhiều hạn chế.

Công an, Viện kiểm sát, Tòa án chưa làm tốt nhiệm vụ điều tra, truy tố, xét xử, hậu quả là tội phạm vẫn nhờn như ngoài vòng pháp luật. Trong khi đó, cơ quan tư pháp này phải có nhiệm vụ hướng dẫn, giúp đỡ các cơ quan khác của Nhà nước, các tổ chức, công dân đấu tranh phòng, chống tội phạm, đồng thời giữ vai trò chủ chốt trong công tác này.

Người bị hại, phổ biến là phụ nữ có thói quen đeo trang sức đắt tiền khi ra đường, một số người mất cảnh giác khi mang tài sản giá trị lớn, túi xách,

nói chuyện điện thoại trên đường... chưa có ý thức tự bảo vệ tài sản, tạo điều kiện cho tội phạm thực hiện cướp giật tài sản.

Nhìn chung, công tác tổ chức thực hiện đấu tranh phòng, chống tội cướp giật tài sản ở nước ta hiện nay còn nhiều yếu kém. Chưa tạo được chuyển biến mạnh trong việc giải quyết có hiệu quả những khâu đột phá, then chốt và những vấn đề xã hội bức xúc, kỷ luật, kỷ cương chưa nghiêm. Tất cả các yếu tố làm phát sinh tình hình tội phạm cướp giật tài sản đó cần phải có giải pháp ngăn chặn và loại trừ để bảo đảm an ninh trật tự xã hội trong thời gian tới.

CHƯƠNG 4

HỆ THỐNG CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA TỘI CƯỚP GIẬT TÀI SẢN Ở NƯỚC TA

4.1. Dự báo tình hình tội cướp giật trong những năm tới.

4.1.1. Cơ sở dự báo

Dự báo là bằng tư duy khoa học của con người về những vấn đề sẽ xảy ra trong tương lai. Dự báo tình hình tội cướp giật tài sản là dự đoán về diễn biến, mức độ, cơ cấu và tính chất, các nguyên nhân có thể gây ra tội cướp giật tài sản, về khả năng phòng ngừa và chống tội cướp giật tài sản trong tương lai. Dự báo tình hình cướp giật tài sản càng chính xác, càng tiệm tiến đến kết quả phòng chống tội cướp giật tài sản càng cao. Căn cứ vào kết quả dự báo cho phép lựa chọn phương pháp tối ưu, phù hợp với thực tế để tổ chức triển khai cho các cơ quan chức năng có hoạt động phòng, chống tội phạm chính xác, giảm thiểu các chi phí vật chất, sức người và thời gian vô ích trong đấu tranh phòng, chống cướp giật tài sản.

Trên cơ sở các kết quả nghiên cứu về tình hình tội cướp giật tài sản, về nguyên nhân điều kiện gây ra tình hình tội cướp giật tài sản, cụ thể là hệ thống các yếu tố làm phát sinh tình hình tội cướp giật tài sản trong thời gian qua, kết hợp với những chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước ta trong sự phát triển của đất nước và những ảnh hưởng của tình hình thế giới trong thời gian tới, để tiên liệu trong tương lai tội phạm cướp giật tài sản sẽ xảy ra như thế nào? Từ đó đề xuất các biện pháp ngăn chặn và loại trừ loại tội phạm này ra khỏi xã hội.

4.1.2. Nội dung dự báo

Nước ta cũng như các nước trên toàn thế giới đang tiếp tục phải gánh chịu hậu quả của khủng hoảng kinh tế kép, nợ công của nhiều nước trên thế

giới tác động tiêu cực đến kinh tế - xã hội của nước ta. Do đó, tình hình tội phạm nói chung và tội phạm cướp giật tài sản nói riêng sẽ có nhiều biến động trong những năm tới.

Khác với một số tội phạm thuộc nhóm xâm phạm tính mạng, sức khỏe, như tội giết người hay tội cố ý gây thương tích, các loại tội phạm này thường có động cơ mục đích phạm tội chủ yếu xuất phát từ những mâu thuẫn trong lao động, việc làm, những mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân. Còn đối với Tội cướp giật tài sản chiếm khoảng 4% trong tổng số tình hình tội phạm chung, loại tội phạm này chịu tác động lớn bởi tình hình kinh tế - xã hội. Kinh tế khó khăn, lạm phát, giá cả tăng cao, nhiều người bị thất nghiệp kéo theo sự nghèo đói là lý do chủ yếu dẫn đến tình hình tội cướp giật tài sản sẽ gia tăng.

Với phương thức quản lý các cơ sở kinh doanh cầm đồ, nhà nghỉ, khách sạn, tiệm vàng bạc tồn tại như hiện nay thì tội phạm cướp giật tài sản cũng như các loại tội xâm phạm sở hữu khác vẫn còn chỗ để tiêu thụ tài sản do phạm tội mà có.

Các băng nhóm tội phạm và người chưa thành niên phạm tội càng gia tăng với tính chất nguy hiểm, manh động và nhiều thủ đoạn không lường trước. Bọn chúng tổ chức cấu kết với nhau, hoạt động thông qua mạng internet, có chuẩn bị và xác định mục tiêu là những tài sản lớn, như: ở ngân hàng, hiệu vàng, cây rút tiền tự động, các cửa hàng bán đồ hiệu để cướp giật. Tài sản bọn chúng cướp giật thường là những tài sản dễ tiêu thụ, như: vàng, đồ trang sức, điện thoại di động, máy tính xách tay...

Tội phạm cướp giật sẽ lợi dụng những khó khăn ách tắc giao thông, những nơi đông người, ở địa bàn nhiều ngõ ngách dễ lẫn trốn, những con đường vắng vẻ để thực hiện cướp giật tài sản. Bọn tội phạm cướp giật tài sản thường mang sẵn hung khí theo người để chống trả khi bị đuổi bắt. Nhiều loại ma túy vào Việt Nam với số lượng lớn, do đó có nhiều con nghiện là nguồn

lớn cung cấp tội phạm. Tội phạm sẽ trú ngụ ở những nơi đông dân cư, những nơi chính quyền buông lỏng quản lý và những nơi đấu tranh phòng chống tội cướp giết không quyết liệt. Pháp luật điều chỉnh về tội cướp giết tài sản còn bất cập tạo điều kiện cho những người tiến hành tổ tụng lợi dụng, làm ảnh hưởng tới sự nghiêm minh của pháp luật. Quản lý văn hóa và truyền thông chưa chặt chẽ, đồng thời giáo dục chưa có định hướng mới phù hợp sẽ tác động tiêu cực trực tiếp đến ý thức của mọi người, đặc biệt là thế hệ trẻ.

Tóm lại, trong thời gian tới tình hình tội cướp giết tài sản sẽ gia tăng về số lượng, tính chất, mức độ ngày càng nguy hiểm, nhiều thủ đoạn và rất manh động. Cần phải phòng ngừa tội phạm, ngăn ngừa mức độ vi phạm pháp luật gây hậu quả nguy hiểm của tội phạm đối với xã hội, phải chủ động loại trừ nguyên nhân và điều kiện phát sinh tội phạm bằng những biện pháp về kinh tế, xã hội, chính trị, tư tưởng, văn hoá. Nhằm không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần, bảo vệ trật tự, kỷ cương xã hội, tạo ra môi trường ổn định và an toàn cho mọi hoạt động của cá nhân, của cộng đồng trong xã hội.

4.2. Các biện pháp phòng ngừa tội cướp giết tài sản.

Phòng ngừa tội phạm bao gồm các biện pháp loại trừ tội phạm và các biện pháp ngăn chặn tội phạm. Nó có ý nghĩa rất quan trọng và là mục đích cuối cùng của tội phạm học.

Chủ chương chính sách của Đảng là kim chỉ nam để các cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước hoạch định chính sách hình sự, chính sách về những biện pháp phát triển kinh tế - xã hội, là cơ sở khách quan cho việc hình thành và phát triển những hành vi tích cực, những hành vi tuân thủ pháp luật và ngược lại nó cũng xuất hiện những hành vi tiêu cực và hành vi phạm tội.

Vì thế, hệ thống các biện pháp loại trừ tội phạm bao gồm các biện pháp chính trị - pháp lý, những biện pháp văn hóa giáo dục, những biện pháp kinh tế, những biện pháp chính trị tư tưởng, những biện pháp tổ chức. Ổn định và

có chính sách tốt những vấn đề kinh tế, chính trị, tư tưởng, pháp lý, văn hóa, giáo dục, tổ chức quản lý nhà nước chính là đã có biện pháp loại trừ tội phạm ra khỏi đời sống xã hội.

4.2.1. Các biện pháp loại trừ tội cướp giết tài sản

Dưới góc độ tội phạm học, các chủ chương chính sách của Đảng là kim chỉ nam để các cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước hoạch định chính sách hình sự, những chủ trương chính sách về những biện pháp phát triển kinh tế - xã hội là cơ sở khách quan cho việc hình thành và phát triển những hành vi tích cực, những hành vi tuân thủ pháp luật và ngược lại nó cũng xuất hiện những hành vi tiêu cực và hành vi phạm tội.

Vì thế, hệ thống các biện pháp loại trừ tội phạm bao gồm các biện pháp chính trị - pháp lý, những biện pháp văn hóa giáo dục, những biện pháp kinh tế, những biện pháp chính trị tư tưởng, những biện pháp tổ chức.

Các biện pháp loại trừ tội phạm được hiểu là các biện pháp mà Đảng và Nhà nước, các tổ chức, đoàn thể xã hội và mọi công dân tiến hành nhằm triệt tiêu các yếu tố làm phát sinh tội phạm trong xã hội, nhằm nâng cao mọi mặt của đời sống hội và loại trừ các yếu tố tiêu cực hưởng xấu đến sự hình thành nhân cách của từng cá nhân.

4.2.1.1. Biện pháp kinh tế

Đảng và Nhà nước phải có các biện pháp khắc phục và cải thiện tình hình kinh tế - xã hội, bằng việc thúc đẩy nền kinh tế phát triển nhanh và vững mạnh, tạo ra nhiều của cải vật chất cho xã hội. Khi kinh tế phát triển chưa tốt thì ý thức tâm lý - ý thức xã hội sẽ không ổn định, tình hình tiêu cực nảy sinh và tội phạm phát triển. Ngược lại, khi nền kinh tế phát triển tốt sẽ tạo ra nhiều cơ hội việc làm cho người lao động, tạo ra nhiều sản phẩm cho xã hội, thu nhập cá nhân tăng và đảm bảo đời sống nhân dân nâng cao sẽ góp phần làm giảm thiểu tội phạm.

Trên cơ sở đường lối của Nhà nước phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần có định hướng XHCN, trong những năm qua dưới sự chỉ đạo của Đảng và Nhà nước, kinh tế nước ta đã có sự ổn định và phát triển. Tuy nhiên, cần tập trung chỉ đạo có định hướng theo yêu cầu đa dạng hoá nền kinh tế, phát huy tiềm năng kinh tế tư nhân, tạo môi trường tốt cho đầu tư nước ngoài, phát triển các ngành dịch vụ có sự quản lý chặt chẽ của nhà nước. Trong sự phát triển này, cần ưu tiên phát triển một số ngành nghề, vừa phát triển kinh tế nhanh, vừa giải quyết được nhiều việc làm cho người lao động, giải quyết tình trạng thất nghiệp trong giới trẻ, tạo điều kiện cho người lao động có cuộc sống ổn định. Ưu tiên tập trung phát triển kinh tế cho các khu vực nông thôn, quan tâm tạo điều kiện phát triển các trung tâm xúc tiến việc làm, tạo nguồn việc làm cho người lao động. Mở các trung tâm dạy nghề, các trường dạy nghề ở những nơi thu hồi đất của nông dân. Sau khi bồi thường, đền bù đất đai cần tổ chức dạy nghề cho những người nông dân và các thanh thiếu niên nông thôn, đáp ứng được yêu cầu của nền kinh tế phát triển hiện nay. Tạo việc làm cho thanh niên, để giảm tỷ lệ lêu lổng ăn chơi, lao vào con đường nghiện hút và các tệ nạn xã hội.

Đối với dân tộc ít người cần phải có chính sách nâng cao đời sống, tuyên truyền giáo dục sâu rộng về mọi mặt như pháp luật, văn hóa, chống các hủ tục và giữ gìn bản sắc tốt đẹp của dân tộc. Phổ biến và đào tạo, hướng dẫn cách làm kinh tế dựa trên tiềm năng sẵn có tại địa phương, áp dụng khoa học kỹ thuật tạo năng xuất, chất lượng cao. Giúp những người dân tộc ít người cập nhật những thông tin mới, bắt kịp với những tiến bộ văn minh tiên tiến. Cần có sự kiểm soát chặt chẽ đối với những người là dân tộc ít người vì họ thiếu thông tin và trình độ văn hóa thấp, do đó rất dễ bị lôi kéo vào con đường tội phạm, gần đây số tội phạm cướp giật là dân tộc ít người có chiều hướng gia tăng.

Hàng năm Nhà nước thu hồi bình quân khoảng 73.000 héc ta đất nông nghiệp để làm khu công nghiệp, khu đô thị, sân golf...hầu hết là đất nông nghiệp màu mỡ. Các doanh nghiệp thích chọn những nơi có sẵn cơ sở hạ tầng thuận lợi cho doanh nghiệp của mình. Hậu quả của thu hồi đất của nông dân đã để lại nhiều hệ lụy cho xã hội. Nhà nước cần có chính sách phát triển các khu công nghiệp ở trên những vùng đất hoang hóa, đất không phát triển được nông nghiệp, lâm nghiệp. Tận dụng những vùng đất hoang hóa để làm khu công nghiệp. Có như vậy sẽ thực hiện được “một công đôi việc”. Công nghiệp hóa nhưng không phá nông nghiệp.

4.2.1.2. Các biện pháp xã hội

Để giải quyết vấn đề giảm thiểu tối đa tội phạm, cần phải có những mục tiêu chăm sóc, bồi dưỡng, có những chính sách xã hội thiết thực, trực tiếp, liên tục vào những người có nguy cơ phạm tội cao. Tìm ra các nguyên nhân và điều kiện từ phía xã hội để đưa ra các biện pháp làm triệt tiêu tình hình phạm tội cướp giết tài sản hiện nay.

Nhân cách của người phạm tội cướp giết tài sản chịu ảnh hưởng trực tiếp của môi trường xã hội, của những mặt tiêu cực, mặt trái của xã hội. Vì vậy, song song với các biện pháp về kinh tế là những vấn đề xã hội cần giải quyết. Phải tạo việc làm cho các gia đình là đối tượng chính sách, những người có khó khăn trong cuộc sống, những gia đình bị thu hồi đất nông nghiệp, những người nghèo, người có tiền án, tiền sự.

Trước tiên, xây dựng và triển khai chương trình đào tạo dạy nghề. Đảm bảo việc tái hoà nhập người phạm tội sau khi đã chấp hành hình phạt tù trở về địa phương, đảm bảo cuộc sống của những hộ nghèo, bảo đảm việc làm cho những thanh niên đến tuổi lao động. Các cấp uỷ Đảng và lãnh đạo xã phường phải chăm lo tới các hộ nghèo, những người chưa có công ăn việc làm. Đối với những người đã thụ án trở về địa phương, những người được hưởng án

treo, không những phải giám sát mà về mặt kinh tế còn phải đi sâu nắm bắt được tâm tư nguyện vọng của họ, kết hợp với những khả năng, sở trường và điều kiện của họ, giúp họ có một công việc phù hợp phục vụ cho cuộc sống. Biện pháp này thuộc về trách nhiệm của cấp uỷ Đảng và lãnh đạo xã, phường, cấp cơ sở. Tạo công ăn việc làm cho các đối tượng chính sách, người nghèo, người chưa thành niên và những người đã thụ án trở về. Cấp cơ sở phải có động thái tích cực, có kế hoạch và hành động cụ thể thực sự đi vào cuộc sống.

Việc giao về cho xã, phường quản lý những đối tượng được hưởng án treo cũng phải đưa vào hoạt động thực tế, phải phân công nhiệm vụ rõ ràng để giám sát họ. Không để tình trạng buông lỏng quản lý như hiện nay, tái phạm, tái phạm nguy hiểm vẫn chiếm tỷ lệ cao mà không ai chịu trách nhiệm. Như vậy, trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm trách nhiệm của cấp uỷ Đảng và lãnh đạo địa phương là rất lớn.

Các chính sách như xoá đói giảm nghèo, chính sách với gia đình có công, gia đình thương binh liệt sĩ, bảo hiểm xã hội, các hoạt động nhân đạo, từ thiện, chăm sóc bảo vệ sức khoẻ, nâng cao thể chất, tinh thần của nhân dân phải được thực hiện có hiệu quả. Đẩy mạnh công tác dân số - kế hoạch hoá gia đình, đẩy lùi tệ nạn xã hội, nhằm tạo ra niềm tin của nhân dân với Đảng và Nhà nước, tạo ý thức trách nhiệm, xây dựng môi trường sống lành mạnh, trong sạch, phát triển bền vững đến từng con người.

Lập tổ công tác, tổ chức hướng nghiệp những người đến tuổi lao động, cho người chưa thành niên, những trẻ em đang còn đi học và những em đã bỏ học. Định hướng nghề nghiệp, trước tiên là tạo cho mọi người có ý thức lao động, khơi dậy những khả năng tiềm ẩn mà chưa được khuyến khích trong bản thân con người họ, giới thiệu và dạy những ngành nghề cho họ, để họ có những lựa chọn ngành nghề phù hợp với bản thân và dễ dàng tìm được việc làm sau này. Giáo dục đạo đức nhân cách con người ngay từ khi con ngồi trên

ghế nhà trường, phải phổ biến và tuyên truyền lao động là vinh quang, giáo dục tình yêu lao động, khơi niềm cảm hứng trong lao động và chỉ ra những hậu quả và tác hại của việc lười lao động ngay từ khi còn nhỏ.

Các tổ chức xã hội, tổ chức đoàn thể như Hội phụ nữ, Mặt trận tổ quốc của các phường, xã ở cơ sở dưới sự ủng hộ của Nhà nước về ngân sách, về các điều kiện vật chất tổ chức thực hiện nhiều hình thức giáo dục pháp luật, giáo dục tri thức và ý thức công dân, ý thức tôn trọng tài sản của người khác, tạo thói quen tuân thủ pháp luật, nếp sống công cộng cho nhân dân. Đặc biệt, cần phải giám sát, giáo dục, động viên chặt chẽ những người chưa thành niên có cha mẹ có nhân thân xấu, người đã thụ án trở về địa phương, thu hút họ vào các hoạt động xã hội lành mạnh. Định hướng phát triển nhân cách cho người chưa thành niên để các em có thể tự nhận biết, tự hình thành nhân cách đạt những chuẩn mực đạo đức xã hội, những cách ứng xử trong gia đình và trong xã hội.

Công an các cấp thường xuyên tuyên truyền vận động quần chúng đấu tranh phòng chống tội phạm, lồng ghép vào các nội dung của việc xây dựng thôn xóm, khu phố, nhà trường với các nội dung trong yêu cầu của việc đấu tranh phòng chống tội phạm. Ví dụ như thí điểm mô hình "*Câu lạc bộ phòng, chống tội phạm trong nhà trường*". Học sinh của 3 trường trung học phổ thông: Nguyễn Gia Thiều, Quang Trung, Xuân Đình là 3 trường THPT của Hà Nội thí điểm mô hình này và đã có cuộc thi Tìm hiểu pháp luật về phòng chống tội phạm". "*Câu lạc bộ phòng, chống tội phạm*", sinh hoạt 1 tháng/1 lần. Mô hình đó thu hút đông đảo học sinh tham gia, phát huy hiệu quả tuyên truyền, giáo dục ý thức pháp luật cho học sinh.

Tất cả các cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội và mọi công dân đều phải có nhiệm vụ tham gia vào cuộc đấu tranh phòng chống tội cướp giật tài sản, bằng việc thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ của mình trong công cuộc bảo

vệ an ninh, trật tự xã hội. Chỉ như vậy, mới có thể từng bước làm hạn chế, đẩy lùi vấn đề tội phạm cướp giật tài sản và sẽ xây dựng được xã hội văn minh, môi trường lành mạnh, một xã hội có các lợi ích cá nhân không đối lập với lợi ích cộng đồng, mọi người tôn trọng nhau và thực thi nghiêm chỉnh các chuẩn mực đạo đức, hành vi của xã hội. Đặc biệt, công bằng xã hội phải là tiêu chí đầu tiên. Bên cạnh đó nhà nước cần đầu tư xây dựng các khu vui chơi giải trí, khu thể dục thể thao, văn hoá nghệ thuật, tạo ra những sân chơi lành mạnh bổ ích vừa mang ý nghĩa giáo dục, vừa đem lại sự phát triển về thể chất tinh thần, kích thích khả năng sáng tạo, khơi dậy niềm tin yêu cuộc sống cho mọi người.

Tóm lại, các hoạt động trên nhằm thúc đẩy sự phát triển thái độ tích cực và nhân cách của con người và lấy cấp quản lý cơ sở làm gốc, là nơi phải giám sát chặt chẽ và nơi thực hiện trực tiếp, quyết tâm, quyết liệt và triệt để mọi chính sách xã hội, điều đó có ý nghĩa to lớn trong công tác đấu tranh phòng chống tội cướp giật tài sản hiện nay.

4.2.1.3. Các biện pháp về văn hóa

Bản sắc văn hóa dân tộc là cái "hồn", là sức sống nội sinh. Dân tộc Việt nam trải qua hàng nghìn năm lịch sử đã rèn đúc, tôi luyện cho mình nhiều phẩm chất tốt đẹp, do đó cần phải giữ gìn bản sắc dân tộc như tinh thần hội nghị Ban Chấp hành Trung ương V đề ra.

Cần phải duy trì việc quản lý chặt chẽ văn hóa phẩm, kiểm soát các nội dung có tính chất đồi trụy, chống sự xâm nhập văn hoá độc hại, bạo lực. Cùng cố và tiếp tục xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, phong phú, đa dạng; đẩy mạnh xây dựng nếp sống văn minh trong cộng đồng dân cư, truyền bá văn hóa và phát triển nền văn học, nghệ thuật Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, giàu chất nhân văn. Chú trọng phát huy mạnh mẽ chức năng thông tin, giáo dục, tổ chức và phân biện xã hội vì lợi ích của nhân dân và đất nước.

Tại các địa phương cần tổ chức thực hiện tốt các biện pháp quản lý chặt chẽ việc nhập các loại sách, báo, đĩa hình có nội dung đồi trụy, bạo lực và phải quản lý các cửa hàng kinh doanh internet, các cơ sở sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực xuất bản, kiểm soát những văn hóa phẩm để ngăn chặn đưa ra thị trường những sản phẩm thiếu văn hóa, băng hoại đạo đức truyền thống tốt đẹp của dân tộc.

Văn hoá với vai trò là nền tảng tinh thần của xã hội, là mục tiêu, động lực thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển, gắn với sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước, gắn với những vấn đề nảy sinh trong xu thế toàn cầu hoá và trong thời kỳ nền kinh tế thị trường .

4.2.1.4. Các biện pháp về giáo dục

Mục tiêu giáo dục là đào tạo con người Việt Nam phát triển toàn diện, có đạo đức, tri thức, sức khỏe, thẩm mỹ và nghề nghiệp, trung thành với lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; hình thành và bồi dưỡng nhân cách, phẩm chất và năng lực của công dân, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Sự phát triển của con người có những bước nhảy vọt về thể chất và nhận thức. Vì vậy, giáo dục ở nhiều cung bậc khác nhau phải phù hợp với từng lứa tuổi, giáo dục người chưa thành niên khác với giáo dục người đã thành niên. Đối với, người thành niên cũng cần được tuyên truyền phổ biến giáo dục thường xuyên, sâu sắc. “Dậy con từ thừa còn thơ”, uốn nắn cây cũng phải từ khi cây còn non, nếu để lớn rồi thì rất khó uốn nắn vào nền nếp, do đó trong phần các biện pháp về giáo dục đào tạo này nhấn mạnh tới giáo dục người chưa thành niên là chủ yếu.

Giáo dục của gia đình ảnh hưởng rất lớn đến sự hình thành nhân cách của người chưa thành niên. Bản thân cha mẹ phải luôn luôn tự hoàn thiện mình trong lời nói việc làm. Các cấp lãnh đạo cơ sở xã, phường, thị trấn cần

quan tâm đặc biệt, thường xuyên các gia đình có cha mẹ và những thành viên trong gia đình có tiền án, tiền sự, có những thói hư tật xấu như cờ bạc, rượu chè, nghiện hút, ăn chơi xa đọa, có nhân thân xấu. Theo kinh nghiệm của Cộng hòa Liên Bang Đức nếu con đang trong tuổi đi học mà trốn hoặc bỏ học thì cha hoặc mẹ chịu trách nhiệm nuôi con phải bị phạt tiền, đây là biện pháp hay chúng ta nên học tập.

Cần phải có những giáo viên có phẩm chất đạo đức tốt, có phương pháp giảng dạy tốt, cần có chương trình giáo dục phù hợp trong nhà trường phổ thông. Các hình thức kỷ luật trong nhà trường phải bằng các biện pháp mang tính giáo dục và nghiêm khắc đối với những hành vi sai trái của học sinh, những hành động xấu cần kịp thời tìm ra nguyên nhân sự việc để có biện pháp uốn nắn, hình thức kỷ luật cho đúng mức bảo đảm công bằng và hợp lý. Tránh lạm dụng các biện pháp hành chính trong giáo dục nhà trường phổ thông. Nghiêm cấm giáo viên trù úm học sinh, tỏ thái độ kinh miệt, coi thường đối với học sinh hoặc có phương pháp phản giáo dục, biện pháp kỷ luật thái quá, quá mức cần thiết và quan tâm chưa đúng mức tới công tác giáo dục. Nâng cao năng lực và phẩm chất đạo đức của giáo viên, giáo viên phải “vừa hồng, vừa chuyên”, phẩm chất đạo đức của người thầy phải trong sáng, các giáo viên phải là những hình mẫu, tấm gương cho học sinh.

Chấm dứt tình trạng thiếu nghiêm túc của giáo viên trong quá trình giảng dạy và tổ chức kiểm tra thi cử. Hạn chế giáo viên tự mở các lớp dạy thêm ngoài giờ, cấm lợi dụng việc dạy thêm để học sinh phải học thì mới có điểm kết quả tốt. Nâng cao lòng nhiệt tình yêu nghề, yêu trò của người thầy. Nâng cao chất lượng chuyên môn giảng dạy, bằng cách hàng tuần mỗi giáo viên đưa ra một tình huống điển hình để phổ biến cho các giáo viên khác tham khảo, học tập.

Cần khắc phục và cải tiến một số chương trình giáo dục, cần phải tăng thêm thời gian các hoạt động ngoại khoá, cần phổ biến giáo dục pháp luật cụ thể với những nội dung gần với đời sống thực tế, dễ hiểu. Tổ chức vui chơi giải trí cho học sinh vì qua các hoạt động này sẽ có rất nhiều tác dụng cho người chưa thành niên.

Nhà nước cần có chính sách phát triển nhiều mô hình loại trường khác nhau, mở các trường, lớp vừa học, vừa làm cho phù hợp với khả năng của từng mức độ tiếp thu, nhận thức.

4.2.1.5. Các biện pháp quản lý

a) Tăng cường quản lý về cư trú

Quản lý Nhà nước về nhân khẩu, hộ khẩu là một biện pháp bảo đảm về trật tự an toàn xã hội. Có thể nói hiện nay công tác quản lý nhân khẩu chưa đóng góp cho công tác phòng, chống tội phạm đúng ý nghĩa, vai trò, nhiệm vụ, chức năng của quản lý hành chính nhà nước về nhân khẩu.

Hiện tượng di dân tự phát, người dân ở các tỉnh khác về sinh sống và làm ăn một cách tự do đang xảy ra rất phổ biến trên các tỉnh thành phố phát triển kinh tế nhanh, điển hình là thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Bình Dương..., kéo theo nhiều hệ lụy về trật tự trị an những nơi này, vì vậy cần phải có biện pháp chấn chỉnh hiện tượng này.

Một trong biện pháp làm giảm nạn cướp giật tài sản là vấn đề không thể coi nhẹ quản lý tạm vắng, tạm trú. Đây là công việc cần làm ngay của cơ quan công an, thông qua quản lý tạm vắng, tạm trú để sàng lọc các đối tượng nghi vấn và phát hiện sự hình thành băng nhóm tội phạm. Số đối tượng cướp giật tài sản được bổ sung từ rất nhiều nguồn, nhiều khu vực khác nhau, hầu hết đều thuê mướn phòng trọ sống tạm bợ và từ đó đi gây án. Đăng ký nhân khẩu là quyền và nghĩa vụ của mỗi công dân, tuy nhiên một thực tế, người ở các tỉnh di dân ra thành phố rất nhiều, bản thân họ không hiểu biết các quy định

của pháp luật về đăng ký tạm vắng, tạm trú. Do đó, công an khu vực bắt buộc yêu cầu chủ hộ cho ở nhờ, ở thuê phải có trách nhiệm đăng ký tạm trú cho họ tại Công an phường, xã sở tại.

Tất cả những người rời khỏi nơi ở đã đăng ký hộ khẩu thường trú phải có giấy báo tạm vắng tại địa phương đang sinh sống. Khi đến tạm trú ở địa phương nào nhất thiết phải đăng ký tạm trú tại nơi đó, công an phường xã phải nắm chắc những người đến tạm trú và phải yêu cầu xuất trình giấy tạm vắng, phải quản lý được người dân sống trong địa bàn mình quản lý từ xã, phường, thôn xóm. Quản lý nhân khẩu phải có hồ sơ tư pháp và sử dụng công nghệ thông tin kết nối giữa các địa phương, khắc phục tình trạng buông lỏng quản lý như hiện nay.

Cần phải có chế tài nghiêm khắc cho những người tạm trú, tạm vắng không có giấy tạm vắng, bằng các mức phạt khác nhau như phạt tiền, phạt lao động công ích. Nếu không có các chế tài nghiêm khắc thì tình trạng sống vô pháp luật và hiện tượng coi thường pháp luật sẽ còn phổ biến.

Những người cho thuê nhà phải có nghĩa vụ đăng ký tạm trú cho người thuê nhà và cũng phải có chế tài đối với người cho thuê nhà trong hoạt động đăng ký tạm trú, nếu không đăng ký tạm trú cho người thuê nhà của mình thì phải có mức phạt thích đáng. Hoạt động này vừa có ý nghĩa trong quản lý nhân khẩu và có ý nghĩa trong quản lý thuế và bảo đảm trật tự xã hội.

Để thực hiện tốt công tác quản lý nhân khẩu cần sự nỗ lực và trách nhiệm của công an khu vực, ngoài ra nhà nước cần đầu tư nhiều hơn nữa cho hoạt động quản lý nhân khẩu. Quản lý nhân khẩu cần liên kết chặt chẽ quản lý giữa các tỉnh, thành phố trong cả nước với nhau. Cần phải quy định tiêu chuẩn về điều kiện nhà cho thuê để bảo đảm mức độ về vệ sinh, môi trường cho người thuê nhà, tạo điều kiện ổn định về chỗ ở, người thuê nhà không phải di chuyển nay đây mai đó, đồng thời thuận lợi trong quản lý nhân khẩu.

b) Biện pháp quản lý các cơ sở kinh doanh dịch vụ

Kinh tế phát triển, nhiều loại hình kinh doanh dịch vụ là nơi tội phạm có thể lợi dụng để hoạt động phạm tội. Do đó, công tác quản lý nhà nước phải có nhiều biện pháp ngăn ngừa. Các cơ sở kinh doanh dịch vụ trong nhiều trường hợp tác động gián tiếp đến tội cướp giật tài sản.

Chỉ riêng ở Hà nội, hiện nay có hơn 4000 cơ sở kinh doanh dịch vụ Internet. Theo thống kê của cơ quan công an, tại các cơ sở bọn chúng sử dụng internet là phương tiện để liên hệ, kết nối rủ rờ nhau đi cướp giật tài sản. Cần phải có những quy định giờ kinh doanh, giám sát các hoạt động kinh doanh chặt chẽ. Nêu cao tinh thần cảnh giác, khi thấy có hiện tượng nghi vấn, phải báo ngay cho cơ quan công an để có biện pháp kịp thời ngăn chặn. Phải có hình thức phạt hành chính thích đáng nếu có tệ nạn hoặc tội phạm xảy ra tại cơ sở kinh doanh đó.

Ngày nay, xe máy trở thành những vật dụng thiết yếu trong gia đình. Ở các thành phố, hầu hết một gia đình trung bình một người có một chiếc xe máy, ở nông thôn xe máy cũng là phương tiện thông dụng. Xe máy là một trong những đồ vật mà người sở hữu nó phải đăng ký tại cơ quan công an, là đối tượng quản lý của nhà nước. Nhưng một hiện tượng khá phổ biến từ lâu nay, là khi chuyển nhượng xe máy hầu hết các bên tham gia giao dịch mua bán xe máy không thực hiện thủ tục chuyển nhượng sang tên đổi chủ theo qui định của pháp luật. Chính vì thế, công tác quản lý xe máy đã trở nên khó khăn. Trong khi đó 91% người phạm tội cướp giật tài sản sử dụng xe máy làm phương tiện gây án. Trong nhiều trường hợp từ số xe máy là tang vật của vụ cướp giật tài sản là manh mối tìm ra thủ phạm. Nhưng cũng chỉ vì quản lý trong khâu chuyển nhượng không sang tên đổi chủ, chuyển nhượng qua tay nhiều người không chặt chẽ, cho nên nhiều trường hợp công an không thể lần

ra thủ phạm. Việc quản lý chặt chẽ xe máy cũng chính là đã tham gia vào công tác phòng chống tội cướp giật tài sản.

Đối với các cơ sở cho thuê xe máy cần phải có quy định yêu cầu người thuê phải xuất trình giấy tờ tùy thân, nhiều cơ sở kinh doanh vì hám lợi chỉ yêu cầu người thuê đặt cọc tiền, không yêu cầu các loại giấy tờ chứng minh nhân thân. Do đó, nhiều đối tượng là tội phạm cướp giật đã lợi dụng thuê xe máy để phạm tội, trong trường hợp bị bắt bọn chúng bỏ lại xe và không còn dấu vết để lại gây khó khăn cho công tác điều tra.

Cơ quan quản lý thị trường phải kết hợp với cấp phường, xã giám sát chặt chẽ, thường xuyên các tiệm cầm đồ, cửa hàng dịch vụ cho thuê xe máy để ngăn chặn tội phạm đến tiêu thụ tài sản cướp giật.

Qua các vụ án về xâm phạm sở hữu, đa số tội phạm đều tiêu thụ tài sản do phạm tội mà có tại các cơ sở cầm đồ. Vì vậy, cần có biện pháp quản lý chặt chẽ các cơ sở cầm đồ, phải có cơ chế giám sát, kiểm tra hoạt động của các cơ sở cầm đồ thường xuyên, định kỳ. Quy định rõ đối với những tài sản nhà nước đã có quy định phải đăng ký là chủ tài sản, như xe máy, ô tô nhất thiết phải là làm thủ tục sang tên đổi chủ. Lĩnh vực hoạt động này rất khó quản lý cho nên phải yêu cầu đề cao tinh thần ý thức tự giác của chủ cơ sở kinh doanh là chủ yếu và phải có những hình thức phạt hành chính phù hợp nếu chưa tới mức phải chịu trách nhiệm hình sự.

Bọn tội phạm thường hay chọn các cơ sở kinh doanh khách sạn, nhà nghỉ làm nơi ẩn náu, do đó cần phải kiểm tra, quản lý chặt chẽ. Phải quy định những người đến thuê phòng phải có giấy tờ tùy thân, đối với người chưa thành niên thuê phòng phải có người trên 18 tuổi đi kèm giám hộ, các chủ cơ sở kinh doanh phải cảnh giác khi thấy có nghi vấn, phải báo ngay cho công an.

Thực trạng về vấn đề quản lý, một số ngành nghề chưa phân định rõ cơ quan hoặc cấp nào có thẩm quyền quản lý. Do đó, hiện tượng kinh doanh không có sự giám sát, kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước đã gây ra nhiều hậu quả xấu cho xã hội. Tại các địa phương cần phân công rõ ràng, đề ra cơ chế và thiết lập trật tự cho các ngành, các cấp đối với từng ngành nghề kinh doanh nhất định.

Các cửa hàng vàng bạc cũng là nơi tội phạm tiêu thụ tài sản và vừa là mục tiêu của bọn cướp giật tài sản. Do đó, yêu cầu các cơ sở kinh doanh vàng, bạc phải có hệ thống báo động, có camera để chủ động phòng chống tội phạm, cảnh giác quan sát đối tượng nghi vấn để tự phòng tránh.

Tăng cường công tác quản lý nhà nước là yêu cầu của bất kỳ nhà nước nào. Nước ta đang thực hiện cơ chế kinh tế thị trường còn gặp nhiều khó khăn trên mọi lĩnh vực nhưng vai trò quản lý nhà nước trong công tác bảo vệ trật tự an ninh xã hội là một yêu cầu bức thiết đặt ra trong giai đoạn này.

4.2.1.6. Các biện pháp pháp lý

Công tác đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung và tội cướp giật tài sản nói riêng phải gắn liền với việc hoàn thiện pháp luật và tổ chức thi hành pháp luật. Vì pháp luật là cơ sở pháp lý cho công tác đấu tranh phòng chống tội phạm. Phòng ngừa tội phạm là phải sử dụng pháp luật và xây dựng pháp luật cho hoạt động phòng ngừa.

Mác chỉ ra rằng: *“Người làm luật thông thái cần phải phòng ngừa làm sao để khỏi phải trừng phạt ”*. Như vậy, trong phòng ngừa tội phạm, không chỉ là sử dụng pháp luật mà trước tiên phải xây dựng pháp luật phù hợp. Ở Việt Nam qua các thời kỳ Nhà nước khác nhau, các luật như Bộ quốc triều hình luật, Bộ luật Gia Long, các sắc lệnh số 27/SL, số 26/SL, số 133/SL, Bộ luật hình sự Việt Nam 1985, 1999, Bộ luật tố tụng hình sự đều có quy định về

tội cướp giết tài sản. Nhà nước sử dụng pháp luật là công cụ đặc biệt để phục vụ cho việc phòng chống tội phạm và tội cướp tài sản nói riêng.

Hình phạt kết hợp đúng đắn yếu tố giáo dục, thuyết phục có vai trò tích cực trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm. Tuy nhiên, Bộ luật hình sự 1999, Điều 136 quy định tội “Cướp giết tài sản” còn nhiều bất cập trong Phần quy định và bất cập cả về phần chế tài. Đây là một trong những vấn đề cần phải khắc phục, tạo sự đồng bộ thống nhất trong quá trình áp dụng cũng như trong nhận thức để hoạt động tư pháp có hiệu quả.

a) Cần phải sửa đổi, bổ sung Điều 136 như sau:

+ Thêm thuật ngữ vào phần quy định, theo đó sửa Khoản 1- Điều 136 BLHS như sau: *“Người nào lợi dụng sơ hở của người khác, công khai, nhanh chóng chiếm đoạt tài sản, thì bị phạt tù từ một năm đến năm năm”*

+ Sửa đổi phần chế tài của Điều 136 BLHS hiện hành, theo hướng : trách nhiệm hình sự tăng dần tuần tự của các khung hình phạt:

2. *Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ năm năm đến mười năm.*

3. *Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ mười năm đến mười lăm năm.*

4. *Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ mười lăm năm đến hai mươi năm hoặc tù chung thân...”*

+ Sửa đổi điểm h khoản 2 Điều 136 Bộ luật hình sự hiện hành theo hướng thay thuật ngữ “gây hậu quả nghiêm trọng” bằng các hậu quả về vật chất cụ thể là: *Gây thiệt hại về tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng.*

+ Sửa đổi điểm c khoản 3- Điều 136 Bộ luật hình sự hiện hành theo hướng thay thuật ngữ “gây hậu quả rất nghiêm trọng” bằng thuật ngữ *gây*

thiệt hại về tài sản có giá trị từ 500 triệu đồng đến dưới một tỷ năm trăm triệu đồng;

+ Sửa đổi điểm c khoản 4 Điều 136 Bộ luật hình sự hiện hành theo hướng thay thuật ngữ “gây thiệt hại đặc biệt nghiêm trọng” bằng thuật ngữ:

- Làm chết nhiều người trở;

- Gây thiệt hại về tài sản có giá trị từ một tỷ năm trăm triệu đồng trở lên.

b) Cần phải thay đổi quy định độ tuổi người chưa thành niên.

Hàng năm có 16.000-18.000 trẻ em chưa thành niên phạm tội, chiếm 15-18% tội phạm. Trong 5 năm (2007-2012), đã điều tra hơn 49.000 vụ phạm pháp hình sự với gần 76.000 đối tượng người chưa thành niên phạm pháp. Xu hướng "trẻ hóa" tội phạm đáng lo ngại. Tội phạm chưa thành niên rất phức tạp, từ cướp tài sản, giết người, hiếp dâm, cố ý gây thương tích, xâm phạm an toàn công cộng, các tội phạm về kinh tế, về công nghệ cao, ma túy cho đến chống người thi hành công vụ. Hơn 65% vụ phạm pháp của người chưa thành niên có sử dụng vũ khí nóng hoặc hung khí, diễn biến đang rất xấu, với phương thức, thủ đoạn hết sức nguy hiểm, tinh vi, nhiều vụ rất dã man và mất hết tính người. Đáng quan ngại là các vụ việc nguy hiểm như vậy, nhưng hình phạt chưa tương xứng với tính chất, mức độ do họ gây ra, đối với tội cướp giật tài sản xử vài tháng tù gây ra tâm lý coi thường pháp luật. Quần chúng nhân dân rất bức xúc cho rằng Nhà nước quá nương nhẹ, cho rằng hình phạt của chúng ta theo bộ luật Hình sự hiện hành là hữu khuynh và đang tạo điều kiện cho người chưa thành niên phạm tội.

Về nguyên tắc thì không thể áp dụng hình phạt nặng hơn so với quy định của bộ luật Hình sự, cũng như không nên sửa theo hướng tăng nặng hình phạt, như vậy sẽ trái với những cam kết quốc tế về bảo vệ người chưa thành niên. Công ước quốc tế về quyền trẻ em và Quy tắc Bắc Kinh về áp dụng pháp luật đối với người chưa thành niên đều nêu rõ, người chưa thành niên có thể bị xét

xử vi phạm pháp nhưng theo phương thức khác với xét xử người lớn. Về mặt pháp lý, Công ước về quyền trẻ em xác định trẻ em có nghĩa là người dưới 18 tuổi, nhưng cũng ghi rõ trừ trường hợp pháp luật áp dụng đối với các nước có quy định tuổi thành niên sớm hơn. Thực tế, nhiều quốc gia đã quy định tuổi thành niên từ đủ 16 như một số nước Nam Mỹ. Pháp luật hình sự nhiều nước buộc công dân của họ phải chịu trách nhiệm từ 12 tuổi và 14 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự đầy đủ. Giới trẻ đã thay đổi nhiều, cách quản lý, kiểm soát, khuôn mẫu, cứng nhắc đã kìm nén làm phát sinh tâm lý muốn bứt phá, giải phóng, tự do hành động thể hiện mình.

Đề xuất: Thừa nhận tuổi người chưa thành niên là từ 12 đến 14, người thành niên là 16 tuổi. Để các em có nhiều quyền năng, hành động và tham gia thực sự giải quyết các quan hệ xã hội. Như vậy, hành lang pháp lý cũng sẽ thay đổi, các quy định áp dụng cho những người từ 16 đến 18 tuổi sẽ áp dụng cho các em từ đủ 14 đến 16 tuổi.

4.2.1.7. Các biện pháp tổ chức

Nếu như những biện pháp loại trừ tội phạm xét về mặt nội dung có chức năng tác động vào ý thức của con người, giúp cho mọi người có ý thức và thói quen tuân thủ pháp luật, thì những biện pháp tổ chức có chức năng đảm bảo, tạo điều kiện tốt nhất cho việc thực hiện các biện pháp về mặt nội dung và đồng thời phải không chế, ngăn chặn và kịp thời phát hiện, xử lý những tiêu cực có thể phát sinh trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ thuộc biện pháp nội dung.[63 - tr63]

a) Các biện pháp đối với cơ quan điều tra

Điều tra tội cướp giật tài sản là quá trình thực hiện đồng bộ các biện pháp nghiệp vụ của ngành công an như: Tiếp nhận, xử lý thông tin, điều tra tại hiện trường, sử dụng các nghiệp vụ kỹ thuật chuyên ngành, để nhanh chóng làm rõ hành vi phạm tội. Từ đó, có các biện pháp ngăn chặn kịp thời để

thực hiện hóa tư tưởng chỉ đạo của ngành công an là chủ động phòng ngừa, chủ động tấn công tội phạm.

Cần nâng cao chất lượng tiếp nhận và xử lý thông tin về tội phạm. Trong thực tế, có nhiều người dân, người bị hại khi bị cướp giật nhưng không báo Công an vì nhiều lý do, có thể vì họ không biết phải báo ở đâu, báo cho ai và vì giá trị tài sản không lớn nên họ đã bỏ qua. Khắc phục tình trạng này, phải xây dựng các điều kiện cơ sở vật chất như: Xây dựng các trạm an ninh, các đường dây nóng, tạo mọi điều kiện tốt nhất cho người dân cung cấp thông tin, tố giác tội phạm và cơ chế tốt nhất để tiếp nhận thông tin từ mọi nguồn trong dân chúng.

Khi nhận được tin báo, tin tố giác lượng công an phải nhanh chóng triển khai xác minh, điều tra vì thời gian đối với các vụ án cướp giật tài sản là hết sức quan trọng, quyết định kết quả của một vụ án. Vì đặc thù của tội cướp giật tài sản là bọn tội phạm sau khi nhanh chóng tẩu thoát, bọn chúng lại tiếp tục thực hiện phạm tội ngay nếu lại thấy người có tài sản dễ sơ hở. Do đó, sau khi đã tiếp nhận tin báo, tin tố giác cần phải thông báo cho các đơn vị chức năng điều tra tội phạm, phối hợp, hỗ trợ, hợp tác để triển khai hoạt động điều tra, cùng với sự chỉ đạo của các cấp lãnh đạo. Cần phải làm tốt công tác tiếp nhận tin báo ban đầu, bảo đảm thông tin nhanh nhất giúp cho công tác chỉ đạo, lãnh đạo có cơ sở để nhận định đúng đắn diễn biến tình hình tội phạm hoặc từng vụ án để đưa ra quyết định đúng đắn. Để thực hiện tốt nhiệm vụ trên thì ý thức trách nhiệm và trình độ chuyên môn của đội ngũ làm nhiệm vụ tiếp nhận thông tin ban đầu cần phải được đào tạo và giáo dục tốt.

Cần nâng cao hiệu quả công tác điều tra vì hoạt động điều tra các vụ phạm tội cướp giật tài sản là một quá trình thực hiện khám nghiệm hiện trường, tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ để chứng minh hành vi phạm tội, cùng với việc khám xét, thu giữ tang vật, vật chứng của vụ án. Riêng đối với

người chưa thành niên phạm tội khi giam giữ cần điều tra chính xác về độ tuổi và phải có người giám hộ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự đối với các thủ tục tố tụng cho người chưa thành niên. Nghiêm cấm việc làm tùy tiện hoặc “lách luật” của các điều tra viên làm tính chất vụ việc không còn chính xác, thiếu tính khách quan.

Trong công tác điều tra ban đầu ở hiện trường, cần phải được nâng cao năng lực, chất lượng vì hiện trường là nơi tập trung nhiều chứng cứ rất quan trọng, giúp cho quá trình xác định tội phạm của vụ án được nhanh chóng, đúng hướng, chính xác. Thực tế cho thấy có khá nhiều vụ cướp giật tài sản công tác bảo vệ hiện trường chưa tốt, làm mất dấu vết quan trọng gây khó khăn cho việc điều tra của vụ án. Khoa học về Điều tra tội phạm học đã khẳng định hành vi phạm tội nào cũng để lại dấu vết ở hiện trường dù tội phạm có mức độ chuyên nghiệp cao, có nhiều thủ đoạn xóa dấu vết. Vì vậy, phải làm tốt công tác bảo vệ hiện trường để bảo vệ những dấu vết do tội phạm để lại phục vụ cho công tác điều tra. Công tác bảo vệ hiện trường cần quy định chặt chẽ, phải quy định trách nhiệm, nâng cao ý thức và nghiệp vụ cho các chiến sĩ công an cấp cơ sở.

Khi thu lượm các dấu vết, vật chứng mà bọn tội phạm để lại trên khu vực xảy ra vụ án trong hoạt động khám nghiệm hiện trường cần phải tiếp cận theo đúng phương pháp, có hệ thống, các bước phù hợp, đó là chú ý các công việc xử lý hiện trường như: Kiểm tra hiện trường, ghi chép, vẽ sơ đồ, chụp ảnh hiện trường, tiến hành thu thập vật chứng bằng trình độ, phương pháp khoa học, phương tiện kiểm tra, nghiên cứu tỷ mỉ nhằm phát hiện dấu vết tang vật để lại hiện trường để đánh giá diễn biến vụ án, thời gian xảy ra vụ án, như vậy mới thu được kết quả tốt, phục vụ cho việc nhận định tính chất của vụ án, đối tượng gây án và hướng điều tra. Để làm tốt công tác khám nghiệm hiện trường, vấn đề về năng lực, về nhận thức, trình độ, ý thức của các điều tra

viên phải được đào tạo các kỹ năng nghề nghiệp, phẩm chất đạo đức tốt đồng thời phải đầu tư phương tiện, trang thiết bị kỹ thuật hiện đại.

Trong công tác điều tra, một trong hoạt động thu thập tài liệu là lấy lời khai cần phải rà soát, phát hiện triệt để nhân chứng, người bị hại, người biết việc, người có liên quan, xác minh những thông tin về vụ án, đối tượng có liên quan đến vụ án để phục vụ cho công tác điều tra tại hiện trường. Vì công khai điều tra nên cần phải thực hiện tỷ mỉ, có kế hoạch và có biện pháp phù hợp, có kỹ năng phát động để cho mọi người dân biết sự việc sẽ cung cấp thông tin cho cơ quan điều tra.

Gần đây các đối tượng đi cướp giật thường chuẩn bị hung khí và rất mạnh động, do đó phải xác định nguồn tin để nhanh chóng đánh giá mức độ nguy hiểm. Các đối tượng cướp giật tài sản thường sử dụng xe máy để cướp giật chiếm 91%, do đó cần làm rõ đối tượng cướp giật tài sản sử dụng xe loại, màu xe, biển số xe như thế nào để có nguồn tin ban đầu cung cấp cho quá trình điều tra. Từ đó có kế hoạch khẩn trương xác minh làm rõ, đặc biệt là những thông tin chỉ rõ đối tượng gây án, tang vật vụ án. Sau khi thu thập những tin tức, tài liệu qua điều tra công khai, cần tổ chức kiểm tra, xác minh để đánh giá mức độ chính xác. Khi xác định nội dung là đúng thì tập trung chỉ đạo theo hướng tài liệu ban đầu đã thu thập được, để làm rõ đối tượng gây án, nếu trong trường hợp đối tượng gây án là người chưa thành niên thì các thủ tục điều tra tiếp theo phải theo đúng thủ tục tố tụng đối với người chưa thành niên.

Trong công tác điều tra, điều tra ban đầu tại hiện trường, nguồn tài liệu thu thập được có giá trị định hướng cho toàn bộ hoạt động điều tra tiếp theo. Nếu nguồn tài liệu thiếu chuẩn xác sẽ làm chệch hướng toàn bộ hoạt động điều tra. Vì vậy, việc thu thập tài liệu, chứng cứ, nhất là lời khai của người bị

hại, nhân chứng, người biết việc, phải được đúng quy định của pháp luật, bảo đảm tính chính xác của từng nguồn tài liệu.

Cần phối hợp, liên kết giữa các lực lượng trong công tác điều tra, quá trình điều tra là quá trình cơ quan điều tra áp dụng các biện pháp nghiệp vụ điều tra cần thiết để làm rõ vụ án. Trong quá trình này, các điều tra viên cần phải kết hợp với các lực lượng khác như: Lực lượng trinh sát, các lực lượng chuyên ngành về khoa học kỹ thuật nói chung và khoa học kỹ thuật hình sự, để xử lý những thông tin, những vật chứng thông qua việc giám định, các biện pháp trinh sát đặc biệt, công tác khám nghiệm. Để đưa ra những kết luận có tính khoa học phục vụ cho công tác điều tra.

Yêu cầu đặt ra cho công tác phối hợp giữa cơ quan điều tra với các lực lượng nghiệp vụ khác là phải tạo ra sức mạnh tổng hợp, đồng bộ, tạo ra sự kết hợp chặt chẽ trong công tác thông tin tội phạm, đảm bảo những thông tin ban đầu về vụ án, những thông tin trong quá trình điều tra phải được thu về một mối, từ đó sử dụng phục vụ cho công tác điều tra, khắc phục tình trạng thông tin chậm, tản mạn hoặc không trao đổi thông tin trong công tác điều tra. Kịp thời phối hợp giữa các lực lượng cảnh sát trong tác bảo vệ hiện trường, khám nghiệm, thu thập tài liệu ban đầu về vụ án. Các lực lượng cảnh sát công khai tại cơ sở, khi phát hiện tin tức vụ án phải triển khai ngay những biện pháp cần thiết để bảo vệ hiện trường, thu thập tài liệu, truy xét theo dấu vết nóng, xác minh thông tin về đối tượng, tang vật của vụ án. Cần phối hợp chặt chẽ giữa lực lượng cảnh sát điều tra và các lực lượng trinh sát trong công tác thực hiện những biện pháp nghiệp vụ trinh sát, đặc biệt để xác định đối tượng, làm rõ các yêu cầu cụ thể để chứng minh tội phạm. Đối với tội phạm là người chưa thành niên các dấu vết để lại sẽ rất nhiều vì họ chưa đủ nhận thức để có những mưu mô, thủ đoạn để xoá dấu vết.

Cho phép các trinh sát hình sự đặc nhiệm mạnh tay hơn nữa, sử dụng các vũ khí quân dụng để trấn áp những loại tội phạm manh động, liều lĩnh, gây nguy hiểm cho người dân. Trước mắt, các trinh sát hình sự đặc nhiệm được phép dừng xe, kiểm tra các giấy tờ tùy thân nếu trong quá trình đi tuần tra, phát hiện thấy đối tượng có dấu hiệu nghi vấn để ngăn chặn các nguy cơ xảy ra tội phạm ngay từ đầu.

b) Đối với Viện kiểm sát các cấp

Với vai trò giám sát các hoạt động tư pháp, viện kiểm sát có rất nhiều điều kiện để làm tốt công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, như việc kịp thời phát hiện những bất cập, những sơ hở trong pháp luật và trong việc thực thi pháp luật của các ngành các cấp, những sơ hở trong quản lý nhà nước, của nhân dân từ đó chủ động tham mưu cho Đảng và chính quyền trong công tác phòng ngừa tội phạm nói chung và tội cướp giật tài sản nói riêng. Xây dựng các văn bản pháp luật, các cơ chế quản lý nhà nước về kinh tế, văn hoá, xã hội ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến tình hình cướp giật tài sản.

Việc bắt, tạm giam những người bị nghi ngờ phạm tội cướp giật tài sản cũng phải rất cẩn thận và xem xét có nhất thiết là phải giam giữ hay không với vai trò giám sát quá trình bắt giữ nhằm hạn chế mức thấp nhất việc tha, tạm tha đối tượng thiếu căn cứ. Trong vai trò giữ quyền công tố trước toà, bảo đảm truy tố đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, đưa ra được các chứng cứ rõ ràng chính xác, cần giám sát chặt chẽ việc thi hành án phạt tù, như vậy sẽ có tác dụng trực tiếp trong đấu tranh phòng chống tội cướp giật tài sản hiện nay.

Để phòng ngừa tội phạm có hiệu quả, đòi hỏi Viện kiểm sát phải thực hiện một cách chính xác và đầy đủ chức năng, nhiệm vụ của mình trong tổ tụng hình sự. Ngoài ra, hoạt động phòng ngừa tội phạm cướp giật tài sản của Viện kiểm sát nhân dân xem xét dưới góc độ vai trò, trách nhiệm pháp lý thì cơ bản phải được thực hiện thông qua các hoạt động nghề nghiệp, tuy nhiên

rất cần có sự phối hợp thực hiện nhiệm vụ phòng ngừa với các chủ thể khác. Khi thực hiện chức năng của mình Viện kiểm sát nhân dân phải có sự phối hợp chặt chẽ với các cơ quan hữu quan và ngược lại. Trong quá trình phối hợp thực hiện nhiệm vụ phòng ngừa tội phạm cướp giật tài sản với các chủ thể khác cũng đòi hỏi Viện kiểm sát nhân dân phải dựa trên cơ sở thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo qui định của pháp luật. Viện kiểm sát nhân dân trực tiếp áp dụng các biện pháp pháp lý có tác dụng quan trọng góp phần tích cực vào việc ngăn chặn tội phạm, hạn chế hậu quả thiệt hại do tội phạm gây ra, kiềm chế, đẩy lùi và từng bước làm giảm tội phạm, khắc phục những nguyên nhân và điều kiện của loại tội phạm cướp giật tài sản cũng như tình hình tội phạm trong xã hội. Tăng cường sự phối hợp là phải nêu cao tinh thần hợp tác, hiệp đồng công tác, giúp đỡ, hỗ trợ lẫn nhau, nhất thiết phải trên cơ sở thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mỗi cơ quan, không thoả hiệp một chiều hoặc đùn đẩy trách nhiệm lẫn nhau. Trong thực tế, nếu Viện kiểm sát nhân dân nắm vững và thực hiện đầy đủ chức năng nhiệm vụ của mình thì ở đó phát huy được vai trò tích cực, chủ động của Viện kiểm sát trong hoạt động phối hợp phòng ngừa tội phạm.

Viện kiểm sát nhân dân phải giám sát chặt chẽ các hoạt động tư pháp nhằm phát hiện ra những sai phạm, những oan sai đối với tất cả các loại tội phạm, trong đó có tội cướp giật tài sản để kịp thời thực hiện các quyền yêu cầu, kiến nghị, kháng nghị. Như vậy đã là gián tiếp tác động để áp dụng các biện pháp phòng ngừa tội phạm.

Viện kiểm sát nhân dân phải không ngừng nâng cao chất lượng, phải hướng trọng tâm các công tác chuyên môn nghiệp vụ vào việc thực hiện nhiệm vụ phòng ngừa tội phạm và phải quan tâm nhiều hơn nữa tới loại tội cướp giật tài sản.

Viện kiểm sát nhân dân phải phát hiện những nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội cướp giật tài sản, trong đó đặc biệt quan tâm phát hiện những sơ hở, thiếu sót trong công tác quản lý Nhà nước để kiến nghị các cơ quan hữu quan có biện pháp chấn chỉnh, khắc phục nhằm ngăn ngừa tội cướp giật tài sản xảy ra.

Viện kiểm sát nhân dân cấp quận, huyện phải tích cực trong việc quản lý và xử lý tin báo tội phạm, bằng hình thức mở hòm thư tố giác tội phạm, thông báo số điện thoại công khai để nhân dân cung cấp tình hình tội phạm, duy trì thường xuyên chế độ trực nghiệp vụ. Từ đó, Viện kiểm sát nhân dân có thể trực tiếp khởi tố hoặc yêu cầu Cơ quan điều tra khởi tố nhiều vụ án về tội cướp giật tài sản để tiến hành điều tra, nâng cao tỷ lệ xử lý hình sự trong bắt giữ, chống bỏ lọt tội phạm, đẩy nhanh tiến độ giải quyết án.

Các Viện kiểm sát nhân dân chủ động bàn bạc với các cơ quan tiến hành tố tụng xác định các vụ án trọng điểm để tập trung chỉ đạo điều tra, truy tố, xét xử nhanh nhằm phục vụ yêu cầu chính trị của các địa phương. Viện kiểm sát cần tích cực phối hợp với Toà án nhân dân tổ chức các phiên toà lưu động nhằm thông qua việc thực hành quyền công tố đối với những vụ án này để tuyên truyền, giáo dục nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của nhân dân.

Để nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, Viện Kiểm sát cần phải triển khai nghiên cứu một số chuyên đề nhằm tổng kết thực tiễn, đúc rút kinh nghiệm từ những vụ việc cụ thể để phổ biến rộng rãi. Cần có các quy định pháp luật về trách nhiệm phòng ngừa tội phạm của Viện kiểm sát nhân dân. Phải có Chương trình tổng thể về phòng ngừa tội phạm và xây dựng những chuẩn mực rõ ràng trong công tác phòng ngừa tội phạm trong hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân.

c) Đối với toà án các cấp

Toà án nhân dân các cấp cần phát huy việc đưa ra xét xử công khai, xét xử lưu động nhiều hơn nữa những vụ án cướp giật tài sản. Công tác này phát huy tính giáo dục trong quần chúng nhân dân, ngăn chặn và răn đe những đối tượng đang manh nha hành vi cướp giật khi thấy cái giá phải trả là quá đắt.

Toà án cần phải tuyển chọn những người vừa có đức vừa có tài có như vậy mới xứng đáng là người nhân danh Nhà nước đưa ra các phán quyết bảo đảm sự công minh của pháp luật để người dân “tâm phục khẩu phục”, tạo được niềm tin vào chế độ, vào Đảng và Nhà nước góp phần ổn định trật tự xã hội.

Toà án thông qua các vụ xét xử phát hiện sớm những nguyên nhân và điều kiện, những hiện tượng tiêu cực của xã hội, những sơ hở trong công tác quản lý nhà nước cũng như các phương thức, thủ đoạn phạm tội mới của tội phạm, để phối hợp với các cơ quan chức năng khác trong phòng ngừa tội phạm, qua xét xử lưu động ở các địa bàn dân cư có nhiều tội phạm để tuyên truyền ý thức cảnh giác, nâng cao hiểu biết pháp luật cho nhân dân.

Khi xét xử toà án phải quán triệt nguyên tắc xét xử quy định tại Điều 3 BLHS:

1. *“Mọi hành vi phạm tội phải được pháp hiện kịp thời, xử lý nghiêm minh theo đúng pháp luật.*

2. *Mọi người phạm tội đều bình đẳng trước pháp luật, không phân biệt nam, nữ, dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo, thành phần, địa vị xã hội.” ...*

Đặc biệt đối với người chưa thành niên thực hiện tội cướp giật tài sản khi xét xử toà án phải quán triệt thêm chương X - BLHS: Những quy định đối với người chưa thành niên và chương XXXII – BLTTHS : Thủ tục tố tụng đối với người chưa thành niên. Đây là chính sách mang tính nhân đạo của Đảng và Nhà nước ta, dựa trên quan điểm người chưa thành niên là người pháp

triển chưa đầy đủ về tâm sinh lý, về nhận thức còn kém, dễ cải tạo và là nguồn nhân lực đóng góp xây dựng cho nước nhà trong tương lai.

Tòa án xét xử thường áp dụng mức hình phạt khoan hồng hơn so với quy định của BLHS đối với tội phạm cướp giật tài sản. Cần thiết, hình phạt nghiêm khắc như quy định của BLHS thì cũng đủ tác dụng răn đe.

Cần đào tạo những thẩm phán chuyên xét xử những vụ án người chưa thành niên có chuyên môn hiểu biết về tâm sinh lý và khoa học giáo dục của người chưa thành niên phạm tội. Để trong tương lai khi xây dựng một hệ thống tư pháp cho người chưa thành niên đây sẽ chính là những lực lượng nòng cốt pháp huy.

4.2.2. Các biện pháp ngăn chặn tội cướp giật tài sản

Hệ thống các biện pháp ngăn chặn tội phạm bao gồm những biện pháp ngăn chặn không cho tội phạm xảy ra, những biện pháp không cho tội phạm được thực hiện đến cùng, những biện pháp không để xảy ra tái phạm, những biện pháp thống kê hình sự - thống kê tư pháp.

Biện pháp ngăn chặn tội phạm có mục đích tác động trực tiếp đến những hoàn cảnh có khả năng phát sinh tội phạm, những đối tượng đã phạm tội và đối tượng đã được thống kê để quản lý tránh trường hợp họ tiếp tục phạm tội.

4.2.2.1. Các biện pháp ngăn chặn không cho tội phạm xảy ra

a) Biện pháp kiểm soát những người nghiện ma túy.

Theo số liệu chưa đầy đủ, số tội phạm cướp giật tài sản nghiện ma túy chiếm 33,4% trong tổng số tội phạm cướp giật tài sản phạm. Khắc phục tình trạng người nghiện ma tham gia cướp giật tài sản cần phải có biện pháp quản lý những người nghiện, đưa họ đi cai nghiện bắt buộc và sau khi cai nghiện trở về phải quản lý bằng các hình thức tạo công việc và kiểm tra giám sát các mối quan hệ, không để họ tái nghiện.

Đẩy mạnh công tác xây dựng xã, phường lành mạnh không có tệ nạn ma túy, mại dâm, khắc phục tình trạng lỏng lẻo kiểm soát sau cai nghiện. Lực lượng nhân sự phòng chống tệ nạn xã hội, quản lý người sau cai nghiện tại địa phương hiện cần bố trí người chuyên trách và cho hưởng thêm phụ cấp trách nhiệm để thu hút đội ngũ cán bộ ổn định, an tâm với nhiệm vụ phức tạp này.

Nghị định, thông tư chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Phòng chống ma túy đã có hiệu lực, nhất là các vấn đề quản lý sau cai nghiện phải thực hiện một cách triệt để.

b) Phát huy vai trò của nhân dân và các tổ chức trong phòng ngừa tội cướp giật tài sản

Chủ chương của Đảng và Nhà nước ta là xây dựng một nhà nước Việt Nam dân giàu nước mạnh, xã hội văn minh, công bằng, nhân dân được ấm no và được sống trong môi trường trật tự xã hội an toàn. Do đó, khi diễn biến tình hình tội phạm nói chung và tội cướp giật tài sản nói riêng xuất hiện nhiều thủ đoạn, hành vi nguy hiểm cho xã hội trở nên nghiêm trọng thì cần phải có sự đóng góp tích cực của các cấp, các ngành và mọi thành phần trong xã hội. Đấu tranh phòng, chống tội phạm là trách nhiệm và nghĩa vụ của toàn Đảng, toàn dân với những mức độ và cách thức khác nhau.

Hơn nữa, Hiến pháp Việt Nam năm 1992 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2001) đã ghi nhận: *“Các cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân và mọi công dân phải nghiêm chỉnh chấp hành Hiến pháp, pháp luật, đấu tranh phòng ngừa và chống các tội phạm, các vi phạm Hiến pháp và pháp luật”*

Như vậy, các cơ quan đoàn thể của Nhà nước, các tổ chức xã hội, lực lượng Công an nhân dân và mọi công dân phải có trách nhiệm đối với công cuộc đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm ở nước ta hiện nay. Vấn nạn cướp giật xuất phát từ nhiều nguyên nhân, do đó đòi hỏi phải có sự tham gia

từ nhiều phía, nhiều góc độ, nhiều ban, ngành chức năng và vai trò trọng yếu của các bậc phụ huynh.

Công an muốn tấn công trấn áp tội phạm đạt được hiệu quả cao thì nhân dân phải là tai mắt của công an. Chính quyền và ngành Công an phải có ngay biện pháp trấn áp tội phạm quyết liệt, kết hợp siết chặt việc quản lý những đối tượng có thể thuộc nhóm nguy cơ gây ra nạn cướp giết trên đường phố, cùng lúc phải quản lý nhân khẩu hộ khẩu chặt chẽ hơn để hạn chế tối đa tội phạm.

Hiện nay có một thực tế ở một số nơi lực lượng công an khu vực còn thiếu, không bảo đảm nhân lực cho công tác phòng chống tội phạm cướp giết đạt chất lượng. Trong khi đó, cơ quan công an phải là lực lượng nòng cốt trong phòng ngừa và chống tội cướp giết tài sản. Do đó, lực lượng công an cần nâng cao nghiệp vụ, phải nắm bắt thực trạng tình hình tội cướp giết tài sản để xây dựng các chuyên đề phòng ngừa và các chuyên án chống tội cướp giết tài sản. Lực lượng công an phải có đạo đức tốt, phải tận tụy vì nhân dân. Phải lập các đội chuyên biệt có những chính sát giỏi để thực hiện công tác điều tra cơ bản là khâu mở đầu, xác định khoanh vùng các đối tượng cần phải tập trung quản lý. Phải thiết lập lực lượng đặc nhiệm, cơ động tuần tra, truy bắt và những nhóm công tác hoạt động ráo riết ở những địa bàn thường hay xảy ra cướp giết tài sản.

Quần chúng nhân dân là tai mắt cho lực lượng công an, vừa phải là những nhân tố tích cực trong phòng ngừa tội phạm, bằng cách mọi người dân phải nâng cao ý thức cảnh giác, chủ động phòng ngừa. Giải pháp chủ động và có thể làm ngay đó là người dân cảnh giác khi mang theo tài sản ra đường. Nếu không thật cần thiết thì không nên đeo trang sức quý khi ra đường, không nghe điện thoại khi đang đi xe, thậm chí khi dừng xe bên lề đường cũng phải chọn địa điểm an toàn, túi xách nên bỏ vào cốp xe, vận chuyển tài sản lớn nên đi xe hơi. Tội phạm cướp giết tài sản thực hiện hành vi khi nạn nhân mất cảnh

giác nên việc tôn trọng quy tắc an toàn giao thông và sinh hoạt hàng ngày vừa bảo vệ mình, vừa ngăn ngừa được tội phạm.

4.2.2.2. Các biện pháp ngăn chặn không cho tội phạm thực hiện đến cùng

Ngày 3/8/2011, Công an thành phố Hà Nội thành lập lực lượng liên ngành với nhiệm vụ trọng tâm: kiểm tra, xử lý các đối tượng điều khiển mô tô, xe máy lạng lách đánh võng, chở người sai quy định, mang theo vũ khí khi tham gia giao thông. Tên của đơn vị này được lấy theo quyết định thành lập của Công an Hà Nội, từ đó, cái tên 141 ra đời. Kể từ ngày đầu thành lập cho đến nay, lực lượng 141 liên tục duy trì 5 đơn vị được đánh số từ Y1 đến Y5. Mỗi Y có từ 15 đến 25 thành viên đến từ Phòng cảnh sát giao thông, Phòng cảnh sát hình sự, Trung đoàn cảnh sát cơ động Công an thành phố. Các chiến sĩ tham gia 141 đều giỏi về nghiệp vụ, bản lĩnh tốt, võ thuật cao cường, đã công tác lâu năm trong ngành. Sau nhiều năm thực hiện công tác phòng chống tội phạm, có lẽ đây là một “phát minh” mới của lực lượng công an nhân dân Hà nội, đã đem lại nhiều thành tích và kết quả xuất sắc trong công tác ngăn chặn tội phạm ở Hà Nội trong đó tội phạm cướp giật tài sản. Thông qua công tác này đã thu giữ nhiều xe máy không có đăng ký và xe đục lại số khung, số máy các xe tang vật của các vụ án, những đối tượng sử dụng các loại xe máy này hầu hết là các đối tượng “bất hảo” có nguy cơ phạm tội cướp giật tài sản cao.

Ngành Công an cần phải tuyển thêm lực lượng trong hoạt động trấn áp tội phạm để thích ứng với tình hình thực tế, Nhân rộng mô hình tổ công tác 141 do lãnh đạo Công an TP.Hà Nội triển khai thực hiện, bao gồm sự phối kết hợp giữa lực lượng cảnh sát hình sự, cảnh sát cơ động và cảnh sát giao thông trên địa bàn.

Trấn áp, ngăn chặn cướp giật tài sản bằng ý thức cộng đồng. Trong phần lớn trường hợp, chúng đều có thể thoát thân an toàn cùng với đồ vật cướp giật được vì căn bản chỉ phải đối phó với nạn nhân vốn ở thế hoảng loạn về tâm lý, dù nạn nhân có khỏe mạnh, nhanh nhẹn cũng không kịp phản ứng, không những thế nạn nhân của tội cướp giật tài sản đa số là nữ giới. Rất nhiều vụ cướp giật xảy ra trên đường phố lúc đông người giữa ban ngày mà nạn nhân cứ như đang một mình trên sa mạc, trong đêm đen, cho dù truy hô cũng không có ai cứu giúp. Cần tuyên truyền giáo dục cho mỗi công dân phải có ý thức cộng đồng để tham gia có hiệu quả vào đội ngũ chống cướp giật vào lúc cần thiết. Đồng thời phát huy biện pháp tổ chức thành lập các đội “hiệp sĩ” và xây dựng khung pháp lý, tài chính và kỹ thuật cho mô hình mới này.

Đối với các cơ sở kinh doanh cần lắp đặt các thiết bị bảo vệ và luôn luôn cảnh giác khi phát hiện có dấu hiệu nghi vấn phải bằng nhiều biện pháp ngăn chặn không để cho bọn chúng thực hiện đến cùng, phải báo cho công an kịp thời không chể tội phạm. Khi bị cướp giật nạn nhân phải nhanh trí phối hợp, thông tin khéo léo cho nhiều người biết để nhận được sự hỗ trợ của mọi người tránh gây tổn thất về vật chất và sức khỏe, tính mạng.

4.2.2.3. Các biện pháp ngăn chặn không cho tái phạm

Khắc phục hiện tượng tái phạm, tái phạm nguy hiểm không để cho những người đã phạm tội cướp giật tài sản “ngựa quen đường cũ”, quay trở lại phạm tội cướp giật tài sản, Nhà nước cần phải có chính sách và nhiều biện pháp cụ thể.

Con số 5% tái phạm, tái phạm nguy hiểm chưa phản ánh đúng thực chất của sự quay trở lại phạm tội cướp giật. Trong BLHS - Điều 136. Tội cướp giật tài sản- khoản 2- c) Tái phạm nguy hiểm; khung hình phạt tăng nặng chỉ có tái phạm nguy hiểm, do đó những trường hợp tái phạm không được thống kê.

Nghiên cứu về sự quay trở lại phạm tội tính chất hành vi sẽ nguy hiểm hơn nhiều, mặt khác những người đã từng bị kết án thường mặc cảm và bị mọi người xa lánh, khó hòa nhập. Vì vậy, các cấp cơ sở phải nắm chắc tâm tư nguyện vọng, năng lực của họ, tạo cho họ phát huy những năng lực vốn có của họ. Thường xuyên giáo dục đạo đức và thức tỉnh lòng tự trọng trong họ hướng họ tới những giá trị mang tính nhân văn. Tạo việc làm và giám sát công việc của họ thường xuyên, giúp đỡ kịp thời khi họ gặp khó khăn hoặc gặp những tình huống dễ quay trở lại con đường phạm tội.

UBND Xã, phường phải là cơ quan trực tiếp chịu trách nhiệm về hiện tượng quay trở lại phạm tội và tái phạm của những người ở địa phương mình quản lý. Hàng tháng định kỳ phải có những báo cáo về tình hình người được hưởng án treo, người sau cải tạo trở về địa phương để có những hỗ trợ khó khăn về vật chất và tinh thần. Đặc biệt là để ngăn chặn kịp thời không để xảy ra hiện tượng tái phạm. Cơ bản nhất là phải tạo được việc làm có thu nhập ổn định, phải thường xuyên giáo dục và cách ly họ khỏi các đối tượng xấu, đối tượng nghiện ma túy

KẾT LUẬN CHƯƠNG 4

Đấu tranh phòng, chống tội phạm cướp giật tài sản phải nâng cao chất lượng toàn diện; củng cố và phát triển chất lượng phong trào quần chúng bảo vệ an ninh quốc gia, hoàn thành nhiệm vụ đấu tranh trấn áp và đẩy lùi tội phạm; tạo điều kiện để đất nước phát triển bền vững. Phải đánh giá đúng tình hình tội phạm cướp giật tài sản, chỉ ra nguyên nhân, điều kiện phạm tội, những khuyết điểm, vướng mắc và những bài học kinh nghiệm trong công tác phòng chống tội phạm cướp giật tài sản, từ đó đề ra mục tiêu, yêu cầu cần đạt được trong tình hình mới.

Công tác đấu tranh phòng chống tội phạm cướp giật tài sản bao gồm năm nội dung chính. Đó là việc đưa ra các biện pháp kinh tế - xã hội, giáo dục tư tưởng nhằm tác động ở những mức độ nhất định, nguyên nhân điều kiện của tội phạm và các giải pháp đấu tranh trực diện, các biện pháp về mặt pháp luật trong đó có vấn đề xây dựng pháp luật và tuyên truyền pháp luật, biện pháp nâng cao hoạt động của các cơ quan tư pháp hình sự trong việc điều tra, truy tố, xét xử và cải tạo người phạm tội, các biện pháp nâng cao các hoạt động đấu tranh của quần chúng, sự tham gia của quần chúng nhân dân trong việc phòng ngừa, phát hiện, xử lý tội phạm, giám sát, giáo dục người phạm tội. Các biện pháp nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ của các cơ quan bảo vệ pháp luật. Hệ thống các cơ quan tư pháp cần hợp tác chặt chẽ, có nhận thức đúng tình hình tội phạm và thống nhất chế tài xử lý; phải đánh giá đúng tình hình tội phạm cướp giật tài sản trong thời gian qua để tham mưu cho Đảng, Nhà nước xây dựng các chủ trương, chính sách pháp luật có hệ thống chặt chẽ, phù hợp bảo đảm tạo cơ sở cho công tác phòng ngừa và xử lý tội phạm cướp giật tài sản.

Nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống tội phạm cướp giật tài sản cho các cơ quan lập pháp, hành pháp và hệ thống các cơ quan tư pháp phải chú trọng

ngiên cứu, dự báo tình hình tội phạm cướp giật tài sản; chủ động xây dựng chiến lược phòng, chống tội phạm cướp giật tài sản từ những nguyên nhân kinh tế, xã hội và những tác động mang tính quốc tế.

Nghiên cứu về các biện pháp loại trừ tội phạm và các biện pháp ngăn chặn tội phạm, trên cơ sở lý luận phòng ngừa tình hình tội phạm dưới góc độ tội phạm học như hiện nay chúng ta có đủ “vũ khí” để nghiên cứu tìm ra các biện pháp phòng ngừa tình hình tội phạm cướp giật tài sản một cách hữu hiệu nhất.

Luận án đưa ra một số những kiến nghị với Đảng và Nhà nước các biện pháp phòng ngừa tội cướp giật tài sản. Các biện pháp loại trừ tội cướp giật tài sản bao gồm: Các biện pháp kinh tế, các biện pháp xã hội, các biện pháp văn hóa, các biện pháp giáo dục, các biện pháp quản lý, các biện pháp pháp lý, các biện pháp tổ chức. Các biện pháp ngăn chặn tội cướp giật tài sản là các biện pháp ngăn chặn không cho tội phạm xảy ra, các biện pháp ngăn chặn không cho tội phạm thực hiện đến cùng và các biện pháp ngăn chặn không cho tái phạm

Các cấp, các ngành phải phối hợp đưa ra nhiều biện pháp nhằm làm ổn định trật tự an ninh và có chính sách quan tâm đến đời sống của nhân dân, luôn tìm các biện pháp để nâng cao chất lượng cuộc sống cho nhân dân.

Các biện pháp đấu tranh phòng chống tội cướp giật tài sản cần nhiều chủ thể phải tham gia, căn cứ vào tình hình thực tế ở những địa điểm có khả năng làm phát sinh tội phạm cướp giật tài sản, để có tác động trực tiếp đến những hoàn cảnh đó và vào những đối tượng đã phạm tội cướp giật tài sản và đối tượng đã được thống kê để quản lý ngăn chặn họ tiếp tục phạm tội cướp giật tài sản. Phát động nhiều phong trào nhằm mục đích phòng chống tội phạm cướp giật tài sản. Các tổ chức xã hội như hội phụ nữ cũng phải tham gia đóng góp trong đấu tranh phòng chống tội phạm cướp giật tài sản. Công an các tỉnh, thành phố đưa công tác phòng, chống tội phạm phải trở thành hành động tích cực và trách

nhiệm của toàn xã hội dưới sự lãnh đạo của các cấp uỷ Đảng, sự quản lý của chính quyền các cấp là yêu cầu cấp bách.

Coi công tác tuyên truyền là một nhiệm vụ thiết thực, các phương tiện thông tin đại chúng như vô tuyến truyền hình, đài phát thanh, phát thanh của xã phường cũng là một công cụ hữu hiệu trong công tác đấu tranh phòng chống tội cướp giật tài sản. Ngoài việc phổ biến pháp luật, công an phải thường xuyên cảnh báo cho người dân biết các vụ án điển hình để cho quần chúng nhân dân biết các thủ đoạn, phương thức phạm tội cướp giật tài sản, để nhân dân có biện pháp tự đề phòng. Tòa án nhân dân quận, huyện, trong thành phố thường xuyên tổ chức mở các phiên toà xét xử các vụ án lưu động tại các địa bàn dân cư hay có các vụ án xảy ra với ý nghĩa răn đe chung và cả ý nghĩa phục vụ công tác đấu tranh phòng chống tội phạm cướp giật tài sản.

Phải tích cực và chủ động tiến hành nhiều biện pháp phòng ngừa xã hội, phát huy vai trò của nhân dân và các ngành, các cấp chủ động tránh buông lỏng quản lý để tội phạm có thể lợi dụng, góp phần kiềm chế sự gia tăng tình hình tội cướp giật tài sản.

Chính quyền địa phương phải giám sát đối với người được hưởng án treo và những người sau khi thụ án trở về. Khắc phục tình trạng thiếu khách quan trong giai đoạn tố tụng đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của người phạm tội. Việc quản lý nhân khẩu, quản lý Nhà nước về các cửa hàng internet, hàng cầm đồ, các cửa hàng vàng bạc, ngân hàng một cách chặt chẽ thấu đáo.

Phòng ngừa tội phạm cướp giật tài sản là hoạt động của toàn xã hội, trên cơ sở tình hình tội phạm, tìm ra các nguyên nhân phát sinh ra tội phạm để khắc phục, cũng như để ngăn chặn, đẩy lùi và tiến tới loại bỏ tội phạm ra khỏi đời sống xã hội một cách chủ động.

KẾT LUẬN

1. Sau hơn 25 năm đổi mới, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nền kinh tế nước ta đã có những bước tiến vững vàng, tạo đà và thế cho sự phát triển mới của đất nước. Chúng ta có thể tự hào khẳng định, kinh tế Việt Nam những năm qua đạt được nhiều thành tựu to lớn. Bên cạnh những thành tựu đạt được đáng ghi nhận là tình hình tội phạm có diễn biến phức tạp với tính chất ngày càng nguy hiểm và gia tăng, trong đó tội cướp giật tài sản chiếm một tỷ lệ cao, góp phần vào mất trật tự an ninh xã hội, gây hoang mang, làm giảm chất lượng cuộc sống cho quần chúng nhân dân.

Tình hình cướp giật tài sản lộng hành đã kéo dài trong nhiều năm, số lượng bị cáo đưa ra xét xử sơ thẩm trên toàn quốc năm sau cao hơn năm trước. Diễn biến, mức độ, động thái, tính chất và thủ đoạn của hành vi cướp giật tài sản ngày càng phức tạp và nguy hiểm, manh động. Cuộc sống của người dân bất an.

Mặc dù đã có nhiều công trình nghiên cứu đấu tranh phòng chống tội cướp giật tài sản nhưng hầu hết các công trình đó tiếp cận theo góc độ điều tra tội phạm và Luật hình sự chưa có công trình nào nghiên cứu trên cơ sở tội phạm học một cách sâu sắc. Do đó, nhiệm vụ của luận án này dựa trên các cơ sở số liệu từ năm 2001-2012 của TANDTC cung cấp, 220 bản án hình sự sơ thẩm xét xử về tội cướp giật tài sản và bằng các phương pháp điều tra xã hội học để đi sâu nghiên cứu tình hình tội cướp giật tài sản, nguyên nhân và điều kiện, nhân thân người phạm tội cướp giật tài sản và đưa ra các giải pháp phòng ngừa đối với loại tội này

2. Theo số liệu thống kê của Tòa án nhân dân tối cao, tội cướp giật tài sản năm 2001 có số vụ là 1924, số bị cáo là 3275 nhưng đến 2009 con số này

đã lên tới số vụ 3275, bị cáo là 5641, như vậy chín năm sau số vụ tăng 170%. Đặc biệt trong 3 tháng đầu năm 2012 trung bình mỗi tháng ở TPHCM xảy ra 30 vụ cướp giật tài sản. Trong đó, tình trạng những người thất nghiệp chiếm gần 90% tội cướp giật tài sản, người nghiện ma túy, người tái phạm, tái phạm nguy hiểm và người chưa thành niên cũng là những đối tượng tham gia rất nhiều. Số nam thanh niên ở độ tuổi lao động chiếm 92% số tội phạm cướp giật tài sản. Bọn chúng dùng nhiều thủ đoạn để thực hiện hành vi cướp giật những tài sản có giá trị lớn, địa điểm bọn chúng lựa chọn là những nơi như Ngân hàng, cửa hàng vàng, cửa hàng đồ hiệu đắt tiền, cây rút tiền, hàng cầm đồ và những nơi vắng vẻ, những nơi buông lỏng quản lý, buông lỏng công tác đấu tranh phòng, chống tội cướp giật tài sản ... Phụ nữ là mục tiêu của bọn tội phạm cướp giật tài sản.

3. Với tính chất hành vi của tội cướp giật tài sản là lợi dụng sơ hở để chiếm đoạt tài sản sau đó nhanh chóng tẩu thoát, do đó số tội phạm ẩn rất lớn với tỉ lệ 1:1 tức là số tội phạm không bị xét xử chiếm 50%. Có những tên thực hiện hơn 30 vụ rồi mới bị bắt. Hành vi cướp giật tài sản dễ dàng mà không bị phát hiện, do đó có nhiều người được giáo dục tốt và người nước ngoài, người dân tộc, phụ nữ cũng tham gia cướp giật tài. Cá biệt còn có cả những người là Đảng viên, là cán bộ nhà nước bị bạn bè xấu rủ rê cũng đi cướp giật.

Phương tiện bọn cướp giật tài sản sử dụng là xe máy, chiếm 90%, vì xe máy là công cụ có tính năng giúp cho bọn tội phạm nhanh chóng tẩu thoát sau khi thực hiện hành vi cướp giật. Tuy nhiên, quản lý đăng ký xe máy chưa tốt, hiện tượng chuyển nhượng, mua bán không sang tên đổi chủ rất phổ biến, do đó nhiều trường hợp bọn cướp giật khi bị đuổi bắt bỏ lại xe máy là tang vật vụ án nhưng công an không thể điều tra được .

4. Nguyên nhân và điều kiện gây ra tình hình cướp giật tài sản như hiện nay là do tồn tại của những yếu tố yếu kém và mặt trái của nền kinh tế tác

động. Tình trạng quản lý nhà nước chưa theo kịp với sự phát triển mọi mặt trong xã hội. Như quản lý về nhân khẩu chưa tốt, công an chưa nắm bắt được số lượng nhân khẩu tại địa phương mình, tạo kẽ hở cho tội phạm ẩn náu. Chưa có hình thức quản lý, người được hưởng án treo, người sau cai nghiện, người sau khi đi cải tạo về địa phương dẫn đến tình trạng tái nghiện, tái phạm nguy hiểm cao. Số người này quay trở lại thực hiện tội cướp giết tài sản rất lớn.

Quản lý Nhà nước đối với các cơ sở kinh doanh của hàng internet, kinh doanh nhà nghỉ, kinh doanh vàng, cầm đồ, cho thuê xe máy chưa có biện pháp tích cực để nâng cao ý thức trách nhiệm và ý thức đấu tranh phòng, chống tội phạm nói chung trong đó có tội cướp giết tài sản.

Văn hóa phẩm đồi trụy, bạo lực và các trò chơi điện tử chưa quản lý được, đã tác động xấu đến giới trẻ và đến những người có thói quen ăn chơi hưởng thụ, lười lao động và nhận thức sai lệch là nguyên nhân góp phần vào sự gia tăng tội cướp giết tài sản.

Hệ thống giáo dục còn nhiều yếu kém như phẩm chất của giáo viên không gương mẫu, chương trình giảng dạy không phù hợp, phương pháp giáo dục còn mắc bệnh thành tích. Đây là nguồn nguyên nhân dẫn đến trẻ hóa tội phạm và hình thành nhân cách lệch chuẩn.

Công tác tư pháp còn tồn tại nhiều tiêu cực, một số thẩm phán, điều tra viên, kiểm sát viên làm giảm đi ý nghĩa và mục đích của pháp luật. Luật quy định về tội cướp giết tài sản còn nhiều bất cập, dẫn đến không thống nhất và nhất quán trong áp dụng. Nhiều lúc nhiều nơi còn bị lợi dụng những bất cập này để làm sai lệch nhằm mục đích tư lợi.

Bản thân những người có tài sản trong nhiều trường hợp đã là tác nhân gây cho những người vốn sẵn có những ý thức sai lầm về hành vi bị kích thích bởi sự sơ hở để họ thực hiện hành vi cướp giết.

5. Trên cơ sở “bức tranh” toàn cảnh về tình hình tội cướp giật tài sản đã phân tích để đưa ra những kiến nghị về các biện pháp phòng, chống tội cướp giật tài sản cho những năm tới.

Trong những năm tới, nước ta sẽ phải chịu rất nhiều khó khăn từ ảnh hưởng của tình hình kinh tế thế giới suy thoái và những tồn tại các yếu tố yếu kém làm phát sinh tình hình tội cướp giật tài sản. Do đó, “Đấu tranh phòng, chống tội cướp giật tài sản” đòi hỏi các ngành, các cấp và toàn dân phải nâng cao ý thức trách nhiệm trong phòng ngừa tội phạm. Khắc phục những yếu kém trong quản lý nhà nước ở các lĩnh vực kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục, tư pháp và khắc phục những bất cập về pháp luật.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 1 220 Bản án hình sự sơ thẩm xét xử tội “cướp giật tài sản”.
- 2 Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương khóa X tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng, Báo điện tử Chính phủ, ngày 18/3/2012
- 3 Báo cáo kết quả thực hiện chương trình hành động phòng, chống tội phạm buôn bán phụ nữ, trẻ em năm 2009
- 4 Báo cáo kết quả thực hiện chương trình hành động phòng, chống tội phạm buôn bán phụ nữ, trẻ em năm 2010
- 5 Báo cáo tình hình, kết quả thực hiện Nghị quyết 09/CP, chương trình quốc gia phòng chống tội phạm năm 2009 của Ban chỉ đạo 138/CP
- 6 Báo cáo tình hình, kết quả thực hiện Nghị quyết 09/CP, chương trình quốc gia phòng chống tội phạm năm 2010 của Ban chỉ đạo 138/CP
- 7 Báo cáo tình hình, kết quả thực hiện Nghị quyết 09/CP, chương trình quốc gia phòng chống tội phạm năm 2011 của Ban chỉ đạo 138/CP
- 8 Báo Dân Trí đăng bài “ *Đứng giữa công an bức xúc... công an*” ngày 01/07/2011
- 9 Báo điện tử **VTC News**, ngày 28/03/2012, Cướp trên phố Sài Gòn manh động cỡ nào? <http://vtc.vn/2-327371/xa-hoi/video-cuop-tren-pho-sai-gon-manh-dong-co-nao.htm>
- 10 BLHS của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1985 (1990) Nhà xuất bản Pháp lý, Hà Nội.
- 11 BLHS của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1999 (1999) Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- 12 BLTTHS nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt nam (2000), Nhà xuất

- bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- 13 BLTTHS nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt nam (2004), Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
 - 14 C.Mác và Ph.Ăngghen, Tuyển tập, tập 3 (1978), Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
 - 15 Công ước quốc tế về quyền trẻ em năm 1989 của Liên hợp quốc.
 - 16 Chủ tịch Hồ Chí Minh với tư cách là người đứng đầu nhà nước đã ký sắc lệnh số 47/ SL ngày 10/10/ 1945
 - 17 Đại học luật Hà Nội, 2001, Giáo trình Luật Hình sự , Nxb Công an nhân dân
 - 18 Đại học luật Hà Nội, 2008, Giáo trình Tội phạm học, Nxb Công an nhân dân
 - 19 Đại học luật Hà Nội, 2012, Giáo trình Tội phạm học, Nxb Công an nhân dân
 - 20 Đảng Cộng Sản Việt Nam (2011). Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
 - 21 Đào tạo kiểm sát viên làm việc với người chưa thành niên làm trái pháp luật – Trường cao đẳng Kiểm sát Hà Nội
 - 22 Đào Trí Úc (1997), Nhà nước và pháp luật chúng ta trong sự nghiệp đổi mới. Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội.
 - 23 Đào Trí Úc (2000), Luật hình sự Việt nam. Những vấn đề chung, quyển I. Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội.
 - 24 Đào Trí Úc và Võ Khánh Vinh, 2003, Giám sát và Cơ chế Giám sát việc thực hiện quyền lực Nhà nước, NXB Công an nhân dân.
 - 25 Đào Trí Úc, Chủ biên(1994), Tội phạm học, luật hình sự và tố tụng hình sự Việt nam, Nhà xuất bản Chính trị Quốc Gia, Hà Nội.

- 26 Đào Trí Úc. Chủ biên. 1993, Mô hình lý luận về BLHS Việt Nam (phần chung), Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội.
- 27 Đỗ Kim Tuyền, Đấu tranh phòng, chống tội phạm cướp giết tài sản trên địa bàn Hà Nội, Luận án tiến sĩ luật học, 2001, tr103
- 28 Đỗ Ngọc Quang 1999, Giáo trình tội phạm học , NXB Đại học quốc gia
- 29 Guest, Philip (1998), Sự năng động của di cư trong nước ở Việt Nam, Báo cáo thảo luận số 1 của Chương trình phát triển Liên hiệp quốc
- 30 H.N.Barte, GOstaptzeff, 2004, Tội phạm học lâm sàng, NXB Công an nhân dân
- 31 Hà Như Vinh, 1969,Hình luật – đặc biệt Việt Nam
- 32 Hiến pháp 1992 sửa đổi, NXB chính trị quốc gia
- 33 Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt nam (1992), Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- 34 Hồ Trọng Ngũ 2001- Một số vấn đề cơ bản về chính sách hình sự dưới ánh sáng Nghị quyết Đại hội IX của Đảng, NXB Chính trị quốc gia
- 35 Hồ Trọng Ngũ, 2006, Tội phạm có tổ chức lịch sử và vấn đề hôm nay, NXB Công an Nhân dân .
- 36 Hồ Trọng Ngũ, 2010, Đặc điểm tội phạm học tội phạm kinh tế và các biện pháp phòng ngừa, NXB Học viện cảnh sát nhân dân
- 37 http://vi.wikipedia.org/wiki/ly_trí
- 38 http://vi.wiktionary.org/wiki/ý_chí
- 39 <http://vnexpress.net/gl/phap-luat/2011/06/cuop-tui-xach-dung-100-luong-vang>
- 40 <http://vtc.vn/7-325975/phap-luat/cuop-tien-ty-cua-khach-ngan-hang-va-tiem-vang.htm>

- 41 Hướng dẫn thực hành các tiêu chuẩn quốc tế liên quan đến tư pháp người chưa thành niên (2000) -Nxb Chính trị quốc gia
- 42 Hướng dẫn thực hành các tiêu chuẩn quốc tế liên quan đến tư pháp người chưa thành niên (2000)-Nhà xuất bản Chính trị quốc gia
- 43 Khoa luật Đại Học Quốc gia Hà Nội (2002), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (phần chung)*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội.
- 44 Khoa luật Đại Học Quốc gia Hà Nội (2002), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (phần chung)*, Nhà xuất bản Đại học quốc gia Hà Nội.
- 45 Lê Cẩm, Các nghiên cứu chuyên khảo về phần chung Luật hình sự, Tập 1. Nxb.CAND, H. 2000, tr. 98
- 46 *Luật chăm sóc và giáo dục trẻ em* (2005), Nxb Tư pháp.
Luật chăm sóc và giáo dục trẻ em (2005), Nhà xuất bản Tư pháp.
- 47 Mác – Ăngghen , tập 13, NBX Sự thật 1986
- 48 Macarencô, *Giáo dục trong thực tiễn* (1976), Nxb Thanh Niên, Hà Nội.
- 49 Nghị quyết số 09/NQ – CP ngày 31/07/1998 của Chính phủ về “Tăng cường công tác phòng chống tội phạm trong tình hình mới”
- 50 Nghị quyết số 138 /QĐ - TTG ngày 31/07/1998 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình quốc gia phòng chống tội phạm và các đề án cụ thể
- 51 Nguyễn Đình Đăng Lục (2005) Vai trò của pháp luật trong quá trình hình thành nhân cách - Nhà xuất bản Tư Pháp
- 52 Nguyễn Đức Quân, 2006, Luận văn thạc sĩ “*Tội cướp giật tài sản trên địa bàn thành phố Hà nội: Một số khía cạnh pháp lý và tội phạm học*”
- 53 Nguyễn Hồng Vinh, 2007, Hoạt động phòng ngừa của Viện kiểm sát nhân dân, NXV Tư pháp

- 54 Nguyễn Ngọc Nhuận, Nguyễn Tá Nhi, dịch 1991, Luật Hình triều Lê – Quốc Triều Hình luật- NXB Pháp lí
- 55 Nguyễn Xuân Yêm (2001), Tội phạm hiện đại và phòng ngừa tội phạm, Nhà xuất bản Công an nhân dân, Hà Nội.
- 56 Phạm Hồng Hải (2000) “Các biện pháp tư pháp trong BLHS 1999 và vấn đề hoàn thiện BLTTHS về trình tự, thủ tục áp dụng các biện pháp đó”, Tạp chí luật học (số 10).
- 57 Phạm Hồng Hải. Chủ biên (2000), Tội phạm học Việt Nam. Một số vấn đề lý luận và thực tiễn. NXB Công an nhân dân, Hà Nội.
- 58 Phạm Minh Hạc, Tâm lý học (1992), NXB Giáo dục, Hà Nội.
- 59 Phạm Quốc Dũng, 2011, sách chuyên khảo “Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động điều tra tội phạm cướp giật tài sản của lực lượng cảnh sát điều tra về trật tự xã hội công an thành phố Hà Nội”
- 60 Phạm Văn Tĩnh, 2010, Đấu tranh với tình hình tội phạm chống người thi hành công vụ ở nước ta hiện nay, NXB Công an nhân dân
- 61 Phạm Văn Tĩnh, Cơ chế hành vi phạm tội cơ sở để xác định nguyên nhân và biện pháp phòng ngừa tội phạm, Tạp chí Kiểm sát, số 1/1996, tr 30
- 62 Phạm Văn Tĩnh, Một số vấn đề lý luận về tình hình tội phạm ở Việt Nam, NXB Tư Pháp, 2007
- 63 Phạm Văn Tĩnh, tạp chí Nhà nước và pháp luật số 4/2009
- 64 Phạm Văn Tĩnh, Tạp chí Nhà Nước và Pháp luật số 6/2008
- 65 Phạm Văn Tĩnh, Tạp chí Kiểm sát, số 1/1996, tr 18
- 66 Phạm Văn Tĩnh, Tạp chí Nhà nước và pháp luật số 6/2008 Tr 81
- 67 Pháp lệnh quy định việc trừng trị những tội phạm thuộc sở hữu xã hội chủ nghĩa 21/10/1970

- 68 Pháp lệnh Trừng trị các tội xâm phạm tài sản riêng của công dân 21/10/1970
- 69 Quốc triều hình luật, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995.
- 70 Quy tắc tiêu chuẩn tối thiểu của Liên hợp quốc về những biện pháp không giam giữ (Quy tắc TÔKIÔ)(2000) - Nxb Chính trị quốc gia.
- 71 Tạp chí kiểm sát số 1/1996
- 72 Tệ nạn xã hội ở Việt Nam thực trạng nguyên nhân và giải pháp, Đề tài KX.04.14, Tổng cục CSND, Bộ nội vụ, Nxb CAND, 1993.
- 73 Tội phạm học, luật hình sự và luật tố tụng hình sự Việt Nam- Viện nhà nước và pháp luật- Nhà xuất bản chính trị quốc gia 1994
- 74 Tội phạm học, luật hình sự và luật tố tụng hình sự Việt Nam- Viện nhà nước và pháp luật- Nhà xuất bản chính trị quốc gia 1994
- 75 Tội phạm ở Việt nam thực trạng nguyên nhân và giải pháp đề tài KX04.14 nhà xuất bản Công An nhân dân năm 1994 chủ biên – Lê Thế Tiêm
- 76 Tội phạm ở Việt Nam thực trạng nguyên nhân và giải pháp, Đề tài KX.04.14, Tổng cục CSND, Bộ Công an, 1994.
- 77 TS. Đinh Văn Thông , Di dân ngoại tỉnh vào thành phố Hà Nội- vấn đề và giải pháp – Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam, ngày 09/10/2010
- 78 Thời Báo kinh tế Sài Gòn, Bài toán giữ đất trồng lúa, ngày 22/12/2010
- 79 Trần Đức Châm(2002) Thanh, thiếu niên làm trái pháp luật thực trạng và giải pháp – Nhà xuất bản Chính trị quốc gia
- 80 Trần Văn Sơn (1997), Nhân thân người phạm tội. Một căn cứ để quyết định hình phạt, Tạp chí luật học (số 1).
- 81 Viện nghiên cứu khoa học pháp lý Bộ tư pháp (2000), Tăng cường năng lực hệ thống tư pháp người chưa thành niên tại Việt Nam.

- 82 Viện nghiên cứu thanh niên, *Ngăn chặn ảnh hưởng của văn hoá phẩm đồi trụy đối với thanh thiếu niên*, Nxb Thanh niên, 1997.
- 83 Võ Khánh Vinh (1990), Giáo trình luật hình sự Việt Nam phần chung. Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội.
- 84 Võ Khánh Vinh (1994), Nguyên tắc công bằng trong luật hình sự Việt Nam, Nhà xuất bản Công an nhân dân, Hà Nội.
- 85 Võ Khánh Vinh (2003), Giáo trình Tội phạm học. Nhà xuất bản Công an nhân dân.
- 86 Võ Khánh Vinh 2011, Giáo trình Lý luận chung về định tội danh, Nxb Công an nhân dân
- 87 Võ Khánh Vinh 2011, Giáo trình Xã hội học pháp lý, Nxb Công an nhân dân
- 88 Võ Khánh Vinh, 2004, Bình luận khoa học Bộ luật tố tụng hình sự, NXB Công an nhân dân
- 89 Võ Khánh Vinh, 2008, Giáo trình Luật hình Sự Việt Nam – Đại học Huế NXB Công An nhân dân
- 90 Võ Khánh Vinh, 2011, Giáo trình Tội phạm học, Nxb Công an nhân dân
- 91 VTC News, 29/03/2012 Vì sao cướp giật ngày càng lộng hành?
- 92 w.w.w.dantri.com.vn/su-kien/dung-giua-cong-an-buc-xuc-cong-an-494389.htm ngày 1/7/2011
- 93 w.w.w.vtc.vn/2-353352/xa-hoi/chan-dung-nhung-ten-cuop-giat-manh-dong-o-sai-gon.htm
- 94 w.w.w.vnexpress.net/tin-tuc/phap-luat/sieu-cuop-day-chuyen-vang-o-ha-noi-bi-phat-tu-2180467.html
- 95 w.w.w.cand.com.vn/vi-VN/phapluat/2012/11/184828.cand

PHẦN PHỤ LỤC

Bảng 2.1.

**Mức độ tuyệt đối trong tổng thể tình hình tội phạm(THTP) ở Việt
nam từ 2001- 2012**

Năm	Các loại TPHS sơ thẩm		Tội cướp giật tài sản	
	Vụ	BC	Vụ	BC
2001	48365	70290	1924	3059
2002	51350	74265	1416	3321
2003	53903	83649	1872	3091
2004	56546	92290	1886	3284
2005	49935	79318	2008	3397
2006	62166	103733	2257	3793
2007	61813	107696	2875	5216
2008	64381	112387	2961	5182
2009	66919	117867	3275	5641
2010	61602	108841	2869	4763
2011	64935	116907	2845	4698
2012	68277	100667	2662	4338
Tổng số	710192	1167910	28850	49783

(Số liệu theo nguồn thống kê của Tòa án nhân dân tối cao)

Bảng 2.2.
Mức độ tương đối và diễn biến của tình hình tội cướp giật tài sản với
năm 2001 là năm định gốc

Năm	Tội phạm hình sự sơ thảm		Tội phạm cướp giật tài sản		Tỷ lệ	
	Vụ	BC	Vụ	BC	Vụ	BC
2001	48365	70290	1924	3059	100%	100%
2002	51350	74265	1416	3321	74%	109%
2003	53903	83649	1872	3091	97%	101%
2004	56546	92290	1886	3284	98%	107%
2005	49935	79318	2008	3397	104%	111%
2006	62166	103733	2257	3793	117%	124%
2007	61813	107696	2875	5216	149%	171%
2008	64381	112387	2961	5182	154%	169%
2009	66919	117867	3275	5641	170%	184%
2010	61602	108841	2869	4763	149%	156%
2011	64935	116907	2845	4698	148%	154%
2012	68277	100667	2662	4338	138%	142%
Tổng số	710192	1167910	23343	40747		

(Số liệu theo nguồn thống kê của Tòa án nhân dân tối cao)

Bảng 2.3.

Bảng so sánh tội phạm hình sự sơ thẩm với tội phạm cướp giật tài sản từ năm 2001 – 2012

Năm	TPHS chung		TPCGTS		Tỷ lệ	
	Vụ(1)	BC(2)	Vụ(3)	BC(4)	Vụ(1:3)	BC(2:4)
2001	48365	70290	1924	3059	4%	4%
2002	51350	74265	1416	3321	3%	4%
2003	53903	83649	1872	3091	3%	4%
2004	56546	92290	1886	3284	3%	4%
2005	49935	79318	2008	3397	4%	4%
2006	62166	103733	2257	3793	4%	4%
2007	61813	107696	2875	5216	5%	5%
2008	64381	112387	2961	5182	5%	5%
2009	66919	117867	3275	5641	5%	5%
2010	61602	108841	2869	4763	5%	4%
2011	58277	100667	2845	4698	5%	5%
2012	64935	116907	2662	4338	4%	4%

(Số liệu theo nguồn thống kê của Tòa án nhân dân tối cao)

Bảng 2.4.

So sánh số bị cáo tội cướp giật tài sản với số bị cáo tội chống người thi hành công vụ từ năm 2001- 2007

Năm	Số vụ			Số bị cáo		
	Tội cướp giật tài sản	Tội chống người thi hành công vụ	Tỷ lệ	Tội cướp giật tài sản	Tội chống người thi hành công vụ	Tỷ lệ
2001	1924	465	24%	3059	703	23%
2002	1416	492	35%	3321	784	24%
2003	1872	527	28%	3091	860	28%
2004	1886	613	33%	3284	1032	31%
2005	2008	679	34%	3397	1280	38%
2006	2257	712	32%	3793	1280	34%
2007	2875	696	24%	5216	1235	24%

(Số liệu theo nguồn thống kê của Tòa án nhân dân tối cao)

Bảng 2.5

Tình hình tội phạm từ 2008- 2012 của 64 đơn vị hành chính xếp theo thứ tự giảm dần số vụ và số bị cáo

STT	Địa danh	Số vụ án cướp giết tài sản					Số bị cáo cướp giết tài sản				
		2008	2009	2010	2011	2012	2008	2009	2010	2011	2012
1	TP HCM	1406	1382	1270	1231	1103	2204	2139	1797	1730	1548
2	TP Hà Nội	174	212	225	214	166	328	311	347	341	263
3	Cần Thơ	111	111	84	53	59	195	221	153	82	98
4	Đồng Nai	81	119	82	97	76	148	233	145	189	127
5	Bình Dương	100	120	87	123	77	167	202	136	207	134
6	Kiên Giang	18	125	18	21	26	25	327	41	47	43
7	Tiền Giang	35	36	47	30	42	116	94	113	56	78
8	Khánh Hòa	40	55	44	49	81	92	103	104	94	163
9	Đồng Tháp	31	62	32	73	34	75	125	73	134	64
10	Bà Rịa	50	62	51	43	47	79	106	78	76	82
11	Đã Nẵng	34	35	47	43	30	82	66	88	72	60
12	Hải Phòng	42	44	59	28	46	62	80	92	49	79
13	An Giang	32	44	47	40	23	74	76	84	63	39
14	Bình Thuận	25	28	47	23	44	60	56	107	51	91
15	Nghệ An	24	51	47	50	55	38	94	84	95	101
16	Bình Phước	14	49	50	29	21	24	88	98	50	42
17	Quảng Ninh	38	28	25	14	21	73	67	46	21	37
18	Tây Ninh	16	41	22	21	22	38	98	46	56	45
19	Đắc Lắc	39	26	22	14	28	83	53	40	31	71

20	Cà Mau	23	27	42	29	12	42	48	77	59	15
21	Bến tre	24	29	21	25	28	59	66	39	55	52
22	Bình Định	21	20	14	18	29	80	47	34	33	62
23	Thanh Hóa	29	35	34	41	41	49	49	58	68	65
24	Quảng Nam	24	26	17	24	46	61	53	28	72	95
25	Vĩnh Long	19	26	16	35	19	35	72	33	59	39
26	Lâm Đồng	13	24	24	13	11	28	38	57	26	17
27	Sóc Trăng	11	34	17	29	23	25	70	28	43	43
28	Quảng Bình	7	19	22	15	15	12	46	62	37	23
29	Hải Dương	10	28	21	16	27	22	54	40	22	50
30	Quảng Ngãi	21	13	17	22	23	46	35	32	63	39
31	Gia Lai	13	26	17	24	31	34	42	35	67	55
32	Phú Yên	10	19	16	14	23	30	39	35	26	46
33	Long An	11	28	18	35	23	21	48	33	87	32
34	Thái Bình	9	22	14	21	20	11	51	33	35	39
35	TT - Huế	18	15	19	17	21	35	23	36	24	45
36	Thái Nguyên	16	18	23	26	26	27	27	38	47	42
37	Bạc Liêu	19	17	11	20	15	30	32	18	31	22
38	Bắc Ninh	6	15	23	5	7	9	28	37	15	11
39	Bắc Giang	8	10	15	9	12	18	20	31	17	19
40	Trà Vinh	9	13	10	10	16	14	25	25	20	31
41	Phú Thọ	11	14	12	19	20	18	21	19	31	26
42	Hung Yên	10	16	7	8	5	13	30	12	13	9
43	Nam Định	8	20	9	19	11	17	23	14	32	17
44	Hà Tĩnh	5	10	15	18	8	7	12	35	30	12
45	Hậu Giang	5	22	6	11	14	11	31	11	13	19

46	Ninh Bình	9	13	8	8	15	14	21	15	14	24
47	Sơn La	7	4	10	6	4	21	6	23	8	8
48	Vĩnh Phúc	6	9	9	18	18	14	17	15	37	31
49	Ninh thuận		7	14	17	16		15	29	36	42
50	Tuyên Quang	3	14	3	3	6	9	23	5	6	10
51	Lạng Sơn	7	10	8	7	10	10	14	11	13	14
52	Lào Cai	9	7	5	9	9	13	12	8	12	12
53	Yên Bái	8	6	6	9	4	12	10	10	15	8
54	Hà Nam	4	5	6	7	8	9	8	15	10	10
55	Kon Tum	8	6	4	3	10	16	8	6	6	21
56	Quảng Trị	6	6	6	10	8	9	10	9	19	18
57	Hòa Bình	7	2	7	10	5	9	2	11	26	13
58	Điện Biên	2	5	7	4	6	4	8	8	5	7
59	Cao Bằng	2	1	4	2	4	3	1	14	3	4
60	Quân sự	5	1		2	2	10	1		2	4
61	Đặc nông		2	3	2	5		2	7	5	13
62	Hà Giang	1	1	1	1	0	3	2	3	1	0
63	Bắc Cạn	1		1	6	4	2		2	7	8
64	Hà Tây	2					2				
65	Lai châu			1	2	1			1	4	1

(Số liệu theo nguồn thống kê của Toà án nhân dân tối cao)

Bảng 2.6.
Hình phạt về tội cướp giết tài sản từ 2001 -2012

Năm	Số bị cáo đã xét xử sơ thẩm	Cải tạo không giam giữ	Án treo	Tù Từ 7 năm trở xuống		Tù từ 7 năm đến 15 năm		Tù từ 15 năm đến 20 năm	Tù chung thân
				Tù Từ 3 năm trở xuống	Tù từ 3 năm đến 7 năm	Tù từ 7 năm đến 10 năm	Tù từ 10 năm đến 15 năm		
2001	3059	4	272	2267		50	6	2	
2002	3321		111	896		1639	60	41	11
2003	3091		114	885		1520	41	9	
2004	3264	7	212	2326		40	6		
2005	3397	3	232	1162	1276	147		6	2
2006	3793	4	281	1772	1278	123		5	2
2007	5216	3	428	2092	1654	151		3	1
2008	5182	8	448	2195	1532	167		5	2
2009	5641	10	415	2761	1781	105		2	
2010	4763	3	411	2348	1460	101		3	
2011	4698	6	326	2024	1656	91		10	
2012	4338	8	394	2282	1574	75		2	

(Số liệu theo nguồn thống kê của Toà án nhân dân tối cao)

Bảng 2.7.

So sánh độ tuổi từ 14 đến dưới 18, tuổi từ 18 đến dưới 30 với tổng số tội phạm cướp giật tài sản từ năm 2001- 2012

Năm	Tổng số bị cáo đã xét xử sơ thẩm	Từ đủ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi	Số bị cáo Từ đủ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi so với Tổng số bị cáo đã xét xử sơ thẩm	Từ đủ 18 tuổi đến 30 tuổi	Số bị cáo Từ đủ 18 tuổi đến 30 tuổi so với Tổng số bị cáo đã xét xử sơ thẩm	Số bị cáo Từ đủ 30 tuổi trở lên	Số bị cáo Từ đủ 18 tuổi trở lên so với Tổng số bị cáo đã xét xử sơ thẩm
1	2	3	4=2:3	5	6=5:3	7	8=:3
2001	3059	108	4%	1459	48%	1492	48%
2002	3321	203	6%	1463	44%	1655	50%
2003	3091	142	5%	1496	48%	1453	47%
2004	3264	117	4%	1081	33%	2066	53%
2005	3397	380	11%	1474	43%	1543	47%
2006	3793	410	11%	1443	38%	1940	51%
2007	5216	752	14%	1924	37%	2543	49%
2008	5182	551	11%	1921	37%	2710	52%
2009	5641	586	10%	2134	38%	2921	52%
2010	4763	497	10%	2594	54%	1672	36%
2011	4698	461	10%	2461	52%	1776	38%
2012	4338	424	10%	1523	35%	2391	55%
Tổng	49763	4631	9%	20973	42%	24162	49%

(Số liệu theo nguồn thống kê của Tòa án nhân dân tối cao)

Bảng 2.8.

Thống kê số lượng tái phạm, tái phạm nguy hiểm, nghiện ma túy phạm tội cướp giật tài sản từ năm 2001 -2012

Năm	Tổng số bị cáo đã xét xử sơ thẩm về tội cướp giật tài sản	Tái phạm, tái phạm nguy hiểm	Tỷ lệ tái phạm, tái phạm nguy hiểm so với Tổng số bị cáo đã xét xử sơ thẩm về tội cướp giật tài sản	Nghiện ma túy	Tỷ lệ nghiện ma túy so với Tổng số bị cáo đã xét xử sơ thẩm
2001	3059	301	10%		
2002	3321	194	6%		
2003	3091	76	2%		
2004	3264	130	4%		
2005	3397	315	9%	68	2%
2006	3793	337	9%	106	3%
2007	5216	406	8%	84	2%
2008	5182	299	6%	85	2%
2009	5641	269	5%	91	2%
2010	4763	217	5%	81	2%
2011	4698	202	4%	44	1%
2012	4338	207	5%	57	1%
Tổng	49783	2953			

(Số liệu theo nguồn thống kê của Tòa án nhân dân tối cao)

Bảng 2.9.

Đặc điểm nhân chủng học của tình hình tội cướp giật tài sản ở nước ta từ năm 2001 -2012

Năm	Tổng số bị cáo đã xét xử sơ thẩm	Số BC là dân tộc ít người	Số BC là nữ	Tỷ lệ số BC nữ so với Tổng số bị cáo đã xét xử sơ thẩm	Số BC là người nước ngoài
2001	3059	24	66	2%	
2002	3321	14	63	2%	
2003	3091	79	246	8%	
2004	3264	43	776	24%	
2005	3397	14	47	1%	8
2006	3793	68	52	1%	12
2007	5216	60	113	2%	8
2008	5182	53	77	1%	31
2009	5641	38	84	1%	24
2010	4763	57	47	1%	2
2011	4698	70	50	1%	15
2012	4338	63	47	1%	7
Tổng	49763	583	1668	3%	107

(Số liệu theo nguồn thống kê của Tòa án nhân dân tối cao)

PHIẾU ĐIỀU TRA

(Bị can)

1. Anh (chị) đã thực hiện cướp giật tài sản bao nhiêu lần rồi?
 - a. Lần đầu tiên thực hiện hành vi cướp giật tài sản:
 - b. Thực hiện hành vi cướp giật tài sản bao nhiêu lần:
 - c. Số lần bị phát hiện và bị xử lý theo pháp luật cướp giật :
2. Khi cướp giật Anh (chị) có bị nghiện ma túy không?
 - a. Có:
 - b. Không:
3. Khi thực hiện cướp giật anh (chị) học đang lớp mấy?
 - a. Học hết cấp 1:
 - b. Học hết cấp 2:
 - c. Học đại học trở lên:
4. Anh (chị) có đọc sách, báo hay xem TV không?
 - a. Có đọc sách, báo:
 - b. Không đọc sách, báo:
5. Anh (chị) đọc sách, báo hay xem TV thể loại gì??
 - a. Đọc truyện tranh
 - b. Đọc tiểu thuyết:
 - c. Đọc truyện chương:
6. Anh (chị) xem TV chương trình gì?
 - a. Thời sự :
 - b. Giải trí:
 - c. Bóng đá:
7. Trong thời gian thực hiện hành vi cướp giật anh (chị) có nghiện ma túy không?
 - a. Có:
 - b. Không:

PHIẾU ĐIỀU TRA

1. Ông (bà) đã bị cướp giật tài sản bao giờ chưa?
 - a. bị cướp giật:
 - b. Đã từng bị cướp giật :
 - c. Số lần bị cướp giật :
2. Khi bị cướp giật Ông(bà) có báo công an không?
 - a. Có báo công an:
 - b. Không báo công an:
3. Lý do Chưa Ông (bà) không báo công an?
 - a. Vì tài sản bị mất có giá trị nhỏ:
 - b. Vì không có niềm tin là sẽ tìm được tài sản:
 - c. Vì không biết báo ở đâu:
4. Ông (bà) có người quen bị cướp giật tài sản không?
 - a. Có :
 - b. Không:
5. Người quen của ông (bà) khi bị cướp giật có báo công án không?
 - a. Có:
 - b. Không:
7. Theo ông (bà) tình trạng cướp giật tài sản như thế nào?
 - a. Xảy ra hàng ngày:
 - b. Thỉnh thoảng có một vụ:
 - c. ít không đáng kể:
8. Theo ông (bà) tình trạng cướp giật thường xảy ra vào thời gian nào?
 - a. Thường xuyên:
 - b. Vào các dịp lễ tết:
 - c. Vào các dịp ân xá, đặc xá: